

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHÍ THỊ LAN PHƯƠNG

PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1986 – 2020)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội - 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHÍ THỊ LAN PHƯƠNG

PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1986 – 2020)

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS. TS. Đoàn Minh Huấn
2. PGS. TS. Phạm Quốc Thành

Hà Nội - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Tác giả luận án

Phí Thị Lan Phương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	100
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	100
1.1.1. Nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền và PTCQ của Đảng	100
1.1.2. Nghiên cứu thực tiễn, thực trạng phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam	155
1.1.3. Nghiên cứu quan điểm, giải pháp đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	266
1.1.4. Nghiên cứu về kinh nghiệm cầm quyền của một số Đảng chính trị trên thế giới	311
1.2. Kết quả các công trình nghiên cứu, những nội dung luận án tập trung nghiên cứu	388
1.2.1. Kết quả chung của các công trình nghiên cứu	388
1.2.2. Những nội dung luận án tập trung nghiên cứu.....	39
Tiểu kết chương 1	411
CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG VÀ KINH NGHIỆM CẦM QUYỀN CỦA MỘT SỐ ĐẢNG CHÍNH TRỊ TRÊN THẾ GIỚI	422
2.1. Một số vấn đề lý luận về phương thức cầm quyền của Đảng	422
2.1.1. Đảng chính trị, Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản cầm quyền	422
2.1.2. Phương thức cầm quyền của Đảng.....	688
2.1.3. Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản cầm quyền	722
2.1.4. Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	788
2.2. Kinh nghiệm cầm quyền của một số đảng chính trị trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam	822

2.2.1. Phương thức cầm quyền của Đảng chính trị ở một số nước theo mô hình cấu trúc lưỡng đảng nổi trội, tam quyền phân lập.....	822
2.2.2. Phương thức cầm quyền của một số chính thể theo mô hình cấu trúc một đảng nổi trội, tam quyền phân lập không triệt để.....	877
2.2.3. Phương thức cầm quyền của một số chính thể theo mô hình Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền, thống nhất quyền lực nhà nước	922
2.2.4. Một số giá trị tham khảo đối với Việt Nam từ phương thức cầm quyền của các Đảng chính trị trên thế giới	99
Tiểu kết chương 2	10606
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	Error!
Bookmark not defined.08	
3.1. Khái quát quá trình cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2020	10808
3.1.1. Thời kỳ trước năm 1986.....	10908
3.1.2. Thời kỳ từ năm 1986 đến 2020	1122
3.2. Đặc điểm, Nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam	1144
3.2.1. Một số đặc điểm chế định phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	1144
3.2.2. Nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam ...	11717
3.3. Thành tựu và hạn chế trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và nguyên nhân.....	1244
3.3.1. Thành tựu	1244
3.3.2. Nguyên nhân của những thành tựu	14646
3.3.3. Hạn chế.....	1500
3.3.4. Nguyên nhân của những hạn chế	1633
3.4. Những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.....	1644
Tiểu kết chương 3	16868

CHƯƠNG 4: ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: BỐI CẢNH, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI.....	1700
4.1. Tình hình và những yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	1701
4.1.1. Tình hình thế giới và trong nước.....	1701
4.1.2. Mục tiêu, định hướng và những yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam	17878
4.2. Một số giải pháp đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.....	1866
4.2.1. Về công tác tư tưởng	1866
4.2.2. Về nhận thức	18787
4.2.3. Tổ chức mô hình quyền lực Nhà nước	189
4.2.4. Đổi mới công tác cán bộ.....	1933
4.2.5. Công tác kiểm tra giám sát.....	1977
4.2.6. Thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp.....	2011
4.2.7. Dựa vào đức để cầm quyền	2055
4.2.8. Mở rộng dân chủ trong Đảng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân	20707
Tiểu kết chương 4.....	20909
KẾT LUẬN.....	2100
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	2133
TÀI LIỆU THAM KHẢO	2155

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết đầy đủ

Chữ viết tắt

Chủ nghĩa xã hội	CNXH
Chủ nghĩa cộng sản	CNCS
Chủ nghĩa tư bản	CNTB
Đảng cầm quyền	ĐCQ
Đảng Cộng sản cầm quyền	ĐCSCQ
Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐCSVN
Đảng Cộng sản Trung Quốc	ĐCSTQ
Đảng Nhân dân cách mạng Lào	ĐNDCM Lào
Đảng nhân dân hành động	PAP
Phương thức lãnh đạo	PTLD
Phương thức cầm quyền	PTCQ
Xã hội chủ nghĩa	XHCN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Đảng cầm quyền bao giờ cũng giữ vai trò lãnh đạo, chi phối toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt và trực tiếp nhất là nhà nước; bằng nhà nước và thông qua nhà nước để thực hiện mục tiêu, chiến lược của mình. Giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước là một hoạt động cơ bản của các đảng chính trị. Mỗi một đảng chính trị, sau khi được thành lập và đi vào hoạt động đều có mong muốn trở thành đảng cầm quyền. Tuy nhiên, không phải đảng chính trị nào cũng hiện thực hóa thành công mục tiêu cầm quyền của mình. Ngay cả khi đã trở thành đảng cầm quyền, việc có thực quyền và duy trì vai trò cầm quyền của mình đối với nhà nước và toàn xã hội cũng đòi hỏi phải định hình, hoàn thiện, đổi mới phương thức cầm quyền khoa học, luôn đáp ứng yêu cầu của thực tiễn luôn biến đổi.

Giống như nhiều đảng chính trị khác trên thế giới, ngay sau khi giành được chính quyền từ thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bước lên vũ đài chính trị và trở thành Đảng cầm quyền. Có thể thấy rằng nhân tố quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác chính là sự lãnh đạo của Đảng. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng từ năm 1945 đến nay, do có phương thức cầm quyền phù hợp, khoa học, nên Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vững được vị trí, vai trò của mình đối với cách mạng và với toàn xã hội. Đặc biệt, trong giai đoạn đổi mới đất nước, đứng trước nhiều những tác động của cả tình hình thế giới và trong nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn thực thi phương thức cầm quyền một cách sáng tạo, hiệu quả, giúp cho Đảng giữ vững được vị trí độc tôn lãnh đạo cách mạng. Chúng ta có quyền tự hào về những thành tựu vĩ đại mà Đảng và Nhân dân ta đã giành được. Những thành tựu đó là sự xác nhận của thực tiễn về năng lực cầm quyền của Đảng; đồng thời, cũng là cơ sở để chúng ta đặt trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên, quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới vẫn còn một số hạn chế về phương thức cầm quyền như “Chưa xác định rõ nội dung, phương thức cầm quyền. Chưa thật sự phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan

nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội” [21, tr.197] rất cần nghiên cứu một cách nghiêm túc, chỉ rõ nguyên nhân và đề ra những giải pháp hữu hiệu nhằm đổi mới, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng trong thời gian tới là yêu cầu cấp thiết, khách quan như Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện Đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải đề phòng đối với Đảng cầm quyền” [21, tr. 217].

Trong mỗi giai đoạn cách mạng, yêu cầu nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng luôn là vấn đề được đặt ra bởi những điều kiện cụ thể luôn có sự thay đổi phát triển và ngày càng hoàn thiện. Xây dựng Đảng cầm quyền là một vấn đề lớn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đó cũng là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn và phức tạp.

Về mặt lý luận, trong hệ thống chính trị Việt Nam, sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là tiền đề tiên quyết để thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đảng cầm quyền và lãnh đạo nhà nước hầu như đã được xác lập khá rõ ràng và có tính ổn định, trong khi đó việc cầm quyền như thế nào hay nói cách khác, phương thức cầm quyền lại là vấn đề có sự khác biệt giữa các Đảng và từ kết quả của nó. Do vậy việc làm rõ phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị một Đảng cầm quyền góp phần bổ xung thêm phương diện lý luận về chủ đề này.

Về mặt thực tiễn, Đảng đã cầm quyền gần 80 năm nhưng cho tới nay việc thấu hiểu và quy chuẩn về sự cầm quyền cũng như phương thức cầm quyền vẫn chưa thật rõ và sâu sắc. Vẫn chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa lãnh đạo và cầm quyền. Hầu như trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng đều chỉ đề cập đến chức năng lãnh đạo, phương thức lãnh đạo của Đảng mà chưa nói tới chức năng cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng. Ngay cả những công trình khoa học nghiên cứu về Đảng cầm quyền cũng vẫn chưa xác định rõ những khái niệm và nội hàm của sự cầm quyền cũng như phương thức cầm quyền của Đảng. Điều đó đã dẫn tới những bất cập nhất định, biểu hiện rõ nhất là sự lãnh đạo trở thành chỉ đạo, can thiệp, làm thay công việc

của Nhà nước – cầm quyền, biến nhà nước trở thành cơ quan quyền lực mang tính hình thức, thụ động, trông chờ vào sự lãnh đạo của Đảng. Cũng chính từ thực tiễn này, cần nghiên cứu làm rõ hơn phương thức cầm quyền của Đảng để góp phần thống nhất nhận thức và nhất quán trong hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, làm tăng hiệu lực, hiệu quả cầm quyền.

Tại Việt Nam, trong thời gian những năm gần đây, đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Một số vấn đề đặt ra đã đạt được kết quả khả quan, tuy nhiên, có một số vấn đề vẫn cần nghiên cứu và làm rõ thêm. Có thể nói, nghiên cứu về nội dung, phương thức và năng lực cầm quyền của Đảng, tưởng chừng như cũ mà lại rất mới, có tính thời sự, nói cũ là vì khái niệm về Đảng cầm quyền đã có từ lâu, không chỉ ở các nước trên thế giới mà cả ở nước ta, nói rất mới là vì sau gần 80 năm ở vị thế Đảng cầm quyền, trước mắt chúng ta, vẫn còn nhiều vấn đề chưa thật sự sáng tỏ, xử lý còn lúng túng trong lý luận về đảng cầm quyền, phương thức cầm quyền của Đảng và cả trong hoạt động thực tiễn cầm quyền của Đảng, những yêu cầu mà Đại hội XII của Đảng đặt ra vẫn chưa đạt được bước tiến đáng kể nào.

Với những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn vấn đề: **“Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986-2020)”** làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phân tích, đánh giá thành tựu, hạn chế trong việc thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam từ đó đề xuất các giải pháp đổi mới phương thức cầm quyền nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Thứ nhất, luận án làm rõ cơ sở lý luận về Đảng cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ hai, nghiên cứu phương thức cầm quyền của các đảng chính trị trên thế giới từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học có giá trị tham chiếu đối với Đảng Cộng sản Việt Nam

Thứ ba, nghiên cứu phương thức cầm quyền của Đảng trong giai đoạn 1986 – 2020. Chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đang đặt ra

Thứ tư, Nêu những quan điểm và hệ thống giải pháp có căn cứ khoa học, khả thi nhằm tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của ĐCS Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Luận án tập trung nghiên cứu phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986 – 2020)

- *Về thời gian*: Thời gian nghiên cứu tổng kết thu thập tư liệu phục vụ nghiên cứu của đề tài được giới hạn trong khoảng thời gian từ năm 1986 đến 2020, phương hướng, giải pháp có giá trị ứng dụng trong thời gian tới.

- *Không gian*: Toàn bộ hệ thống tổ chức, bộ máy của ĐCSVN, Nhà nước, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội, trong đó luận án chủ yếu nghiên cứu phương thức cầm quyền của ĐCSVN ở cấp Trung ương.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Vận dụng tổng hợp những nguyên tắc, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các phương pháp phân tích hệ thống, phân tích cấu trúc chức năng, phương pháp logic, lịch sử, phân tích, tổng hợp và so sánh, phương pháp phân tích trường hợp ... để giải quyết những nhiệm vụ đặt ra. Tác giả lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp từng nội dung luận án

5. Những đóng góp về mặt khoa học của luận án

- Luận án đưa ra được những khái niệm, cấu trúc về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam từ cách tiếp cận Chính trị học dựa trên hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trước đó, các quan niệm khác nhau về phương thức cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng

- Trên cơ sở nghiên cứu về phương thức cầm quyền của một số Đảng chính trị ở một số quốc gia, luận án đã bước đầu phân tích và chỉ ra được một số giá trị có thể tham chiếu phù hợp cũng như cần cảnh giác để tránh nguy cơ chuyển hóa cho Việt Nam.

- Trên cơ sở khung lý thuyết về phương thức cầm quyền của Đảng, luận án khảo sát, phân tích và đưa ra những nhận xét về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử

- Luận án phân tích thực trạng thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ ra những hạn chế cần lưu ý trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và đưa ra một số giải pháp nhằm đổi mới của phương thức cầm quyền của Đảng trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Về lý luận: Nội dung và kết quả của luận án góp phần xây dựng, hoàn thiện cơ sở lý luận về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về thực tiễn: Những kết luận của luận án được nghiên cứu trên cơ sở khoa học, tiếp cận rõ ràng. Vì vậy, luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành Chính trị học, các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn có liên quan ở Việt Nam, các đơn vị liên quan có thể khai thác, vận dụng vào thực tiễn nhằm đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 10 tiết

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng

Đảng cầm quyền, nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng là những vấn đề lý luận quan trọng trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong điều kiện một Đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Vấn đề đảng cầm quyền, nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản luôn là một vấn đề lớn đặt ra trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Về mặt lý luận, cùng với hệ thống quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta, đã có nhiều nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý quan tâm nghiên cứu. Cho đến nay, cả ở trong nước và ngoài nước đã có khá nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này.

Nghiên cứu về quan hệ giữa quá trình cầm quyền của Đảng chính trị và tính chính đáng chính trị, tác giả Lipset, Seymour Martin (1983) [134] trong cuốn sách “*Political Man: The Social Bases of Politics*” với 4 phần chia làm 12 chương trong đó ở chương III, Lipset đã nói về tính chính đáng chính trị (*Social conflict, legitimacy, and Democracy – Xung đột xã hội, tính hợp pháp và dân chủ*). Ông cho rằng, số đông coi một hệ thống chính trị có chính đáng không bằng cách xem những giá trị của hệ thống đó có phù hợp với họ hay không, và giá trị đó cốt lõi là hiệu quả của sự cầm quyền. Và để đo hiệu quả của sự cầm quyền đó chính là sự phát triển kinh tế là chìa khóa cho chủ thể cầm quyền. Từ cách tiếp cận như vậy, ông đi sâu nghiên cứu về mối quan hệ qua lại giữa tính chính đáng và hiệu quả cầm quyền của hệ thống chính trị qua đó cho rằng nếu chủ thể cầm quyền tạo ra được một sự phát triển kinh tế cao thì đồng nghĩa với việc tính hợp pháp trong cầm quyền cao và ngược lại có thể dẫn tới mất vai trò cầm quyền.

Tác giả Jean - Marc Coicaud (2002), “*Legitimacy and politics - A Contribution to the study of political right and responsibility*” (*Tính hợp pháp chính trị - Đóng*

góp cho nghiên cứu về quyền lực và trách nhiệm chính trị) [133]. Trong cuốn sách, tác giả đã có những phân tích xung quanh vấn đề tính hợp pháp chính trị của đảng chính trị. Từ đó đã chỉ rõ những đặc trưng của tính hợp pháp chính trị, sự tranh luận xung quanh tính hợp pháp chính trị, mối quan hệ giữa hiện thực chính trị và tính hợp pháp, lý thuyết hợp pháp và khoa học chính trị, tính hiện đại và hợp lý của khoa học xã hội và tính hợp pháp, kinh nghiệm của cộng đồng về tính chính đáng chính trị... Đặc biệt tác giả nhấn mạnh các nhà lãnh đạo muốn được hưởng tính hợp pháp, chính đáng trong xã hội dân chủ thì họ phải có trách nhiệm lớn hơn đối với xã hội.

Bài báo “*Vai trò các Đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với Nhà nước trong chủ nghĩa tư bản hiện đại (Qua khảo sát một số mô hình tiêu biểu)*” của Nguyễn Xuân Tế và Đặng Đình Thành (2003) [106, tr.24-28]. Các tác giả đã đi sâu phân tích vai trò, vị trí của các đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng trong hệ thống chính trị tư bản. Đặc biệt là vai trò của Đảng Cộng sản cầm quyền đối với nhà nước. Trong đó nhấn mạnh đến điều kiện để một đảng chính trị có thể trở thành đảng cầm quyền ở một số nước tư bản đó là: Có tổ chức, hệ tư tưởng đủ mạnh và tuyên truyền, giáo dục hệ tư tưởng, đường lối của Đảng mình cho các thành viên và công chúng để có khả năng thu hút lực lượng về mình và nhận được sự ủng hộ cũng như bảo vệ của các lực lượng xã hội. Bảo đảm số ứng viên là thành viên của đảng thắng cử tham gia vào các cơ quan nhà nước và có khả năng thực hiện lợi ích của đảng. Đảng nắm chính quyền thông qua đội ngũ đảng viên là công chức, viên chức trong các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xây dựng chủ trương, cương lĩnh, chính sách đúng đắn của đảng, phù hợp, phản ánh và thỏa mãn nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân và cam kết thực hiện nếu thắng cử và lập được chính phủ.

Hoàng Chí Bảo (2006) với bài viết “*Đảng cộng sản cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội trong sự nghiệp đổi mới – Một số vấn đề đặt ra*” [2, tr.33-37] đã nhận định đảng cầm quyền, trước hết là đảng có quyền lực trên thực tế. Quyền lực của Đảng cầm quyền được thể hiện trực tiếp ở vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội. Từ đó

tác giả cũng phân định rõ những khác biệt giữa Đảng và Nhà nước trên một số những mặt căn bản như: quyền lực, sự lãnh đạo, hệ thống tổ chức bộ máy, phương pháp lãnh đạo. Nhận thức đúng những khác biệt đó sẽ là cơ sở để thực hiện những đổi mới trong Đảng, trong Nhà nước và hệ thống chính trị nói chung, nhằm làm tăng hiệu quả lãnh đạo của Đảng cầm quyền, quản lý của Nhà nước, tham gia kiểm tra, giám sát của các đoàn thể.

Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2011) với cuốn sách *Đảng Cộng sản cầm quyền, nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng* [45], cuốn sách được kết cấu làm 3 phần với 12 chương: Phần thứ nhất: Tổng quan về những vấn đề lý luận chung về Đảng cầm quyền và Đảng cộng sản cầm quyền; Phần thứ hai: Nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng – Thực trạng và những vấn đề đặt ra; Phần thứ ba: Những điều kiện và yêu cầu đảm bảo sự cầm quyền của Đảng và những giải pháp đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng. Cuốn sách đã làm rõ những luận cứ khoa học về Đảng cầm quyền, nội dung cầm quyền của Đảng trong bối cảnh hiện nay, trong đó tác giả chú trọng đến quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thực trạng sự cầm quyền của Đảng, thông qua đó góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra trong phương thức cầm quyền của Đảng cần được xác định như thế nào để không trái với Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, không trái nguyên tắc quyền lực thuộc về Nhân dân, đồng thời đưa ra những phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Trong nghiên cứu của mình, tác giả cho rằng để không rơi vào chuyên quyền độc đoán trong Đảng thì vấn đề sống còn được đặt ra trong hoạt động của Đảng, của chế độ ta đó là phải đổi mới phương thức cầm quyền. Đặc biệt tác giả còn đề cập đến kinh nghiệm cầm quyền của một số Đảng chính trị tiêu biểu trên thế giới như Liên xô, Trung Quốc, các nước phương Tây, phân tích và lập luận rõ ràng về vấn đề “tính chính đáng của sự cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản” ở nước ta. Cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho chương 2 và chương 4 của luận án.

Đặng Đình Tân, Đặng Minh Tuấn (đồng chủ biên) (2012) với cuốn sách *“Thế chế Đảng cầm quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* [104]. Cuốn sách được

chia làm 5 phần đề cập đến các nội dung: sự cần thiết xây dựng thể chế Đảng cầm quyền trong định hướng đổi mới chính trị ở Việt Nam; Những đặc điểm chủ yếu về thể chế của một số Đảng cầm quyền trên thế giới; Thể chế ĐCSVN lãnh đạo nhà nước – thành tựu và những vấn đề đặt ra hiện nay; Định hướng và những giải pháp cơ bản. Trong cuốn sách này, các tác giả đã đi sâu phân tích và chứng minh những vấn đề cơ bản về thể chế của Đảng cầm quyền trong xã hội, sự cần thiết xây dựng thể chế Đảng cầm quyền trong định hướng đổi mới chính trị ở Việt Nam với một số những đặc điểm chủ yếu, làm rõ những nội dung lý luận, thực trạng cũng như phương hướng, biện pháp xây dựng thể chế Đảng lãnh đạo Nhà nước, góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra trong công cuộc đổi mới ở nước ta – nhất là vấn đề chinh đốn Đảng, xây dựng và hoàn thiện nhà nước, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế theo tinh thần nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

Lê Hữu Nghĩa và các cộng sự (2013) với cuốn sách *Xây dựng Đảng cầm quyền trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* [88] đã phân tích, tìm hiểu những vấn đề lý luận thực tiễn về Đảng Cộng sản cầm quyền, xây dựng Đảng cầm quyền trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Lào. Đồng thời trên cơ sở phân tích những tương đồng và khác biệt của công tác xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện kinh tế thị trường của một số nước trên thế giới, từ đó rút ra bài học, những kinh nghiệm để làm tốt hơn công tác xây dựng Đảng cầm quyền tại Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

Bài viết “*Về phương thức cầm quyền của Đảng*” [38, tr.22-26] của Vũ Văn Hiền (2014). Trong bài viết, tác giả đã nêu quan niệm về phương thức cầm quyền của Đảng, theo tác giả: Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là Đảng nắm chính quyền, xây dựng và tổ chức bộ máy chính quyền để thông qua hệ thống chính quyền lãnh đạo đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Phương thức cầm quyền của Đảng chính là cách thức, biện pháp để thực hiện việc cầm quyền có hiệu quả nhất. Tác giả cũng

nhận định về Đảng Cộng sản cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam có những nét đặc thù so với các nước khác trên thế giới đó là để thể hiện sự lãnh đạo với toàn xã hội, là sự ủy thác của Nhân dân, là Đảng duy nhất cầm quyền, và nếu Đảng mất cầm quyền sẽ mất luôn chế độ nên đây là điều hết sức hệ trọng. Trên cơ sở những nhận định khái quát về phương thức cầm quyền của Đảng ta trong thời gian vừa qua với những thành công bên cạnh một số những hạn chế từ đó tác giả đề xuất 4 giải pháp để giải quyết những vấn đề đặt ra trong tình hình mới hiện nay như chú trọng tổng kết thực tiễn, có cơ chế kết hợp cả về tổ chức bộ máy cũng như chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh dân chủ và nâng cao năng lực và tăng cường rèn luyện giáo dục cán bộ Đảng viên...

Dương Trung Ý (2015), trong bài viết "*Một số nhận thức về Đảng Cộng sản cầm quyền*", tại Hội thảo khoa học: *Nâng cao vị thế, vai trò và trách nhiệm cầm quyền của ĐCSVN trong tình hình hiện nay* [130, tr.199] đã phân tích sự phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về Đảng cầm quyền, mục đích và trách nhiệm... Theo tác giả, để thực hiện đúng vai trò cầm quyền của Đảng cầm quyền trong thời kỳ mới đòi hỏi cần phải giải quyết mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, các đoàn thể Nhân dân. Đảng phải đề ra được cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn trên các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội bởi đây chính là “ngọn cờ chiến đấu” định hướng cho mọi hoạt động của Đảng.

Nguyễn Bá Dương (chủ biên) (2017), "*Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, lý luận và thực tiễn*" [11]. Cuốn sách đã làm rõ hơn những vấn đề lý luận – thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, phân tích giá trị và ý nghĩa thời sự của học thuyết Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cầm quyền, nêu lên những vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và để giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Đảng Cộng sản Việt Nam thì quyền lực đó phải được chế định bởi sự ủy thác của Nhân dân, Đảng phải luôn nâng cao tầm trí tuệ của mình, cầm quyền trong sạch vững mạnh. Bên cạnh đó cuốn sách cũng nêu lên kinh nghiệm cầm quyền của các Đảng Cộng sản ở một số nước Xã hội chủ nghĩa và kinh nghiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng và đổi mới đất nước.

Tác giả Qu Qingshan (2020) trong cuốn sách “*Nghiên cứu các quy luật về sự quản trị của Đảng Cộng sản*” [140], là một công trình nghiên cứu và xây dựng lý luận của chủ nghĩa Mác. Trong đó tác giả đặt lý thuyết và phân tích thực tiễn về sự điều hành của Đảng Cộng sản trong lịch sử 500 năm phát triển của thế giới. Ở đó, tác giả quay trở lại sự tiết lộ ban đầu về các quy luật quản trị của đảng Mácxit của các nhà văn cổ điển và nhà cổ vấn cách mạng, đồng thời phân tích nền tảng của sự quản lý của Đảng Cộng sản Trung Quốc và việc khám phá con đường dẫn tới sự quản trị. Việc tạo ra và phát triển một phương thức cầm quyền mới và một lĩnh vực hiểu biết mới về pháp luật của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ mới, đã được tinh chỉnh và tổng kết 12 vấn đề cơ bản về pháp luật của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

1.1.2. Nghiên cứu thực tiễn, thực trạng phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Sách “*Đổi mới ở Việt Nam - Thực tiễn và nhận thức lý luận*” của Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên) (2007) [92]. Cuốn sách gồm có hai phần chính: Phần thứ nhất, quá trình thực hiện công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Trong phần này, tác giả đi phân tích, luận giải khá toàn diện về công cuộc đổi mới ở Việt Nam trong suốt 20 năm (từ 1986 đến 2006). Đặc biệt, tác giả đã làm rõ được những bước đi, những bước chuẩn bị, những đột phá trong tư duy của Đảng từ trước đổi mới và coi Đổi mới là một sự lựa chọn không dễ dàng của Đảng; Phần thứ hai, một số vấn đề nhận thức lý luận về công cuộc đổi mới. Trong phần này, tác giả đã đề cập và luận giải khá nhiều vấn đề mang tính lý luận như: Tư duy chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư duy kinh tế thị trường, tư duy về hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ đổi mới v.v.. để từ đó tác giả rút ra được những kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới. Đồng thời, tác giả đã chỉ ra tình trạng kém phát triển ở nước ta, từ đó đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng cầm quyền như: không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị và trí tuệ của Đảng; đổi mới tổ chức, bộ máy gắn liền với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao trình độ, năng lực và phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, trong cuốn sách tác giả đã đi sâu phân tích, làm rõ sự phát triển trong tư duy lý luận của Đảng về chính trị, kinh tế qua các kỳ Đại hội

để khẳng định vai trò duy nhất lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, dân tộc trong suốt 20 năm. Những nội dung của cuốn sách là thông tin bổ ích cần được tham khảo cho đề tài luận án.

Cuốn sách "*Vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới*" [85] của Đỗ Hoài Nam (chủ biên) (2008). Trong cuốn sách, tác giả đã phân tích và khẳng định vai trò quan trọng của Đảng nhất là vai trò cầm quyền của Đảng trải qua hơn 70 năm lãnh đạo đất nước, đồng thời luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cuốn sách cũng đã đề cập tới một số vấn đề lý luận mang tính khái quát về Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị ở một số nước tư bản như Anh, Pháp, Đức, Thụy điển, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc và Malaysia... Tác giả cũng nghiên cứu về sự cầm quyền của Đảng cộng sản Trung Quốc trong điều kiện cải cách mở cửa, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, từ đó làm tham chiếu cho Đảng ta và đề xuất giải pháp nâng cao vị trí và vai trò cầm quyền, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thayer, Carlyle A (2009) "*Political Legitimacy of Vietnam's One Party-State: Challenges and Responses*" [136, 47-70], tác giả đã tập trung phân tích các thách thức đối với quyền lực của Nhà nước chỉ có duy nhất một Đảng cầm quyền của Việt Nam và cách mà Nhà nước phản ứng trước các thách thức đó. Trong bài viết này, tác giả đã nêu lên 3 thách thức ảnh hưởng đến sự cầm quyền của Đảng và sự hợp pháp của nhà nước như: vấn đề khai thác bauxite ở Tây Nguyên - thách thức khẳng định của nhà nước đối với tính chính đáng chính trị trên cơ sở thực hiện; vấn đề biểu tình của Công giáo về sở hữu đất đai - thách thức tuyên bố của Nhà nước về tính chính đáng dựa trên cơ sở hợp lý, hợp pháp của các khu đất thuộc Nhà nước quản lý; các bất đồng chính trị hay những lo ngại về vấn đề môi trường và quan hệ với Trung Quốc cũng chính là thách thức tuyên bố của Nhà nước về tính chính đáng dựa trên chủ nghĩa dân tộc. Trên cơ sở đó, tác giả cũng khẳng định và chỉ rõ, cùng với cách xử lý vừa mềm dẻo vừa cứng rắn của Việt Nam trong năm 2009 thì tất cả các thách

thức này cũng sẽ được Đảng Cộng sản Việt Nam thảo luận tại Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Bài viết "*Một Đảng duy nhất cầm quyền – sản phẩm tất yếu của thực tiễn chính trị - xã hội ở Việt Nam*" [94, tr.45-49] của Phạm Ngọc Quang (2010). Trong bài viết, tác giả đã sơ lược khái niệm về đa nguyên chính trị, phân tích bối cảnh xác lập vị trí duy nhất lãnh đạo xã hội, xác lập vai trò duy nhất cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, tác giả đã chứng minh yếu tố "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội" mà Đảng ta theo đuổi chính là *hệ giá trị* mang tính xuyên suốt cho cách mạng Việt Nam, cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Chính nhờ có hệ giá trị đúng đắn, cao cả này mà Nhân dân tin ở Đảng, quyết tâm thực hiện và cụ thể hóa những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng. Với sự sáng tạo của mình trong lao động, trong công việc, Nhân dân đã biến chủ trương, đường lối của Đảng thành hiện thực sinh động trong cuộc sống. Tác giả cho rằng, việc ĐCS Việt Nam được trao quyền lãnh đạo duy nhất, cầm quyền duy nhất như một lựa chọn tất yếu, khách quan của lịch sử chứ không phải do áp đặt của Hiến pháp. Vì, Hiến pháp không tạo ra vị trí đó của Đảng, mà chỉ là sự ghi nhận một thực tiễn chính trị - xã hội đã được xác lập trong thực tế. Như vậy, tác giả cho rằng, ĐCS Việt Nam có được và giữ vững được vai trò cầm quyền một cách chính đáng chính là nhờ có hệ giá trị đúng đắn mà Nhân dân tin và làm theo chứ không phải nhờ sự áp đặt từ quy định vai trò cầm quyền mang tính pháp lý đến từ Hiến pháp.

Mạch Quang Thắng (2011) với bài viết "*Một số vấn đề về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong điều kiện mới*" [108, tr.3-8]. Trong bài viết này tác giả đã luận giải làm rõ một số vấn đề về ĐCSVN cầm quyền trong điều kiện mới; đó là sự cầm quyền của Đảng được chế định bởi sự ủy thác của Nhân dân; Đảng phải nâng cao tầm trí tuệ, kiên định và sáng tạo hơn nữa chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Về vấn đề phương thức lãnh đạo của Đảng cộng sản cầm quyền, theo tác giả cần có tính linh hoạt ở mỗi cấp. Trong điều kiện mới sự lãnh đạo của Đảng quan trọng nhất là thông qua nhà nước, đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các

cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, thực hiện tốt chế độ lãnh đạo tập thể, đi đôi với phát huy tinh thần chủ động sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Mạch Quang Thắng (2011) với bài viết “*Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong giai đoạn hiện nay*” [109, tr.4-12] tác giả nhận định: Chưa bao giờ như trong giai đoạn hiện nay, những vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng đảng cầm quyền lại gắn bó chặt chẽ với nhau đến như vậy, Sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở việc đây là một đảng chính trị duy nhất trong xã hội Việt Nam, Đảng không những đang lãnh đạo chính quyền mà còn lãnh đạo cả hệ thống chính trị, rộng hơn là lãnh đạo toàn xã hội. Qua đó tác giả đã chỉ ra những nội dung mà Đại hội XI của Đảng đã vận dụng sáng tạo và phát triển thêm một bước những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cầm quyền đó là: Thứ nhất, quyền mà Đảng “cầm” được chế định bởi sự ủy thác của Nhân dân; Thứ hai, Đảng phải luôn luôn nâng cao tầm trí tuệ của mình; kiên định, kiên định hơn nữa; sáng tạo, sáng tạo hơn nữa chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Thứ ba, Đảng cầm quyền phải trong sạch, vững mạnh để giữ vững và phát huy vai trò của mình. Để làm được điều này, Tác giả cũng đưa ra một số giải pháp để nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng đáp ứng được trong điều kiện mới, nội dung tập trung vào hai vấn đề: Một là, đề phòng và khắc phục những biểu hiện tiêu cực: đặc quyền, đặc lợi, xa rời Nhân dân, quan liêu, tham nhũng; khắc phục tình trạng một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,... Hai là, bảo đảm và phát huy dân chủ trong điều kiện một Đảng; Thứ tư, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội, muốn vậy theo tác giả, mọi sự tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đều dựa trên nguyên tắc: Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, đường lối, chủ trương, bằng thể chế hóa; bằng hệ thống tổ chức; bằng sự hoạt động tích cực của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội; bằng quản lý công tác cán bộ; bằng sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên; bằng sự kiểm tra thường xuyên trong các tổ chức đó.

Đề cập đến vấn đề phương thức cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước dưới góc độ lý thuyết quyền lực, lý thuyết hệ thống có bài “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền hiện nay – vấn đề đang đặt ra*” của Hồ Bá Thâm (2012) [112]. Trong bài viết, tác giả cho rằng Đảng ta đang mắc phải một số vấn đề khá cơ bản trong giai đoạn hiện nay như tha hóa quyền lực, lỗi hệ thống, tổ chức còn chồng chéo, kém hiệu quả... và nó liên quan đến phương thức lãnh đạo – phương thức cầm quyền của Đảng. Có thể nói đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự tha hóa về chính trị đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ Đảng viên và làm giảm uy tín của Đảng đối với Nhân dân. Theo tác giả nếu như trong hoạt động của Đảng, Đảng làm thay hay bao biện công việc của chính quyền, áp đặt sự lãnh đạo, lạm dụng quyền lực thì sẽ trở nên độc quyền, độc đoán, chuyên quyền trong hoạt động của mình – Đây là biểu hiện của tha hóa – tha hóa quyền lực. Bên cạnh đó, một trong những vấn đề nổi bật trong bài viết của mình đó là tác giả cho rằng, Đảng trở thành Đảng cầm quyền có mặt chưa thật hợp hiến như Nhân dân chưa phúc quyết Hiến pháp, chưa ủy quyền cho Quốc hội, các chức danh như Tổng bí thư của Đảng vẫn không nắm các chức vụ lớn nhất của Nhà nước và vẫn không do dân bầu,... Phân tích những bất cập trong cấu trúc, cơ cấu quyền lực chính trị hiện nay, tác giả cho rằng cần phải đổi mới, tái cấu trúc lại cơ cấu quyền lực chính trị theo hướng: Thứ nhất, Đảng phải thực sự “hóa thân vào Nhà nước”, trong đó quyền lực của Đảng vừa tồn tại trong nhà nước vừa tồn tại ngoài nhà nước nhưng trong đó thì tồn tại trong nhà nước là chính. Quyền lực của Đảng phải trở thành trung tâm trong quyền lực Nhà nước, trong quyền lực của Nhân dân, được Nhân dân ủy quyền và thừa nhận bằng lá phiếu và như thế mới là quyền lực chính trị hợp hiến hợp pháp. Thứ hai, phải đổi mới cơ chế bầu cử trong sự nhất thể hóa của nó. Thứ ba theo tác giả “khi thừa nhận cơ chế kiểm soát quyền lực giữa quyền lực lập pháp – hành pháp – tư pháp thực chất thừa nhận tam quyền phân lập theo nội dung thể chế một Đảng. Đó chính là đa nguyên về phương thức mà nhất nguyên về bản chất”. Như vậy, trong bài viết của mình, tác giả đã đề cập đến những vấn đề hợp pháp, tính chính đáng trong phương thức cầm quyền của Đảng.

Lê Hữu Nghĩa, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên) (2013) với cuốn sách “*Thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng cầm quyền và Nhà nước trong việc thực thi quyền lực nhân dân*” [89]. Từ cách tiếp cận pháp lý, bám sát pháp luật, với 4 chương của cuốn sách tác giả đã đưa ra quan niệm về Đảng cầm quyền đồng thời chỉ ra một số đặc trưng cơ bản về Đảng cầm quyền, thẩm quyền của Đảng cộng sản đặc biệt trong thời kỳ mới với nhiều sự thay đổi. Bên cạnh đó tác giả cũng cảnh báo phòng ngừa nguy cơ tách biệt Đảng và Nhà nước trong tổ chức thực thi quyền lực quản lý do vậy phải phân biệt giữa quyền hạn của Đảng đối với xã hội với tư cách là Đảng cầm quyền. Trên cơ sở đánh giá 25 năm thực hiện đổi mới, tác giả cũng đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế và những vấn đề cần thực hiện nhất là thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong các quy định hiện hành về quyền lãnh đạo của Đảng và quyền hạn của Nhà nước không rõ ràng đã dẫn đến tình trạng suy giảm vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và suy giảm hiệu lực hiệu quả quản lý của cơ quan Nhà nước. Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, theo tác giả thì bộ máy nhà nước do Đảng lập ra, để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, phục vụ Nhân dân. Do đó cần có yêu cầu cụ thể đối với bản thân Đảng. Tác giả cũng xác định tính chất, phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong một số lĩnh vực trọng yếu nhằm phân định ranh giới thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng điều hành, quản lý xã hội của Nhà nước. Có thể nói đây là công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu về thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng cầm quyền và Nhà nước trong việc thực thi quyền lực của Nhân dân, là căn cứ quan trọng cho những nghiên cứu mới về mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và Nhân dân lao động làm chủ.

Ngô Huy Tiếp (2017) với bài viết "*Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng hiện nay*" [119]. Trong bài viết, tác giả đã đưa ra quan niệm và phân tích, làm rõ nội hàm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong đó tác giả đưa ra 4 nội dung khẳng định vai trò và vị thế cầm quyền của Đảng như: Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Nhân dân tiến hành, Đảng chịu trách nhiệm trước Nhân dân và dân tộc về sự phát triển mọi mặt

của đất nước, Đảng đại diện cho quốc gia, dân tộc thiết lập mối quan hệ hòa bình hữu nghị với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế, Đảng là chủ thể thực hiện mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Trên cơ sở đó, tác giả đã xác định một số phương thức cầm quyền của Đảng như: Đảng cầm quyền bằng tiến hành các hoạt động tư tưởng, lý luận khoa học, dân chủ và tuân theo pháp luật; Đảng cầm quyền bằng xây dựng tổ chức, bộ máy nhà nước dân chủ, khoa học và tuân theo pháp luật; Đảng cầm quyền bằng thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và kiểm tra giám sát Đảng viên, tổ chức hoạt động trong các cơ quan quyền lực nhà nước một cách khoa học, dân chủ và cho rằng đây là biện pháp quan trọng nhất trong phương thức cầm quyền của Đảng.

Nguyễn Viết Thông (2014) trong bài viết “*Một số vấn đề về Đảng cầm quyền*” [113, tr.27] đã phân tích thực trạng công tác xây dựng Đảng cầm quyền ở nước ta qua 30 năm đổi mới đó là đổi mới về nội dung lãnh đạo, về đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng tác giả đã chỉ rõ vai trò của Nhân dân ngày càng cao trong đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng thông qua sự đề cao cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Tác giả cũng phân tích những nguy cơ lớn đối với vai trò cầm quyền của Đảng: Nguy cơ tự diễn biến, tự chuyển hóa; Nguy cơ về tham nhũng, lãng phí; Nguy cơ về “lợi ích nhóm”, nguy cơ sai lầm về đường lối, đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nguy cơ quan liêu, xa rời quần chúng. Từ đó dự báo những nhân tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng, thông qua đó đề xuất hoàn thiện những quan điểm mục tiêu đổi mới hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng đó là; Đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền phải trên cơ sở nhiệm vụ công cuộc đổi mới; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phải chủ động tích cực, đồng thời cẩn trọng, có lộ trình, bước đi vững chắc; Đổi mới ở các cấp, ngành phải quán triệt nguyên tắc chung, phù hợp đặc điểm, nhiệm vụ chính trị; đổi mới phải là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội và Nhân dân.

Lê Hữu Nghĩa (2014) với bài viết “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện một Đảng cầm*

quyền” đăng trên tạp chí Lý luận và thực tiễn số 9(143) [90, tr.6-21] đã phân tích và chỉ rõ trong những năm đổi mới, Đảng rất coi trọng việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, đối với Chính phủ và các bộ ngành thuộc chính phủ, đổi mới đối với tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân, đổi mới Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Nhờ đó đã giữ vững được vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội vừa phát huy và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Đình Ngọc Giang (2015) trong bài viết “*Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước*” tại Hội thảo khoa học: *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*” [32, tr.103-112] đã chỉ rõ trong quá trình đổi mới đất nước cần phân định rõ phương thức lãnh đạo của Đảng nhất là đối với Nhà nước, đặc biệt trong điều kiện Đảng cầm quyền, cần phân biệt và thực hiện tốt nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được, tác giả cũng chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.

Ngô Huy Tiếp (2015) với bài viết “*Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền hay lãnh đạo chính quyền*” [118, tr.239] đã đặt ra vấn đề đó là giữa Đảng cầm quyền và Đảng lãnh đạo chính quyền có sự phân định nào không và sự khác biệt giữa hai khái niệm này như thế nào? Để giải quyết vấn đề đặt ra đó, tác giả đã tiếp cận vấn đề cầm quyền trên phạm vi rộng hơn và cho rằng trong các nhà nước dân chủ, quyền lực thuộc về Nhân dân, thông qua bầu cử để bầu đại diện của mình tham gia vào bộ máy nhà nước... do vậy điều kiện tiên quyết của chính đảng cầm quyền là “*nắm*” quyền lập chính phủ, đảng viên của Đảng không chỉ nắm giữ các vị trí trọng yếu của chính phủ ở cả 3 nhánh quyền lực: lập pháp, hành pháp và tư pháp mà còn nắm hệ tư tưởng và các công cụ tư tưởng để xây dựng nền tảng tư tưởng của chế độ, phục vụ việc cầm quyền. Từ đó tác giả đề xuất 8 giải pháp để nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay đó là: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tiếp tục đổi mới phương thức

cầm quyền nói chung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước nói riêng, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chú trọng giáo dục bồi dưỡng lập trường của giai cấp công nhân, thường xuyên củng cố mối liên hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, tiếp tục xây dựng chính đôn Đảng về mọi mặt.

Bài viết “*Sự phát triển lý luận của Đảng ta về Đảng cầm quyền qua gần 30 năm đổi mới*” của Vũ Văn Phúc (2015) [93, tr.407]. Trong bài viết, trên cơ sở phân tích sự nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, không ngừng bổ sung hoàn thiện nhằm xây dựng Đảng vững mạnh, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng từ Cương lĩnh 91 đến bổ sung Cương lĩnh tại Đại hội XI. Khái quát những quan điểm, chủ trương nổi bật của Đảng ta về xây dựng Đảng cầm quyền trong gần 30 năm trên cơ sở khảo nghiệm thực tế, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận đó là: Khẳng định và phát triển nền tảng tư tưởng đổi mới của đảng, phát triển lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền đó là làm rõ hơn vấn đề cơ bản về tính quy luật của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong thời đại ngày nay về nội dung cầm quyền, về phương thức cầm quyền, dự báo những nhân tố tác động đến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Từ đó tác giả đề xuất một số nhiệm vụ giải pháp như: Tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội; đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng; thực hiện tốt mối quan hệ và cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trong thực tiễn.

Cuốn sách “*Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách*” của Vũ Văn Hà, Đoàn Minh Huân (2020) (đồng chủ biên) [35]. Cuốn sách này là sự chất lọc nghiên cứu của Đề tài thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016 – 2020”, mã số KX.04/16-20. Trong đó các tác giả cho rằng: Quan hệ giữa Nhà nước và thị trường có vai trò quan trọng đặc biệt đối với hầu hết các nền kinh tế trong điều kiện hiện nay. Trong nền kinh tế hỗn hợp hiện đại, cả nhà nước và

thị trường cùng điều tiết các hoạt động kinh tế. Giải quyết hợp lý mối quan hệ nhà nước và thị trường là chìa khóa thành công của các nền kinh tế. Việc xử lý mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, một mặt, thể hiện trình độ phát triển của chế độ chính trị, mặt khác, phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế thị trường tương ứng. Cuốn sách được chia làm 3 chương: Chương I trình bày những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế thị trường trên thế giới; cơ sở của mối quan hệ và nội dung cơ bản của việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; các nguyên tắc và các yếu tố cơ bản tác động đến giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; kinh nghiệm quốc tế trong giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường và một số bài học kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam. Chương II trình bày quá trình đổi mới tư duy của Đảng và Nhà nước ta về vai trò của Nhà nước, của thị trường, về quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; thực trạng vai trò của Nhà nước, của thị trường; về quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; thực trạng vai trò của Nhà nước, của thị trường; đánh giá thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; thành công, hạn chế và nguyên nhân trong giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chương III đề cập đến những xu hướng, quan điểm, giải pháp và định hướng chính sách giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đến năm 2030.

Vũ Như Khôi (chủ biên) (2020) “*90 năm Đảng cộng sản Việt Nam – Những chặng đường lịch sử vẻ vang*” [50], trong cuốn sách, tác giả đã khái quát về các giai đoạn lịch sử vẻ vang của Đảng của dân tộc từ vấn đề xác lập tư tưởng, truyền bá tư tưởng, các quyết sách quan trọng của Đảng trong các thời kỳ, phương thức lãnh đạo của Đảng và những thành tựu đã đạt được, từ đó khẳng định vị trí to lớn trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong những năm qua. Trong 90 năm qua (1930-2020), Đảng Cộng sản Việt Nam luôn trung thành với lý tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội; giữ vững, phát huy vai trò tiên phong và bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển

sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tế đất nước, đặc điểm mới của thời đại. Nhờ đó đã lãnh đạo Nhân dân đi đến thắng lợi, mang lại lợi ích chính đáng cho đại đa số Nhân dân. Cùng với sự vận động không ngừng của lịch sử, Đảng đã từng bước dẫn dắt dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại, hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và sự nghiệp hơn 30 năm đổi mới xây dựng và bảo vệ đất nước.

Cuốn sách “*30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” của Hội đồng Lý luận Trung Ương (2020) [44] Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở tiến hành khảo sát, điều tra thực tiễn một cách công phu; chặt chẽ, tiếp thu hợp lý các kết quả nghiên cứu mới của các cơ quan, các nhà khoa học; tham khảo ý kiến của nhiều nhà khoa học và chuyên gia thông qua các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; đồng thời, nghiên cứu, nghiêm túc kế thừa các kết quả tổng kết hơn 30 năm đổi mới, tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 (1991-2011),... Nội dung cuốn sách được kết cấu thành 3 phần: Phần thứ nhất: Sự phát triển nhận thức lý luận chung về chủ nghĩa xã hội qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991. Phần này nhằm làm rõ bản chất và nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới. Trong đó, bao gồm quá trình phát triển nhận thức của Đảng, những nội dung đã rõ, những vấn đề cần rút ra và tiếp tục nghiên cứu từ những vấn đề của thời đại. Tổng kết những đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa và định hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhận thức về các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật, tính quy luật của đổi mới, phát triển; Phần thứ hai: Nhận thức và thực tiễn phát triển trên các lĩnh vực qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991. Đánh giá nhận thức và thực tiễn trên toàn diện các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, con người, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, dân chủ, đại đoàn kết, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về Đảng và xây dựng Đảng - những nội dung đã rõ, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu; Phần thứ ba: Đánh giá tổng quát, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, vấn đề đặt ra và đề xuất, kiến nghị. Phần này tổng kết và đánh giá quá trình từ lúc hình thành cơ bản lý luận về đường lối đổi mới, về chủ

nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đến bước đầu hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - thành tựu, hạn chế, nguyên nhân. Rút ra 5 bài học lớn sau 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, những vấn đề đặt ra và 3 đề xuất, kiến nghị về các công việc cần tiếp tục được triển khai. Đây là tài liệu hữu ích được dùng tham khảo trong chương 3 của luận án.

1.1.3. Nghiên cứu quan điểm, giải pháp đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Lê Văn Lý (chủ biên) (2002) trong cuốn sách "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền*" [67]. Tác giả đã khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền trên cơ sở vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin về Đảng Cộng sản ở nước ta. Cuốn sách cũng khẳng định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị to lớn, dẫn đường cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, góp phần đặc lực vào việc nâng cao trình độ lý luận, trình độ lãnh đạo để xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện mục tiêu phát triển của Việt Nam.

Nguyễn Phú Trọng với bài viết "*Xây dựng Đảng cầm quyền, một số kinh nghiệm thực tiễn đổi mới ở Việt Nam*" tại Hội thảo lý luận giữa Đảng cộng sản Việt Nam và Đảng cộng sản Trung Quốc về xây dựng Đảng cầm quyền (2004) [121]. Bài viết gồm 8 phần: (1) Đảng là tổ chức chính trị của những người tự nguyện cùng chung một chí hướng đấu tranh cho lợi ích của một giai cấp hoặc một tầng lớp nhất định; (2) Ở Việt Nam, từ sau cách mạng tháng 8/1945 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền; (3) Thực tế đổi mới ở Việt Nam trong gần 20 năm; (4) Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới là phải phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng; (5) Trách nhiệm cao cả và nặng nề trước một Đảng cầm quyền là vạch ra cương lĩnh, đường lối đúng đắn để lãnh đạo đất nước, dẫn dắt cả dân tộc đi lên, tránh được nguy cơ sai lầm về đường lối; (6) Đảng cộng sản Việt Nam trong những năm

đổi mới thường xuyên coi trọng việc xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, bảo đảm nội bộ luôn đoàn kết thống nhất có sức chiến đấu cao; (7) Thực tiễn những năm gần đây cần chứng minh sâu sắc chân lý cán bộ đóng vai trò quyết định, công tác cán bộ là đặc biệt quan trọng; (8) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân là quy luật tồn tại, phát triển, là nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh của Đảng. Tác giả cho rằng, xây dựng Đảng cầm quyền là vấn đề rất rộng lớn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Theo tác giả, Đảng cầm quyền là Đảng lãnh đạo chính quyền phục vụ lợi ích của giai cấp, tầng lớp mà Đảng đó đại diện. Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, phải luôn kiên định, nhất quán vai trò lãnh đạo, vị thế cầm quyền của Đảng, đồng thời làm tốt công tác xây dựng Đảng, thường xuyên làm tốt đổi mới chính đốn Đảng và coi đây là vấn đề có tính nguyên tắc, là nhân tố đảm bảo cho công cuộc đổi mới thành công, đưa đất nước phát triển. Tác giả cũng nhấn mạnh càng đi sâu đổi mới càng phải giữ vững, tăng cường đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nắm chắc vai trò cầm quyền của Đảng, tuyệt đối không được mơ hồ vấn đề này là vấn đề cốt tử trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng.

Phạm Ngọc Quang (chủ biên) (2008), *“Đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”* [96]. Trong cuốn sách các tác giả đã phân tích và chứng minh đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một đòi hỏi khách quan của tình hình mới qua đó đã đưa ra 7 giải pháp cơ bản trong đó nhấn mạnh tới giải pháp đẩy mạnh việc nghiên cứu để xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, phân định rõ phương thức lãnh đạo của Đảng với chức năng, phương thức quản lý, hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể.

Bài viết *“Cơ sở đánh giá năng lực của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền”* [95, tr.35-38] của Phạm Ngọc Quang (2013) đã cho rằng Đảng cầm quyền có sứ mệnh lịch sử quan trọng trong lãnh đạo đó là Đảng phải tạo ra được ba yếu tố căn bản đó là: Hoạch định đường lối đúng đắn, thể hiện đúng nhu cầu và lợi ích của Nhân dân, của dân tộc; Lãnh đạo xây dựng được một Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân, làm cho Nhà nước thực sự là thiết chế đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy được vai trò của các thành viên trong Hệ thống chính trị; Xây dựng được

đội ngũ cán bộ cầm quyền có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ cao, có kỹ năng lãnh đạo và quản lý để làm cho đường lối đó thành hiện thực bằng sức mạnh của cả dân tộc. Phải đảm bảo quyền lực thuộc về Nhân dân, Nhân dân là chủ nhân của mọi quyền lực, đây là vấn đề quan trọng trong đánh giá năng lực cầm quyền của Đảng. Trong bài viết, tác giả còn đề cập đến những giải pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng thì nhiệm vụ quan trọng đó là phải phát huy dân chủ hóa sinh hoạt nội bộ Đảng, gắn chặt mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, Nhân dân được kiểm tra, giám sát các hoạt động của Đảng một cách thực sự hiệu quả...

Nguyễn Văn Huyền (2014) với bài viết "*Thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền*" [47, tr.22], tác giả cho rằng vấn đề dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền là cực kỳ quan trọng đặc biệt trong giai đoạn hiện nay các thế lực thù địch cho rằng điều kiện dân chủ trong một thể chế chính trị là thể chế đa đảng đối lập..., vì vậy để thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền thì trước hết Đảng phải cần đề cao thực hiện dân chủ. Để thực hiện được điều đó Đảng cần xác định phương hướng nhằm đảm bảo dân chủ, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Đảng cần phải lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đưa ra một hệ thống các giải pháp cơ bản để thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền.

Nhị Lê (2015) với bài viết "*Ba kế sách tiếp tục đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng hiện nay*" [53, tr.657] trong đó tác giả cho rằng thế giới ngày càng phát triển đa dạng phức tạp nhưng với tư cách là Đảng duy nhất cầm quyền xây dựng XHCN ở Việt Nam thì toàn bộ công việc cầm quyền của Đảng mà trực tiếp là phương thức cầm quyền không thể không thay đổi nhằm đáp ứng nhiệm vụ lịch sử mà dân tộc giao phó, Nhân dân ủy thác. Do đó tác giả cũng đề xuất 3 vấn đề có tính chất căn bản nổi bật để đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng đó là: Thứ nhất, "Hai nhận thức" trong việc đổi mới trọng trách cầm quyền tất yếu của Đảng; Thứ hai, phương châm "năm hóa" đối với đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng đó là "khoa học hóa" "dân chủ hóa", "văn hóa hóa", "hiện đại hóa", "trách nhiệm hóa"; Thứ ba,

“năm cầm trong phương thức cầm quyền của Đảng đó là cầm “đạo”, cầm “cương”, cầm “tướng”, cầm “tâm”, cầm “thời” và cho rằng năm “cầm” trên chính là phương thức cầm quyền rường cột, nắm chắc Thời và Thế trong tất cả các công việc thuộc phương thức cầm quyền của Đảng.

Tác giả Cao Văn Thông (2015) với bài viết “*Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, góp phần nâng cao vị thế và vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*” [114, tr.707] trong đó tác giả cho rằng trong điều kiện Đảng cầm quyền trong tình hình hiện nay có những ảnh hưởng đến các tổ chức Đảng, đảng viên, dẫn tới suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, quan liêu tham nhũng, lợi ích nhóm của một số bộ phận cán bộ đảng viên... do đó ảnh hưởng đến vị thế và vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để công tác kiểm tra giám sát thực sự là những chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ trực tiếp thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy để đảm bảo nâng cao vị thế và vai trò cầm quyền của Đảng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, tác giả cũng đưa ra tám giải pháp cần nắm vững và thực hiện tốt.

Nhị Lê (2011) với bài viết "*Nâng cao vị thế và năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam*" [52, tr.7-15]. Theo tác giả, vấn đề Đảng cầm quyền hiện nay thực sự đã trở nên cấp bách, là vấn đề cơ bản xuyên suốt các quyết sách chính trị và thực tiễn cầm quyền của Đảng ta và để nâng cao vị thế và năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay tác giả đã đưa ra 9 luận điểm có ý nghĩa cơ bản và cấp bách trong đó tác giả nhấn mạnh phương thức cầm quyền của Đảng, theo đó phương thức cầm quyền của Đảng hiện nay là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sử dụng giám sát nhà nước trong vị thế công cụ quyền lực pháp lý. Từ đó Đảng cần tập trung vào ba bình diện sau: Lãnh đạo lập pháp, đi đầu tuân thủ lập pháp và giám sát đảm bảo hành pháp thực sự hiệu lực, hiệu quả, tư pháp công minh, công bằng, dân chủ và nghiêm ngặt

Vũ Minh Thực (2015) với bài viết “*Chủ thuyết về Đảng cầm quyền*” [116, tr.129] cho rằng “Mục tiêu của Đảng chính trị nói chung trước hết là giành quyền lực

nhà nước và sử dụng quyền lực nhà nước để thực hiện các định hướng chính trị, đạt được lợi ích của Đảng” do vậy Đảng cầm quyền là đảng nắm giữ những vị trí chủ chốt của bộ máy nhà nước để kiểm soát quá trình hoạch định và thực thi các chính sách quốc gia. Tác giả cũng chỉ rõ sự khác nhau giữa khái niệm Đảng cầm quyền và Đảng lãnh đạo và khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là sự ủy thác của Nhân dân, được Nhân dân và xã hội thừa nhận. Đảng đã lãnh đạo Nhân dân đạt được những thành tựu đáng kể trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được tác giả cũng chỉ ra những yếu kém hay thách thức đang đặt ra đối với vị trí, vai trò cầm quyền của Đảng hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả cũng chỉ ra những biện pháp để nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng như Đảng phải xây dựng và tổ chức thực hiện thắng lợi một đường lối chính trị đúng đắn, sáng tạo; phải có trách nhiệm cao với Nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phải thường xuyên chăm lo công tác cán bộ, phải “nắm cán bộ”; Đảng phải thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội và một trong số đó trước hết phải phát huy dân chủ trong Đảng.

Cuốn sách “*Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*” của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2020) [5] có giá trị tham khảo rất lớn đối với luận án. Cuốn sách tập hợp các bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu lý luận, được bố cục thành 04 phần: Đảng vững mạnh, đất nước phát triển, dân tộc trường tồn; Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng ta; Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay; Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong tình hình mới. Nội dung cuốn sách làm rõ: Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không phải chỉ là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà thực chất là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng. Cùng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, với nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ bằng lý luận, lời nói hay nghị quyết mà phải bằng hành động thực tiễn, “nói đi đôi với làm”, xây dựng, chinh đốn Đảng thành công để Đảng ta thực sự là

một chính đảng cách mạng và nhân văn của giai cấp công nhân Việt Nam, của dân tộc Việt Nam.

Bài báo “*Đảng hóa thân vào Nhà nước*” trong đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng ta”, của Nguyễn Hữu Đông [30]. Tác giả đã phân nào làm rõ được khái niệm “Đảng hóa thân vào Nhà nước” trong điều kiện chỉ có một đảng duy nhất cầm quyền ở nước ta. Tác giả cho rằng, “đảng hóa thân vào nhà nước” là một khái niệm chỉ sự “ẩn giấu” đi quyền lực của đảng cầm quyền vào trong cái “vỏ” quyền lực của nhà nước, thực hiện việc chi phối, định hướng đối với nhà nước, chủ yếu thông qua vai trò của các cá nhân đảng viên ưu tú của đảng nhằm thực hiện hóa các mục tiêu, cương lĩnh của đảng đề ra. Từ nội hàm khái niệm này, tác giả đi tìm hiểu những bất cập, khó khăn và hiệu quả không cao trong cầm quyền trong điều kiện Đảng chưa thực sự hóa thân vào Nhà nước như ở nước ta hiện nay. Từ đó tác giả đề ra bốn đề xuất mang tính giải pháp để làm cho Đảng thực sự hóa thân vào Nhà nước trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền như ở nước ta hiện nay. Các phân tích của tác giả, mặc dù mới chỉ dừng lại ở khâu nêu vấn đề và các đề xuất chứ chưa có thực chứng, luận giải cụ thể để chứng minh. Tuy nhiên, đây cũng là giá trị có thể kế thừa vào trong chương 4 của luận án.

1.1.4. Nghiên cứu về kinh nghiệm cầm quyền của một số Đảng chính trị trên thế giới

Hạ Quốc Cường (2004), “*Không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và trình độ cầm quyền, tăng cường năng lực chống tha hóa, phòng biến chất và chống rủi ro*”, tại Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc về xây dựng Đảng cầm quyền [8]. Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu quá trình đổi mới công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tác giả đã nêu ra những vấn đề cấp thiết cần phải giải quyết để nâng cao trình độ lãnh đạo cũng như trình độ cầm quyền của Đảng, tăng cường hơn nữa năng lực chống tha hóa, biến chất và rủi ro trong Đảng. Khi phân tích, luận giải về xây dựng Đảng cầm quyền, tác giả cho rằng, để nâng cao trình độ lãnh đạo, năng lực cầm quyền, chống tha hóa biến chất và rủi ro của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay thì cần phải nắm chắc

khâu xây dựng đội ngũ cán bộ tổ chức cao, coi trọng xây dựng đội ngũ nhân tài, tăng cường xây dựng ban lãnh đạo trong đó vấn đề quan trọng hạt nhân là giữ gìn mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng Nhân dân, tăng cường và cải tiến toàn diện việc xây dựng tác phong của Đảng, đấu tranh chống tham nhũng.

Tô Huy Rúa (2008) “ *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới*” [102]. Nội dung được kết cấu làm 3 chương: Chương một: Lý thuyết chính trị, tác giả trình bày những bản chất tự nhiên của con người trong hoạt động chính trị; các thể chế chính trị phù hợp với bản chất tự nhiên của con người và sự biến đổi của các thể chế. Chương hai: Khảo sát các mô hình hệ thống chính trị, ở chương này, tác giả đi sâu vào phân tích mô hình hệ thống chính trị tại các nước bị ảnh hưởng bởi các tư tưởng dân chủ tự do như: Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản và Malaysia; mô hình hệ thống chính trị tại các nước chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa, gồm đại diện các nước chịu sự ảnh hưởng của tư tưởng xã hội dân chủ ở Bắc Âu (Thụy Điển, Đan Mạch,...) và đại diện các nước chịu sự ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin (Nga, Trung Quốc). Chương ba: Đánh giá chung và khuyến nghị, tác giả đưa ra những đánh giá chung về các mô hình hệ thống chính trị có tính chất đại diện điển hình cho các hệ tư tưởng chính trị cũng như tiêu biểu cho các nền văn hoá và trình độ phát triển xã hội đã phân tích ở chương hai; từ đó đề xuất các khuyến nghị về việc tham khảo kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở một số nước trên thế giới trong quá trình nghiên cứu tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị nước ta, đồng thời, ứng dụng những giá trị văn minh chính trị ở các nước tư bản và tham khảo vào nước ta hiện nay. (Đây là kết quả nghiên cứu của đề tài: Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở một số nước trên thế giới (KX10-10), và là một trong 10 đề tài thuộc chương trình khoa học cấp Nhà nước, mã số KX10 về Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế).

Bài viết “*Vấn đề đảng cầm quyền và thẩm quyền quản lý nhà nước ở các nước tư bản*” của Nguyễn Đăng Dung (2009) [10, tr.55-58]. Theo tác giả, các đảng phải

xuất phát từ những nỗ lực của các tác nhân chính trị nhằm xây dựng những liên minh đa số trong những thể chế và đơn vị bầu cử và điều phối hoạt động tập thể cần thiết để giành quyền kiểm soát và sử dụng bộ máy chính quyền. Và việc một Đảng có quyền lực lãnh đạo hay không phụ thuộc vào lá phiếu của người cử tri. Ở đó theo tác giả, sự lãnh đạo của đảng cầm quyền không phân biệt với thẩm quyền của nhà nước. Như vậy sẽ có lý do chính đáng để tăng cường sự hợp pháp và sự chịu trách nhiệm của đảng cầm quyền. Ở các chính thể này cũng không phân biệt giữa các quan chức cao cấp của đảng với các quan chức cao cấp của nhà nước. Người đứng đầu đảng là đứng đầu hành pháp hầu như là một. Điều tối quan trọng là các đảng chính trị đó có lấy được phiếu của người dân để trở thành đảng cầm quyền hay không. Trong công trình này, tác giả đã đề cập đến một trong những kinh nghiệm rất quan trọng trong phương thức cầm quyền của Đảng cầm quyền ở các nhà nước tư bản đó là đảng phải “hóa thân” vào nhà nước. Nội dung của công trình này được dùng làm tài liệu tham khảo khi nghiên cứu kinh nghiệm cầm quyền của các đảng chính trị và giải pháp hoàn thiện phương thức cầm quyền trong chương 3 và chương 4 của luận án.

Tác giả Lưu Chấn Hoa (2010) “*Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng*” [39], cuốn sách gồm 9 chương được tác giả trình bày một cách sâu sắc về tăng cường năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ khi ra đời đến giành được vị trí, vai trò cầm quyền và sau cải cách mở cửa năm 1978. Tác giả đã đề cập đến việc chuẩn hóa quan hệ giữa Đảng với hệ thống chính quyền, cần vạch rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp ủy đảng với Đại hội đại biểu Nhân dân, ủy ban Nhân dân và các tổ chức quần chúng. Tác giả nêu lên những yêu cầu về việc Đảng phải nâng cao nhận thức về quy luật cầm quyền của Đảng cộng sản và đưa ra 3 phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc đó là: Cầm quyền một cách khoa học, cầm quyền dân chủ và cầm quyền theo hiến pháp và pháp luật. Cuốn sách là tài liệu có giá trị tham khảo trong quá trình triển khai thực hiện luận án.

Nguyễn Huy Quý (2011) trong bài viết “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc, gợi mở đối với Việt Nam*” [101, tr.11-20]. Ở trong bài viết này, tác giả đã luận giải khái niệm phương thức cầm quyền “phương thức chính

là hình thức, phương pháp thực hiện sự cầm quyền của một Đảng cầm quyền” như Đảng Cộng sản Trung Quốc và chỉ rõ hiệu quả của công tác lãnh đạo sẽ phụ thuộc vào năng lực, trình độ của Đảng lãnh đạo trong đó phẩm chất chính trị của Đảng được coi là có vai trò quan trọng hàng đầu. Trên cơ sở phân tích nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng, tác giả đã khái quát lại quá trình phát triển trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ đó đưa ra một số vấn đề gợi mở mà Việt Nam có thể tham khảo đó là: thứ nhất, đổi mới chế độ tổ chức, chế độ công tác mà vấn đề trọng tâm là vấn đề dân chủ trong Đảng, trong lãnh đạo của Đảng đối với xã hội; thứ hai, Không để quyền lực quá tập trung “Đảng chính phân khai”, tác giả đã phân tích những sự thay đổi trong phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đó là từ những năm 80 của thế kỷ trước, Đảng Cộng sản Trung Quốc thực hiện chuyển bớt quyền xuống cấp dưới, không để quyền lực quá tập trung, cải cách bộ máy chính quyền và cho đến thập kỷ 90 Trung Quốc chủ trương “Chính trị dân chủ” và “Nhà nước pháp trị” với tư tưởng chỉ đạo thuyết 3 đại diện, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được đặc biệt chú ý và thực hiện đoàn kết trong Đảng để thực hiện đoàn kết dân tộc; thứ ba, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải xuất phát từ thực tế, từ điều kiện cụ thể của đất nước...Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cần kịp thời và là vấn đề quan trọng để có thể giữ vững và tăng cường vị thế cầm quyền của Đảng.

Bài viết “*Sự đổi mới, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*” [120, tr.11-19] của Lê Văn Toan (2013). Trong bài viết này, tác giả đã khái quát hóa quá trình hơn 30 năm tiến hành công cuộc cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có nhiều nhận thức mới và giải pháp mới nhằm hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đáp ứng sự nghiệp xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc. Tác giả chỉ rõ “trọng tâm của việc nghiên cứu phương thức cầm quyền là đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền luôn luôn phải phù hợp với tình hình mới, tức là phải tiến cùng thời đại”, Phương thức cầm quyền phải đứng vững trong thực tế, phù hợp với quá trình hiện đại hóa đó là phải xác lập phương thức cầm quyền một cách khoa học, phương thức cầm quyền phải tiến cùng thời đại.

Trên cơ sở đó, tác giả cũng chỉ ra sự quyết định phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc được quyết định bởi các nhân tố (1) truyền thống văn hóa lịch sử, (2) trình độ phát triển sức sản xuất và thể chế kinh tế, (3) ý tưởng cầm quyền. Từ đó đánh giá phương thức cầm quyền trên những cách thức cơ bản như tính hợp lý, tính hiệu quả và tính thỏa mãn của quần chúng nhân dân và chỉ rõ, sự đổi mới phương thức cầm quyền nào cũng cần phải lấy lợi ích và ý chí của nhân dân làm cơ sở.

Tác giả Hoàng Văn Hồ (chủ biên) (2014) trong cuốn sách “*Cầm quyền khoa học*” [42] đã luận giải khái quát quan điểm cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tác giả đã trình bày tóm tắt ý nghĩa quan trọng của cầm quyền khoa học, bản chất và mối quan hệ tương hỗ giữa cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật. Nội dung cuốn sách gồm ba phần: Thứ nhất, làm rõ nội hàm cầm quyền khoa học, quy luật cầm quyền khoa học, tư tưởng, phương pháp cầm quyền khoa học. Thứ hai, tác giả đi sâu phân tích làm thế nào để nắm vững và vận dụng tốt cầm quyền khoa học, giảm chi phí cầm quyền và nâng cao hiệu quả cầm quyền.., Thứ ba, tác giả nêu vấn đề xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng cầm quyền và xây dựng đảng cầm quyền. Theo tác giả, năng lực cầm quyền khoa học được tạo nên bởi các yếu tố cơ bản như: năng lực học tập đổi mới, năng lực điều tiết lợi ích, năng lực tập hợp tài nguyên, cầm quyền theo pháp luật, đó là tăng cường trang bị lý luận, hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ, đào tạo cán bộ.

Đinh Ngọc Giang, Lê Thị Minh Hà (2017) với bài viết “*Quan hệ đảng cầm quyền - nhà nước ở một số nước và những giá trị tham chiếu đối với Việt Nam*” [33] Trên cơ sở phân tích về Đảng chính trị ở một số nước như Mỹ, Anh, Pháp, Singapore, Nhật bản...các tác giả chỉ ra hầu hết các đảng chính trị xác lập địa vị chính danh là đảng cầm quyền là thông qua bầu cử cơ quan nhà nước. Đảng chính trị giành quyền lực và trở thành đảng cầm quyền thông qua con đường tuyển cử và đấu tranh ở quốc hội. Bầu cử là con đường cơ bản và phổ biến để một đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền. Ở địa vị cầm quyền, đảng gây ảnh hưởng đối với các quyết định của nhà nước, của chính phủ nhằm mang lại lợi ích cho giai cấp, nhóm xã hội mà nó đại diện thông qua các nghị sĩ là đảng viên của đảng từ đó đề xuất giá trị tham chiếu về cơ

chế đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý ở nước ta đó là: kiểm soát quyền lực nhà nước, nhất thể hóa cơ quan đảng và cơ quan nhà nước có chức năng tương đồng, thực hiện nhất thể hóa, tăng thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu.

Vũ Ngọc Quyên (2017) với bài viết “*Duy trì vị thế độc tôn của Đảng cầm quyền: Kinh nghiệm Singapore và khuyến nghị cho Việt Nam*” [100, tr.14-21], trong đó tác giả nghiên cứu kinh nghiệm và các thủ thuật chính trị trong việc phát triển và duy trì vị thế độc tôn của đảng cầm quyền hiện nay của Singapore – Đảng Hành động của nhân dân như: Luôn đặt Nhà nước “cao hơn” Đảng; trung lập với các giai cấp xã hội, luôn giữ khoảng cách mà duy trì vị trí trung lập của mình với các giai cấp trong xã hội, giúp xây dựng hình ảnh của PAP như một đảng lãnh đạo vì quyền lợi và lợi ích chung của người dân; Sử dụng các tổ chức phi chính trị cho mục đích chính trị như các tổ chức công đoàn, các Hội đồng phát triển cộng đồng; vai trò của lãnh tụ,... Qua đó tác giả cũng đề xuất ý tưởng về củng cố vị thế của Đảng Cộng sản Việt Nam và khuyến nghị công tác phát triển Đảng theo hướng tăng cường chất lượng, đa dạng hóa các thành phần xã hội, đặc biệt là tầng lớp trí thức.

Nguyễn Thị Quế, Mai Hoài Anh, Nguyễn Thị Minh Thảo (đồng chủ biên) (2018) “*Mô thức quan hệ giữa đảng cầm quyền và Nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới*” [97]. Nội dung cuốn sách gồm 2 phần; Phần một: Lý luận chung về Đảng chính trị, Đảng cầm quyền và quan hệ giữa Đảng cầm quyền với Nhà nước; Phần hai: Mô thức quan hệ giữa Đảng cầm quyền với nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới: thực tiễn, nhận xét và bài học kinh nghiệm. Tác giả đã phân tích về các đảng cầm quyền ở các nước có nền kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội khác nhau thì phương thức tổ chức và phương thức cầm quyền của các đảng cũng khác nhau. Ngoài ra ở mỗi chế độ chính trị khác nhau thì Đảng cầm quyền sẽ theo đuổi những mục tiêu, lý tưởng khác nhau. Tác giả cũng chỉ rõ Đảng cầm quyền ở các nước xử lý mối quan hệ với chính quyền nhà nước như thế nào. Từ việc nghiên cứu mô thức quan hệ của các đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với nhà nước từ đó rút ra những nhận thức đúng đắn về quy tắc hay quy luật cầm quyền của các chính đảng

trên thế giới, giúp cho quá trình nâng cao tính khoa học và nghệ thuật lãnh đạo đối với Nhà nước của Đảng cộng sản Việt Nam.

Nguyễn Thị Hạnh, "*Một số vấn đề về Đảng cầm quyền và Đảng đối lập trong đời sống chính trị Hoa Kỳ*" [37]. Cuốn sách gồm 3 chương. Chương 1, tác giả trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của đảng phái trong đời sống chính trị Hoa Kỳ; Chương 2, phương thức hoạt động của ĐCQ và đảng đối lập; Chương 3, tác giả đi sâu phân tích, đánh giá về đảng cầm quyền và đảng đối lập. Trong cuốn sách này tác giả đi sâu luận giải làm rõ một số khái niệm về đảng chính trị, ĐCQ, đảng đối lập trong đời sống chính trị Hoa Kỳ. Theo tác giả, hiện nay trong đời sống chính trị các nước tư bản nói chung, đảng phái chính trị có vị trí vai trò hết sức quan trọng và Hoa Kỳ không nằm ngoại lệ. Tác giả cho rằng, muốn trở thành ĐCQ và giữ vững địa vị cầm quyền đảng phải tiến hành và chiến thắng trong tranh cử để trở thành đảng đa số và là ĐCQ, nhưng đảng không hoàn toàn có những đặc điểm của ĐCQ, nét đặc sắc của nó thể hiện ở chỗ đảng không đứng trên nhà nước để ra lệnh cho nhà nước cũng không bắt nhà nước phải thi hành. ĐCQ luôn ở dưới pháp quyền (Hiến pháp và pháp luật), phải tôn trọng pháp quyền; nhưng ĐCQ đứng sau nhà nước, tác động đến nhà nước, thông qua các tổ chức của đảng và đảng viên của mình, thông qua cương lĩnh của các nhóm đảng trong các cơ quan quyền lực nhà nước để tuyên truyền, vận động, tập hợp lực lượng... Đồng thời, tác giả cũng đi sâu luận bàn về phương thức sử dụng quyền lực. Theo tác giả, việc sử dụng quyền lực trong đời sống chính trị ở Hoa Kỳ gồm 3 phương thức chủ yếu sau: Một là, đưa người của đảng vào bộ máy nhà nước để thực thi cụ thể công việc theo quy định của luật pháp nhưng theo ý đồ của đảng và nâng cao vị thế của đảng; Hai là, tác động vào quá trình lập pháp để thực hiện hóa các ý chí của đảng và đưa nó vào cuộc sống; Ba là, giám sát, kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước. Tác giả đã liệt kê được một vấn đề quan trọng dù ĐCQ hay đảng đối lập khi ở vị trí cầm quyền đều phải thượng tôn pháp luật.

Lý Lương Đống (chủ biên) (2019) với cuốn sách "*Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*" [28], trong đó tác giả đi sâu phân tích bài học lịch sử về phương thức

lãnh đạo, phương thức cầm quyền của các nước xã hội chủ nghĩa, những bất hợp lý của phương thức lãnh đạo cũng như phương thức cầm quyền truyền thống cũng như quá trình phát triển, thay đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc qua các giai đoạn, từ đó tìm tòi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền đúng đắn nhất, phù hợp nhất để xây dựng thành công toàn diện xã hội khá giả. Qua đó phân tích những mục tiêu, nguyên tắc cơ bản, tư duy cụ thể, thể hiện rõ quan điểm, cách nhìn nhận của giới lý luận cũng như ĐCS Trung Quốc trong chuyển đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của ĐCS Trung Quốc hiện nay. Chỉ rõ tính tất yếu của việc ràng buộc và giám sát quyền lực của Đảng cầm quyền và khẳng định cần tiếp tục mở rộng dân chủ trong Đảng là điều kiện quan trọng để thực hiện cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật.

1.2. Kết quả các công trình nghiên cứu, những nội dung luận án tập trung nghiên cứu

1.2.1. Kết quả chung của các công trình nghiên cứu

Liên quan đến đề tài, cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu đã công bố có giá trị tham khảo, kết quả được thể hiện trên một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, các công trình đã bước đầu làm rõ khái niệm về Đảng cầm quyền, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống hóa quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, Đảng cầm quyền, phương thức cầm quyền của Đảng.

Thứ hai, các công trình đã nghiên cứu khẳng định sự cần thiết phải đổi mới Đảng không chỉ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ mà còn về nội dung và phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng cho phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế. Chỉ rõ nội dung Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo nhân dân, điều này đòi hỏi Đảng phải có kiến thức mới, năng lực và phẩm chất, phương thức cầm quyền mới. Các công trình cũng chỉ ra những mặt hạn chế của một Đảng duy nhất cầm quyền, do đó vấn đề sống còn của Đảng là phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn để không trở thành chuyên quyền, độc đoán

trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền.

Thứ ba, mỗi công trình nghiên cứu lại khai thác dưới góc độ khác nhau và đưa ra những giải pháp khác nhau nhưng đều hướng tới mục tiêu chung đó là tiếp tục xây dựng chính đốn Đảng, hoàn thiện lý luận cầm quyền, cơ sở cầm quyền của Đảng, tạo nền tảng tư tưởng vững chắc cho sự cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát triển sáng tạo lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiến cùng thời đại.

1.2.2. Những nội dung luận án tập trung nghiên cứu

Từ kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án của các tác giả trong và ngoài nước đã cung cấp một số tư liệu, thông tin và cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Đây là nguồn tư liệu quý giá được kế thừa khi triển khai nghiên cứu luận án này. Tuy vậy cho đến nay, vẫn chưa có công trình nào chuyên biệt nghiên cứu về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt luận giải về cách thức cầm quyền của Đảng từ cách tiếp cận quyền lực và quyền lực chính trị. Điều này cho thấy vẫn còn một khoảng trống lớn cần được tiếp tục nghiên cứu về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản. Việc nghiên cứu và thấu hiểu về “Đảng cầm quyền” đã khó và phức tạp, vấn đề phương thức cầm quyền của Đảng lại càng cụ thể hơn và có phần khó xác định hơn, tác giả cầu thị nhưng cũng luôn bám sát cách tiếp cận khoa học riêng để nhận định, tiếp thu các giá trị có thể tham khảo được từ các công trình đã khảo cứu này trong quá trình triển khai luận án. Có thể khẳng định đề tài mà tác giả lựa chọn là mới và không trùng lặp với các công trình đã công bố.

Trên cơ sở kế thừa, vận dụng kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan, nghiên cứu về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, luận án sẽ tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau đây

Thứ nhất: Nghiên cứu những vấn đề lý luận về Đảng chính trị, Đảng cầm quyền Phương thức cầm quyền của Đảng, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu khái quát về vị trí, vai trò của phương thức cầm quyền của Đảng

Thứ hai: Việc nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện phương thức cầm quyền từ các đảng chính trị trên thế giới nhằm rút ra bài học có giá trị tham khảo cho Đảng Cộng sản Việt Nam cũng là một “khoảng trống” cần tiếp tục nghiên cứu.

Thứ ba: Đánh giá thực trạng phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, trong đó tập trung đánh giá thành tựu, hạn chế và khuyết điểm trong việc thực hiện nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng

Thứ tư: Đề xuất những giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Về Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản cầm quyền, về phương thức lãnh đạo của Đảng đã và đang được khá nhiều nhà khoa học nghiên cứu, tìm hiểu. Tuy nhiên, cho đến nay, việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Đảng cầm quyền tuy đã được triển khai trên nhiều cấp độ nhưng vẫn chưa đưa tới những kết quả như mong đợi. Việc nghiên cứu và thấu hiểu về Đảng cầm quyền đã khó và phức tạp, vấn đề phương thức cầm quyền của Đảng lại càng cụ thể hơn và có phần khó xác định hơn.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu, chương 1 với 4 nhóm nghiên cứu chính: (1) Nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng; (2) Nghiên cứu thực tiễn, thực trạng phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam; (3) Nghiên cứu quan điểm, giải pháp đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam; (4) Nghiên cứu về kinh nghiệm cầm quyền của một số Đảng chính trị trên thế giới. Từ đó đã khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu với góc độ tiếp cận chính trị học. Trong đó những nhiệm vụ đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu, đó là:

Thứ nhất: Luận án cần làm rõ những vấn đề lý luận về Đảng chính trị, Đảng cầm quyền Phương thức cầm quyền của Đảng, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ hai: Luận án cần làm rõ về vị trí, vai trò của phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cơ chế hiện thực hóa mục tiêu lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba: Luận án cần đánh giá thực trạng phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản hiện nay, trong đó tập trung đánh giá thành tựu, hạn chế và khuyết điểm trong việc thực hiện nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ tư: Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, luận án đề xuất những giải pháp tiếp tục đổi mới, xác lập, thực hiện và nâng cao năng lực vị thế cầm quyền, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian tới.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG VÀ KINH NGHIỆM CẦM QUYỀN CỦA MỘT SỐ ĐẢNG CHÍNH TRỊ TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Một số vấn đề lý luận về phương thức cầm quyền của Đảng

2.1.1. Đảng chính trị, Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản cầm quyền

2.1.1.1. Đảng chính trị

Đảng chính trị được coi là một bộ phận đóng vai trò trung tâm cả về lý thuyết và thực tiễn của nền dân chủ tự do hiện đại, cấu thành sự kết nối quan trọng giữa người dân và các chính khách, những người thực thi các nhiệm vụ của nhà nước trên sở sự ủy quyền của nhân dân. Xuất phát từ vị trí, vai trò của các đảng chính trị trong đời sống thực tiễn chính trị - xã hội ở thế kỷ XX, đảng chính trị được coi là một bộ phận không thể thiếu của các nền dân chủ đại diện. Ngày nay, các đảng chính trị phát triển với nhiều hình thức, ở khắp các quốc gia trên thế giới. Tương ứng với cơ cấu giai cấp của nó, các đảng chính trị có thể là đảng tư sản, đảng vô sản, đảng nông dân, đảng địa chủ, đảng tiểu tư sản, cũng có thể là liên minh giai cấp (giữa tư sản và địa chủ...). Từ thực tiễn trên đã có rất nhiều cách tiếp cận về Đảng chính trị và hình thành nên nhiều khái niệm, quan niệm khác nhau về đảng chính trị.

Có nhiều nhà nghiên cứu nhìn nhận đảng chính trị với tư cách là một tổ chức chính trị hướng đến giành chính quyền thông qua bầu cử như nhà Đảng học người Pháp M.Duverger cho rằng “đảng chính trị là tổ chức của những người tự nguyện, được lập ra để tranh cử vào các cơ quan công quyền” [45, tr.25], hay với cách tiếp cận từ góc độ quyền lực công, trong Từ điển chính quyền và chính trị Hoa kỳ, Jay M. Shafritz cho rằng đảng chính trị là “một tổ chức tìm cách nắm quyền lực chính trị bằng cách bầu thành viên của mình vào các cơ quan nhà nước, nhờ đó tư tưởng chính trị của họ có thể được phản ánh trong chính sách công cộng” [49, tr.701], đảng là một nhóm người cùng chung một tư tưởng chính trị, kết hợp lại thành một tổ chức để chinh phục chính quyền hay để tham gia vào chính quyền. Một số nghiên cứu khác cho rằng, đảng là tổ chức đăm mê lợi ích chính trị nhất, nhưng đó là lợi ích của

cộng đồng, xã hội... Đảng là tổ chức của những người đoàn kết với nhau, được tập hợp ra để thực hiện lợi ích chung của quốc gia thông qua những nguyên tắc riêng mà họ đã thỏa thuận

Chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở tiếp cận từ góc độ giai cấp đã quan niệm rằng đảng chính trị là một bộ phận tiên tiến nhất, có tổ chức của một giai cấp (hay một tầng lớp nào đó), đại biểu cho lợi ích của giai cấp, tầng lớp đó, do đó Đảng chính trị là đội tiên phong của một giai cấp (hay một tầng lớp) nào đó, được tổ chức dựa trên nền tảng hệ tư tưởng nhất định, hoạt động theo điều lệ, cương lĩnh, chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng xác định. Theo C. Mác và Ph. Anghen:

Trong cuộc đấu tranh của mình chống quyền lực liên hiệp của giai cấp hữu sản, giai cấp công nhân chỉ khi được tổ chức thành một chính đảng độc lập đối lập với tất cả các chính đảng cũ do giai cấp hữu sản lập nên thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp. Việc tổ chức giai cấp công nhân thành một chính đảng là cần thiết để đảm bảo thắng lợi của cách mạng xã hội và giành được mục đích cuối cùng của nó là thủ tiêu các giai cấp [73, tr. 203].

Đảng chính trị do vậy phải hội tụ được ba tiêu chí quan trọng đó là (1) tiêu biểu về trí tuệ, tư tưởng; (2) đại diện cho lợi ích của giai cấp; (3) tính tiên phong chính trị. Cũng theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự tồn tại của các giai cấp không tự nó dẫn đến sự hình thành đảng chính trị, đảng chính trị chỉ có thể ra đời trên cơ sở sự trưởng thành của giai cấp đạt tới trình độ tự giác cao, tức là ý thức được lợi ích của giai cấp mình và có tính tự giác, tính tổ chức và tính kỷ luật.

Từ các quan điểm trên có thể đưa ra một khái niệm chung về đảng chính trị: *Đảng chính trị là tổ chức chính trị của một hay nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội nhất định, có cùng quan điểm, chỉ hướng, cùng lợi ích, đấu tranh để thực hiện cùng một mục đích chính trị là giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước.*

Có thể thấy rằng, Đảng chính trị là bộ phận tích cực nhất, có tổ chức nhất của một giai cấp hay một bộ phận của một giai cấp, làm công cụ đấu tranh cho lợi ích của giai cấp, và có đặc trưng cơ bản như sau: *Thứ nhất:* mục tiêu thực thi quyền lực

nhà nước, đây là mục tiêu hàng đầu và hoạt động chủ yếu của một chính đảng, thông qua đó nắm quyền chi phối sự phát triển của xã hội. *Thứ hai*: tính giai cấp bởi chính đảng là đại diện của một giai cấp nhất định, có cùng chung chính kiến tự nguyện tham gia nhằm giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước theo mục tiêu chính trị của tổ chức mình. Tuy nhiên, các lợi ích của các đảng chính trị được giải quyết trên nguyên tắc không tách rời lợi ích của dân tộc, quốc gia. Ph. Anghen đã nói, một đảng chỉ có thể vươn tới quyền lực, thực thi được quyền lực, chừng nào trong quá trình thực hiện các lợi ích giai cấp thì đồng thời phải thực hiện các lợi ích của cộng đồng, xã hội ở mức độ nhất định, đảng phải biến ý chí của một bộ phận thành ý chí của cả dân tộc, quốc gia. C.Mác cũng nhấn mạnh “thực hiện chức năng xã hội (lợi ích xã hội) là cơ sở của sự thống trị chính trị, và sự thống trị cũng chỉ kéo dài chừng nào nó còn thực hiện chức năng xã hội” [69, tr.253]. *Thứ ba*: tính tự nguyện. Đảng chính trị hình thành và hoạt động một cách tự giác khi sự nhận thức của con người ở trình độ cao về con đường để tới một mục đích nhất định, về cơ bản là một tổ chức tự nguyện là sự liên minh của những người ưu tú cùng tư tưởng cùng nguyện vọng hoạt động chung trong một cương lĩnh, đường lối, lấy kỷ luật của Đảng để chi phối và ràng buộc. *Thứ tư*: về tính pháp lý, tính chính đáng trong đời sống chính trị. Các chính đảng hợp pháp được pháp luật thừa nhận và tạo điều kiện hoạt động, được một bộ phận nào đó nhân dân thừa nhận và được nhà nước hợp pháp hóa.

Trong xã hội hiện đại, tương ứng với cơ cấu giai cấp, có thể có mô hình một đảng, hai đảng hoặc đa đảng, tuy nhiên về thực chất, Đảng chính trị luôn mang bản chất giai cấp. Chính vì vậy, khi đánh giá về Đảng chính trị, không nên chỉ căn cứ vào tên gọi hay cương lĩnh chính trị của nó mà phải nghiên cứu hành động thực tế của các đảng. Như V.I.Lênin đã chỉ ra rằng:

Để nhận rõ được cuộc đấu tranh của các đảng, thì không nên tin ở lời nói, mà nên nghiên cứu lịch sử thực sự của các đảng, nghiên cứu chủ yếu là việc họ làm, chứ không phải những lời nói về bản thân họ, xem họ giải quyết các vấn đề chính trị như thế nào, xem thái độ họ như thế nào trong những vấn đề có liên quan đến lợi ích thiết thân của các giai

cấp khác nhau trong xã hội: địa chủ, tư bản, nông dân, công nhân...[55, tr.355]

Đảng chính trị, hiểu đơn giản là một dạng đặc biệt của tổ chức xã hội. Nó khác với các hiệp hội, liên đoàn hay các nghiệp đoàn xã hội ở cách thức tổ chức và đặc biệt là cách thức hoạt động và mục tiêu đậm tính chính trị - đoạt, sử dụng quyền lực chính trị, tập trung ở quyền lực nhà nước.

Trong xã hội đương đại, Đảng chính trị không chỉ đơn thuần đấu tranh để tham gia vào việc thể hiện các quan điểm chính trị mà còn đấu tranh để giành quyền đại diện cho người dân, trước hết trong cơ quan lập pháp. Thông thường, thông qua việc bỏ phiếu tín nhiệm của nhân dân, các Đảng chính trị giành quyền lực. Các cam kết được đưa ra trong chiến dịch tranh cử của mỗi Đảng chính trị trong các đợt tranh cử là thể hiện trách nhiệm của Đảng chính trị đó đối với người dân. Ý chí của người bỏ phiếu có ý nghĩa rất quan trọng đối với một Đảng chính trị. Cũng với ý nghĩa này, có thể xem chính trị đảng phái là cơ cấu chính trị trong đó nhiều đảng tranh giành quyền lãnh đạo chính quyền nhà nước một cách hòa bình với nhau thông qua bầu cử.

Đảng chính trị là vấn đề trọng tâm của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, quyền lực chính trị của Đảng chính trị xét ở góc độ nào đó chỉ là “quyền lực tư” của giai cấp, nhóm xã hội, không phải là “quyền lực công”, không phải là quyền lực nhà nước. Chừng nào mà Đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền thì quyền lực của nó được chuyển hóa thành “quyền lực công” hay quyền lực nhà nước và có tính quyết định đối với toàn xã hội [91].

2.1.1.2. Đảng cầm quyền

Khái niệm

Đảng cầm quyền là khái niệm của khoa học chính trị, dùng để chỉ một đảng chính trị đại diện cho giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để tổ chức và quản lý đất nước thực hiện lợi ích của giai cấp hay lực lượng xã hội mà Đảng đại diện.

Quan niệm về Đảng cầm quyền là quan niệm thông dụng trong chính thể đa đảng, lưỡng đảng, được biểu đạt khi nói về đảng giành được quyền lập chính phủ (trong chế độ đại nghị) hoặc nắm vị trí đứng đầu nền hành pháp, đồng thời là nguyên

thủ quốc gia (trong chế độ tổng thống) được đặt tương quan với đảng đối lập, đảng liên minh, chấp chính, đảng tham chính. Còn trong chính thể một đảng thì khái niệm về đảng cầm quyền ít được sử dụng, mà phổ biến là khái niệm đảng lãnh đạo. Khái niệm đảng cầm quyền được dùng để phân biệt một đảng chính trị ở thời kỳ nắm chính quyền với thời kỳ đảng đó chưa nắm chính quyền và với các đảng không nắm chính quyền.

Nghiên cứu Đảng cầm quyền là khái niệm chỉ một đảng (hoặc liên minh các đảng) nắm trong tay chính quyền (theo nghĩa rộng bao gồm cả ba nhánh: lập pháp, hành pháp, tư pháp). Với khái niệm này, khó xác định được đảng cầm quyền ở một quốc gia khi một đảng nắm trong tay quyền lập pháp (đa số ghế trong quốc hội, nhưng quyền hành pháp lại ở trong tay đảng khác). Do vậy khái niệm đảng cầm quyền được xác định ở phạm vi hẹp hơn. Theo đó, đảng cầm quyền (liên minh các đảng cầm quyền) là đảng (hoặc liên minh đảng) nắm trong tay quyền hành pháp.

Có thể thấy rằng đối với các nước theo mô hình nghị viện, đảng chiếm đa số trong hạ viện và do đó đảng này được thành lập chính phủ và chi phối quyền hành pháp. Còn trong mô hình tổng thống, hỗn hợp, đảng thắng cử ở cuộc bầu cử phổ thông do dân bầu gián tiếp hoặc trực tiếp sẽ nắm giữ quyền hành pháp. Để trở thành đảng cầm quyền, các đảng ở các nước dân chủ tư sản nhất thiết phải trải qua đấu tranh nghị trường, các đảng chính trị đấu tranh giành sự tín nhiệm của cử tri cả nước cho đảng mình, thông qua việc nhân dân bầu cử cho đảng, hoặc cho các đại biểu của đảng vào nghị viện (quốc hội), sẽ đứng ra lập chính phủ và trở thành đảng cầm quyền và nếu không giành đủ số ghế cần thiết theo quy định của pháp luật thì phải liên minh với một trong số các đảng chính trị khác để thành lập chính phủ (liên minh cầm quyền).

Trong trường hợp đặc biệt khác, chẳng hạn thời kỳ đảo chính, chính phủ lâm thời... đảng cầm quyền chính là đảng, tổ chức hay lực lượng nắm trong tay quyền quyết định những chính sách quan trọng của quốc gia.

Cần phân biệt đảng cầm quyền với đảng lãnh đạo. Đảng cầm quyền và đảng lãnh đạo chính quyền có điểm giống nhau vì đều là đảng nắm chính quyền, chi phối chính quyền, nhưng có sự khác nhau. Đảng chỉ được thừa nhận là đảng lãnh đạo

chính quyền khi nào vai trò cầm quyền của đảng được khẳng định thông qua các nguyên tắc ghi trong hiến pháp. Phạm vi lãnh đạo của đảng đối với nhà nước và xã hội cũng rộng hơn nhiều so với phạm vi cầm quyền của một đảng. Chỉ trong những nước xã hội chủ nghĩa, đảng cộng sản cầm quyền mới được coi là đảng lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo nhà nước. Trái lại, trong các nền chính trị tư bản, đa đảng đối lập thay nhau cầm quyền thì chỉ có phạm trù đảng cầm quyền mà không có phạm trù đảng lãnh đạo, bởi không có luật pháp nào khẳng định một đảng cụ thể nào là đảng cầm quyền, trừ khi đảng đó thắng thế hợp pháp trong các cuộc tranh cử. Là đảng cầm quyền, đảng chỉ có thể tác động vào nhà nước ở đằng sau, từ bên trong nhà nước, không đứng trên nhà nước để ra mệnh lệnh cho nhà nước.

Khái niệm đảng lãnh đạo hiếm khi được sử dụng ở các nước phương Tây. Đây là quan niệm được các nhà kinh điển Mác - Lênin sử dụng, bắt đầu từ nửa sau thế kỷ XIX khi Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời, đánh dấu bước trưởng thành của giai cấp công nhân - lực lượng tiên phong thực hiện sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo giai cấp công nhân, xóa bỏ chế độ bóc lột, xây dựng xã hội mới tiến bộ của loài người.

Đảng lãnh đạo được hiểu là hình thức đấu tranh giai cấp, thực hiện vai trò tiên phong trong cách mạng giai cấp vô sản, làm gương phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân nhằm thu hút sự ủng hộ tự nguyện của đại bộ phận nhân dân. Không có sự đồng tình, ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động với đội tiên phong là giai cấp vô sản thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được. Tuy nhiên, sự đồng tình, ủng hộ đó không thể có được ngay lập tức, không phải do lá phiếu quyết định mà phải qua quá trình đấu tranh lâu dài, khó khăn, gian khổ của giai cấp. Như vậy, Đảng lãnh đạo là giữ vai trò tiên phong cách mạng, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân để thu hút sự ủng hộ tự nguyện của đại đa số nhân dân để Đảng giành thắng lợi trong đấu tranh giai cấp cách mạng. Khái niệm lãnh đạo chỉ sự ảnh hưởng nhất định đến hành vi của một cộng đồng, tập thể hay cá nhân, nhưng sự ảnh hưởng này không gắn liền với quyền lực, không thông qua cưỡng chế, không cưỡng bức. Lãnh đạo là một khái niệm đặc trưng bởi tính định hướng và thuyết phục. Tính định hướng này trước hết thể hiện ở việc xác định ý nghĩa, giá trị chung mà cả cộng đồng, tập thể chia sẻ và từ đó

tạo động lực, dẫn dắt hành động cho cả cộng đồng, tập thể. Lãnh đạo như vậy là việc xác định mục tiêu đúng đắn, chủ thể lãnh đạo hết lòng hết sức phục vụ lợi ích của cộng đồng, tập thể, từ đó thuyết phục cộng đồng, tập thể cùng thực hiện mục tiêu. Đảng lãnh đạo là đảng có vai trò tiên phong, định hướng, xác định mục tiêu đúng đắn, tạo uy tín để thuyết phục các chủ thể chính trị, cộng đồng xã hội tự nguyện đi theo và thực hiện mục tiêu đó. Nói cách khác, đảng lãnh đạo là định hướng, chỉ đạo, động viên quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị nhằm đạt được những mục tiêu nhất định.

Còn đảng cầm quyền là đảng giành được chính quyền, có chính quyền, nắm chính quyền. Giành chính quyền có thể bằng các cách: (i) đảo chính, (ii) thắng cử, và (iii) cách mạng [111, tr.490].

Phương thức thứ nhất trái pháp luật nhưng vẫn diễn ra ở một số nước trên thế giới. Thế thức thứ hai là hợp pháp và chính đáng, vì các cuộc bầu cử được tiến hành trên cơ sở hợp pháp, hợp hiến và nhân danh đa số nhân dân trực tiếp bỏ phiếu tín nhiệm để ủy quyền cho đảng. Điều này ngày càng phổ biến ở nhiều quốc gia. Và phương thức thứ ba đã diễn ra ở nhiều nước trong thế kỷ XX, đặc biệt là các cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Các cuộc cách mạng là bất chấp pháp luật hiện hành, tương như là phi pháp, nhưng pháp luật hiện hành đã lỗi thời, cùng với một hệ thống xã hội lỗi thời cần phải xóa bỏ để tạo ra pháp luật và chế độ xã hội mới phù hợp với ý nguyện của nhân dân, đó là thượng tôn pháp luật. Và nhân dân đi theo đảng làm cách mạng cũng trao quyền đầy đủ nhất cho đảng và khi cách mạng thành công thì đảng đó sẽ trở thành đảng cầm quyền.

Trong lịch sử chính đảng trên thế giới, đến nay có hai mô hình đảng cầm quyền cơ bản tương ứng với hai hệ thống chính trị của CNTB và CNXH.

Một là: Mô hình đảng cầm quyền trong chủ nghĩa tư bản. Thể chế nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tam quyền phân lập. Các đảng chính trị cạnh tranh cầm quyền, đảng thắng cử sẽ nắm giữ quyền lực nhà nước, kiểm soát các nhánh quyền lực, các đảng đối lập cạnh tranh với đảng cầm quyền bằng các đối sách trong nghị viện, tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng. Để thực hiện vai trò cầm quyền, đảng cầm

quyền lựa chọn đại biểu chính trị của mình nắm giữ các vị trí chủ chốt trong nhà nước, điều hành công việc của nhà nước theo chính sách của đảng và pháp luật. Vai trò cầm quyền của chính đảng chủ yếu được thực hiện thông qua các đại biểu chính trị, trong đó vị trí quan trọng nhất là người đứng đầu cơ quan hành pháp (tổng thống hoặc thủ tướng). Đảng cầm quyền luôn phải đối phó với các đảng đối lập, tìm cách củng cố vai trò cầm quyền của mình bằng những chính sách phù hợp với luật pháp (thực chất là ý chí của giai cấp tư sản), đồng thời tranh thủ sự ủng hộ các nhóm xã hội và công chúng.

Hai là: Mô hình đảng cầm quyền trong chủ nghĩa xã hội. Quyền lực nhà nước tổ chức theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, có sự phân công, phối hợp và giám sát lẫn nhau giữa quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đảng Cộng sản ở trong mô hình này là chính đảng duy nhất cầm quyền, là tổ chức giữ vai trò là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng Cộng sản nắm giữ vai trò cầm quyền bằng thể chế hóa đường lối, chính sách thành hiến pháp, pháp luật và cầm quyền theo pháp luật; đồng thời thông qua những cán bộ ưu tú, tổ chức đảng được bố trí trong các cơ quan nhà nước. Đảng Cộng sản xác lập và củng cố vai trò cầm quyền bằng uy tín chính trị, phát huy dân chủ rộng rãi để nhân dân ủng hộ, nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước.

Cả hai mô hình đảng cầm quyền trên mặc dù khác nhau về mục đích, bản chất và cách thức hoạt động, nhưng đều có những điểm chung, là các đảng cầm quyền đều phải triển khai hoạt động xung quanh nhà nước, nắm giữ, củng cố quyền lực nhà nước bằng pháp luật; bố trí đại diện chính trị của mình nắm giữ các cơ quan nhà nước, thông qua đó để hiện thực hóa đường lối, chính sách cầm quyền. Xa rời quyền lực nhà nước, đảng cầm quyền mất đi ý nghĩa tồn tại của mình.

Từ những đặc điểm có tính quy luật của hai mô hình cầm quyền nêu trên, có thể quan niệm: *Đảng cầm quyền là chính đảng (thông qua một phương thức hoạt động nào đó), giành được quyền thiết lập, chi phối, kiểm soát bộ máy nhà nước, trong đó tập trung là cơ quan hành pháp để hiện thực hóa mục tiêu chính trị, theo Hiến*

pháp và pháp luật của một quốc gia, dân tộc mà đảng cầm quyền và nhà nước đó đại diện.

Ra đời trong cuộc đấu tranh cách mạng giành quyền lực, đối với Đảng Cộng sản, con đường trở thành đảng cầm quyền phải trải qua nhiều cuộc đấu tranh cách mạng, cách mạng vô sản hoặc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, lật đổ bộ máy chính quyền của các giai cấp bóc lột, thiết lập một nhà nước kiểu mới – nhà nước vô sản (như ở Nga) hoặc chiến tranh giải phóng dân tộc (như ở các nước Đông Âu), hoặc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân như Việt Nam... Thắng lợi của các cuộc cách mạng đó đưa giai cấp công nhân lên địa vị giai cấp cầm quyền và chính Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân trở thành Đảng cầm quyền. Khi giai cấp công nhân nắm quyền thống trị, Lênin đã khẳng định “đảng cầm quyền” được hiểu là “Đảng nắm chính quyền” bằng những người đại diện của đảng trực tiếp thực hiện công việc quản lý trong bộ máy nhà nước. Theo Lênin, những cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước phải hoạt động làm sao bảo đảm vừa với tư cách là người đại diện cho đảng thực hiện việc tuyên truyền, vận động nhân dân đi theo đảng, tức là hoạt động “lãnh đạo”, vừa với tư cách là người đại diện cho đảng, đồng thời là đại biểu của nhân dân thực hiện công việc quản lý nhà nước, tức là hoạt động “cầm quyền”. Điều đó cho thấy, đảng cầm quyền là một khái niệm gắn với quyền lực. Tức đảng có quyền lực chính trị mà cụ thể là ở việc “nắm chính quyền” hay nắm “quyền lực nhà nước”, thực thi quyền lực chính trị thông qua Nhà nước, bởi nhà nước, vì vậy phải nắm và thống trị quyền lực nhà nước, thông qua đó để chi phối đời sống xã hội.

Muốn trở thành một đảng cầm quyền thì ý chí của đảng đó phải trở thành ý chí chung của xã hội. Nhưng muốn ý chí của đảng trở thành ý chí chung của xã hội, trừ trường hợp tiến hành chiến tranh, cách mạng, đảo chính thì đảng đó phải là lực lượng chính trị tiên phong nhất, là đảng đa số (đa số trong nghị viện đối với các chính thể quân chủ đại nghị và chính thể cộng hòa, hoặc phải đa số trong bầu cử tổng thống đối với chính thể tổng thống), đảng đó phải thắng cử trong các cuộc bầu cử vào nghị viện (chính thể cộng hòa) hoặc chiếm đa số phiếu bầu của cử tri trong bầu cử tổng

thống (chính thể tổng thống). Khi đảng đã trở thành đảng đa số thì tất yếu ý chí của đảng trở thành ý chí chung của toàn xã hội, đảng đó sẽ có quyền chi phối cả bộ máy nhà nước.

Nội dung cầm quyền của Đảng chính trị cầm quyền

Nội dung cầm quyền của đảng chính trị là các hoạt động của đảng nhằm nắm giữ quyền lực nhà nước, bao gồm tổ chức, thể chế, hoạt động của nhà nước, đội ngũ cầm quyền, thông qua nhà nước để giải quyết mối quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế... Đó là những nhiệm vụ cụ thể để đảng chính trị nắm giữ quyền lực nhà nước và thông qua việc sử dụng quyền lực nhà nước chi phối các hoạt động của xã hội.

Nội dung cầm quyền của đảng cầm quyền “là những hoạt động, công việc mà đảng cầm quyền có thể làm, cần làm nhằm sử dụng, phát huy vị thế, quyền được hiến pháp quy định để tác động, chi phối đối với nhà nước và xã hội trong suốt nhiệm kỳ của cơ quan nhà nước, sao cho thể hiện đúng và xứng đáng với vị thế, trách nhiệm của đảng cầm quyền, giữ vững vị thế là đảng cầm quyền và duy trì được vị thế này ở các nhiệm kỳ tiếp theo” [124, tr.9]

Trong quan niệm này có một số điểm cần lưu ý:

Một là, cần hiểu đúng chữ “cầm” trong cụm từ cầm quyền. Chữ “cầm” ở đây không đơn giản là hoạt động “cầm”, “nắm”, “giữ”. Đảng cầm quyền đương nhiên phải lo cầm, nắm, giữ quyền, không để bị suy giảm và mất quyền. Nhưng, chữ “cầm” ở đây quan trọng là có quyền và sử dụng, phát huy quyền mà đảng cầm quyền có được, được giao phó, được hiến pháp của quốc gia ghi nhận. Theo đó, nội dung cầm quyền của đảng cầm quyền bao gồm cả việc nắm, giữ và việc sử dụng, phát huy quyền của đảng cầm quyền để xứng đáng với sự suy tôn của nhân dân và tiếp tục là đảng cầm quyền trong các nhiệm kỳ tiếp theo.

Hai là, cần hiểu đúng chữ “quyền” trong cụm từ cầm quyền. Đây là quyền tác động, chi phối không chỉ đối với chính quyền nhà nước, mà còn đối với sự phát triển chung của cả xã hội. Đương nhiên, chính quyền nhà nước là cơ quan thể hiện tập trung của chính trị, nhưng nhà nước cũng chỉ là cơ quan do nhân dân ủy cho quyền

quản lý đất nước, còn quyền lực chính trị vẫn thuộc về nhân dân; nhà nước cũng chỉ thực hiện chức năng quản lý đối với các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội, trong khi đời sống xã hội là hết sức rộng lớn, phong phú, chẳng hạn: nhà nước không làm thay chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chức năng quản lý nội bộ của đơn vị sự nghiệp. Vì thế, cần hiểu nội dung cầm quyền của Đảng trên bình diện rộng lớn đối với toàn xã hội, không đồng nhất với việc nắm chính quyền, không chỉ giới hạn trong quan hệ đối với nhà nước.

Ba là, quyền của đảng cầm quyền đi đôi với trách nhiệm, được giới hạn bởi hiến pháp và pháp luật. Quyền của đảng chính trị cầm quyền do hiến pháp quy định, là do nhân dân (cử tri) tín nhiệm trao cho. Hiến pháp trao quyền, đồng thời ràng buộc trách nhiệm của đảng cầm quyền. Quyền càng lớn, thì trách nhiệm càng nặng nề. Trách nhiệm chính trị lớn nhất của đảng cầm quyền được phán quyết bởi nhân dân trong cuộc bầu cử quốc hội, nếu đảng cầm quyền không đưa ra được chính sách hợp lòng dân, không xử lý đúng các vấn đề chung của xã hội và quan hệ đối ngoại, những đại diện của đảng lạm quyền, tham nhũng..., sẽ bị mất tín nhiệm, không chiếm được đa số ghế trong quốc hội. Quốc hội, pháp luật có cơ chế kiểm soát quyền lực của đảng cầm quyền.

Bốn là, quan hệ giữa nội dung cầm quyền và phương thức cầm quyền của đảng chính trị. Đối với một đảng chính trị cầm quyền luôn có hai lĩnh vực phải quan tâm là: nội dung cầm quyền và phương thức cầm quyền. Hiểu một cách khái quát, nội dung cầm quyền là những công việc đảng chính trị cầm quyền có thể và phải làm; phương thức cầm quyền là những cách thức, phương pháp, quy trình mà đảng cầm quyền sử dụng để tác động vào nhà nước và xã hội nhằm thực hiện thắng lợi những nội dung cầm quyền và đảng thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của đảng cầm quyền. Nội dung cầm quyền và phương thức cầm quyền có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó nội dung cầm quyền quy định phương thức cầm quyền và qua thực hiện phương thức cầm quyền mà đảng hoàn thiện các nội dung cầm quyền.

Nội dung cầm quyền của đảng chính trị là cách nói tắt nội dung hoạt động của đảng chính trị cầm quyền đối với nhà nước và xã hội. Khi trở thành đảng cầm quyền,

đảng chính trị sử dụng vị thế, quyền lực của đảng được hiến pháp ghi nhận để thi hành cương lĩnh, chính sách của mình đối với nhà nước và xã hội.

Nội dung cầm quyền của Đảng bao gồm những việc thuộc quyền và trách nhiệm của Đảng khi cầm quyền phải thực hiện. Là đảng cầm quyền có vai trò và quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nội dung cầm quyền của Đảng bao quát và chi phối toàn diện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại, trong đó có thể thấy những nội dung cầm quyền chủ yếu như:

Một là: Đảng giữ quyền lãnh đạo Nhà nước: Đây là nội dung cầm quyền quan trọng nhất, đặc trưng nhất của đảng cầm quyền. Là đảng cầm quyền, Đảng phải lãnh đạo xây dựng Nhà nước vững mạnh và lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối chính trị của Đảng thành pháp luật và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước để lãnh đạo toàn xã hội.

Hai là: Đảng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm thực hiện đường lối chính trị của Đảng.

Ba là: Đảng giữ quyền lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, văn hóa, xã hội đến an ninh, quốc phòng, đối ngoại...

Bốn là: “Đảng giữ quyền lãnh đạo toàn xã hội. Đây là đặc điểm khác biệt có tính đặc thù của đảng cộng sản cầm quyền. Trong thể chế đa đảng ở hầu hết các nước, đảng cầm quyền chỉ nắm và lãnh đạo nhà nước, còn các chính đảng khác hợp thành lực lượng chính trị đối lập với đảng cầm quyền” [34, tr.8-11].

Trong điều kiện đảng chưa cầm quyền, đảng phải tập trung lãnh đạo để cầm quyền, nên nội dung lãnh đạo hướng vào xây dựng nội bộ đảng và vận động các tầng lớp nhân dân; nghĩa là đảng phải bày tỏ những quan điểm, cương lĩnh, chiến lược, sách lược đấu tranh chống thế lực cầm quyền trên tất cả các mặt, đồng thời truyền truyền, giác ngộ, tranh thủ quần chúng ủng hộ để tạo ra thời cơ, khả năng cầm quyền. Khi trở thành đảng cầm quyền, đảng có nhiệm vụ quan trọng nhất là xây dựng và tổ chức hoạt động của nhà nước, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nghĩa là lãnh đạo toàn diện, bao trùm nhà nước và xã hội. Nội dung

cầm quyền tập trung vào các vấn đề nhà nước, những việc cần làm để nắm vững quyền lực nhà nước, phát huy vai trò nhà nước trong thực hiện mục tiêu, cương lĩnh chính trị của đảng; là những nhiệm vụ tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước phải thực hiện theo yêu cầu cầm quyền của Đảng.

Điều quan trọng nhất khiến cho một đảng chính trị là đảng cầm quyền đó là nó không chỉ chi phối được Nhà nước mà còn chi phối được định hướng phát triển của xã hội. Đó là hai mặt thống nhất mà đảng cầm quyền phải giải quyết hài hòa, tùy theo điều kiện lịch sử, hoàn cảnh chính trị cụ thể trong nước và quốc tế để có được cách thức, phương pháp phù hợp. Suy cho cùng, đảng cầm quyền là đảng được xã hội tôn vinh, thừa nhận, chi phối và sử dụng Nhà nước, pháp luật như một công cụ, sức mạnh để duy trì, củng cố, không ngừng làm tăng thêm lòng tin của xã hội đối với chính mình, làm cho vị thế xã hội của đảng luôn ưu trội so với các đảng chính trị đối lập.

Để cầm quyền, đảng phải có đủ các điều kiện như sau: 1) có lý luận cầm quyền khoa học, tiến bộ; 2) có cương lĩnh cầm quyền phù hợp với quy luật khách quan và lợi ích chung của số đông trong xã hội và 3) có bộ máy cầm quyền và đội ngũ cầm quyền đủ phẩm chất và năng lực, 4) tổ chức và hoạt động một cách hợp pháp.

2.1.1.3. Đảng Cộng sản cầm quyền

Về vấn đề Đảng Cộng sản cầm quyền, tuy C.Mác và PhĂngghen chưa dùng cụm từ “Đảng Cộng sản cầm quyền” nhưng khi bàn về vai trò, sứ mệnh của giai cấp vô sản và chính đảng của nó, các cụm từ như “quyền thống trị của giai cấp vô sản”, “giai cấp vô sản nắm tương lai trong tay”, “giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình”, “giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”,... được sử dụng khá thường xuyên và phân tích ở những khía cạnh khác nhau. Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ăngghen đã nhấn mạnh “Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác: tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành chính quyền” [70, tr.615] qua đó cho rằng, thắng lợi của giai cấp vô sản sẽ đưa giai cấp vô sản từ người bị áp bức, bóc lột trở thành giai cấp lãnh đạo, lực lượng xây dựng xã

hội mới dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong chính trị của mình là Đảng Cộng sản. Đặc biệt, khi tổng kết kinh nghiệm cách mạng của Công xã Pari (1871), trong tác phẩm “Nội chiến ở Pháp” và một số tác phẩm khác, C.Mác viết “Giữa những hành vi đốn hèn và phản bội của giai cấp thống trị, những người vô sản Pari đã hiểu rõ rằng đã đến lúc phải tự mình quản lý lấy công việc xã hội để cứu vãn tình thế... giai cấp vô sản hiểu rõ rằng nghĩa vụ tối cao và quyền tuyệt đối của mình là phải tự mình làm chủ vận mệnh của mình, tự mình nắm lấy chính quyền” [68, tr.87 – 88], những nội hàm của khái niệm “Đảng Cộng sản cầm quyền” đã được thể hiện và nhận thức rõ, giai cấp công nhân phải đấu tranh cách mạng để thiết lập chuyên chính vô sản, qua đó xây dựng chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo toàn bộ quá trình cách mạng đó nhưng vì chưa thực sự có thực tiễn nên nhận thức cụ thể về nội dung, phương thức cầm quyền là thế nào thì chưa đề cập đến.

Sở dĩ như vậy là do giai cấp vô sản trong thực tế chưa giành được chính quyền, chưa có một nhà nước của mình, nên các ông chưa đưa ra quan điểm cụ thể về sự cầm quyền của Đảng, Mác và Ăngghen mới chỉ đề cập tới phương thức lãnh đạo chính trị của Đảng, cụ thể là kết hợp lý luận tiên phong với thực tiễn phong trào công nhân, phải gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chung chống bọn tư bản và bọn địa chủ, chống sự thống trị giai cấp của bọn chúng được tổ chức thành nhà nước, phải là tổ chức độc lập với tất cả các đảng khác, phải hợp tác và đoàn kết quốc tế, phải xây dựng liên minh công nông là cơ sở chính trị cơ bản và quan trọng nhất của Đảng, phải thống nhất giữa tính dân tộc và quốc tế [69].

Bước vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng vô sản, phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph. Ăngghen về Đảng Cộng sản, trong đó khẳng định vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, V.I.Lênin đã xây dựng lý luận đảng kiểu mới, trong đó có nội dung phương thức lãnh đạo và cầm quyền của đảng. Theo Lênin, Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân là một đảng tiên phong về lý luận. “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” “chỉ đảng nào được

một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sỹ tiên phong” [65, tr.30-32]. Ông cho rằng:

Sự phát triển của đảng Bôn sê vích – là đảng hiện nay đang cầm quyền ở Nga, đã chỉ ra một cách đặc biệt rõ ràng cho chúng ta thấy rằng bước ngoặt lịch sử mà chúng ta đang trải qua – các bước ngoặt nói nên đặc điểm của tình thế chính trị hiện nay và đòi hỏi Chính quyền xô viết phải tìm ra phương hướng mới tức là cách thức mới để đề ra những nhiệm vụ mới – là như thế nào [58, tr.208].

Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân gồm đội ngũ những người hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, Người chỉ rõ “Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào” [56, tr.473]. Từ lý luận về Đảng vô sản kiểu mới, Lênin cũng chỉ rõ những vấn đề lý luận quan trọng về sự cầm quyền của Đảng, trong đó cốt lõi là nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước và xã hội, trong nền chuyên chính vô sản, nhà nước phải chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Cũng theo Lênin, ông cho rằng mỗi một chính Đảng trước hết cần phải xây dựng sự thống nhất vững chắc về mặt tư tưởng... phải lấy cương lĩnh của Đảng để củng cố sự thống nhất tư tưởng ấy. Thứ nữa, phải xây dựng một tổ chức chuyên trách giữ vững mối liên hệ giữa tất cả các trung tâm của phong trào... Chỉ khi nào đã xây dựng được một tổ chức như vậy... thì khi ấy sự tồn tại của Đảng mới được bảo đảm và Đảng mới trở thành một lực lượng chính trị hùng mạnh

Theo V.I.Lênin, Đảng Cộng sản cầm quyền được hiểu là “đảng nắm chính quyền” bằng những người đại diện của đảng trực tiếp thực hiện công việc quản lý trong bộ máy nhà nước. Theo V.I.Lênin, những cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước phải hoạt động làm sao bảo đảm vừa với tư cách là người đại diện cho đảng thực hiện việc tuyên truyền, vận động nhân dân đi theo đảng, tức là hoạt động “lãnh đạo”, vừa với tư cách là người đại diện cho đảng, đồng thời là đại biểu của nhân dân

thực hiện công việc quản lý nhà nước, tức là hoạt động “cầm quyền”. Trong diễn văn tại Hội nghị II toàn Nga các cán bộ tổ chức (6-1920), V.I.Lênin đã viết:

Người cán bộ ấy phải nhớ rằng anh ta không những là người tuyên truyền bằng lời nói, không những phải giúp đỡ những tầng lớp nhân dân mê muội nhất; đó là nhiệm vụ chủ yếu của anh ta và không làm như vậy anh ta không thể tự coi mình là người cộng sản được. Nhưng ngoài ra, anh ta phải là người đại diện Chính quyền Xô- viết... người đại diện cho đảng nắm chính quyền hiện đang thông qua một bộ phận giai cấp vô sản mà điều khiển toàn bộ nước Nga [60, tr.181].

Điều đó cho thấy, đảng cầm quyền là một khái niệm gắn với quyền lực. Tức đảng có quyền lực chính trị mà cụ thể là ở việc “nắm chính quyền” hay “nắm quyền lực nhà nước”. Không những thế, theo V.I.Lênin, khi đảng nắm được chính quyền thì đảng không chỉ có quyền lực chính trị, mà “với tư cách nhà nước, còn có thêm được quyền lực kinh tế” [63, tr.75]. Quyền lực nhà nước cơ bản được thực hiện dưới ba hình thức: (i) Cưỡng chế quyền lực bằng bạo lực, trên cơ sở pháp luật, nhà nước có các công cụ cưỡng chế như công an, quân đội, tòa án, nhà tù... buộc người dân phải tuân theo; là nhân tố bảo vệ thể chế hiện hành, bảo vệ sự cầm quyền của đảng, nếu đảng cầm quyền nắm giữ và chi phối nó; ngược lại, nó có thể là nhân tố lật đổ đảng cầm quyền, làm thay đổi thể chế hiện hành nếu lực lượng đối lập nắm giữ và cầm quyền. (ii) Thực thi quyền lực nhà nước bằng quyền lực kinh tế. Từ nhiều nguồn thu khác nhau, nó cấu thành các nguồn lực kinh tế của nhà nước. Nguồn lực này không chỉ bảo đảm cho hoạt động của bộ máy nhà nước mà còn là nguồn sức mạnh bảo đảm cho sự phát triển bền vững của kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội... theo mục tiêu chính sách của đảng cầm quyền. Sức mạnh và xu hướng của dòng tài chính quốc gia biểu thị sức mạnh và xu hướng của quyền lực chính trị. Đảng cầm quyền không trực tiếp sử dụng nguồn tài chính, mà tác động vào sức mạnh và xu hướng đó bằng chính sách, với những người của đảng trực tiếp cầm quyền. (iii) Thực thi quyền lực bằng trí tuệ và sức mạnh văn hóa. Hiệu quả của việc thực thi quyền lực nhà nước không chỉ phụ thuộc vào sự hoàn

thiện của bộ máy nhà nước mà còn phụ thuộc vào năng lực trí tuệ, văn hóa của những người vận hành bộ máy đó, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu nhà nước. Khi đảng cầm quyền lựa chọn người đứng đầu nhà nước, đội ngũ chính trị gia, công chức nắm giữ và thực thi quyền lực đạt đến đỉnh cao trí tuệ - văn hóa, tạo được sự khâm phục, kính trọng của nhân dân; và nhân dân sẽ tự nguyện phục tùng họ, đồng thời phục tùng sự cầm quyền của đảng.

Như vậy, sự cầm quyền thực sự của đảng chính là bằng nhà nước, thông qua việc nhà nước nắm giữ và kiểm soát quyền lực bạo lực, quyền lực kinh tế và quyền lực trí tuệ - văn hóa để thực thi quyền lực chính trị. Quyền lực bạo lực, quyền lực kinh tế và quyền lực trí tuệ - văn hóa là ba loại quyền lực cơ bản trong đời sống xã hội. Nền văn minh nhân loại đang tiến tới loại thứ ba; tất nhiên, cái nhất và cái thứ hai không thể mất đi, trong khi nhà nước vẫn là nhà nước. Một đảng tiên bộ phải hướng tới cầm quyền bằng trí tuệ - văn hóa, đó là xu thế của văn minh chính trị và cũng là quyền lực cơ bản của đảng cầm quyền, vì sẽ được đa số nhân dân ủng hộ, cũng là loại thứ nhất và loại thứ hai khi cần thiết cũng cần được sử dụng ở một mức độ nhất định.

Một vấn đề cốt tử đối với sự cầm quyền của Đảng là phải phân định chức năng nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng với chức năng, nhiệm vụ quản lý của Nhà nước. Sự cầm quyền của Đảng không chỉ là lãnh đạo Nhà nước mà còn lãnh đạo cả xã hội và việc nhất thể hóa một số bộ phận hoặc cán bộ lãnh đạo của Đảng và chính quyền sẽ không ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của cả Đảng và chính quyền mà điều quan trọng là phải nhận thức rằng Đảng có chức năng lãnh đạo, còn Nhà nước có chức năng quản lý hành chính.

Quản lý nhà nước mang tính chất hành chính, có lúc cần thiết phải sử dụng cả sự cưỡng bức, còn lãnh đạo không thể có cưỡng bức. Lãnh đạo của Đảng cần đến uy tín và có sức thuyết phục cao, từ đó trong quá trình đảng cầm quyền, cần phân định rõ chức năng, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước. Chừng nào mà Ban chấp hành Trung ương Đảng và toàn Đảng còn tiếp tục làm công tác quản lý hành chính, nghĩa là quản lý nhà nước thì không thể nói đến sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Về nội dung lãnh đạo của Đảng cầm quyền, theo Lênin, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện trước hết ở nội dung lãnh đạo. Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Đảng Cộng sản Nga đã lãnh đạo tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền Xô viết. Những nội dung lãnh đạo của Đảng đã có những điểm mới so với trước đó, tức là chuyển trọng tâm từ việc lãnh đạo giành chính quyền về tay giai cấp vô sản sang trọng tâm thực hiện công cuộc khôi phục phát triển kinh tế xã hội. Điều này cho thấy, nội dung lãnh đạo của Đảng khi đã nắm được chính quyền có những điểm khác so với nội dung lãnh đạo khi Đảng chưa nắm được chính quyền. Theo Lênin, sự cầm quyền của Đảng thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, Đảng xác định các mục tiêu mang tính chất định hướng của Đảng, trong các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, nghị quyết của mình. Mục tiêu nói chung và mục tiêu lâu dài nói riêng được Đảng xác định trong các cương lĩnh, nghị quyết của Đảng tại các kỳ đại hội “Nhiệm vụ thứ nhất của bất cứ một chính đảng nào có trọng trách đối với tương lai là thuyết phục cho đa số nhân dân thấy được sự đúng đắn của cương lĩnh và sách lược của mình” [66, tr.208]

Thứ hai, trong các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, nghị quyết của mình, Đảng còn phải xác định cả những nhiệm vụ cho Đảng và Nhà nước. Có nhiệm vụ lâu dài, nhiệm vụ trước mắt trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội.

Thứ ba, việc xác định các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước cần phải có sự định hướng vào các nhiệm vụ cấp thiết và mấu chốt. Các nhiệm vụ chủ yếu bao gồm công tác tư tưởng, xây dựng bộ máy nhà nước và các tổ chức quần chúng, công tác xây dựng Đảng, trong đó đặc biệt vấn đề tổ chức cán bộ và kiểm tra của Đảng, nhiệm vụ trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Từ những luận giải trên có thể khái quát khái niệm về Đảng Cộng sản cầm quyền: *Đảng Cộng sản cầm quyền là đảng giành được quyền thiết lập, sử dụng bộ máy nhà nước phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vì lợi ích của nhân dân*

Như vậy, cầm quyền của Đảng là lãnh đạo và ủng hộ Nhân dân nắm quyền quản lý Nhà nước, lãnh đạo và ủng hộ Nhân dân làm chủ, động viên và tổ chức quản lý các công việc của đất nước và xã hội theo pháp luật, quản lý sự nghiệp kinh tế và văn hóa, thực hiện bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ, bảo đảm nhân quyền, bảo vệ và thực hiện lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân.

2.1.1.4. Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

Khái niệm

Ở nước ta, trên cơ sở tiếp thu, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác -Lênin về công tác xây dựng đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm tiến hành cuộc vận động thống nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng, là người đầu tiên của Đảng sử dụng thuật ngữ “Đảng cầm quyền”. Tuy không trực tiếp đưa ra khái niệm “Đảng cầm quyền” nhưng qua những bài viết, bài nói của Người cho thấy rằng, “Đảng cầm quyền” cũng tức là Đảng nắm chính quyền, nghĩa là Đảng có quyền lực trong thực tế. Trong Di chúc để lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết; “Đảng ta là một đảng cầm quyền” [81, tr.498]. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam được Đại hội toàn quốc lần thứ X, XI, thông qua cũng ghi “Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền” [18, tr.4]. Điều quan trọng nhất trong tư tưởng về Đảng cầm quyền của Hồ Chí Minh là mục đích cầm quyền của Đảng không có gì khác là vì tổ quốc, vì Nhân dân; trở thành đảng cầm quyền, đảng nắm quyền hành và lực lượng, cho nên nếu không giáo dục, rèn luyện cán bộ thật tốt thì cán bộ dễ tham ô, hủ hóa, vác mặt làm quan cách mạng...từ khi thành lập Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh và Đảng ta không ngừng chăm lo xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đồng thời chăm lo xây dựng Mặt trận thống nhất, các tổ chức đoàn thể tạo nền tảng vững chắc cho Đảng, Nhà nước và chế độ.

Ở Việt Nam, sau khi giành được chính quyền (tháng 8/1945), Đảng Cộng sản trở thành đảng cầm quyền và hiện nay là đảng cầm quyền duy nhất. Trong các văn bản, sách báo chúng ta ít sử dụng cụm từ *đảng cầm quyền* mà chủ yếu là sử dụng cụm từ *đảng lãnh đạo*. Hiện nay việc sử dụng khái niệm Đảng Cộng sản cầm quyền

hay khái niệm Đảng Cộng sản lãnh đạo chính quyền vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng đa số cho rằng, dùng khái niệm “Đảng Cộng sản cầm quyền” trong đó có nghĩa là Đảng được Nhân dân ủy quyền thiết lập, điều khiển và sử dụng bộ máy Nhà nước để phục vụ lợi ích của Nhân dân. Năng lực cầm quyền chứa đựng trong đó cả năng lực lãnh đạo chính trị và năng lực xây dựng và sử dụng chính quyền nhà nước của Đảng. Trong điều kiện cầm quyền, sự lãnh đạo chính trị của Đảng hết sức thuận lợi, Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và thông qua hệ thống chính trị để Đảng thực hiện nhiệm vụ của Đảng cầm quyền.

Như vậy có thể định nghĩa: *Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là khái niệm phản ánh thời kỳ Đảng được nhân dân thừa nhận thiết lập hệ thống chính trị đặc biệt đó là bộ máy Nhà nước, bảo vệ và sử dụng hiệu quả bộ máy Nhà nước phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

Khái niệm đảng cầm quyền có hai nghĩa: nói rõ tư cách của Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, hơn nữa ở nước ta hiện nay Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền. Trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011) và một số văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Đảng ta (Đảng Cộng sản Việt Nam) là Đảng cầm quyền. Khái niệm Đảng cầm quyền được V.I.Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam sử dụng đều là theo nghĩa đó. Khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền để xác định rõ vai trò, trách nhiệm của Đảng trước Nhân dân, đất nước, dân tộc; theo đó, đảng phải có năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, giữ gìn phẩm chất đạo đức trong sạch, không lợi dụng chức quyền để vụ lợi... Trong Di chúc, liền ngay sau câu khẳng định “Đảng ta là một đảng cầm quyền”, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của Nhân dân” [84, tr.611-612]

Sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở việc “đây là một đảng chính trị duy nhất trong xã hội Việt Nam, Đảng không những đang lãnh đạo chính quyền mà còn lãnh đạo cả hệ thống chính trị, rộng hơn là lãnh đạo toàn xã hội” [109, tr.4].

Thực tiễn cho thấy, sau hàng chục năm lãnh đạo, dẫn dắt Nhân dân làm cách mạng, với biết bao hy sinh, chiến đấu vô cùng gian khổ, Đảng ta mới giành được chính quyền, mới trở thành Đảng cầm quyền. Dưới sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam chính quyền đã thật sự thuộc về Nhân dân, Nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực theo sự lãnh đạo của Đảng. Một xã hội lành mạnh, một xã hội thực sự dân chủ là xã hội mà mọi quyền lực thuộc về Nhân dân. Cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn được Nhân dân tin tưởng, thừa nhận là “Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội” [19, tr.88]. Đồng thời vai trò này còn được khẳng định trong Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam. **Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong không chỉ của giai cấp công nhân mà là của cả dân tộc, những cán bộ đảng viên của Đảng trực tiếp thi hành những nhiệm vụ quản lý trong bộ máy nhà nước đều là những người được Nhân dân ủy thác bầu ra để phục vụ Nhân dân.** Do vậy, ở nước ta, Đảng nắm chính quyền cũng tức là Nhân dân nắm chính quyền, bởi Đảng chỉ là lực lượng tiêu biểu, đại diện cho toàn dân nắm chính quyền. Cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước có quyền lực nhưng quyền lực đó là thuộc về Nhân dân. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Đây là một nét đặc thù của Đảng cầm quyền ở Việt Nam hiện nay. Điều này không có được đối với các đảng cầm quyền ở nhiều nước trên thế giới, khi mà đảng cầm quyền chỉ đại diện cho một lực lượng trong nhiều lực lượng khác nhau của các giai cấp, tầng lớp dân chúng trong xã hội.

Để duy trì vai trò cầm quyền vững chắc của mình, Đảng phải không ngừng chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xác lập và thực hiện tốt nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng, ra sức phát huy vai trò là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng ta cầm quyền theo nghĩa như thế, với phạm vi rộng như thế, được khẳng định trong thực tế và được chế định

ngay cả trong bản Hiến pháp, thể hiện thành quả của cách mạng nước ta trong suốt bao nhiêu năm qua, thể hiện sự phấn đấu kiên cường, không mệt mỏi của Đảng. Đảng được các tổ chức trong hệ thống chính trị và Nhân dân giao cho trọng trách đó chứ không phải tự nhiên mà có và cứ tự nhận mà được.

Cho dù là tồn tại trong hệ thống chính trị đa đảng hay một đảng, trong điều kiện của nền chính trị đương đại, toàn cầu hóa và kinh tế thị trường, một đảng cầm quyền, ngay cả với Đảng Cộng sản Việt Nam, để giữ được vị thế cầm quyền cần phải đáp ứng được những điều kiện tiên quyết sau:

Có một chủ nghĩa, chủ nghĩa luôn được cách tân, phát triển, hợp thời đại, thuận lòng dân. Sinh thời, khi đề cập đến điều cốt tử này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa thì cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” [75, tr.268]. Trên nền tảng của chủ nghĩa ấy, đảng phải xây dựng được cương lĩnh, đường lối chính trị sát hợp từng giai đoạn lịch sử, thể hiện quan điểm, chính sách của đảng trên những vấn đề bức xúc của xã hội, trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, lợi ích cơ bản của dân tộc, trong những vấn đề về phát triển, về đời sống và sự hài lòng của dân chúng đối với sự cầm quyền của đảng. Như thế, đảng cần phải có sự tự nhận thức và một cơ chế phản biện, bảo đảm sự phán xét kịp thời những sai lầm của đường lối, không để trở thành những vấn đề mà sự phán xét chỉ thuộc về lịch sử.

Ở thời kỳ lịch sử nào, đảng cầm quyền cũng phải có lãnh tụ. Lãnh tụ của đảng cũng phải là lãnh tụ của dân tộc, được cả dân tộc, Nhân dân lựa chọn, tôn vinh theo những hình thức nhất định, tùy theo truyền thống chính trị của mỗi nước. Có thể quan niệm về lãnh tụ còn có sự khác nhau, song chắc chắn đó phải là người kết tinh được tinh hoa trí tuệ, văn hóa của dân tộc, thời đại, có đầy đủ phẩm chất của một nhà lãnh đạo, huy động được mọi nguồn lực của dân tộc, quốc gia, sức mạnh của đảng và Nhà nước cho việc thực hiện thành công mục tiêu, lý tưởng mà Nhân dân hướng tới. Một đảng có lãnh tụ là có được một sức mạnh của trí tuệ và một uy quyền thu phục. Điều đó tránh cho đảng nguy cơ bè phái, tranh giành quyền lực, và nhất là nguy cơ hình

thành chủ nghĩa độc tài tập thể, đem đa số thay cho trí tuệ, lẽ phải. Bi kịch của một đảng cầm quyền, của một quốc gia, dân tộc là ở một thời kỳ lịch sử nào đó đã không có được một lãnh tụ của mình.

Đảng cầm quyền phải chính danh, nghĩa là toàn bộ hoạt động của đảng phải đúng với mục tiêu, lý tưởng mà đảng theo đuổi, hứa hẹn với công chúng, đường lối, chủ trương của đảng phải được công khai, minh bạch; từ lãnh tụ của đảng đến mọi đảng viên trong suy nghĩ, lời nói và việc làm phải nhất quán, đúng với con người, chức danh và trách nhiệm của mình, sẵn sàng nhận sai lầm và chịu trách nhiệm cá nhân trước đảng, trước Nhà nước và trước dân chúng. Đảng chính danh như thế là làm cho nền chính trị cai trị chính danh, cái đem lại lòng tin cho dân chúng, là điều kiện cho hội nhập quốc tế.

Đảng cầm quyền, và là đảng vô sản cầm quyền, phải có một đội ngũ đảng viên trung thành với lý tưởng của đảng, có phẩm chất cá nhân ưu việt, là “những đầu óc tích cực nhất, sáng suốt và cương quyết nhất”. Điều cốt yếu là đội ngũ đảng viên ấy, dù có giữ trọng trách cao nhất trong đảng cũng đều phải được kiểm soát chặt chẽ, được đặt trong khuôn khổ pháp lý, với những thể chế tổ tụng tương xứng. Và, vì đảng là đảng cầm quyền nên đội ngũ đảng viên của đảng phải biết cầm quyền, nghĩa là phải “biết tri ân với dân và thông hiểu hình luật”, phải hành xử theo nguyên tắc “trăm điều phải có thần linh pháp quyền”- nguyên tắc cai trị hàng đầu mà sinh thời, ngay từ năm 1919 trong tác phẩm “Việt Nam yêu cầu ca” Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đề xướng.

Nội dung và đặc điểm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Với tư cách là Đảng duy nhất cầm quyền, Đảng chịu trách nhiệm trước Nhân dân về vận mệnh của dân tộc và sự phát triển của đất nước. Nội dung cầm quyền của Đảng xác định vị trí cầm quyền của Đảng, thể thiện quyền hạn và trách nhiệm của Đảng trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước trong những thời kỳ nhất định, trong từng lĩnh vực cụ thể, trong các mối quan hệ quyền lực cụ thể với Nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Nội dung cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là những hoạt động, công việc mà Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền có thể làm, cần làm trong việc sử dụng, phát huy vị thế, quyền được Hiến pháp quy định để tác động, chi phối đối với Nhà nước và xã hội, bảo đảm thể hiện đầy đủ, đúng đắn và xứng đáng với vị thế, trách nhiệm của Đảng cầm quyền, giữ vững vị thế là Đảng cầm quyền và duy trì được vị thế này trong tương lai.

Như vậy, nội dung cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là việc nắm chính quyền nhà nước, mà quan trọng là việc Đảng sử dụng, phát huy vị thế được Hiến pháp quy định và với đa số đảng viên trong Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp, cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị - xã hội để tác động, chi phối đối với Nhà nước và xã hội, nhằm thể hiện và xứng đáng với vị thế, trách nhiệm của Đảng cầm quyền. Sự cầm quyền của Đảng vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Nội dung cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm nội dung cầm quyền đối với Nhà nước, trong đó tập trung là nội dung cầm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đối với Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban chấp hành trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; nội dung cầm quyền của cấp ủy địa phương đối với Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Tòa án Nhân dân, Viện kiểm sát Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban chấp hành của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan quân sự, cơ quan công an cùng cấp. Những nội dung này được xác định rõ cả thẩm quyền và trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể, đối với từng đối tượng, ở từng cấp, trên từng lĩnh vực và trong từng thời kỳ.

Trước hết, Đảng cầm quyền phải khẳng định trách nhiệm và quyền hạn của Đảng trong việc xây dựng bộ máy Nhà nước; Đảng lãnh đạo xây dựng bộ máy Nhà nước bằng việc đề ra phương hướng, nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước; Đảng nắm công tác cán bộ của bộ máy nhà nước, đặc biệt là những chức vụ chủ chốt. Trên cơ sở đó, nội dung cầm quyền của Đảng thể hiện rõ nhất trong cương lĩnh chính trị,

trong chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, đảm bảo tính định hướng chính trị cho sự phát triển của đất nước hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. Với ý nghĩa như vậy, việc xác định đúng đắn, hợp lý và tối ưu các nội dung cầm quyền của Đảng trong từng giai đoạn cụ thể của đất nước là vô cùng quan trọng.

Trong lĩnh vực chính trị, việc hoạch định đường lối chính trị là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng. Để cầm quyền và lãnh đạo thành công, Đảng có trách nhiệm xác lập thể chế chính trị - xã hội của đất nước trên các mặt: cơ cấu tổ chức chính trị - xã hội, cơ chế vận hành xã hội và những điều kiện đảm bảo cho hai vấn đề trên

Trong lĩnh vực kinh tế, nội dung cầm quyền và lãnh đạo trọng tâm của Đảng là việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây được xem là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong lĩnh vực xã hội, với sứ mệnh của mình, Đảng phải lãnh đạo việc phát huy sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất – tinh thần của Nhân dân, phát triển các quan hệ xã hội lành mạnh, bảo đảm công bằng, bình đẳng xã hội, phát triển con người, xây dựng một xã hội văn minh, con người hạnh phúc.

Trong lĩnh vực văn hóa, trên nền tảng của việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng phải xác định và lãnh đạo phát triển nhanh chóng nền văn hóa chính trị nói chung và văn hóa cầm quyền của Đảng nói riêng. Văn hóa chính trị của Đảng, đến lượt mình, lại chỉ đạo việc lựa chọn mục tiêu, lý tưởng chính trị; nó quy định đường lối, nội dung chiến lược phát triển đất nước, đồng thời là sức mạnh chính trị của Đảng trong thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển đất nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền có những đặc điểm chung như tất cả các đảng chính trị cầm quyền khác trên thế giới:

Một là, Đảng sử dụng quyền lực chính trị được Hiến pháp quy định để chi phối, tác động vào Nhà nước trong việc thể chế hóa, cụ thể hóa cương lĩnh, đường lối của Đảng thành pháp luật, chính sách, các chương trình, kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện.

Hai là, Đảng bố trí, giới thiệu cán bộ đảng, đảng viên ứng cử các chức vụ lãnh đạo của cơ quan nhà nước và bằng đa số đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp để bầu các cán bộ đảng, đảng viên do Đảng giới thiệu vào các chức danh chủ chốt của cơ quan nhà nước, nhất là ở cấp Trung ương.

Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền có những đặc điểm riêng gắn với thể chế chính trị của nước ta như: *Một là*, Đảng cầm quyền trong thể chế chính trị nhất nguyên, từ cuối năm 1988 đến nay là Đảng chính trị duy nhất, không có các đảng khác. *Hai là*, Đảng giành được địa vị cầm quyền không qua tranh cử như trong thể chế đa đảng mà xác lập quyền lãnh đạo nhà nước và xã hội như một tất yếu tự nhiên sau khi lãnh đạo Nhân dân ta giành được chính quyền, từ chế độ thuộc địa, phong kiến, khôi phục độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, là Đảng duy nhất lãnh đạo Nhân dân giành được chính quyền nhà nước và Đảng cầm quyền liên tục từ khi có chính quyền đến nay. *Ba là*, Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với các lực lượng vũ trang, không có việc “trung lập hóa”, “phi chính trị hóa” quân đội. *Bốn là*, Đảng có cơ sở chính trị là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đại diện là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức này tham gia xây dựng Đảng; giám sát, phản biện xã hội, phối hợp hoạt động đối với các cơ quan nhà nước.

Như vậy, sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là việc Đảng nắm chính quyền nhà nước mà còn là sử dụng, phát huy địa vị, vị thế được Hiến pháp quy định và đội ngũ đảng viên trong bộ máy nhà nước để thể hiện và xứng đáng với vị thế, trách nhiệm của một đảng cầm quyền chân chính. Sự cầm quyền của Đảng vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của Đảng đối với Nhà nước và xã hội do sự quy định tất yếu của lịch sử.

2.1.2. Phương thức cầm quyền của Đảng

2.1.2.1. Khái niệm phương thức cầm quyền của Đảng

Theo từ điển tiếng Việt “Phương thức là cách thức, phương pháp và hình thức tiến hành” [129, tr.1352]. Thuật ngữ phương thức cầm quyền của Đảng là một vấn đề khó và lớn, đang được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu.

Khi Đảng có chính quyền thì chính quyền là công cụ mạnh mẽ, sắc bén nhất để đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Phương thức này thể hiện cụ thể trong việc Đảng làm thế nào phát huy được vai trò hạt nhân trong các tổ chức, làm thế nào để tổ chức nhịp nhàng được tất cả các lực lượng tập trung vào công tác phát triển xây dựng kinh tế, làm thế nào để thông qua phương pháp khoa học, dân chủ đề ra được đường lối, phương châm, chính sách đúng đắn, làm thế nào để bảo đảm các cơ quan lập pháp, tư pháp, hành chính, các tổ chức kinh tế, văn hóa và đoàn thể Nhân dân làm việc một cách chủ động, phối hợp nhịp nhàng và có trách nhiệm trong phạm vi hiến pháp và pháp luật. Một tổ chức Đảng mạnh, đảng đó phải thể hiện vai trò của mình đối với xã hội như thế nào, và điều đó phải được thực hiện thông qua việc đảng vận dụng những cách thức hoạt động như thế nào. Ngược lại, thông qua việc Đảng sử dụng những phương pháp, cách thức, hình thức tác động vào nhà nước, vào hệ thống chính trị và vào xã hội sẽ giúp cho đảng nhìn thấy những vấn đề cần điều chỉnh, cần củng cố trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức của đảng đáp ứng những đòi hỏi trong thực thi quyền lực chính trị, thực hiện các mục tiêu chính trị, mà trước hết là bảo vệ chế độ chính trị.

Tóm lại, *Phương thức cầm quyền của đảng chính trị là cách thức, biện pháp, phương pháp nắm giữ và sử dụng quyền lực nhà nước thực hiện mục tiêu chính trị của đảng cầm quyền, đồng thời xây dựng cơ sở, nền tảng chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội đảm bảo sự cầm quyền ổn định, vững chắc.*

Phương thức cầm quyền của Đảng là chỉ tên gọi chung của các phương thức, biện pháp, thể chế, cơ chế của Đảng cầm quyền để thực hiện mục tiêu cầm quyền dưới sự chỉ đạo của quan niệm cầm quyền nhất định, thông qua việc nắm vững, vận

dụng và kiểm soát chính quyền nhà nước thực hiện mục tiêu chính trị của đảng cầm quyền, đồng thời xây dựng cơ sở, nền tảng chính trị, kinh tế, tư tưởng văn hóa, xã hội đảm bảo sự cầm quyền ổn định, vững chắc, nó thể hiện năng lực cầm quyền của Đảng.

Khi đảng đã có chính quyền thì chính quyền là công cụ mạnh mẽ, sắc bén nhất để đưa đường lối, chủ trương của đảng vào cuộc sống, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Cùng với sự thay đổi về điều kiện lịch sử xã hội của đảng cầm quyền và nhận thức sâu sắc về quy luật cầm quyền của đảng, phương thức cầm quyền của đảng cũng không ngừng thay đổi và phát triển. Phương thức cầm quyền của đảng phụ thuộc vào nội dung cầm quyền, vào các nhiệm vụ chính trị mà đảng cầm quyền phải giải quyết và sự biến đổi của lịch sử, vì vậy nó không phải là bất biến. Phương thức cầm quyền thay đổi tùy thuộc vào sự thay đổi của nội dung cầm quyền và tình hình lịch sử cụ thể.

Nghiên cứu về phương thức cầm quyền không tách rời những tìm tòi về quan hệ giữa Đảng và chính quyền. Nhìn từ góc độ nào đó, cầm quyền phản ánh vấn đề quan hệ giữa đảng cầm quyền và chính quyền nhà nước.

2.1.2.2. Các phương thức cầm quyền

Nhìn từ kinh nghiệm thực tiễn cầm quyền ở các nước trên thế giới, phương thức cầm quyền chủ yếu có 2 phương thức sau đây:

Thứ nhất: Phương thức cầm quyền tuân thủ các nguyên tắc dân chủ - pháp quyền.

Đảng cầm quyền thông qua cơ quan chính quyền nhà nước để nắm giữ quyền lực công, thông qua quy trình pháp luật, nâng chủ trương, chính sách của đảng cầm quyền lên thành ý chí nhà nước, thực hiện yêu cầu lợi ích của đảng cầm quyền. Đây là phương thức cầm quyền của các nhà nước pháp trị hiện đại sử dụng phổ biến, theo thông lệ của nhà nước hiện đại, kiểu phương thức cầm quyền này là phù hợp nhất với nguyên tắc chính trị Hiến pháp dân chủ, cũng là phương hướng phát triển của việc đổi mới và hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phương thức này thể hiện như sau: Đảng đề ra đường lối, việc đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống được đảng thông qua các tổ chức đảng, thủ lĩnh

của đảng và các đảng viên trong cơ quan nhà nước để thể chế hóa đường lối thành hiến pháp, pháp luật, chính sách của nhà nước. Đảng có quyền chính đáng bố trí nhân sự trong bộ máy nhà nước theo luật định đối với các chức danh chính trị. Đảng xiết chặt kỷ luật đảng trong thực hiện chủ trương của đảng. Đảng thông qua tuyên truyền, giáo dục vận động để tạo ý chí chung, tạo sự đồng thuận xã hội với đảng và nhà nước. Đảng nắm quyền thông qua công tác kiểm tra đảng trong việc chấp hành cương lĩnh, điều lệ của Đảng đối với tổ chức và nhà nước. Đảng nắm quyền thông qua công tác kiểm tra đảng trong việc chấp hành cương lĩnh, điều lệ Đảng đối với các tổ chức đảng.

Cơ sở để đánh giá việc đảng cầm quyền theo phương thức dân chủ - pháp quyền là phải có hệ thống luật về tổ chức và hoạt động của đảng. Trong các luật này, nhà nước quy định đảng được tổ chức, hoạt động như thế nào, có quyền đến đâu đối với tổ chức và vận hành của các cơ quan công quyền. Đây là căn cứ pháp lý để kiểm soát quyền lực đối với đảng cầm quyền.

Phương thức cầm quyền này thể hiện đảng là đảng, nhà nước là nhà nước, đảng không đứng trên nhà nước, đảng không tham dự trực tiếp vào các công việc nhà nước nhưng đảng vẫn nắm được nhà nước và thông qua nhà nước để thực hiện các mục tiêu đảng đặt ra, đảng cầm quyền có thể chiếm được lòng tin của dân, của xã hội.

Thứ hai: Phương thức hành chính – chỉ huy (đảng trị), đảng can thiệp trực tiếp vào các công việc nhà nước.

Đảng cầm quyền vượt lên trên cơ quan chính quyền nhà nước, trực tiếp ra mệnh lệnh cho cơ quan chính quyền nhà nước. Phương thức cầm quyền này không thông qua pháp luật mà trực tiếp đưa ra chủ trương, chính sách của Đảng đến toàn bộ xã hội, yêu cầu toàn xã hội tuân thủ bằng cách phổ biến các chính sách do đảng đề ra, từ đó hình thành thể chế chính trị đảng quyết sách, chính phủ chấp hành.

Đặc trưng nổi bật của thể chế chính trị đó là sự tập trung quyền lực cao độ với phương thức điều hành theo kiểu hành chính – chỉ huy. Thể chế chính trị đã lẫn lộn vai trò, chức năng của đảng cầm quyền và nhà nước, đảng bao biện, làm thay công

việc của nhà nước, biến đảng cầm quyền trở thành cơ cấu quyền lực mang tính nhà nước. Bằng phương thức lãnh đạo mang tính can thiệp trực tiếp, đảng có thể nhanh chóng biến đường lối, nghị quyết của đảng thành pháp luật của nhà nước, quá trình “thể chế hóa” ý chí của đảng diễn ra trực tiếp.

Phương thức lãnh đạo mang tính can thiệp trực tiếp của đảng đối với nhà nước không phân định chức năng chính trị của đảng với chức năng quản lý của nhà nước, các cơ quan đang thực hiện công việc mang tính điều hành, quản lý của các cơ quan quản lý hành chính của nhà nước. Do đó các cơ quan nhà nước không thể hoạt động độc lập, đảng bị “nhà nước hóa”, cơ quan quyền lực đại biểu của Nhân dân chỉ là hình thức trong đời sống chính trị đất nước.

Phương thức mang tính can thiệp trực tiếp, đảng có toàn quyền quyết định việc bố trí sắp xếp các chức danh nhân sự trong bộ máy nhà nước, việc bầu cử hoặc bổ nhiệm của cơ quan nhà nước chỉ mang tính hợp thức hóa, chính thức hóa. Do đó cán bộ nhà nước thường chỉ chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước đảng mà không chịu trách nhiệm trước dân. Sự lẫn lộn vai trò của đảng và nhà nước như vậy mang tính bao biện, can thiệp trực tiếp của đảng vào nhà nước thường đưa đến hiện trạng cơ cấu bộ máy đảng và bộ máy chính quyền song song tồn tại, quyền lực chông chéo, chức năng trùng lặp, trách nhiệm thiếu rõ ràng. “Đó là cơ cấu nhị nguyên trong bộ máy quyền lực. Hệ thống của bộ máy đảng và cầm quyền từ trên xuống dưới gắn liền từng cặp đối xứng với nhau” [104, tr.68-72].

Phương thức mang tính can thiệp trực tiếp tạo cho đảng vị thế đứng trên nhà nước, nghị quyết của đảng cao hơn pháp luật, đảng có thể dễ dàng nắm được nhà nước, cả cơ cấu bộ máy đến con người, cả hệ thống pháp luật đến trực tiếp điều khiển các hoạt động của toàn bộ bộ máy nhà nước. Phương thức này mặc dù tạo ra những thuận lợi cho đảng cầm quyền nắm quyền lực và thực thi quyền lực, nhưng cũng chứa đựng những nguy cơ, trong đó nguy cơ lớn là bệnh chủ quan, duy ý chí, lạm quyền, lấn quyền, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân. Đặc biệt trong điều kiện cơ chế quản lý kinh tế - xã hội mang tính tập trung bao cấp sẽ tạo thành căn bệnh quan liêu, độc đoán, làm cho đảng xa rời dân và khi đó nhà nước chỉ là công cụ của đảng

cầm quyền, không còn là bộ máy quyền lực của nhân dân. Những nhược điểm đó là nguy cơ dẫn đến bất ổn định, khủng hoảng chính trị xã hội.

Tuy nhiên, trên thực tế, không có phương thức cầm quyền nào là tuyệt đối.

2.1.3. Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản cầm quyền

2.1.3.1. Khái niệm

Từ việc nghiên cứu phương thức cầm quyền của Đảng có thể thấy rằng: *phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản là hình thức, biện pháp kỹ thuật cụ thể đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Đó là quá trình Đảng hóa thân vào Nhà nước, biến quyền lực nhà nước và luật pháp thành công cụ hiện thực hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng, tối ưu hóa hiệu quả lãnh đạo.*

Như vậy, phương thức cầm quyền là những hình thức, biện pháp kỹ thuật cụ thể để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và xã hội. Đó là quá trình Đảng hóa thân vào nhà nước, biến quyền lực nhà nước và pháp luật thành công cụ để thực hiện cương lĩnh, đường lối của Đảng, phát huy hiệu quả lãnh đạo.

Phương thức cầm quyền trong chính thể độc đảng khác với chính thể đa đảng, lưỡng đảng ở những vấn đề sau: (i) Tính chính đáng của quyền lực nhà nước không chỉ nằm ở bầu cử, mà được xác lập trong cuộc cách mạng xã hội/dân tộc trước đó, giải phóng và được thể hiện bằng hiệu quả cầm quyền; (ii) Vai trò của bộ máy Đảng nằm ngoài nhà nước là cực kỳ quan trọng, vừa đảm bảo vai trò lãnh đạo chính trị, vừa thực hiện chức năng giám sát bên ngoài đối với các tổ chức Đảng trong nhà nước; (iii) Đảng cầm quyền không ưu tiên nắm, chi phối quyền hành pháp mà phân bổ cân bằng quyền lực cho các nhánh quyền lực phù hợp với nguyên tắc lãnh đạo tập thể và yêu cầu của kiểm soát quyền lực; (iv) Kỷ luật ứng cử, đề cử, bầu cử, quyết định... của đảng viên trong bộ máy nhà nước bảo đảm sự trung thành với Đảng, không để lợi ích nhóm, cục bộ làm phân biệt Đảng; (v) Chuẩn bị nhân sự cho Đảng để Đảng giới thiệu tham gia bầu cử vào bộ máy nhà nước thường hướng vào những người nắm vững cương lĩnh, đường lối chính trị và khả năng thể chế hóa về mặt nhà nước để tổ chức thực hiện thành công; (vi) Ý thức hệ giai cấp đóng vai trò cực kỳ

quan trọng ràng buộc trách nhiệm, lòng trung thành của Đảng viên với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân khi ở địa vị cầm quyền.

Có thể thấy rằng, phương thức cầm quyền được quyết định ở những nhân tố cơ bản sau: (1) truyền thống văn hóa lịch sử; (2) trình độ phát triển sức sản xuất và thể chế kinh tế; (3) ý tưởng cầm quyền; (4) thể chế chính trị, bản chất chế độ; (5) bản chất của giai cấp công nhân

Việc đánh giá phương thức cầm quyền thường dựa trên những cách thức cơ bản như: *Một là*: Xem xét phương thức cầm quyền có hợp lý hay không, tức là có phù hợp với điều kiện lịch sử hay không. Phương thức cầm quyền của một chính Đảng sẽ luôn thay đổi theo những sự thay đổi của điều kiện lịch sử; *Hai là*: Phương thức cầm quyền có hiệu quả không. Điều này chủ yếu dựa trên việc xem xét phương thức cầm quyền mới của Đảng thực hiện có thể thúc đẩy sự phát triển kinh tế, công bằng và tiến bộ xã hội hay không, có làm cho quyền lực nhà nước phát triển theo hướng thống nhất hay không; *Ba là*: Xem xét nó có khiến cho quần chúng nhân dân thỏa mãn hay không. Việc làm cho nhân dân hài lòng chính là thước đo xem phương thức cầm quyền đó có tốt hay không tốt, bởi nhân dân chính là chủ thể chịu sự tác động bởi các phương thức cầm quyền đó. Chính vì vậy, bất kỳ sự đổi mới, thay đổi phương thức cầm quyền nào trong quá trình cầm quyền của một chính Đảng cũng phải đặt lợi ích và ý chí của nhân dân làm cơ sở.

2.1.3.2. Nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản

Thứ nhất, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng việc đề ra các chủ trương, đường lối, cương lĩnh, nghị quyết của Đảng, phát huy vai trò của nhà nước, trên cơ sở phân định một cách rõ ràng những nhiệm vụ của Đảng với nhiệm vụ của nhà nước. Khi có nhà nước, Đảng đã trở thành đảng duy nhất cầm quyền, vấn đề lớn nhất, nhưng cũng phức tạp nhất là giải quyết mối quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước. “Tách biệt tuyệt đối giữa đảng với nhà nước thì đảng không còn là đảng cầm quyền và các đảng chính trị cầm quyền trên thế giới đều gắn với chính quyền trong thời gian cầm quyền, nhưng đồng nhất đảng cầm quyền với nhà nước thì đảng không

còn là tổ chức chính trị, tự biến mình thành cơ quan quản lý nhà nước trong khi không được giao quyền này” [125, tr.15]

Thứ hai, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thông qua tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng trong bộ máy nhà nước. Khi có chính quyền, bộ máy của đảng và nhà nước là hết sức lớn. Trong tình hình ấy, việc bố trí đúng người vào vị trí phù hợp trở thành một phương thức của đảng cầm quyền. Bố trí người vào từng vị trí thích hợp là một trong các quyền của đảng cầm quyền. Nhưng, đây là việc khó, “người cộng sản lãnh đạo chỉ có một cách duy nhất để chứng minh quyền lãnh đạo của mình, đó là tìm cho mình được nhiều, càng ngày càng nhiều, những người phụ tá trong số các nhà sư phạm thực hành, biết giúp đỡ họ làm việc, biết đề bạt họ, biết giới thiệu và chú ý đến kinh nghiệm của họ... Còn người đảng viên cộng sản nào chỉ bàn luận về “lãnh đạo” mà không biết sắp xếp các chuyên gia làm công tác thực tế, không biết làm cho họ đạt được kết quả thực tế, không biết vận dụng kinh nghiệm thực tế của hàng trăm và hàng trăm giáo viên, - thì người đảng viên cộng sản đó thật là vô dụng” [62, tr.408]

Chỉ có thông qua đội ngũ đảng viên của Đảng cầm quyền trong bộ máy nhà nước, mọi hoạt động của nhà nước mới đảm bảo theo đúng mục tiêu của đảng đã vạch ra. Những cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước phải hoạt động làm sao bảo đảm vừa với tư cách là người đại diện cho đảng, vừa với tư cách là người đại biểu cho nhân dân, tức người đại diện cho chính quyền. Đây là một trong những phương thức cầm quyền cơ bản, thể hiện như một trọng trách của đảng cầm quyền

Thứ ba, sự cầm quyền của Đảng thể hiện qua công tác kiểm tra, giám sát. Điểm trung tâm của công tác tổ chức là việc chọn người, giao việc và kiểm tra hiệu quả chấp hành. Kiểm tra, kiểm soát là một phương thức duy trì vị thế và phát huy vai trò cầm quyền của đảng cầm quyền. Đảng đặc biệt lưu ý đến việc lôi cuốn quần chúng tham gia vào công việc kiểm tra “Mà phải kiểm tra công việc của hàng chục, hàng trăm người phụ giúp, tổ chức kiểm tra công việc của họ từ dưới lên, nghĩa là tổ chức sự kiểm tra của quần chúng chân chính” [63, tr.293]

Thứ tư, Đảng tiến hành công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân. Cũng như trong đấu tranh giành chính quyền, những người cộng sản chỉ là một bộ phận nhỏ dân cư, những người cộng sản sẽ không giữ được chính quyền nếu không có được sự ủng hộ đầy đủ nhất và hết lòng của quảng đại quần chúng nhân dân. Vì thế, nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu và cũng là cách thức cầm quyền quan trọng nhất của đảng là đi sâu tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia quản lý Nhà nước. Để vận động, lôi cuốn quần chúng nhân dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước, Đảng cần phải sử dụng phương thức thuyết phục là chính. Hơn nữa, để lôi cuốn được quần chúng tham gia vào quản lý nhà nước, Đảng cần phải lấy những tấm gương điển hình trong cuộc sống mà thuyết phục. Theo Lênin:

“Sửa đổi một cách căn bản công tác hàng ngày của đảng, đi xuống với hàng triệu công nhân, cố nông và tiểu nông, là những người mà nếu không có các Xô-viết, không có việc lật đổ giai cấp tư sản, thì không sao thoát được các tai họa do chủ nghĩa tư bản và chiến tranh mang lại. Giải thích điều đó một cách cụ thể, đơn giản, rõ ràng, cho quần chúng, cho hàng chục triệu người, nói với họ là các Xô-viết của họ phải nắm lấy toàn bộ chính quyền, đội tiên phong của họ, đảng của giai cấp vô sản cách mạng phải lãnh đạo cuộc đấu tranh, - chuyên chính vô sản có nghĩa là như thế đấy” [59, tr.155].

Nếu như vấn đề trung tâm của “lãnh đạo” là hoạch định đường lối và bố trí cán bộ thì vấn đề trung tâm của “cầm quyền” là chính danh hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công để giành lấy quyền hoạch định chính sách và phân bổ các nguồn lực công. Khi hóa thân vào bộ máy nhà nước, đảng viên có tư cách “kép” đó là trách nhiệm chính trị trước Đảng và trách nhiệm pháp lý trước dân, không thể vì trách nhiệm này mà xem nhẹ trách nhiệm kia.

2.1.3.3. Vai trò của phương thức cầm quyền

Phương thức cầm quyền có vai trò rất quan trọng, đảm bảo hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Mối quan hệ giữa mục tiêu chính trị với cách

thức thực hiện để đạt được mục tiêu đó là mối quan hệ giữa mục tiêu và phương tiện, được thể hiện như sau:

Một là: Phương thức cầm quyền hợp lý sẽ đảm bảo tối ưu hóa năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, sử dụng hiệu quả quyền lực nhà nước hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội tùy thuộc vào nhiều yếu tố mà ở đó phương thức cầm quyền là một yếu tố hết sức quan trọng. Trong điều kiện đã có chính quyền, lãnh đạo thông qua Nhà nước là nội dung cơ bản nhất thì phương thức cầm quyền chi phối trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo. Phương thức cầm quyền hợp lý cho phép đạt được mục tiêu đúng thời hạn, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được sử dụng thống nhất giữa ý đảng với lòng dân, nguồn lực công của nhà nước được phân bổ, sử dụng đúng đắn. Chỉ có phương thức cầm quyền hợp lý, khoa học mới đánh giá được tình hình cạnh tranh quốc tế khốc liệt, giành được thế chủ động, nắm được cơ hội, tăng tốc phát triển trong tiến trình xây dựng đất nước. Suy cho cùng, giành chính quyền là nhằm sử dụng quyền lực hợp pháp (quyền lực nhà nước) để hiện thực hóa mục tiêu lý tưởng của Đảng, sử dụng nguồn lực công phục vụ lợi ích của dân tộc, của nhân dân, không để các “nhóm lợi ích” trục lợi hoặc các thế lực ngoại bang thao túng, gây ảnh hưởng làm tổn hại đến độc lập và chủ quyền của dân tộc.

Hai là: Phương thức cầm quyền đảm bảo chính đáng hóa quyền lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, hợp pháp hóa các quyết định chính trị của Đảng buộc cả xã hội phục tùng. Quyền lực của Đảng là quyền lực chính trị, có giá trị bắt buộc phục tùng trong nội bộ đảng, muốn toàn xã hội phục tùng thì phải chính đáng hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công, được biểu hiện dưới hình thức quyền lực Nhà nước. Quyền lực Nhà nước là quyền lực công, là công cụ để cai trị, quản lý xã hội, đảm bảo vai trò cầm quyền của Đảng. Vì vậy, không chỉ chính đáng trong giành chính quyền, Đảng muốn duy trì tính chính đáng của mình cần phải đảm bảo tính chính đáng của Nhà nước, bởi nó chính là cơ sở, là nền tảng để người dân tiếp tục đặt niềm tin vào Đảng, đi theo Đảng, phục tùng tự nguyện sự lãnh đạo của Đảng để đạt được hiệu lực và hiệu quả trong cầm quyền của Đảng. Trong nhân dân cũng phân

chia thành các nhóm xã hội khác nhau, có người không phải Đảng viên tự nguyện đi theo Đảng nhờ đủ trình độ nhận thức, nhờ giáo dục, thuyết phục, có người trung dung, có người không theo lý tưởng của Đảng nhưng không thể bất tuân pháp luật,... Chỉ có hóa thân trong quyền lực Nhà nước thì Đảng mới có quyền lực hợp pháp, chính danh để thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với mọi thành phần trong xã hội. Thông qua Nhà nước mà Đảng thể chế hóa cương lĩnh, đường lối thành luật pháp, chính sách buộc toàn thể xã hội phục tùng. Vì là một Đảng duy nhất cầm quyền, không có cạnh tranh nên trong mỗi giai đoạn cầm quyền, tính chính đáng cao hay thấp không dẫn tới các biến đổi chính trị lớn (cụ thể là không dẫn đến thay đổi chủ thể cầm quyền như các nước đa đảng), nhưng nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của Đảng đối với nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ảnh hưởng đến mục tiêu theo đuổi.

Ba là: Phương thức cầm quyền phù hợp đảm bảo cho sự thống nhất giữa chức năng thống trị (chức năng giai cấp) với chức năng xã hội (chức năng công quyền) của Nhà nước. Thực hiện chức năng thống trị về chính trị, ý chí của Đảng phải được thể hiện bao trùm trên mọi mặt của tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Thực hiện chức năng xã hội, mọi chính sách của Nhà nước phải đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của toàn xã hội. Phải tạo ra môi trường, không gian thể chế cho người ngoài đảng tham gia công việc quản lý của Nhà nước thông qua những hình thức phù hợp. Cần phân biệt chính đáng hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công khác biệt hoàn toàn với đảng hóa nhà nước. Đảng hóa Nhà nước là Đảng đứng trên Nhà nước, lấy điều lệ Đảng thay cho luật pháp Nhà nước, lấy bộ máy Đảng thay cho bộ máy Nhà nước, lấy đảng viên thay cho công chức. Còn chính đáng hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công thì phải xác định được tỷ lệ đảng viên chiếm đa số bao nhiêu đủ để chi phối các quyết định, xác định những vị trí trọng yếu mà Đảng phải nắm lấy thì mới đủ sức lãnh đạo, kiểm soát quyền lực, đồng thời phải tạo môi trường nhất định cho người ngoài Đảng có cơ hội tham gia công việc Nhà nước, được bày tỏ tiếng nói của mình trong các nghị trình chính sách, được tham gia phản biện những gì luật pháp không cấm.

Bốn là: Phương thức cầm quyền hợp lý còn làm cho hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Một phương thức cầm quyền được xem là hợp lý khi cho phép tối đa hóa quyền lực hóa thân trong quyền lực công, tinh giản các cơ cấu không đáng có, giảm thiểu các tầng nấc trung gian trong lãnh đạo và cầm quyền. Nhờ đó mà cả năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng được tăng cường, tiết giảm chi phí cho vận hành cả bộ máy Đảng và Nhà nước. Phương thức cầm quyền không khoa học sẽ gây ra hậu quả lâu dài. Quan hệ giữa Đảng và Nhà nước không rõ ràng sẽ làm tăng chi phí cầm quyền, giảm hiệu quả cầm quyền, gây cản trở cho sự phát triển kinh tế, làm chậm lại sự tiến bộ của xã hội. Đặc biệt là các quyết định chính sách thiếu khoa học sẽ gây ra những sai lầm nối tiếp, nhỏ thì lãng phí tiền bạc, hao tổn của cải, lớn thì ảnh hưởng đến môi trường, phá hoại tài nguyên, gây tổn hại cho toàn cục phát triển xã hội và kinh tế quốc dân.

Năm là: Phương thức cầm quyền hợp lý thì quyền lực nhà nước được kiểm soát có hiệu quả. Đảng viên tham gia bộ máy Nhà nước không rơi vào “nhóm lợi ích”, lối sống thực dụng, thoát ly đường lối, chủ trương của Đảng. Phương thức cầm quyền không hợp lý sẽ dẫn đến các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp bị chia cắt, xung đột, không tập trung đủ mức để thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng, không đủ khả năng kiểm soát các nhóm lợi ích thao túng chính sách công và phân bổ nguồn lực công. Vì vậy phương thức cầm quyền khoa học, tuân theo quy luật khách quan đảm bảo cho quyền lực Nhà nước được sử dụng đúng mục đích của Đảng, ngăn chặn được các khả năng tha hóa. Nhờ đó mà Đảng viên tham gia trong bộ máy Nhà nước luôn giữ vững kỷ luật Đảng và tuân thủ pháp luật, trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng trong thực thi công vụ, không sa vào chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm.

2.1.4. Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Hiện nay có nhiều quan điểm về phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam như “Phương thức cầm quyền của Đảng là hệ thống phương pháp, hình thức, biện pháp mà Đảng vận dụng để sử dụng nhà nước, tác động vào Nhà nước và bằng Nhà nước nhằm thực hiện các nội dung cầm quyền, đạt được mục tiêu cuối

cùng của Đảng” [45, tr.25]. Hay trong bài viết “Ba kế sách tiếp tục đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng hiện nay” của tác giả Nhị Lê có viết:

Phương thức cầm quyền của Đảng là toàn bộ những phương pháp, cách thức và tập trung nhất là nghệ thuật nắm lấy chính quyền nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể Nhân dân, thông qua đó, khẳng định quyền uy của Đảng đối với sự phát triển đất nước, bằng quyết sách chính trị, bằng tổ chức bộ máy của Đảng, bằng thực lực sức mạnh hữu hình và vô hình và bằng uy tín của Đảng trong thực tiễn phát triển của đất nước, của thời đại [53, tr.659]

Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là Đảng nắm chính quyền, xây dựng và tổ chức bộ máy chính quyền để thông qua hệ thống chính quyền lãnh đạo đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình cầm quyền việc Đảng lựa chọn phương thức cầm quyền như thế nào là rất quan trọng đối với tiến trình và kết quả thực hiện các nội dung, mục tiêu cầm quyền của Đảng. Do đó, trong quá trình cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam rất quan tâm đến phương pháp, cách thức cầm quyền của Đảng và ngày càng nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của phương thức cầm quyền đối với các vấn đề của đất nước.

Tuy không trực tiếp bàn luận về các phương pháp, cách thức cầm quyền nhưng qua thực tiễn đổi mới, Đảng đã nhận thức ngày càng rõ hơn và đầy đủ hơn về phương thức cầm quyền. Nếu như ở Đại hội VI, Đảng mới xác định, Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện bằng đường lối và chính sách của Đảng, bằng các nghị quyết và chỉ thị của Đảng, bằng công tác kiểm tra, giáo dục sự gương mẫu của cán bộ,... thì đến Đại hội VII, Đảng bổ sung phương thức lãnh đạo Nhà nước bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (1-1995) chỉ rõ: “Đảng lãnh đạo thông qua đảng bộ, đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự, qua đảng viên hoạt động ở cơ quan nhà nước. Tổ chức Đảng và đảng viên hoạt động ở các cơ quan đó phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước”. Đại hội IX, X của Đảng bổ sung thêm phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể

chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách. Đại hội X, XI bổ sung nội dung Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển 2011) được thông qua tại Đại hội XI bổ sung nội dung “Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị” [19, tr.89]. Đảng ta chỉ rõ “Cần tiếp tục làm sáng tỏ lý luận về Đảng cầm quyền để thực sự đổi mới trong thực tiễn về nội dung cầm quyền và phương thức cầm quyền, mô hình cầm quyền, đảm bảo các nguồn lực, các điều kiện để cầm quyền thực chất, có hiệu quả” [20]. Đến Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh: “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải phòng ngừa đối với đảng cầm quyền [21, tr.206- 207]. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục chỉ rõ “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới” [22, tr.199]

Từ những nội dung phân tích trên có thể quan niệm: *Phương thức cầm quyền của Đảng là tổng thể các cách thức, hình thức, phương pháp, quy chế, quy định, quy trình, lề lối làm việc...mà Đảng cầm quyền sử dụng để tác động vào các tổ chức trước hết là Nhà nước, nhằm thực hiện đúng đắn, đầy đủ ý chí chính trị, quyền và trách nhiệm của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, nghị quyết của Đảng và phát triển đất nước trong từng thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.*

Phương thức cầm quyền bị chế định bởi triết lý cầm quyền, mô hình tổng thể hệ thống chính trị và mục tiêu cầm quyền.

Về triết lý cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. *Thứ nhất:* Điều 4 của Hiến pháp 2013 xác định: “Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Có thể nói rằng, dựa vào dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân trong quá trình thực hiện vai trò của một Đảng cầm quyền, tự đặt tổ chức và hoạt động của mình trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chịu sự kiểm soát và giám sát của Nhân dân là triết lý cầm quyền quan trọng hàng đầu của Đảng; *Thứ hai:* Đảng kiên định giữ vững vị thế của đảng cầm quyền, kiên quyết không nhượng bộ, chia sẻ quyền lực. Điều này tuyệt nhiên không phải vì lợi ích của Đảng mà vì lợi ích của Nhân dân, Nhân dân suy tôn Đảng vào vị thế của Đảng cầm quyền để Đảng phục vụ Nhân dân. Vì thế, Đảng kiên định giữ vững vị thế của Đảng cầm quyền. *Thứ ba:* Trên phương diện tổ chức, công việc then chốt của Đảng là đưa Đảng viên nắm giữ vị trí then chốt trong bộ máy nhà nước để lãnh đạo; *Thứ tư:* một trong những sức mạnh vô địch của Đảng là sức mạnh văn hóa, đạo đức của Đảng.

Về mô hình tổng thể hệ thống chính trị. Mô hình tổ chức hệ thống chính trị nhất nguyên một đảng duy nhất cầm quyền. Về thiết chế tổng thể, Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân của hệ thống chính trị, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là cơ sở chính trị của Đảng và Nhà nước. Bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; Nhân dân là chủ thể, là trung tâm để thiết kế mô hình tổ chức, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam phải phù hợp với việc Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của Nhân dân lao động và của dân tộc. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Về mục tiêu cầm quyền: ngay từ khi ra đời, Đảng là tổ chức lãnh đạo giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và cả dân tộc Việt Nam tiến hành đấu tranh cách mạng để giải phóng dân tộc, đánh đổ chế độ thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay Nhân dân. Khi giành được chính quyền, Đảng sử dụng chính quyền, lãnh đạo chính quyền để xây dựng chế độ xã hội mới xã hội XHCN.

Như vậy, mục đích cầm quyền - lãnh đạo Nhà nước của Đảng chính là để hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng, đường lối của Đảng, vì sự phát triển phồn vinh của đất nước, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Xét về bản chất, mục đích cầm quyền của Đảng chính là để thể chế hóa, hiện thực hóa quyền lực của Đảng cầm quyền; ý chí, quyết tâm chính trị của Nhân dân lao động thành quyền lực nhà nước - quyền lực công - để toàn xã hội thực hiện. Chỉ có thông qua bộ máy nhà nước, thông qua nắm vững và sử dụng bộ máy chính quyền nhà nước, quyền lực của Đảng mới được thực hiện; mục tiêu, lý tưởng của Đảng mới có thể đạt được, qua đó Đảng mới hoàn thành được vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình.

2.2. Kinh nghiệm cầm quyền của một số đảng chính trị trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam

2.2.1. Phương thức cầm quyền của Đảng chính trị ở một số nước theo mô hình cấu trúc lưỡng đảng nổi trội, tam quyền phân lập

2.2.1.1. Phương thức cầm quyền của các đảng chính trị ở Mỹ

Các nhà chính trị học thường nhấn mạnh rằng, một xã hội dân chủ thì một chính phủ không thể không gắn với đảng chính trị. Đảng phái chính trị là trung tâm sự hiện hữu của chính quyền, đóng vai trò tuyệt đối. Khái niệm Đảng mặc dù còn nhiều ý kiến khác nhau song đảng vẫn là trung tâm của hoạt động chính trị nói chung và ở Mỹ nói riêng. Hoa Kỳ có hàng trăm đảng chính trị cùng hoạt động. Tuy nhiên, trong lịch sử nước Mỹ chỉ có đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa là thay nhau cầm quyền và việc cầm quyền được thông qua các cuộc bầu cử cạnh tranh quyết liệt, còn lại các đảng khác chỉ có thể tham gia vào đời sống chính trị - xã hội ở một mức độ hạn chế. Trên 75 triệu cử tri Mỹ tự coi mình là đảng viên Đảng Cộng hòa hoặc Đảng

Dân chủ. Tổng thống, các thống đốc, thượng nghị sỹ, hạ nghị sỹ, hầu hết các nhân viên lập pháp tiểu bang và thị trưởng đều là đảng viên của Đảng Cộng hòa hay Đảng Dân chủ. Họ là những người do đảng đề cử và giành được cho mình hàng triệu lá phiếu của những người sẵn sàng bỏ phiếu cho bất cứ ai ra tranh cử dưới lá cờ của họ.

Mặc dù về tổ chức và hoạt động, hai đảng này đều không có sự gắn bó và kỷ luật chặt chẽ, không có cương lĩnh chính trị nhất quán như nhiều chính đảng cầm quyền khác ở các nước tư bản phát triển phương Tây, nhưng hai đảng này vẫn thay nhau cầm quyền. Tuy nhiên xét về thực chất, đây là các chính đảng của giai cấp tư sản nên cương lĩnh của họ chính là sự nhất quán với các cơ sở nền tảng của xã hội tư bản, với những mục tiêu chung là: bảo vệ chế độ sở hữu tư nhân, chế độ nhà nước cộng hòa, hiến pháp liên bang, thể chế chính trị đương thời và coi bá chủ thế giới là “sứ mệnh” của nước Mỹ.

Trong hoạt động tranh cử là cuộc chạy đua để giành những vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước do dân bầu cử đứng đầu là ngôi vị tổng thống. Phương thức cầm quyền của các chính đảng là:

Thứ nhất: Đưa người của Đảng vào bộ máy nhà nước để thực thi cụ thể công việc theo quy định của pháp luật nhưng theo ý đồ của Đảng và nâng cao vị thế của Đảng: Một trong những cách thức để các đảng chính trị Mỹ tác động đến hoạt động của bộ máy nhà nước là phải cạnh tranh để kiểm soát các vị trí quyền lực trong bộ máy nhà nước, để từ đó kiểm soát quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Việc kiểm soát này diễn ra ở mọi cấp độ: chính quyền liên bang, chính quyền bang và chính quyền địa phương.

Thứ hai: Tác động vào quá trình lập pháp để hiện thực hóa các ý chí của đảng và đưa nó vào cuộc sống. Đối với nước Mỹ, cơ quan hoạch định chính sách quan trọng nhất của mỗi đảng không phải là ủy ban toàn quốc của đảng mà là hội nghị đảng toàn quốc được tổ chức vào năm diễn ra tổng tuyển cử. Hội nghị này có nhiệm vụ đề ứng cử viên tổng thống của đảng và thông qua cương lĩnh tranh cử của các ứng cử viên, đây là bản đề cương các vấn đề chính sách mà đảng sẽ thực hiện khi thắng cử;

Thứ ba: Giám sát và kiểm tra các hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong tổ chức bộ máy nhà nước Mỹ, nguyên tắc tam quyền phân lập được áp dụng một cách triệt để. Theo đó các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp có sự tách bạch rõ ràng về nhân sự và thẩm quyền để tạo ra cơ chế “kiềm chế và đối trọng quyền lực”. Trong hệ thống đó, không một nhánh quyền lực nào có toàn quyền hành động, mà quyền lực của nhóm này luôn phụ thuộc vào quyền lực của nhánh kia. Bất kể vị trí quyền lực nào, kể cả tổng thống, đều có cơ chế để kiểm soát và ngăn ngừa nguy cơ lạm dụng quyền lực.

Mặc dù các đảng chính trị luôn cạnh tranh với nhau nhằm giành quyền kiểm soát bộ máy nhà nước, nhưng họ vẫn cùng nhau chia sẻ những cam kết chung và những giá trị cơ bản của xã hội: đó là chế độ nhà nước cộng hòa, tôn trọng Hiến pháp và các nguyên tắc của nó. Hiến pháp, pháp luật ở Mỹ buộc mọi đảng chính trị, kể cả đảng cầm quyền, nhóm lợi ích phải tuân thủ, thực hiện pháp luật, hoạt động cạnh tranh, tranh giành ảnh hưởng và sự ủng hộ của cử tri phải trong khuôn khổ quy định của pháp luật, của "luật chơi" đã thoả thuận. Mọi vi phạm đều xử lý theo quy định của pháp luật. Pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho các đảng chính trị đấu tranh giành và kiểm soát quyền lực nhà nước.

2.2.1.2. Phương thức cầm quyền của các đảng chính trị ở Anh

Thế chế chính trị của nước Anh là nền dân chủ nghị viện vận hành theo chế độ quân chủ đại nghị. Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao, bầu ra và kiểm tra giám sát mọi hoạt động của Chính phủ. Tòa án có vai trò tương đối độc lập. Nữ hoàng là nguyên thủ quốc gia, mang tính biểu tượng quyền lực nhưng rất ít tham gia công việc nhà nước. Từ sau chiến tranh thế giới II đến nay, ở Anh tuy nhiều đảng phái được phép tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật nhưng luôn có sự nổi trội của hai chính đảng lớn nhất là Công đảng và Đảng bảo thủ thay nhau cầm quyền. Do vậy, mô hình hệ thống chính trị nước Anh còn gọi là mô hình chính trị lưỡng đảng [1]. Mặc dù vậy, sự hiện diện cùng lúc của nhiều đảng phái làm cho hoạt động chính trị ở Anh luôn thêm sôi động và luôn trở thành tâm điểm của công luận và của giới truyền thông.

Nhìn chung, cơ chế hoạt động của các đảng cầm quyền ở Anh đều xoay quanh mối quan hệ giữa 3 bộ phận: 1) Ban lãnh đạo Đảng đóng vai trò chỉ đạo và quản lý đảng từ Trung ương đến cơ sở; 2) Đảng Nghị viện bao gồm đảng viên là các nghị sĩ trong Nghị viện; 3) Đảng viên và khối quần chúng cử tri của đảng. Trong “cỗ xe tam mã” của hệ thống tổ chức đảng, thì Đảng Nghị viện rất có ảnh hưởng trong đảng, có thể ví như hạt nhân của toàn đảng, bất kể ở vị thế cầm quyền hay ở vị thế đối lập. Ban lãnh đạo Đảng đóng vai trò là cầu dẫn liên kết giữa Đảng Nghị viện với đảng viên và quần chúng, hai bộ phận này đều triển khai hoạt động phục vụ cho Ban lãnh đạo Đảng. Cuối cùng, hoạt động của 3 bộ phận này đều chịu sự lãnh đạo của thủ lĩnh đảng.

Phương thức cầm quyền của các đảng chính trị ở Anh được thể hiện ở việc:

Thứ nhất, chủ động đưa ra các chương trình lập pháp và chỉ đạo quá trình soạn thảo các dự luật trước khi nó được trình tới Nghị viện. Trong quá trình trên, các Ủy ban chuyên môn của đảng có một vai trò hết sức quan trọng. Ủy ban có nhiệm vụ tiếp thu các ý kiến có liên quan khởi thảo báo cáo chính sách đệ trình để Đại hội Đảng tranh luận và thông qua thành Nghị quyết [132, tr.204], văn kiện chính sách, một khi được Đại hội Đảng thông qua sẽ được đưa vào Cương lĩnh tranh cử của đảng và được thực thi khi đảng thắng cử lên cầm quyền

Thứ hai: các đảng đều tuyên chọn cán bộ của mình vào nắm giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước. Trong đó, việc làm đầu tiên đó là lựa chọn thủ lĩnh của Đảng, đây là người thay mặt Đảng vạch ra các định hướng phát triển, điều hành và quyết định những công việc hàng ngày của Đảng. Do vậy, đối với các đảng chính trị ở Anh, việc lựa chọn được thủ lĩnh có năng lực và uy tín là rất quan trọng. Đây cũng có thể là yếu tố quyết định sự thành công của một đảng chính trị trong sự cạnh tranh với các đảng phái khác trong cuộc đua giành quyền kiểm soát bộ máy nhà nước. Các đảng, dù cầm quyền hay không cầm quyền cũng đều thiết kế quy trình hợp lý để lựa chọn thủ lĩnh của đảng. Tiếp đó là lựa chọn các ứng cử viên tranh cử vào Nghị viện vì các ứng cử viên của đảng có trúng cử vào Nghị viện hay không sẽ quyết định việc đảng đó có chiếm được đa số ở Nghị viện và thành lập chính phủ hay

không, nên việc lựa chọn các ứng cử viên cũng là một nội dung quan trọng của cả đảng cầm quyền và không cầm quyền

Thứ ba: xây dựng một hệ thống kỷ luật chặt chẽ nhằm chỉ đạo các đảng viên trong Nghị viện bỏ phiếu theo định hướng của đảng. Khi bỏ phiếu tại Nghị viện, các đảng viên trong Đảng Nghị viện không thể bỏ phiếu theo ý chí của bản thân, mà buộc phải bỏ phiếu theo ý chí chung đã được giới lãnh đạo trong đảng nhất trí thông qua. Cử tri bỏ phiếu trước hết là cho đảng, chứ không phải cho cá nhân các nghị sĩ.

2.2.1.3. Đặc điểm chung trong phương thức cầm quyền của các đảng chính trị

Các trường hợp phân tích trên áp dụng tam quyền phân lập tương đối triệt để, nhưng phương thức cầm quyền lại có nhiều nét riêng. Mô hình đảng phái ứng với phương thức cầm quyền nhất định của đảng thắng cử do tập quán chính trị, do tương quan lực lượng chính trị, do kỹ thuật tổ chức quyền lực nhà nước và kỹ thuật bầu cử. Tuy vậy có thể thấy mấy điểm chung sau đây thuộc về phương thức cầm quyền của các đảng chính trị trong mô hình cấu trúc lưỡng đảng nổi trội và đa đảng thực chất như sau:

Thứ nhất: Bầu cử là vấn đề trung tâm của hoạt động chính trị, thể hiện tính cạnh tranh giữa các đảng phái, là phương thức để các đảng giành lấy quyền lập chính phủ hoặc kiểm soát đa số trong nghị viện. Việc lựa chọn ứng cử viên đủ tài năng, uy tín, có sức cạnh tranh cao để giành chiến thắng mang tính quyết định, đồng thời biện pháp kỹ thuật bầu cử có tác dụng gạt các đảng nhỏ ra khỏi cuộc tranh đua

Thứ hai: Giành quyền kiểm soát nền hành pháp là nội dung cơ bản của phương thức cầm quyền, có thể đó là vị trí tổng thống (trong nền cộng hòa tổng thống) hoặc thủ tướng (trong nền dân chủ đại nghị), nhờ đó mà giành quyền lập chính phủ, quyền chi phối các nguồn lực công được điều hành bởi cơ quan hành pháp theo ý chí của các đảng thắng cử. Giành quyền kiểm soát đa số trong nghị viện nhằm đảm bảo tính thống nhất ý chí của đảng cầm quyền từ hoạt động lập pháp tới hoạt động hành pháp, hạn chế bớt những xung đột do tam quyền phân lập tạo ra.

Thứ ba: Tính thống nhất quyền lực nhà nước được duy trì bởi ý chí của đảng cầm quyền thông qua thiết kế hệ thống bầu cử và bổ nhiệm. Ví dụ như Thủ tướng

Anh được Nữ hoàng bổ nhiệm phải là chủ tịch của một đảng chiếm đa số trong hạ viện. Vì vậy, tính thống nhất ý chí giữa đảng cầm quyền là người đứng đầu nội các, vừa là chủ tịch đảng, vừa đứng đầu nhà nước về mặt chính trị.

Thứ tư: Lợi ích là yếu tố cốt lõi đảm bảo cho đảng viên tuân thủ kỷ luật của đảng cầm quyền khi hóa thân vào bộ máy nhà nước. Trong mô hình đại nghị, các thành viên chính phủ được lựa chọn bổ nhiệm hiếm khi mạo hiểm phá vỡ tính thống nhất trong đảng bằng những hành động phiêu lưu cá nhân. Sự bất đồng trong chính phủ, suy yếu quyền lực của tổng thống hoặc thủ tướng đồng nghĩa với mở đường cho đảng đối lập thay thế, nên họ phải có trách nhiệm xây dựng chính phủ thống nhất mà cội nguồn chính là tính thống nhất ý chí chính trị của đảng cầm quyền, sâu xa là lợi ích của các tập đoàn tư bản

Như vậy, nói tới phương thức cầm quyền của các thể chế này thì cơ bản vẫn là giành quyền kiểm soát nền hành pháp và sử dụng quyền hành pháp phục vụ cho lợi ích của đảng thắng cử. Việc kiểm soát đa số tại nghị viện nhằm tạo tiền đề cho lập chính phủ hoặc tạo tính thống nhất giữa hoạt động lập pháp với hành pháp khi thừa nhận tam quyền phân lập. Những lúc để đảng đối lập chiếm đa số ở nghị viện bao giờ cũng dẫn tới khó khăn cho điều hành của người đứng đầu nền hành pháp, nên thường sửa đổi hiến pháp theo hướng hạn chế chia cắt, xung đột quyền lực. Tính đa dạng của phương thức cầm quyền gắn với mô hình cấu trúc đảng phái và tổ chức quyền lực nhà nước do tập quán chính trị, tương quan lực lượng chính trị và kỹ thuật bầu cử quy định.

2.2.2. Phương thức cầm quyền của một số chính thể theo mô hình cấu trúc một đảng nổi trội, tam quyền phân lập không triệt để

2.2.2.1. Phương thức cầm quyền của đảng chính trị ở Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia có rất nhiều Đảng phái chính trị cùng tham gia hoạt động và giai đoạn hiện nay theo chế độ quân chủ đại nghị, mô hình một đảng cầm quyền nổi trội với Đảng Dân chủ tự do liên tục cầm quyền trong thời gian dài kể từ năm 1955. Tam quyền phân lập được vận dụng trong thiết kế bộ máy quyền lực nhà nước, nhưng phân chia quyền lực không triệt để như các nước Âu, Mỹ. Trung tâm của hệ

thống chính trị Nhật Bản là Quốc hội, Quyền lực của Quốc hội là quyền lực tối cao và tuyệt đối. Để giành được quyền kiểm soát Quốc hội, một đảng chính trị phải giành được đa số ghế trong cuộc bầu cử và sau đó giành luôn quyền thành lập Chính phủ.

Với phương thức trên, khi một Đảng giành thắng cử, họ có quyền kiểm soát cả cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp. Chính vì vậy, cũng như ở Anh, vấn đề đặt ra với các đảng chính trị của Nhật Bản không phải là tìm cách tác động, hoặc gây áp lực vào quá trình lập pháp, mà vấn đề là phải làm sao để giành thắng lợi trong bầu cử Nghị viện và giữ được sự thống nhất trong Đảng khi Đảng trở thành đảng cầm quyền. Một khi đã kiểm soát được Quốc hội với đa số áp đảo, đảng có thể kiểm soát cơ quan lập pháp và dễ dàng thể chế hóa cương lĩnh và đường lối chính trị của mình thành các đạo luật, các chính sách nhà nước.

Đảng tận dụng đặc quyền của đảng cầm quyền, xây dựng một hệ thống “thể chế định hướng lợi ích” để duy trì sự ổn định chính quyền. Đảng tiến hành định hướng, chi phối lợi ích đối với các giai tầng xã hội, từ đó thống nhất hữu hiệu giữa các giai tầng xã hội, bảo đảm nền tảng xã hội cho sự cầm quyền lâu dài của Đảng. Việc định hướng lợi ích của Đảng Dân chủ tự do được thực hiện thông qua hoạch định chính sách và quản lý hành chính. Hoạch định chính sách biểu hiện thành kế hoạch phát triển kinh tế vĩ mô và chính sách công nghiệp cụ thể. Để đảm bảo được vị trí của mình, đảng chính trị ở Nhật Bản đã tiến hành áp dụng các phương thức sau:

Thứ nhất: Đảng chủ động đưa ra các chương trình lập pháp và tiến hành chỉ đạo quá trình soạn thảo các dự luật trước khi nó được trình quốc hội

Thứ hai: Đảng cử người vào nắm giữ những ủy ban quan trọng của Quốc hội để kiểm soát quá trình lập pháp.

Thứ ba: Một hệ thống kỷ luật chặt chẽ nhằm chỉ đạo các đảng viên của Đảng trong Quốc hội bỏ phiếu theo định hướng của Đảng.

2.2.2.2. Phương thức cầm quyền của Đảng cầm quyền tại Singapore

Singapore là một nước cộng hòa nghị viện đa đảng nhất thể có chính phủ được tổ chức theo hệ thống Westminster¹, hệ thống chính trị hoạt động theo nguyên tắc đa

¹ Hệ thống Westminster là hệ thống dân chủ nghị viện theo mô hình của Vương quốc Anh, được đặt tên theo cung điện Westminster là nơi đặt nghị viện Anh.

đảng, nhưng có những khác biệt với mô hình phương tây, gần giống với chế độ dân chủ một đảng. Mặc dù là theo chế độ dân chủ đa đảng nhưng thể chế chính trị của Singapore từ năm 1991 áp dụng mô thức dân chủ đại nghị kết hợp với dân chủ trực tiếp của nền cộng hòa tổng thống. Đảng Nhân dân hành động (PAP) cầm quyền luôn quan niệm “dân chủ” chỉ là cơ chế điều chỉnh để ứng nhu cầu của đất nước và người dân chứ không phải mục tiêu hướng tới. Vị thế độc tôn của PAP trong lãnh đạo đất nước cho đến nay luôn được bàn tới trong những nghiên cứu về mô hình chính trị của quốc gia này cũng như là chủ đề chính trước mỗi cuộc tranh cử tại Singapore. “Trong các tuyên bố tranh cử của mình cũng như trong các phát biểu của các nguyên thủ quốc gia, PAP luôn nhấn mạnh đến giá trị mà Đảng theo đuổi, đó là việc đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết: *Quốc gia tối thượng, xã hội trước hết, gia đình là nền tảng, xã hội là gốc rễ, quan tâm xã hội, tôn trọng cá nhân, bàn bạc đồng thuận, tránh va chạm, khoan dung sắc tộc, tôn giáo hòa hợp*” [128, tr.212]. Có nhiều quan điểm và nguyên nhân được đưa ra để lý giải cho quyền lực và uy tín của PAP, nhưng tựu chung các phân tích đánh giá đều thừa nhận những thành tựu về kinh tế đã thực sự tôn vinh PAP ở vị trí chính trị cao nhất trong số những đảng phái tại quốc gia này

Phương thức cầm quyền của Đảng PAP thông qua các nhà lãnh đạo đã hoạch định một chiến lược xây dựng và phát triển đất nước rất đặc trưng và đặc sắc, xây dựng triết lý phát triển đất nước là phát huy tối đa tiềm năng cá nhân của mỗi người dân. Tư tưởng chỉ đạo là đặt con người vào vị trí trung tâm phát triển. Tạo ra môi trường chính trị trong nước và ngoài nước ổn định, thi thành chính sách xã hội đúng đắn.

Đảng cầm quyền bằng cử cán bộ của mình nắm giữ các trọng trách trong bộ máy nhà nước và thông qua những đảng viên này để thực hiện cương lĩnh, chiến lược, chính sách của Đảng PAP. Đó là những người tài, đúng vị trí cần thiết. Ở cấp lãnh đạo, đó là những đảng viên trong sạch, có tầm nhìn và có khả năng lãnh đạo, ở cấp cơ sở là những đảng viên tận tụy, gắn bó với người dân

Đảng cầm quyền theo đuổi mô hình lãnh đạo “đảng trong nhà nước”, nhất thể hóa quyền lực của Đảng và nhà nước. Đảng chủ yếu tập trung củng cố bộ máy nhà nước, đặc biệt là chính phủ, xây dựng một nền công vụ hiệu quả.

Đảng cầm quyền bằng việc thu hút người tài vào Đảng, phát huy dân chủ trong xã hội. PAP chú trọng đến chất lượng đảng viên, chủ trương số lượng “ít nhưng mà tinh”, Đảng không tự đào tạo đảng viên mà chọn những người xuất sắc trong xã hội mời họ vào Đảng, giao cho họ cương vị phù hợp và yêu cầu cao đối với đảng viên về phẩm chất đạo đức, quy định những gì đảng viên không được làm, đặc biệt là không được lợi dụng chức quyền để, mưu lợi ích cá nhân hay người thân.

Đảng luôn phát huy dân chủ trong xã hội, coi dân chủ là cơ chế điều chỉnh để đáp ứng được những nhu cầu của đất nước. Đó là nền dân chủ đại nghị, đa đảng với những quy định khắt khe về quyền dân chủ đi đôi với thực hiện dân chủ trực tiếp. Mọi chính sách của Chính phủ đều được đưa ra tranh luận thẳng thắn trên nhiều diễn đàn trước khi quyết định. Dân chủ trực tiếp còn được thể hiện qua việc thành lập các tổ chức xã hội tự quản và tự nguyện ở các quận và khu phố. Đây là những tổ chức duy trì sự đoàn kết, đồng thuận trong xã hội cũng như việc thực thi chính sách.

2.2.2.3. Đặc điểm chung trong phương thức cầm quyền của các đảng chính trị tại Nhật Bản và Singapore

Singapore và Nhật Bản là hai trường hợp điển hình cho phương thức cầm quyền gắn với mô hình cấu trúc một đảng nổi trội, tam quyền phân lập không triệt để. Phương thức cầm quyền của PAP và LDP có mấy đặc điểm nổi bật sau đây

Thứ nhất: Chính danh hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công thông qua bầu cử cạnh tranh. Các hành vi đảo chính quân sự hay giành chính quyền bằng bạo lực vũ trang đều bị xem là hành vi cầm quyền không chính đáng. Các đảng này đều đầu tư tối đa mọi nguồn lực của đảng cho hoạt động bầu cử, từ soạn thảo tuyên ngôn đến tổ chức vận động tranh cử sao cho có sức lôi cuốn mạnh mẽ nhất đối với cử tri.

Thứ hai: Lựa chọn ứng viên chuẩn bị cho bầu cử phải thật sự là tinh hoa, thậm chí được đào tạo bài bản theo kiểu truyền thống gia đình Á đông. Đây là trách nhiệm của một bộ phận lãnh đạo thượng đỉnh của Đảng, đặc biệt là thế hệ trước chuẩn bị lãnh đạo thế hệ sau đủ sức thắng cử, vị thế cầm quyền của đảng không bị thách thức. Lựa chọn được tinh hoa không chỉ có loại trừ khả năng cạnh tranh của các đảng khác

mà khi thắng cử thì đủ năng lực cầm quyền, đem lại tăng trưởng kinh tế và phồn vinh cho người dân, tạo ảnh hưởng và vị thế của Đảng trong dân.

Thứ ba; Thiết kế chính trị dựa trên một nền hành pháp mạnh và Đảng cầm quyền phải kiểm soát được nền hành pháp, đứng đầu là Thủ tướng. Cách thức cầm quyền là giảm thiểu xung đột giữa các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhờ các chế định hạn chế phân chia quyền lực không rõ ràng. Hoạt động lập pháp của nghị viện có tính chuyên nghiệp cao nhưng không tạo ra sự độc lập quá mức để cản trở tính tập trung quyền lực vào cơ quan hành pháp, bởi một bên thì đảng cầm quyền chiếm đa số (nghị viện), còn bên kia cũng đảng cầm quyền nắm quyền điều hành tuyệt đối (chính phủ), vì thế rất ít khi xảy ra luận tội tổng thống hoặc thủ tướng dù Hiến pháp có ghi nhận.

Thứ tư: Đề cao giá trị theo đuổi của đảng mà mỗi đảng viên phải hành động tuân theo khi đã trúng cử hoặc được bổ nhiệm. Giá trị Á đông và tinh thần dân tộc thường được khắc sâu trong cương lĩnh, chương trình hành động hay các thông điệp chính trị, như PAP tuyên bố: Quốc gia tối thượng, xã hội là gốc rễ, gia đình nền tảng, tôn trọng cá nhân, bàn bạc đồng thuận, khoan dung dân tộc, tôn giáo hòa hợp. Hay đảng Tự do Nhật Bản luôn đề cao giá trị nhà nước phúc lợi nhân dân, tinh thần tự tôn dân tộc, sáng tạo, đồng thuận chung, hợp tác giữa lao động và tư bản.

Thứ năm: Áp dụng chế độ kỷ luật nghiêm khắc đối với đảng viên để bảo đảm tính tập trung quyền lực của đảng cầm quyền, nhất là kỷ luật bỏ phiếu, thảo luận và quyết định.... Việc bỏ phiếu thực ra là bỏ phiếu cho đảng chứ không phải bỏ phiếu cho cá nhân. Cả Nhật và Singapore hiếm có trường hợp nào nghị sĩ bỏ phiếu cho đảng khác hoặc ra mặt công khai chống lại thủ lĩnh của đảng mình đang là thủ tướng. Cấu trúc đảng phái quyết định đến cơ chế vận hành của quyền lực nhà nước. Khác với hệ thống lưỡng đảng, đa đảng do áp lực của đảng đối lập buộc nội bộ đảng cầm quyền phải đoàn kết thì trong mô hình một đảng nội trội, tính đoàn kết thống nhất được bảo đảm bằng kỷ luật nghiêm khắc, do đó các đảng nhỏ không thể thách thức địa vị cầm quyền.

Thứ sáu: Lấy đức để cầm quyền mang hình thái dân chủ phụ quyền Á đông là một đặc trưng rất quan trọng. Đạo đức cầm quyền này do giá trị truyền thống và giá trị hiện đại đức kết và kỷ luật nghiêm minh của Đảng tạo nên, được xác định ngay từ khâu chọn lựa ứng viên, bắt buộc rèn luyện nghiêm cần khi đã ở địa vị cầm quyền. Đảng viên của Đảng cầm quyền khi hóa thân vào bộ máy nhà nước, không chỉ tuân thủ pháp luật mà cơ bản hơn là kỷ luật đảng, trong đó có kỷ luật về đạo đức liêm chính. Ở Singapore, hệ thống đảng và nhà nước đồng hóa qua quan chức chính trị, công chức hành chính cũng như thẩm phán – vốn là người của Đảng Nhân dân hành động. Nếu không có cơ chế tự kiểm soát hữu hiệu thì sẽ dẫn tới độc đoán, chuyên quyền. Kỷ luật đảng ngặt nghèo cộng với chính sách chống tham nhũng kiên quyết là cơ sở cho đảng viên giữ đạo đức liêm chính phục vụ.

Thứ bảy: lấy lợi ích để ràng buộc nghĩa vụ của đảng viên với đảng, trách nhiệm của công chức nhà nước. Lợi ích cụ thể ở đây là chế độ lương cao, lại duy trì chế độ dưỡng liêm. Vì vậy, nó tạo động lực cho công chức mẫn cán với công việc, cũng là trung thành với đảng, giữ đạo đức liêm chính trong mắt quần chúng. Kỷ luật nghiêm nên không có đảng viên nào dám đánh đổi cái lợi bất chính giành được do tham nhũng với cái lợi ích chính đáng giành được bằng cống hiến, tận tụy phục vụ và được trả công bằng tiền lương xứng đáng.

2.2.3. Phương thức cầm quyền của một số chính thể theo mô hình Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền, thống nhất quyền lực nhà nước

2.2.3.1. Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc

Đảng Cộng sản Trung Quốc là một chính đảng lớn và lâu đời trên thế giới, tính đến cuối năm 2020, số lượng đảng viên là hơn 93 triệu người [123]. Đặc điểm chế độ chính đảng của Trung Quốc là một đảng cầm quyền, nhiều đảng tham gia chính quyền, tức là thực hiện “chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo” [137, tr.317 – 334]

Cho đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trải qua ba thời kỳ lớn được xác định là hạt nhân lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, xây dựng và cải cách mở cửa từ khi thành lập (1/7/1921) đến nay. Tại Đại hội Đảng lần thứ XIX (2017), Đảng Cộng sản

Trung Quốc đã tổng kết công tác xây dựng đảng và rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá. Nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc được đổi mới theo hướng: phù hợp với xu thế cải cách, mở cửa và yêu cầu của thời đại, tính tiên tiến và năng lực cầm quyền của Đảng không ngừng được đổi mới, phương thức cầm quyền của Đảng luôn tiến cùng thời đại, khắc phục những khuyết tật của thể chế chính trị cũ. Để đảm bảo vị thế cầm quyền của mình, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã luôn luôn quán triệt các vấn đề cơ bản sau

Một là, Đảng Cộng sản Trung Quốc tuân thủ triết lý cầm quyền là vì nhân dân, dựa vào nhân dân để cầm quyền. Khái niệm và định hướng cầm quyền của một đảng chính trị phản ánh bản chất của đảng và quyết định nền tảng xã hội của đảng. ĐCS TQ tuân theo quan điểm dân chủ vì dân, do dân làm chủ, kiên trì thành lập đảng vì dân, vì dân, đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu, phát huy hết vai trò chính của nhân dân, do đó chiếm được lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân.

Hai là: Trong giai đoạn cải cách và mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành đổi mới phương thức cầm quyền của mình dựa trên 3 trụ cột đó là “Cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ và cầm quyền theo pháp luật” [138, tr.11]

Thứ nhất: Cầm quyền khoa học. Đây là kiên trì lấy lý luận khoa học, thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác, không ngừng tìm tòi và đi theo quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản, quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội, quy luật phát triển của xã hội loài người. Cầm quyền khoa học đòi hỏi phải có sự chỉ đạo của tư tưởng khoa học và không thể tách khỏi sự ràng buộc của một loạt các phương thức, phương pháp, quy phạm khoa học của chế độ khoa học. Cầm quyền khoa học đòi hỏi phân chia một cách khoa học chức năng của đảng cầm quyền và quyền lực công của Nhà nước, phân chia nguyên tắc lãnh đạo của Đảng với quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, tạo quan hệ thuận lợi giữa Đảng và chính quyền về mặt thể chế. Thúc đẩy mạnh mẽ quyết sách khoa học, dân chủ, làm cho các quyết sách của Đảng phù hợp với quy luật khách quan, đáp ứng nguyện vọng của quần chúng nhân dân [103, tr.230]. Là một đảng cầm quyền, ĐCS TQ xác định kiên định chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng “ba đại diện” làm chỉ đạo và xây dựng thực hiện các

quan điểm phát triển khoa học, đây chính là kim chỉ nam để ĐCS Trung Quốc thực hiện sứ mệnh cầm quyền của mình: xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, kết hợp với tình hình cụ thể trong nước, nghiên cứu tình hình mới, đưa ra những nhận thức mới, từ đó làm cho tư tưởng cầm quyền của Đảng không ngừng phát triển và thể hiện tính khoa học.

Cầm quyền khoa học đòi hỏi từng bước làm rõ mối quan hệ giữa đảng cầm quyền, cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính. Ý chí của Đảng phải được chuyển hóa thành ý chí của Nhà nước. Đảng cầm quyền cần quy phạm mối quan hệ giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương, giữa các cơ quan chính quyền khác nhau, làm rõ quyền quyết sách ở mỗi nơi. “Cầm quyền khoa học cần phải có trình tự quyết sách và cơ chế quyết sách hợp lý, có quyết sách khoa học nên có cơ chế cảnh báo dự phòng, cơ chế tham gia của công chúng, cơ chế tư vấn chuyên gia, cơ chế ràng buộc quyết sách, cơ chế giám sát quyết sách, cơ chế trách nhiệm quyết sách” [27, tr.166-167]. Để làm được điều này, Đảng Cộng sản Trung quốc thường nhiều lần tổ chức tọa đàm giữa các đảng phái dân chủ, nhân sĩ ngoài Đảng, lắng nghe ý kiến, hiệp thương dân chủ, hoàn thiện quyết sách. Các ban ngành Trung ương và đảng ủy địa phương thường xuyên tổ chức hội nghị chuyên ngành, phổ biến kinh nghiệm, đồng thời cán bộ lãnh đạo các cấp đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, cố gắng tự hoàn thiện, nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo thông qua tự phê bình.

Cầm quyền khoa học phải được thể hiện ở chỗ, Đảng cầm quyền chấn hưng đất nước, kiên trì dùng quan điểm phát triển khoa học để thống lĩnh toàn bộ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, không ngừng thực hiện tốt, đảm bảo tốt, phát triển tốt lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân, “Phải thúc đẩy mạnh mẽ quyết sách khoa học hơn, dân chủ hơn, cố gắng làm cho các quyết sách của Đảng, nhất là những quyết sách quan trọng có quan hệ đến quốc kế dân sinh phù hợp với quy luật khách quan và quy luật khoa học, đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân” [103, tr.230]

Thứ hai: Cầm quyền dân chủ. Bản chất cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc là lãnh đạo nhân dân thực hiện quyền làm chủ, khiến cho địa vị làm chủ của

nhân dân được bảo đảm một cách thiết thực, khiến quyền lợi dân chủ của nhân dân được thực hiện đầy đủ, thực hiện toàn diện dân chủ nhân dân, sử dụng quyền lực, quản lý nhà nước và xã hội theo chế độ và trình tự dân chủ chặt chẽ. Nội dung cầm quyền dân chủ bao hàm ba ý nghĩa: Nhân dân có quyền lựa chọn người đại diện cho việc thực thi quyền lực của mình, nhân dân có quyền tham gia quyết định các công việc chung và nhân dân có quyền phán quyết cuối cùng đối với hành vi cầm quyền.

Lấy dân làm chủ trong Đảng dẫn dắt nhân dân làm chủ là một nhân tố quan trọng giữ vững phương thức cầm quyền dân chủ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trên thực tế, không có dân chủ trong cầm quyền, thì cầm quyền của Đảng sẽ không có gốc rễ vững chắc, Đảng sẽ không có được sự ủng hộ lâu dài và bảo vệ thực sự của nhân dân. Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ rõ “Dân chủ trong Đảng là sinh mệnh của Đảng”. Quan điểm này đã được Đặng Tiểu Bình xác định ngay từ Hội nghị Trung ương 3 khóa XI (1978) đó là phải tăng cường dân chủ, phân cấp phân quyền, thay đổi tình trạng tập trung quyền lực trong thể chế quản lý kinh tế, mở rộng quyền tự chủ cho đơn vị cơ sở, đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, tăng cường pháp chế, làm cho dân chủ được chế độ hóa, pháp luật hóa. Để làm được điều này trước hết cần xây dựng dân chủ trong Đảng, thông qua xây dựng quy chế đảm bảo quyền dân chủ của Đảng viên, phát huy vai trò quyết sách của Đại hội Đảng toàn quốc, tăng cường giám sát trong đảng, xây dựng thể chế vận hành quyền lực. Thứ hai là cải cách và hoàn thiện chế độ đại hội đại biểu nhân dân, chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị, chế độ tự trị vùng dân tộc, chế độ tự quản của quần chúng ở cơ sở, xây dựng hệ thống pháp trị XHCN, “làm cho mối quan hệ trong Đảng, quan hệ với các chính đảng trên thế giới, giữa các đoàn, quan hệ Đảng với quần chúng từng bước được chế độ hóa, quy phạm hóa và trình tự hóa” [40]

Bên cạnh đó, từ Đại hội XVIII (2012), Đảng Cộng sản Trung Quốc kiên trì tư tưởng phát triển “lấy nhân dân làm trung tâm, bám sát các vấn đề trực tiếp nhất, quan tâm nhất, hiện thực nhất của quần chúng nhân dân” [105, tr.51]. Đảm bảo quyền tham gia quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ theo pháp luật của quần chúng nhân dân, ĐCS Trung Quốc tiếp tục kiên trì chế độ lãnh đạo tập trung

dân chủ để tập trung sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân. Quán triệt “bốn phục tùng” (cá nhân đảng viên phục tùng tổ chức đảng, thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng và toàn thể đảng viên phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Ban chấp hành trung ương). Trong đó, kiên trì chế độ lãnh đạo tập thể, thực hiện kết hợp giữa tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách. Xây dựng dân chủ chính trị trên cơ sở thống nhất giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và được thực thi bằng pháp luật

Thứ ba: Chăm quyền theo pháp luật. Đây là phương châm, sách lược cơ bản điều hành đất nước theo pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lập pháp, khéo léo thông qua trình tự pháp lý, biến chủ trương của Đảng thành ý chí của Nhà nước, về mặt chế độ pháp luật bảo đảm đường lối, phương châm chính sách của Đảng được quán triệt thực hiện, làm cho chế độ và pháp luật không thay đổi theo sự thay đổi của lãnh đạo, không thay đổi theo sự thay đổi về quan điểm và sức chú ý của lãnh đạo. Bao hàm 3 vấn đề: *Một là*, Đảng phải hoạt động trong phạm vi Hiến pháp và pháp luật. Điều này được quy định trong Điều lệ Đảng, Đảng phải đi đầu gương mẫu trong việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật mà không có bất kỳ đặc quyền nào. *Hai là*, Đảng chăm quyền phải tăng cường xây dựng chế độ và pháp quy, thông qua đó để thực hiện dân chủ hóa, pháp chế hóa trong sinh hoạt Đảng. Xây dựng chế độ bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên, cải cách và hoàn thiện thể chế lãnh đạo trong đảng, xây dựng cơ chế giám sát quyền lực, hoàn thiện chế độ bầu cử trong Đảng. *Ba là*, hoàn thiện cơ chế giám sát quyền lực, tăng cường chế độ ràng buộc và giám sát sự vận hành quyền lực của đảng chăm quyền để đảm bảo tổ chức đảng thực sự tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tuân thủ quyền hạn và trình tự chăm quyền.

Phương thức chăm quyền của ĐCS TQ được đổi mới theo hướng chuyển từ “đi đảng trị quốc” (lấy Đảng quản lý đất nước), chăm quyền theo phong trào sang chăm quyền theo khoa học, chăm quyền dân chủ và chăm quyền theo pháp luật. Phương thức chăm quyền của ĐCS Trung Quốc có đặc điểm là tính tập quyền cao thông qua chế độ “hạt nhân lãnh đạo”, cách cơ cấu Thường vụ Bộ chính trị, mỗi Tổng bí thư đều đề ra chủ thuyết chính trị, nhất thể hóa các vị trí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, nhất là

dưới thời kỳ Tập Cận Bình. Phân bổ cơ cấu Ủy viên thường vụ Bộ chính trị luôn ưu tiên cho ban lãnh đạo chính trị theo nguyên tắc chính trị thống soái gắn với nắm trực tiếp các công cụ bạo lực, hạn chế cơ cấu các cơ quan điều hành, kiểm soát quyền lực bằng kỷ luật Đảng nghiêm. Ủy ban kiểm tra vận hành theo chiều dọc, hoạt động độc lập với cấp ủy cùng cấp, kỷ luật bỏ phiếu, thảo luận, phát ngôn rất nghiêm....

2.2.3.2. Phương thức cầm quyền của Đảng cầm quyền ở Lào

Đảng Nhân dân cách mạng Lào là một Đảng Cộng sản, là chính đảng duy nhất và là đảng cầm quyền ở Lào “Đảng nhân dân CM Lào là đảng cầm quyền, là nòng cốt trong hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân, lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ đất nước và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa” [117]. Vị thế chính trị của Đảng cũng được quy định trong Điều 3 Hiến pháp: “Quyền làm chủ đất nước của nhân dân các dân tộc được thực hiện và đảm bảo bằng các hoạt động của HTCT do Đảng NDCM Lào làm hạt nhân lãnh đạo” [143]. Trong phương thức cầm quyền của mình, Đảng Nhân dân CM Lào luôn nhấn mạnh nguyên tắc “Đảng lãnh đạo và nắm quyền theo pháp luật, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, người dân làm chủ và bình đẳng trước pháp luật” [142].

Thứ nhất: Đảng cầm quyền thông qua việc đề ra đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoạch định đường lối là phải đảm bảo tính cách mạng đúng đắn theo các điều kiện lãnh đạo căn bản của chính đảng Mác – Lênin, có tính khoa học, phù hợp với thực tiễn đất nước, phù hợp nguyện vọng của nhân dân các dân tộc, tầng lớp và được bên ngoài và nước ngoài ủng hộ.

Thứ hai: Sự cầm quyền của Đảng được thực hiện nhờ nhất thể hóa các chức vụ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, kiện toàn tổ chức, bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị, hạn chế cấp trung gian, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Quốc hội và các cơ quan dân cử, vai trò của các cơ quan tư pháp, vai trò của Mặt trận nhân dân Lào xây dựng đất nước và các tổ chức quần chúng nhân dân, tổ chức xã hội. Đảng và đảng viên thực sự tiên phong nâng cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của

Đảng, lấy việc đáp ứng lợi ích của nhân dân mình làm điểm xuất phát, đi đầu trong giải quyết khuyết điểm, sai sót của mình, củng cố nội bộ Đảng một cách chủ động, gương mẫu, tôn trọng Hiến pháp và pháp luật, nghiêm chỉnh thực hiện Điều lệ Đảng. Đảng vận động quần chúng tham gia đóng góp ý kiến trong hoạch định đường lối, chính sách, giám sát kiểm tra, góp ý về tổ chức, nhân sự của Đảng và Nhà nước.

Thứ ba: Đảng cầm quyền bằng công tác cán bộ. Đây là một phương thức cầm quyền quan trọng của đảng đó là thực hiện tốt công tác cán bộ, đảm bảo công tác quản lý cán bộ được tiến hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ trong đó Đảng Nhân dân CM Lào chủ trương “Giữ vững nguyên tắc là Đảng cầm quyền phải nắm chắc và quản lý tốt cán bộ”. Đảng bồi dưỡng, đào tạo, quản lý và giáo dục đội ngũ cán bộ đủ tiêu chuẩn ra hoặc bổ nhiệm vào bộ máy lãnh đạo Nhà nước, các đoàn thể quần chúng.

Bên cạnh đó, để đảm bảo vững chắc cho sự cầm quyền của Đảng, Đảng chủ trương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng, đồng thời phát huy vai trò cấp dưới giám sát cấp trên, tạo điều kiện cho các phương tiện thông tin đại chúng và người dân được tham gia vào công tác giám sát.

2.2.3.3. Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Cuba

Đảng Cộng sản Cuba - Đảng Mácxit Lêninnít và theo tư tưởng của José Martí - là đảng duy nhất của Cuba, có sức mạnh và sứ mệnh chính là đoàn kết và tập hợp tất cả những người yêu nước, vì lợi ích tối cao là xây dựng CNXH, bảo vệ những thành quả của cách mạng Cuba.

Tại Đại hội Đảng lần thứ VI (4/2011), Chủ tịch Raul Caxtoro đã đưa ra quan điểm cần phải đổi mới sửa chữa tất cả những sai lầm trong quản lý kinh tế và trong xây dựng CNXH: Thứ nhất, phải có sự đổi mới về tư duy, vượt qua rào cản tâm lý khi Cuba đã gắn quá lâu với những giáo điều và những quan niệm lạc hậu; thứ hai, cần tách bạch vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước; đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng, đánh giá đúng và chọn lọc được những cán bộ thực sự có phẩm chất cách mạng ở tất cả các cấp; thứ ba, tăng cường phát huy vai trò của báo chí trong việc thông tin, giáo dục và phê phán những khuyết điểm, tiêu cực trong

quản lý kinh tế xã hội; thứ tư, cần phải thường xuyên trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, Chính phủ nhằm đảm bảo tính kế thừa và liên tục của cách mạng. Tất cả các chức vụ có thời hạn nắm quyền tối đa 2 nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ là 5 năm. Tuổi được ứng cử, bầu cử vào Trung ương là 60 tuổi và tuổi tối đa để được bầu mới vào các chức vụ lãnh đạo cấp cao trong Đảng là 70 tuổi. Lãnh đạo Đảng phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn: tính gương mẫu, tính chiến đấu, trình độ, chứng tỏ những phẩm chất đạo đức, chính trị và tư tưởng xứng đáng, cũng như phải liên hệ mật thiết với quần chúng.

Khắc phục tác phong làm việc cán bộ lãnh đạo, nhất là sự thiếu trách nhiệm và thiếu kế hoạch, chậm chạp trong việc tìm ra các giải pháp cho các vấn đề, thiếu sáng tạo, thiếu sự liên hệ với quần chúng; chưa nghiêm khắc trước các vi phạm và vô kỷ luật; phương pháp lãnh đạo quan liêu, và tê tham nhũng. Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục chính trị và tư tưởng, ưu tiên cho đấu tranh với những yếu kém trong việc rèn luyện của đảng viên. Đổi mới công tác vận động quần chúng, khi dân chúng Cuba hiện nay đã không còn thuần nhất và già hơn, trình độ học vấn, chính trị cao hơn, đòi hỏi việc giao tiếp với họ phải sáng tạo hơn, có hệ thống và khác biệt hơn. Đảng cần tăng cường đấu tranh với những nguyên nhân và những điều kiện làm phát sinh những biểu hiện vi phạm xã hội, bất hợp pháp, tham nhũng và những tội danh khác. Tăng cường quan tâm đối mới mối quan hệ với Đoàn TNCS và các tổ chức quần chúng khác trên cơ sở tôn trọng chức năng hoạt động dân chủ và tự quản của các tổ chức quần chúng.

Đảng Cộng sản Cuba xác định rõ mô hình phát triển kinh tế xã hội XHCN, xây dựng một CNXH thịnh vượng và bền vững. Trong Đường lối chính sách kinh tế và xã hội của Đảng và Cách mạng, Đảng nhấn mạnh vai trò của đảng viên tại cơ sở, công tác chính trị, tư tưởng đối với thanh niên; đánh giá 5 năm thực hiện đường lối cập nhật hóa, chính sách thúc đẩy sản xuất phát triển, liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân; quan hệ giữa kế hoạch và năng lực sản xuất; vấn đề áp dụng khoa học - công nghệ để nâng cao sản xuất.

2.2.4. Một số giá trị tham khảo đối với Việt Nam từ phương thức cầm quyền của các Đảng chính trị trên thế giới

Nghiên cứu phương thức cầm quyền từ một số nước trên thế giới, mặc dù mỗi Đảng chính trị, đảng cầm quyền tồn tại trong những thể chế chính trị khác nhau tuy nhiên có nhiều điểm có thể tiếp thu, chọn lọc trong quá trình thực hiện các phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ nhất: Sự hình thành, xây dựng, phát triển chính đảng là một tất yếu khách quan, dù nước đó chỉ có một đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền hay có hai đảng thay nhau cầm quyền hoặc có nhiều đảng liên minh cầm quyền. Chính đảng là hạt nhân và chủ thể của chính trị nhà nước, chế độ chính đảng là nội dung hạt nhân của chế độ chính trị của một nước. Chế độ chính đảng quyết định quá trình chính trị và phương hướng chính trị. Vì vậy, ở bất cứ nước nào, một chính đảng muốn trở thành đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền hay đảng tham chính đều phải xây dựng đảng mạnh, có uy tín trong dân chúng, phải được nhân dân ủng hộ.

Thứ hai: Tất cả các đảng cầm quyền (kể cả các Đảng Cộng sản và các đảng chính trị ở các nước tư sản cầm quyền) đều cầm quyền và lãnh đạo bằng cương lĩnh chính trị, đường lối, nghị quyết và các chính sách của đảng. Muốn thực hiện được vai trò lãnh đạo, cầm quyền đối với xã hội, đảng chính trị phải đưa ra được cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước đúng đắn, hấp dẫn, phù hợp với lòng dân. Cương lĩnh phải rõ ràng, khoa học, vạch đường đi cho đất nước. Thông thường, các đảng chính trị tư sản đều phải có cương lĩnh hành động của đảng làm cơ sở, nền tảng của mọi chính sách của đảng.

Trong các cuộc bầu cử, các đảng muốn có cơ hội thắng cử phải chuẩn bị một bản đề cương chính sách những vấn đề mà đảng sẽ thực hiện sau khi thắng cử. Các cương lĩnh tranh cử phải tập trung vào những vấn đề của đất nước, người dân đang phải tập trung giải quyết, gồm chính sách đối ngoại, an ninh, quốc phòng, phát triển kinh tế, vấn đề lạm phát, thất nghiệp, an toàn xã hội... Quá trình xây dựng cương lĩnh chính trị của đảng tiến hành bởi sự tham gia rộng rãi của toàn thể đảng viên từ trung ương đến cơ sở với các kỳ đại hội tiến hành mỗi năm 1 lần. Cương lĩnh chính trị của

đảng phải phản ánh được các quy luật vận động khách quan tạo tiền đề cho việc hoạch định chính sách, pháp luật, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân. Bên cạnh sự ủng hộ về chính trị của nhân dân, đảng phải thu hút được sự tham gia ủng hộ tích cực của giới trí thức và giới trẻ trong xã hội. Họ là lực lượng quan trọng tạo nên đường lối đổi mới của đảng và sự ủng hộ tích cực trong quá trình thực hiện đường lối bằng con đường nhà nước. Việc xây dựng các chính sách quan trọng phải cho các thành viên trong ban lãnh đạo đảng trực tiếp soạn thảo. Một số đảng chính trị cầm quyền xây dựng triết lý phát triển cho đất nước, như kinh nghiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong đó hạt nhân là “ba bảo bối”, cầm quyền Đảng nhân dân hành động Singapore (PAP) “Quốc hội tối thượng; xã hội trước hết; gia đình là nền tảng; xã hội là gốc rễ; quan tâm xã hội, tôn trọng cá nhân; bàn bạc đồng thuận, tránh va chạm; khoan dung sắc tộc; tôn giáo hòa hợp với nhau”.

Thứ ba: tất cả các đảng cầm quyền đều cầm quyền bằng hiến pháp, pháp luật, đề cao pháp luật và đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật.

Vấn đề căn bản của phương thức cầm quyền của các đảng cầm quyền trên thế giới là cầm quyền bằng hiến pháp, pháp luật. Vấn đề đặt biệt quan trọng cần giải quyết là các đảng cầm quyền phải lãnh đạo việc thể chế hóa các nội dung trong cương lĩnh, đường lối, nghị quyết, quyết định của mình thành hiến pháp, pháp luật để các nội dung được xã hội thực hiện trong thực tiễn. Vì vậy, tất cả các đảng cầm quyền đều luôn quan tâm đến vấn đề này. Điều này liên quan đến cả hai ngành hành pháp và lập pháp và quan hệ giữa hai ngành này trong chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, có những điểm khác nhau, xuất phát từ sự khác nhau về bản chất của hai chế độ xã hội. Vì vậy, cách thức tiến hành việc này của đảng tư sản cầm quyền và đảng cộng sản cầm quyền có nhiều điểm khác nhau.

Để thực hiện Cương lĩnh, chính sách của Đảng cầm quyền, đảng cầm quyền phải có đủ bản lĩnh thực hiện các chủ trương đường lối đã được đưa ra tranh cử, mà đường lối đó đã được đa số cử tri ủng hộ bỏ phiếu cho họ lên nắm quyền. Trước hết đảng cầm quyền thông qua Quốc hội tổ chức có quyền lực cao nhất xây dựng và ban

hành pháp luật, thể hiện cho được ý chí, quyết sách của đảng cầm quyền. Vì vậy, các chính đảng cầm quyền đều rất chú trọng xây dựng các đạo luật, điều tổ chức, hoạt động của quốc hội, đồng thời đảng cầm quyền đều hết sức thượng tôn pháp luật.

Thứ tư: Mọi quan hệ giữa Đảng cầm quyền với tính thống nhất của quyền lực Nhà nước thể hiện ở thiết kế mô hình Nhà nước. Tất cả các đảng cầm quyền đều cầm quyền thông qua nhà nước, đề cao và phát huy vai trò của nhà nước trong quản lý mọi hoạt động của đất nước theo pháp luật.

Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng trong phương thức cầm quyền của các đảng cầm quyền. Vì vậy, tất cả các đảng chính trị khi ra đời và hoạt động đều đặt ra nhiệm vụ to lớn có tính quyết định sự tồn tại, phát triển của Đảng là giành chính quyền nhà nước, trở thành đảng cầm quyền có quyền lãnh đạo, điều hành hoạt động của nhà nước. Trở thành đảng cầm quyền, các đảng chính trị đều đặc biệt quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của nhà nước, từ xây dựng tổ chức bộ máy đến xây dựng, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức nhà nước.

Quyền lực của một đảng đối với xã hội được xác lập bằng con đường nhà nước và phải thông qua sự lựa chọn của nhân dân trong các cuộc bầu cử. Sự xác lập quyền lãnh đạo của Đảng đối với xã hội được thực hiện thông qua cuộc bầu cử Quốc hội. Tại đó, các đảng chính trị phải đưa ra được Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước có sức hấp dẫn với nhân dân và căn cứ nào đó mà nhân dân bầu cử đảng viên của đảng làm nghị sĩ trong quốc hội. Các nước đều có quy định tỷ lệ nhất định có thể tán thành, ủng hộ Cương lĩnh thì đảng đó mới trở thành đảng cầm quyền và đứng ra lập chính phủ để quản lý, điều hành đất nước bằng cương lĩnh của mình và khi đó mới trở thành lực lượng lãnh đạo xã hội. Các đảng chính trị thực hiện quyền lãnh đạo của mình thông qua các nghị sĩ quốc hội.

Thứ năm: Vai trò của kỹ thuật bầu cử và tính cạnh tranh trong lựa chọn người xứng đáng để giới thiệu tham gia bộ máy nhà nước. Tất cả các đảng cầm quyền đều cầm quyền bằng công tác cán bộ, các đảng tư sản cầm quyền thường bố trí người đứng đầu tổ chức đảng và người đứng đầu cơ quan nhà nước do một người đảm nhiệm.

Khi trở thành đảng cầm quyền, tất cả các đảng đều bố trí đảng viên của mình nắm giữ những vị trí quan trọng của đất nước (tổng bí thư đảng đồng thời là chủ tịch nước hoặc chủ tịch đảng kiêm thủ tướng; chủ tịch đảng- chủ tịch hạ viện...). Thông qua đội ngũ cán bộ, đảng thực hiện sự cầm quyền của mình hiệu lực, hiệu quả. Để đạt được điều này, tất cả các đảng cầm quyền đều quan tâm đặc biệt đến công tác cán bộ, từ đào tạo, bồi dưỡng đến bố trí, sử dụng, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm cán bộ sai phạm. Các đảng tư sản cầm quyền thường bố trí người đứng đầu tổ chức đảng và người đứng đầu cơ quan nhà nước các cấp, đơn vị do một người đảm nhiệm. hoạt động của tổ chức đảng được thể hiện thông qua hoạt động của người đứng đầu đó.

Thứ sáu: tất cả các đảng cầm quyền đều cầm quyền thông qua các tổ chức đảng và đảng viên trong các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, nhất là trong các cơ quan nhà nước.

Các đảng cộng sản, đảng tư sản đều cầm quyền bằng phương thức nêu trên. Các tổ chức đảng, đảng viên trong các tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, nhất là trong các cơ quan nhà nước đều phải hành động theo đường lối, quan điểm, chính sách của đảng, phát triển uy tín chính trị của đảng trong nhân dân. Đó là cơ sở để đảng thực thi việc cầm quyền của mình.

Thứ bảy: Chú ý đến tăng trưởng kinh tế và lợi ích phổ biến của quần chúng nhân dân. Có thể thấy, phát triển kinh tế là điều kiện tối cần thiết để đảm bảo ổn định chính trị, đến lượt nó ổn định chính trị là điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế. Bất cứ đảng cầm quyền nào, muốn củng cố quyền lực của mình cũng đều nhằm phát triển mạnh mẽ kinh tế, sự phát triển sản xuất là nhiệm vụ quan trọng đầu tiên, lấy xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm có phát triển kinh tế mới nâng cao được sức mạnh tổng hợp quốc gia, cải thiện đời sống nhân dân để nhân dân ủng hộ. Trong chính sách cũng như trong hành động thực tiễn luôn gắn chặt với phát triển kinh tế, với sự ổn định chính trị trong từng giai đoạn cụ thể phù hợp với tình hình thế giới và trong nước. Không thể duy trì địa vị cầm quyền khi đảng không lãnh đạo kinh tế, nắm kinh tế, có đường lối phát triển kinh tế đúng đắn, phù hợp. Dân đói nghèo, thất nghiệp cao, kinh tế suy thoái... thì đảng không thể tồn tại cầm quyền.

Trong quá trình phát triển của mỗi nước, sự phân hóa lợi ích xã hội là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu Đảng cầm quyền chỉ chú ý đến lợi ích của nhóm, giai cấp mà mình đại diện thì bất ổn định chính trị là hậu quả tất yếu. Ngược lại, nếu phân hóa lợi ích xã hội nảy sinh trong điều kiện kinh tế - xã hội phát triển liên tục, làm cho cả xã hội thấy rằng “được nhiều hơn mất”, như vậy xã hội sẽ xuất hiện xu thế ổn định tổng thể

Thứ tám: Vai trò của hành pháp trong phương thức cầm quyền bởi nắm nó thì mới sử dụng và phân bổ nguồn lực công phù hợp với đường lối của Đảng. Kiểm soát quyền lực trong đảng được quy định chặt chẽ. Đối với nhà nước, phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực phải đảm bảo chặt chẽ, minh bạch. Phân cấp chỉ đủ liều lượng để đảm bảo sự kiểm soát quyền lực mà không dẫn tới xung đột, phá hỏng tính thống nhất của quyền lực. Quyền lực nhà nước có nguồn gốc từ quyền lực nhân dân, nhân dân ủy thác cho các cơ quan nhà nước thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vì vậy, sự ủy quyền của nhân dân phải được đảm bảo thực thi nghiêm chỉnh trên thực tế; các cơ quan nắm giữ các quyền năng không được lạm quyền; đặc biệt là quyền lập pháp phải được kiểm soát chặt chẽ bởi quyền năng chi phối đến toàn bộ đời sống xã hội. Đảng cầm quyền phải kiểm soát chặt chẽ các luật mà quốc hội sẽ thông qua.

Thứ chín: Quyền lãnh đạo của đảng chính trị đối với nhà nước và xã hội phải bắt nguồn từ uy tín của đảng đối với nhân dân. Đảng phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân, các nghị sĩ là thành viên của Đảng gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Đặc biệt, sự gắn bó của các nghị sĩ quốc hội là đảng viên với nhân dân tại đơn vị bầu cử là rất quan trọng. Đó là cầu nối giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân, đưa tiếng nói của dân vào diễn đàn quốc hội và chuyển tâm nguyện của nhân dân vào đường lối, chủ trương, chính sách của đảng cầm quyền. Để làm điều đó, các đảng chính trị cầm quyền đều chú tâm xây dựng cơ sở đảng vững mạnh thông qua hoạt động gương mẫu, đi đầu của mỗi đảng viên của đảng trong việc thực hiện chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước. Khi nhân dân tố cáo vi phạm của đảng viên phải được điều tra, xử lý kịp thời.

Thứ mười: Vai trò của ý thức hệ trong ràng buộc tinh thần đối với đảng viên khi tham gia vào bộ máy nhà nước của Đảng Cộng sản cầm quyền, đồng thời không thể không tính đến lợi ích chính đáng của đảng viên như trong chính sách của PAP. Một số Đảng chính trị trên thế giới không áp dụng một hệ tư tưởng cố định mang tính chỉ đạo, xuyên suốt từ khi cầm quyền. Thay vào đó là xây dựng một ý thức hệ mang tính linh hoạt, hòa đồng – tức là không phải cố định, đúng bản chất,... như hệ tư tưởng theo quan niệm của chủ nghĩa Mác để duy trì được vị trí cầm quyền trong suốt thời gian dài. Ví dụ như Đảng PAP của Singapore, trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ khác nhau mà PAP tìm kiếm, xây dựng cho mình một hệ giá trị chỉ đạo, miễn là hệ giá trị đó giúp cho PAP đạt được mục tiêu trong quá trình cầm quyền của mình.

Thứ mười một: Đảng phải có thủ lĩnh tập hợp lực lượng, trí tuệ của đảng viên, gây được hình ảnh và cảm tình đối với nhân dân. Thủ lĩnh của đảng chính trị qua thực tế hoạt động của các đảng cầm quyền trên thế giới đã chỉ ra rằng: thủ lĩnh của đảng cầm quyền phải là những nhà tư tưởng, có kiến thức nắm bắt sự vận động của các quy luật, có khả năng nhận biết xu thế phát triển của thời đại và là người khởi xướng đường lối đổi mới của đảng trong từng thời kỳ.

Thứ mười hai: Đảng phải có nguồn tài chính độc lập, trong sạch và minh bạch. Các đảng chính trị đều có nguồn tài chính độc lập huy động từ sự đóng góp của đảng viên, nguồn tài trợ của các doanh nghiệp ủng hộ đảng và nguồn tài trợ khác từ xã hội. Đối với chế độ đa đảng, chỉ khi nào trở thành lực lượng lãnh đạo hoặc tham gia lãnh đạo nhà nước và xã hội, các đảng chính trị mới được hưởng một phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho việc hoạch định chính sách của đảng. Với nguồn kinh phí thu được, các đảng đều có cơ chế quản lý, sử dụng tài chính của đảng nghiêm minh, chặt chẽ, công khai, minh bạch.

Bên cạnh đó cần phải thận trọng trong chuyển đổi mô hình cầm quyền, nhất là lựa chọn cán bộ, cảnh giác với “tam quyền phân lập”.

Tiểu kết chương 2

Như vậy, có thể thấy rằng đảng cầm quyền là một khái niệm gắn với quyền lực. Tức đảng có quyền lực chính trị mà cụ thể là ở việc “nắm chính quyền” hay “nắm quyền lực nhà nước”, không chỉ chi phối được Nhà nước mà còn chi phối được định hướng phát triển của xã hội. Đối với một đảng cầm quyền luôn có hai lĩnh vực phải quan tâm là: nội dung cầm quyền và phương thức cầm quyền. Hiểu một cách khái quát, nội dung cầm quyền là những công việc đảng chính trị cầm quyền có thể và phải làm; phương thức cầm quyền là những cách thức, phương pháp, quy trình mà đảng cầm quyền sử dụng để tác động vào nhà nước và xã hội nhằm thực hiện thắng lợi những nội dung cầm quyền và đảng thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của đảng cầm quyền. Nội dung cầm quyền và phương thức cầm quyền có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó nội dung cầm quyền quy định phương thức cầm quyền và qua thực hiện phương thức cầm quyền mà đảng hoàn thiện các nội dung cầm quyền.

Phương thức cầm quyền của Đảng là chỉ tên gọi chung của các phương thức, biện pháp, thể chế, cơ chế của Đảng cầm quyền để thực hiện mục tiêu cầm quyền dưới sự chỉ đạo của quan niệm cầm quyền nhất định, thông qua việc nắm vững, vận dụng và kiểm soát chính quyền nhà nước thực hiện mục tiêu chính trị của đảng cầm quyền, đồng thời xây dựng cơ sở, nền tảng chính trị, kinh tế, tư tưởng văn hóa, xã hội đảm bảo sự cầm quyền ổn định, vững chắc, nó thể hiện năng lực cầm quyền của Đảng.

Từ nghiên cứu về lý luận cũng như thực tiễn các Đảng chính trị cầm quyền trên thế giới và Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy sự lãnh đạo và cầm quyền của các Đảng chính trị về bản chất là giống nhau, song nội dung, phương thức lãnh đạo và cầm quyền có những tính chất, đặc điểm, nội dung và nhiệm vụ là khác nhau. Xác định rõ nội dung, phương thức cầm quyền là giải quyết đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan mối quan hệ giữa Đảng – Nhà nước, giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trong thể chế chính trị nước ta là điều kiện đảm bảo sự cầm quyền của Đảng được bền vững và lâu dài.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam phải không ngừng học hỏi kinh nghiệm cầm quyền của các đảng chính trị thành công trên thế giới. Phương thức cầm quyền của các Đảng chính trị ở các nước rất đa dạng. Điểm chung của phương thức cầm quyền của các Đảng chính trị này là đều tìm cách giành lấy quyền hành pháp, chi phối quyền lập pháp và tư pháp để tối đa hóa lợi ích của đảng cầm quyền khi sử dụng quyền lực công. Tuy nhiên, phương thức cầm quyền lại thể hiện rất đa dạng, phong phú giữa chính thể đa đảng, lưỡng đảng hay một đảng, giữa mô hình cộng hòa tổng thống và mô hình dân chủ đại nghị, càng khác biệt với mô hình một đảng duy nhất cầm quyền. Điều đó cho thấy chúng ta cần tự tin tìm phương thức cầm quyền phù hợp với tập quán chính trị Việt Nam, đảm bảo tính hiệu quả và tính thực tiễn trong phương thức cầm quyền của Đảng. Nghiên cứu phương thức cầm quyền của các đảng chính trị trên nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm áp dụng cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình dùng chính quyền để thực thi đường lối của mình, đồng thời lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội để Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát quá trình cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2020

Phương thức cầm quyền của Đảng là chỉ tên gọi chung của các phương thức, biện pháp, thể chế, cơ chế của Đảng cầm quyền để thực hiện mục tiêu cầm quyền dưới sự chỉ đạo của quan niệm cầm quyền nhất định, thông qua việc nắm vững, vận dụng và kiểm soát chính quyền nhà nước, nó thể hiện cụ thể năng lực cầm quyền của Đảng. Phương thức này thể hiện cụ thể trong việc Đảng làm thế nào phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo trong các tổ chức, làm thế nào để tổ chức nhip nhàng được tất cả các lực lượng tập trung vào công tác phát triển xây dựng kinh tế, làm thế nào để đề ra được đường lối, phương châm, chính sách đúng đắn, làm thế nào để đảm bảo các cơ quan lập pháp, tư pháp hành chính, các tổ chức kinh tế, văn hóa, và đoàn thể Nhân dân làm việc một cách chủ động, độc lập phối hợp nhip nhàng và có trách nhiệm trong phạm vi hiến pháp và pháp luật. Cùng với sự thay đổi về điều kiện lịch sử xã hội của Đảng cầm quyền và nhận thức ngày càng sâu sắc về quy luật cầm quyền của Đảng, phương thức cầm quyền của Đảng cũng không ngừng thay đổi và phát triển. Nghiên cứu phương thức cầm quyền của Đảng để tổng kết kinh nghiệm nhiều năm cầm quyền và là thành quả mới nhất của quá trình phát triển phương thức cầm quyền.

Từ khi thành lập nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đến nay, với vai trò là Đảng cầm quyền, địa vị cầm quyền của Đảng đã được xác lập trên thực tế từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, dù các bản Hiến pháp năm 1946, 1959 chưa thể chế hóa về mặt lập hiến. Hiến pháp năm 1980 lần đầu thể chế hóa địa vị cầm quyền của Đảng thành nguyên tắc hiến định (Điều 4). Trải qua gần 80 năm thực hiện sứ mệnh và trách nhiệm cầm quyền, có thể thấy phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trải qua hai quá trình phát triển. Điểm nổi bật là qua các thời kỳ lịch sử, Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền, xác định mô hình, cách thức, phương thức cầm quyền thích hợp.

Mỗi mô hình cầm quyền, cách thức luôn xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và đặc điểm lịch sử cụ thể

3.1.1. Thời kỳ trước năm 1986

3.1.1.1. Thời kỳ 1945 – 1946

Đây là một giai đoạn lịch sử đặc biệt, giai đoạn xây dựng chính quyền Nhân dân, tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Đảng cầm quyền trong bối cảnh mới giành được độc lập dân tộc, chính quyền non trẻ, đảng viên còn ít, tổ chức đảng chưa được thiết lập rộng khắp, thù trong giặc ngoài chống phá điên cuồng buộc Đảng phải rút vào hoạt động bí mật và phải tiến hành ngay cuộc chiến tranh cách mạng chống thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam, phải chống lại các tổ chức phản động (Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt...) cấu kết với bên ngoài âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Tổ chức lực lượng toàn dân vào sự nghiệp xây dựng lại đất nước từ những khó khăn lớn như hậu quả của nạn đói, 95% dân số không biết chữ, kiệt quệ về kinh tế, tài chính, cách mạng và Nhà nước dân chủ Nhân dân còn non trẻ nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc. Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng một Chính phủ hòa hợp dân tộc, với sự tham gia của nhiều đảng phái chính trị, các nhân sĩ trí thức yêu nước và chấp nhận cho đảng đối lập (Việt Quốc, Việt Cách) tham gia Quốc hội không qua bầu cử. Mặc dù thỏa hiệp những vị trí nhất định trong bộ máy nhà nước với các đảng khác nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn là Đảng cầm quyền, Đảng tập trung lãnh đạo, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược. Mô hình cầm quyền được xác định và củng cố ngay từ đầu là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với Nhà nước và xã hội. Đảng cầm quyền thông qua đường lối chính trị, hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở, thông qua vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là lãnh tụ của Đảng vừa là lãnh tụ của dân tộc.

Cấu trúc Đảng chính trị lúc này là: Đảng Cộng sản cầm quyền, có đảng đối lập, có Đảng tham chính, có thành phần không đảng phái tham chính. Gắn với cấu

trúc đảng phái nêu trên, phương thức cầm quyền của Đảng được xác lập bằng việc sớm tổ chức tổng tuyển cử bầu cử Quốc hội (6-1-1946) để hợp pháp hóa chính quyền lâm thời đã được thành lập trong cách mạng tháng Tám, nắm giữ cương vị Chủ tịch nước có quyền lực tối thượng (vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa đứng đầu nền hành pháp) do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, bố trí đảng viên của Đảng nắm giữ quyền hành các vị trí then chốt trong Chính phủ, còn thành phần nội các có thể thỏa hiệp để đảng đối lập hoặc những người không đảng phái tham chính, kiểm soát đa số ghế trong Quốc Hội và tranh thủ lực lượng không đảng phái tiến bộ, mở rộng cơ hội cho các đảng đối lập hoặc những người không đảng phái tham gia quốc hội và nội các để tăng tính dân chủ của nhà nước.

Phương thức cầm quyền của Đảng được xác lập không chỉ do việc bố trí đảng viên nắm các vị trí then chốt mà còn được khẳng định nhờ năng lực, phẩm chất của những người cộng sản được bộc lộ trực tiếp trong thảo luận của Quốc hội, Chính phủ, trong hiệu quả điều hành giải quyết các thách thức buộc các đảng phái khác thừa nhận hoặc không dám công khai chống đối. Ở đây có thể thấy vai trò cá nhân đặc biệt của Hồ Chí Minh rất lớn, điều này phần nào đảm bảo cho năng lực và phương thức cầm quyền của Đảng phát huy hiệu quả.

Sự cầm quyền của Đảng được đảm bảo bởi sự lãnh đạo đối với Nhà nước, tăng cường sức mạnh thực tế và pháp lý đối nội và đối ngoại của Nhà nước. Bộ máy nhà nước đó đã tổ chức thành công sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, đối nội, đối ngoại theo đường lối của Đảng cầm quyền. Đảng trực tiếp xây dựng và lãnh đạo Quân đội Nhân dân và công an Nhân dân để bảo vệ đất nước, bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ và Nhân dân. Điểm nổi bật của mô hình cầm quyền là kết hợp chặt chẽ vai trò lãnh đạo của Đảng với tổ chức và chính quyền nhà nước.

3.1.1.2. Thời kỳ 1947 – 1986

Đây là giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và cả nước theo mô hình Xô viết.

Cấu trúc Đảng chính trị lúc này đó là: Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, hai đảng tham chính, không có đảng đối lập. Gắn với cấu trúc Đảng đó, phương thức cầm quyền của Đảng bao gồm: Đảng Cộng sản là Đảng cầm quyền, còn Đảng Xã hội và Đảng Dân chủ tham chính². Với đặc trưng nổi bật của giai đoạn này đó là Đảng vừa là bộ tham mưu hoạch định đường lối chiến lược, vừa trực tiếp điều hành công việc của nhà nước. Trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến, Đảng chưa thể thực hiện nội dung, phương thức cầm quyền toàn diện, mới chỉ tập trung vào công tác quân sự, cán bộ, dân vận để tiến hành cuộc kháng chiến thành công bằng chiến dịch Điện Biên Phủ. Từ sau năm 1954, nội dung cầm quyền của Đảng mang tính toàn diện, nhưng do hoàn cảnh chiến tranh hoạt động lãnh đạo và cầm quyền của Đảng chưa có sự phân biệt rõ ràng. Phương thức cầm quyền của Đảng đối với chính quyền nhà nước các cấp mang tính trực tiếp bằng đường lối, nghị quyết, chỉ thị để lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, và lực lượng vũ trang. Từ năm 1951 – 1969, nhất thể hóa Chủ tịch Đảng và Chủ tịch nước do lãnh tụ Hồ Chí Minh đảm đương, nhưng phi tập trung quyền hành của người đứng đầu nên hành pháp bằng phân quyền cho Thủ tướng. Từ Hiến pháp năm 1980, cầm quyền theo chế độ nguyên thủ tập thể³, hành pháp tập thể⁴, trách nhiệm cá nhân chưa được phát huy, Đảng bao biện, làm thay Nhà nước, chưa thật sự chú trọng luật hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Trong giai đoạn này, phương thức cầm quyền chủ yếu là chấp hành chính sách. Đây là phương thức cầm quyền và phương thức lãnh đạo mang tính chất trực tiếp, quyết định trực tiếp để xử lý các sự vụ liên quan đến phát triển kinh tế, xã hội của đất nước là chính, cũng là phương thức cầm quyền nhất nguyên hóa, lấy Đảng thay mặt Chính phủ, tập trung thống nhất cao độ. Trong hoàn cảnh đất nước vừa ra khỏi cuộc chiến tranh, tập trung khôi phục đất nước, ổn định đời sống Nhân dân được ưu tiên hàng đầu, nội dung phương thức cầm quyền mang tính chất trực tiếp đem lại

² Đảng Xã hội và Đảng Dân chủ do Đảng Cộng sản vận động thành lập, đều tán thành đường lối của Đảng Cộng sản. Đến năm 1988 cả hai Đảng tuyên bố đã hoàn thành sứ mệnh và “tự giải tán”

³ Cơ cấu của Hội đồng Nhà nước theo Hiến pháp 1980 ở nước ta mô phỏng Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên xô

⁴ Hội đồng Bộ trưởng thay thế cho Thủ tướng chính phủ theo Hiến Pháp năm 1980

những thành quả nhất định. Do thời kỳ đầu nắm quyền, Đảng phải đối mặt với tình hình phức tạp như tình trạng đói nghèo ở trong nước và bị các nước phong tỏa, cộng thêm ảnh hưởng của phương thức lãnh đạo thời chiến và mô hình Liên xô cũ nên phương thức cầm quyền nay đã dần hình thành và trở nên lớn mạnh hơn cùng với sự ra đời của nền kinh tế kế hoạch. Với điều kiện lịch sử đặc thù thời kỳ lúc bấy giờ, thể chế lãnh đạo và phương thức cầm quyền này đã phát huy những tác dụng tích cực nhất định trong việc tập trung lực lượng toàn quốc để xây dựng nền kinh tế. Nhưng khi hoàn cảnh lịch sử và nhiệm vụ chính trị thay đổi, tập trung phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại tỏ ra bất cập, nhiều hạn chế. Những hạn chế vốn có của phương thức cầm quyền này dần bộc lộ và ảnh hưởng trực tiếp đến phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong Đảng, ảnh hưởng tới hoạt động có hiệu quả của các cơ quan chính quyền nhà nước cũng như sự nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng, thậm chí gây ra sai lầm mang tính toàn cục.

3.1.2. Thời kỳ từ năm 1986 đến 2020

Trong công cuộc đổi mới toàn diện từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa XHCN và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng và sự quản lý của Nhà nước có yêu cầu phân tách chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của nhà nước. Theo đó, vấn đề đảng cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng được đặt ra.

Cấu trúc Đảng chính trị lúc này là: Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội, không có đảng đối lập, không có đảng tham chính nhưng có người ngoài đảng tham chính. Phương thức cầm quyền giai đoạn này là chấp hành chính sách và làm theo pháp luật. Sau thời kỳ đổi mới mở cửa, để tránh lặp lại sai lầm như của thời kỳ bao cấp và đặc biệt để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ngày càng coi trọng công tác xây dựng chế độ pháp luật, ngày càng có nhiều quy phạm pháp luật được đề ra và đã phát huy vai trò to lớn trong việc quy phạm trật tự vận hành kinh tế xã hội đất nước và hành

vi của con người. Đảng đã thông qua trình tự pháp định để biến chủ trương, chính sách của Đảng thành pháp luật nhà nước, ý chí của quốc gia. Đồng thời đã tiến hành đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng theo trình tự, kế hoạch, tách bạch giữa Đảng và chính quyền, không ngừng mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Phương thức cầm quyền của Đảng giai đoạn nay có một số đổi mới: Đã phân định rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước, khắc phục từng bước tình trạng Đảng bao biện, làm thay Nhà nước, vừa đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy sự năng động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế hóa quan điểm của Đảng thành thiết kế mô hình tổ chức quyền lực nhà nước với việc trao quyền hành pháp rất lớn cho Thủ tướng và chính phủ gắn với việc tăng cường trách nhiệm cá nhân, phân công trách nhiệm giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp gắn với tính toán tỷ lệ cơ cấu Đảng viên và cấp ủy viên tham gia các cấu trúc quyền lực Nhà nước. Đẩy mạnh thể chế hóa cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp, tăng cường giám sát và lấy phiếu tín nhiệm một số chức danh do Quốc hội bầu. Hiến định và luật hóa một bước trách nhiệm của Đảng trước Nhân dân. Cải tiến một số quy trình, thủ tục bầu cử trong Đảng, bầu cử Nhà nước⁵ để tăng tính chính danh quyền lực chính trị của Đảng trong quyền lực Nhà nước. Bước đầu thí điểm nhất thể hóa chức danh lãnh đạo Đảng và Nhà nước gắn với tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị. Đây là hướng đi mới mang tính đột phá đang được tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai rộng rãi. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII, Đảng ta chủ trương thí điểm nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo của Đảng với lãnh đạo Nhà nước. Thực hiện cơ cấu các đồng chí cấp ủy đồng thời giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước các cấp, bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã là một giải pháp đột phá. Thực hiện nội dung, phương thức cầm quyền trong kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Mọi quyền lực phải được kiểm soát đề phòng, chống sự tha hóa. Đảng ban hành nhiều

5 Phổ biến vẫn là tình trạng Đảng giới thiệu 01 ứng viên

quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, tăng cường kỷ luật kỷ cương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội.

Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, Đảng cầm quyền với những mô hình và phương thức khác nhau qua các thời kỳ. Điểm chung nhất là dù còn có nhiều khuyết điểm và những điều chưa được như mong muốn, song đó là Đảng thực sự vì nước, vì dân, giữ vững bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp, truyền thống anh hùng của một Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện.

3.2. Đặc điểm, nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

3.2.1. Một số đặc điểm chế định phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nếu như đặc điểm về bản chất và mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam quy định đặc điểm của quá trình giành quyền lực chính trị, thì đó cũng là cái tạo nên đặc điểm có tính nguyên tắc về phương thức cầm quyền của Đảng.

Thứ nhất: Phương thức cầm quyền có tính nguyên tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam là không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập - Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền. Phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu bất di bất dịch của Đảng. Điều đó, về nguyên tắc, chỉ do Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền (nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa), Đảng không chia sẻ quyền lực cho bất cứ đảng nào khác. Đảng trở thành lực lượng chính trị duy nhất cầm quyền, lãnh đạo nhà nước và xã hội, không có đối thủ cạnh tranh, không có thời hạn quy định, là Đảng duy nhất cầm quyền không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là lực lượng chính trị tiên phong và đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất, giữ vai trò cầm quyền. Đây là điều kiện thuận lợi để Đảng thực hiện chức năng, nhiệm vụ cầm quyền của mình. Thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, thành quả xây dựng và phát triển chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành quả của sự hy sinh, phấn đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam và của toàn dân tộc. Đòi hỏi đa nguyên chính trị, đa đảng đối

lập, để bảo đảm dân chủ trong cầm quyền và lãnh đạo của đảng như một số người nêu lên chỉ là lý luận lừa bịp, muốn thủ tiêu vai trò duy nhất cầm quyền và lãnh đạo chính đáng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Khi đã nắm được quyền thống trị, V.I. Lênin chỉ rõ: “Đảng nắm quyền đó với ý thức là chỉ một mình mình nắm” [61, tr.156]. Có thể thấy rằng, thắng lợi hay thất bại của các đảng phái trong thể chế lưỡng đảng, đa đảng luôn gắn với nhiệm kỳ bầu cử, thậm chí hoán đổi nhau địa vị cầm quyền. Còn trong thể chế một Đảng Cộng sản duy nhất lãnh đạo nhà nước và xã hội, mất địa vị cầm quyền của Đảng đồng nghĩa với thay đổi bản chất chế độ và Đảng khó có cơ hội giành lại được chính quyền. Mất vai trò lãnh đạo của Đảng còn gây hệ lụy cho độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, vì Đảng lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang. Vì vậy, giữ vững địa vị cầm quyền của Đảng phải gắn liền với cuộc đấu tranh chống các nguy cơ “tự diễn biến”, “tự diễn hóa” trong nội bộ cũng như các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch từ bên ngoài, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vậy nên đây là điều hết sức hệ trọng. Tuy nhiên, là Đảng duy nhất cầm quyền, trong Đảng dễ phát sinh các bệnh chủ quan, duy ý chí, quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, áp đặt, coi thường pháp luật, đứng trên pháp luật và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đây là những bệnh rất nguy hiểm đối với Đảng cầm quyền, làm giảm sút sức mạnh, uy tín, thanh danh của Đảng, làm Đảng xa rời Nhân dân

Khi nói “Đảng ta là Đảng cầm quyền”, Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh vị thế duy nhất nắm quyền lực nhà nước, mà còn nhấn mạnh vị thế lãnh đạo Nhà nước, cả hệ thống chính trị và xã hội của Đảng. Đảng cầm quyền trong ý nghĩa này đã hàm chứa cả đảng lãnh đạo. Điều đó không có nghĩa, quyền lực của Đảng là “siêu quyền lực”, đứng trên quyền lực nhà nước (như có người hiểu). Đảng và Nhà nước là hai chủ thể quyền lực khác nhau trong một thể chế chính trị - xã hội. Quyền lực của Đảng là quyền lực của giai cấp - một lực lượng trong xã hội; đây là quyền lực chính trị. Quyền lực nhà nước là quyền lực của Nhân dân - đây là quyền lực tổ chức, phục vụ, kiến tạo phát triển đất nước. Sự duy nhất cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam phải được Nhân dân thừa nhận, lựa chọn và được ghi nhận trong Hiến pháp (tính

chính đáng chính trị). Đảng cầm quyền bằng Nhà nước, thông qua hệ thống cơ quan công quyền, không tự biến mình thành Nhà nước. Nếu quyền lực đảng đồng nhất với quyền lực nhà nước thì xã hội sẽ không còn dân chủ, mà trở thành độc tài.

Phương thức cầm quyền đó cũng không phải là phương thức “toàn trị” như có người đã gán cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng duy nhất cầm quyền là để giữ vững mục đích chính trị của Đảng, của Nhân dân. “Đảng không toàn ý (độc quyền) nắm quyền và “cai trị”, “cưỡng ép” Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm theo ý chí chủ quan của Đảng. Đảng cầm quyền bằng ý chí và nguyện vọng của Nhân dân (ghi trong Hiến pháp) và lãnh đạo cả hệ thống chính trị thực hiện mục đích của Nhân dân và cũng là của Đảng” [48]

Thứ hai, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là đảng của giai cấp công nhân, mà còn là Đảng của dân tộc Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và toàn thể dân tộc “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư thiên vị” [82, tr.275], đồng thời những cán bộ, đảng viên của Đảng trực tiếp thi hành những nhiệm vụ quản lý trong bộ máy Nhà nước đều chỉ là những người được Nhân dân “ủy thác”, bầu ra để phục vụ Nhân dân. Hiến pháp nước ta đã quy định: tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân. Quyền lực là của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền lực đó chính là sự giao phó của Nhân dân cho Đảng. Chính vì thế trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi cán bộ và đảng viên phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân” [84, tr.611-612]. Do vậy, ở nước ta, Đảng nắm chính quyền cũng tức là Nhân dân nắm chính quyền, bởi Đảng chỉ là lực lượng tiêu biểu, đại diện cho toàn dân nắm chính quyền. Nó khác biệt với các đảng chính trị trong thể chế đa đảng chỉ đại diện cho lợi ích của một nhóm, tập đoàn lợi ích nhất định. Nó cũng khác với các Đảng Cộng sản nhiều nước trên thế giới chỉ đại diện cho lợi ích giai cấp công nhân, không đại diện cho lợi ích toàn dân tộc nên không có ảnh hưởng xã hội rộng rãi. Đặc điểm nêu trên làm cho tính dân tộc và

tính xã hội của Đảng rất cao, bên cạnh kiên định bản chất giai cấp công nhân, nên khi hóa thân vào bộ máy Nhà nước, thực hiện trách nhiệm cầm quyền sẽ có sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân, giữa ý thức chính trị và ý thức pháp luật, giữa chức năng thống trị về chính trị và chức năng xã hội.

Thứ ba: Đảng giành chính quyền từ lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, khôi phục chủ quyền quốc gia, thiết lập nhà nước dân tộc. Đảng giành được địa vị cầm quyền thông qua cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, quyết liệt chống giặc ngoại xâm và các thế lực thù địch trong nước, quốc tế. Nó khác với nhiều Đảng chính trị trên thế giới nắm chính quyền từ cạnh tranh nghị trường hoặc đảo chính quân sự, mà bản chất là dịch chuyển địa vị cầm quyền từ tay tập đoàn này sang tập đoàn khác, không đại diện cho lợi ích quốc gia dân tộc, không gánh vác trách nhiệm của Nhân dân giao phó. Trách nhiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam được lịch sử phó thác theo quy luật đào thải, do tương quan lực lượng chính trị đầu thế kỷ XX chi phối, khi mà các đảng chính trị khác không đủ năng lực lãnh đạo cách mạng, thoái lui trước sự đàn áp, khủng bố của chủ nghĩa thực dân, thậm chí đầu hàng và phản bội lợi ích dân tộc. Đặc điểm này quy định tính chính đáng của Đảng được xác lập ngay từ khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi gắn với sự nghiệp khôi phục độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, còn các kỳ bầu cử sau khi đã có chính quyền chỉ là những biện pháp kỹ thuật để hợp thức hóa địa vị cầm quyền chính đáng đã được xác lập trước đó.

3.2.2. Nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đối với Đảng ta, giữa phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng có quan hệ mật thiết với nhau vừa có sự tương đồng. *Tương đồng ở chỗ:* Cả phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền đều có cùng một chủ thể là Đảng; trong điều kiện có chính quyền, đều tác động tới các đối tượng là Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội...; cùng nhằm mục tiêu cao nhất là thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, chiến lược, đường lối, mục tiêu chính trị của Đảng; đều phải sử dụng các phương pháp tư tưởng, hành chính, tổ chức, kiểm tra, giám sát, nêu gương. *Khác biệt ở chỗ:* phương thức cầm quyền chú trọng việc chỉ đạo các cơ quan nhà

nước thể chế hóa, cụ thể hóa cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách và định hướng hoạt động của Nhà nước; nắm công tác tổ chức, cán bộ của Nhà nước bằng việc định hướng kiện toàn tổ chức và đưa cán bộ, đảng viên vào nắm giữ quyền lực và trực tiếp điều hành, thực thi quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước; cùng với các phương pháp dân chủ, tuyên truyền, thuyết phục, vận động, Đảng sử dụng quyền lực của Đảng cầm quyền và các nguyên tắc của Đảng để tác động, chi phối hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, phương thức cầm quyền thực chất là phương thức lãnh đạo cơ bản của Đảng trong điều kiện có chính quyền, kể cả khi là lực lượng duy nhất cầm quyền, nên sự phân biệt giữa phương thức cầm quyền và phương thức lãnh đạo chỉ là tương đối.

Trên cơ sở Cương lĩnh, điều lệ, nghị quyết và thực tiễn hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, có thể xác định phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay bao gồm những phương thức cơ bản như sau:

Thứ nhất: Đảng cầm quyền bằng công tác tư tưởng

Đảng thông qua các tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước, các thiết chế tư tưởng để tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, lý luận, thuyết phục thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, không ngừng nâng cao trình độ lý luận, khoa học, công nghệ, nghiệp vụ công tác cho cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. Thực hiện phương thức cầm quyền bằng thiết chế tư tưởng, lý luận khoa học để xác định đúng đắn đường lối, chủ trương chiến lược, sách lược cầm quyền, là cơ sở để Nhà nước cụ thể hóa, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách cầm quyền của Đảng trong thực tiễn và được coi như kim chỉ nam cho hành động của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Không dựa trên tư tưởng, lý luận khoa học, Đảng sẽ vấp phải những sai lầm, khuyết điểm và để lại những hậu quả nặng nề cho Nhân dân, cho chế độ. “Lý luận cầm quyền sai lầm tất nhiên sẽ nảy sinh ra cương lĩnh cầm quyền sai đường, còn cương lĩnh sai lầm tất yếu sẽ làm cho đội ngũ cán bộ

cầm quyền mất tính tiên phong. Đội ngũ cầm quyền không được thường xuyên vũ trang về lý luận khoa học và niềm tin cộng sản, niềm tin chính trị thì cũng không thể phát huy mạnh mẽ có hiệu quả được” [43, tr.218]. Xét cho đến cùng, quyền năng tư tưởng là sức mạnh to lớn của con người, cộng đồng và dân tộc. Người nắm quyền năng về tư tưởng sẽ chi phối mạnh mẽ đến ý thức, hành vi, hiệu quả hoạt động của mỗi tổ chức cá nhân. Vì vậy, cầm quyền phải nắm vững tư tưởng, bằng công tác tư tưởng, phương pháp tư tưởng khoa học làm vũ khí sắc bén để điều khiển, chi phối bộ máy nhà nước.

Thứ hai: Đảng cầm quyền thông qua tổ chức mô hình nhà nước thống nhất quyền lực

Thiết kế mô hình tổ chức nhà nước thống nhất quyền lực phù hợp với mô hình cấu trúc “Một Đảng duy nhất cầm quyền, người ngoài đảng tham chính”, tối ưu hóa việc chính đáng hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công từ ghi nhận về mặt lập hiến và lập pháp, thực thi về mặt hành pháp và bảo vệ về mặt tư pháp. Đảng cầm quyền thông qua hiến pháp và pháp luật, thông qua các thể chế nhà nước và kỷ luật của Đảng để đảm bảo hoạt động của Nhà nước theo định hướng chính trị, hiệu lực và hiệu quả. Trong điều kiện đảng cầm quyền, có Nhà nước và hướng đến Nhà nước pháp quyền XHCN, pháp luật chính là công cụ mạnh mẽ, hữu hiệu để thực hiện điều khiển hành vi của hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong khi đó, pháp luật chính là sự thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Cầm quyền bằng pháp luật là tất yếu và rất quan trọng, Đảng phải sử dụng các phương pháp tập trung – dân chủ, khoa học, pháp lý để Nhà nước thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật giám sát, kiểm tra các cơ quan Nhà nước thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật, đảm bảo vị trí tối thượng của Hiến pháp, pháp luật trong đời sống xã hội. Thiết kế mô hình tổ chức quyền lực nhà nước dựa trên nguyên tắc thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp nhưng không phân chia. Định vị và lựa chọn các vị trí trong bộ máy quyền lực nhà nước mà Đảng phải chiếm ưu thế tuyệt đối bảo đảm tính thống nhất và khả năng kiểm soát quyền lực.

Có thể nói đây là một trong những phương thức cầm quyền then chốt mà hầu hết các Đảng cầm quyền trên thế giới đều thực hiện. Chất lượng, hiệu quả cầm quyền của Đảng bằng Hiến pháp và pháp luật là dấu hiệu cơ bản khẳng định năng lực cầm quyền của Đảng trên thực tế. Thực chất quá trình thể chế hóa đường lối chủ trương của Đảng thành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước là quá trình Đảng biến quyền lực, ý chí chính trị của mình để Nhân dân thông qua, thành ý chí của Nhân dân. Vì vậy Đảng cầm quyền phải tuân thủ theo pháp luật, đó là phù hợp với quy luật khách quan, trở thành nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Đảng cầm quyền thông qua công tác tư tưởng, kỷ luật nghiêm khắc với hành vi đứng trên pháp luật, đứng ngoài pháp luật, vi phạm pháp luật của cá nhân và tổ chức, đảm bảo mọi cán bộ, công chức nhà nước phải tuân thủ pháp luật.

Thứ ba: Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền thông qua đội ngũ cán bộ.

Đảng bố trí đảng viên tham gia, nắm giữ những vị trí then chốt của nhà nước, hệ thống chính trị, các thiết chế xã hội gắn với xác định tỷ lệ, cơ cấu quyền lực nhà nước mà Đảng phải nắm giữ, chi phối, từ đó mà điều khiển nhà nước, hệ thống chính trị, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng. Đội ngũ cán bộ là linh hồn và sức sống của bộ máy Nhà nước, là động lực làm nên sức mạnh của Nhà nước và là nhân tố quyết định hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đội ngũ cán bộ quyết định hiện thực hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của Nhân dân. Vì vậy Đảng cầm quyền phải nắm chắc, nắm vững đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ giữ các vị trí trọng yếu trong các cơ quan Nhà nước. Thực hiện bầu cử cạnh tranh trong nội bộ Đảng để lựa chọn được nhân sự tinh hoa giới thiệu cho Nhà nước, dựa vào quy trình, thủ tục Nhà nước để bầu chọn nhân sự trong điều kiện chấp nhận cạnh tranh. Xác định các cơ quan nhà nước tỷ lệ đảng viên cần chiếm đa số tuyệt đối và các vị trí cần nhất thể hóa giữa lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Xác định số lượng, tỷ lệ “người ngoài đảng tham chính” hợp lý ở từng vị trí, từng cơ quan nhà nước, vừa mở rộng dân chủ, vừa không tạo nên thách thức đối với địa vị cầm quyền của Đảng. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ là điều kiện quyết định đảm bảo vững chắc cho sự cầm quyền của Đảng và hoạt động của

hệ thống chính trị. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI nhấn mạnh “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ. Thực hiện tốt Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ” [19, tr.261]. Công tác cán bộ phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan, khoa học, đảm bảo lựa chọn những cán bộ có phẩm chất, năng lực tốt nhất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chống tha hóa, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Đảng cầm quyền bằng việc quản lý nghiêm minh Đảng viên trong bộ máy Nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng chế độ kỷ luật Đảng. Phương thức cầm quyền này bao gồm: Xác định nội dung quản lý đảng viên đặc thù ở từng cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xây dựng quy phạm quản lý và chế độ kỷ luật nghiêm minh đảng viên trong bộ máy nhà nước như chế độ kỷ luật ứng cử, đề cử, bỏ phiếu, thảo luận, phát ngôn, biểu quyết, quyết định, từ chức,... Kiện toàn các thiết chế chuyên trách để tăng cường quản lý Đảng trong bộ máy Nhà nước phù hợp tình hình mới.

Không như những Đảng cầm quyền trên thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền không chỉ bằng xây dựng và hoạt động của Nhà nước mà còn bằng thiết lập và hoạt động của hệ thống tổ chức Đảng trong bộ máy nhà nước. Khác về nguyên tắc tổ chức với các Đảng chính trị khác trên thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam có hệ thống tổ chức tương đương với các cấp hành chính Nhà nước, các tổ chức đảng được “bổ trí” trong các cơ quan, tổ chức để trực tiếp lãnh đạo về chính trị, tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các tổ chức cơ sở Đảng trong các đơn vị này trong sạch, vững mạnh, tạo nền tảng vững chắc cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Vì vậy, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu trong các tổ chức đảng ở các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp là điều kiện quan trọng đảm bảo vai trò cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Thứ tư: Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền bằng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước, kiểm tra giám sát các tổ chức Đảng và Đảng viên hoạt động trong hệ thống chính trị, đặc biệt trong bộ máy Nhà nước, thực hiện kiểm soát quyền lực hiệu quả. Kiểm tra giám sát là chức năng lãnh đạo đồng thời cũng là phương thức cầm quyền của Đảng. Kỷ luật Đảng là kỷ luật sắt, rất nghiêm minh và tự giác. Công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực đối với chủ thể quyền lực có ý nghĩa hết sức quan trọng để phòng, chống tha hóa quyền lực. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói “Chính sách đúng là nguồn gốc thắng lợi... Khi đã có chính sách đúng thì sự thành công hay thất bại của chính sách đó là nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích” [77, tr.636]. Có thể nói, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống quan liêu tham nhũng của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức nhà nước hiện nay đang diễn biến khá phức tạp mà nguyên nhân chính đó là quyền lực chưa được kiểm soát chặt chẽ và khoa học dẫn đến tình trạng trên và đang dần đánh mất niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Vì vậy phải nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện phương thức cầm quyền bằng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng mà trước hết, bản thân các chủ thể quyền lực là Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội phải tự kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của chính mình để tự nó quyền lực không bị tha hóa, đảm bảo tổ chức trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, dùng quyền lực chính trị để kiểm soát quyền lực nhà nước, dùng quyền lực xã hội để kiểm soát quyền lực Nhà nước, kết hợp với kiểm soát nội bộ, tự kiểm soát.

Mặt khác, hệ thống chính trị nước ta hoạt động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ nhưng phải trên cơ sở pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của Đảng để kiểm tra, giám sát lẫn nhau mới đảm bảo sức mạnh của hệ thống. Xét đến cùng, vai trò cầm quyền của Đảng và quyền lực của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội là do Nhân dân ủy thác nên Nhân dân được biết, được bàn, được giám sát việc thực thi những quyền lực đó. Vì vậy phải có và bằng thể chế để

Nhân dân kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực của cả hệ thống chính trị và các tổ chức thành viên, nhất là Nhà nước.

Thứ năm: Đảng cầm quyền thông qua việc thể chế hóa đầy đủ, toàn diện, nhất quán Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách, thực hiện cầm quyền bằng pháp luật. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, đường lối của Đảng được thể chế hoá thành các quy phạm pháp luật, đường lối của Đảng được “luật hoá”, được “hoá thân” vào các quy định pháp luật, các quan hệ pháp luật như chủ thể, khách thể, nội dung quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lí... nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước có tính độc lập tương đối bởi sự phân định rõ vị trí, chức năng của Đảng và Nhà nước trên cả hai phương diện lí luận và thực tiễn. Thể chế hoá không phải là việc sao chép máy móc những nội dung trong đường lối của Đảng thành pháp luật. ở khía cạnh khác, đường lối của Đảng mang ý nghĩa và nội dung riêng còn pháp luật có những yêu cầu riêng. Pháp luật không thể phản ánh thụ động các nội dung trong đường lối của Đảng. Hoạt động lập pháp, thi hành và bảo vệ pháp luật là những hoạt động mang tính sáng tạo của Nhà nước. Đảng không thể làm thay Nhà nước trong các hoạt động đó. Giữa pháp luật, chính sách với Cương lĩnh, đường lối của Đảng trong quá trình thể chế hóa luôn có sự nhất quán. Luật pháp trở thành công cụ cơ bản của cầm quyền, bao gồm mọi hoạt động của tổ chức Đảng và đảng viên trong khuôn khổ pháp luật. Đặc biệt kiểm soát chặt chẽ các khâu hoạch định chính sách và phân bổ nguồn lực công để bị “nhóm lợi ích thao túng, trục lợi”

Thứ sáu: Chế định hóa ý thức hệ giai cấp thành quy phạm đạo đức cầm quyền làm cơ sở ràng buộc trách nhiệm, lòng trung thành của đảng viên với Đảng, với Tổ quốc, lấy đức để cầm quyền. Hoạt động này gồm có: Một là, xây dựng hệ giá trị cốt lõi cho từng cơ quan bộ máy nhà nước làm triết lý dẫn dắt; Hai là, xây dựng quy phạm đạo đức cầm quyền cho lãnh đạo Đảng. Bởi vì Đảng ta là đảng cầm quyền, mọi sai, đúng về đường lối, tư tưởng, phẩm chất đạo đức tốt, xấu không bó hẹp trong nội bộ Đảng mà tác động tới toàn xã hội. Hệ thống chính trị mà đứng đầu là Đảng là tấm

gương của xã hội, gương sáng thì dân soi, gương mờ thì không soi được, dân quay lưng lại. Như vậy, Đảng giữ vị trí quan trọng hàng đầu của mọi tầm quan trọng. Quy luật của cuộc sống là đập tan thì dễ, xây dựng, mà thật sự xây dựng thì khó. Cái khó ở đây không phải chỉ ở quy mô của sự nghiệp cách mạng, mà vấn đề là làm sao trong điều kiện Đảng cầm quyền, có được đội ngũ cán bộ đảng viên đủ trí tuệ, bản lĩnh, cái tâm, cái đức để phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn. Trong xây dựng đất nước, Đảng phải có tư duy mới, bố trí lực lượng mới, phương pháp cách mạng và hành vi mới..., Ba là, Nhà nước, sử dụng sợi dây tinh thần của ý thức hệ kết hợp với kỷ luật Đảng để ràng buộc trách nhiệm, lòng trung thành của đảng viên với Đảng, với tổ quốc; Bốn là, xây dựng chế độ đãi ngộ, thỏa mãn lợi ích chính đáng và hợp pháp của cán bộ, đảng viên

3.3. Thành tựu và hạn chế trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam và nguyên nhân

3.3.1. Thành tựu

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam, chính đảng đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam ngay từ khi ra đời đã trở thành đảng cầm quyền. Từ đó đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước, các thành viên trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Trên cơ sở vận dụng các nguyên lý về đảng chính trị và lý luận xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ thực tiễn, kinh nghiệm thế giới và thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định được các phương thức cầm quyền đúng đắn, phù hợp. Đó là việc Đảng xác lập hệ thống các phương pháp, cách thức để tác động, định hướng, chế định, điều khiển, kiểm soát việc tổ chức và hoạt động của các thành viên trong hệ thống chính trị, đặc biệt là bộ máy nhà nước để cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện mục tiêu, lý tưởng, các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng qua mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ. Qua thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, nhất là trong công cuộc đổi mới, nội dung

và phương thức cầm quyền của Đảng ngày càng được xác định rõ và hoàn thiện hơn. Nhờ đó, các cơ sở, thể chế cầm quyền, điều kiện bảo đảm cho sự cầm quyền và năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ngày càng được củng cố, với những thành tựu nổi bật sau đây.

3.3.1.1. Về công tác tư tưởng

Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành lực lượng chính trị duy nhất có quyền xác lập, đưa ra Cương lĩnh, chủ trương, đường lối lãnh đạo Nhà nước, các thành viên trong hệ thống chính trị và các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội. Bằng đường lối lãnh đạo, phương thức cầm quyền đúng đắn, Đảng đã đưa sự nghiệp cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, từ thắng lợi của Cách mạng tháng 8 năm 1945 mang lại độc lập tự do cho dân tộc đến thắng lợi trong công cuộc đổi mới phát triển đất nước. Công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo dựa trên 4 trụ cột: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa và nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Quá trình đổi mới từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đồng thời diễn ra quá trình đổi mới hệ thống chính trị trên nguyên tắc chuyên chính vô sản, lấy đấu tranh giai cấp để cải tạo xã hội, cải tạo các thành phần kinh tế, xác lập quan hệ sản xuất XHCN, sang xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chế độ chính trị dân chủ XHCN và nền văn hóa XHCN. Để lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới, Đảng cũng từng bước đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền. Trên tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước, các tổ chức chính trị và xã hội được khẳng định trong các bản Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vai trò lãnh đạo, cầm quyền này không chỉ được xác lập ở cấp Trung ương mà còn được xác lập và tổ chức thực hiện, được chấp hành ở các cấp hành chính lãnh thổ địa phương, ở các cơ quan, đơn vị trong toàn bộ hệ thống chính trị. Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” đã sớm được khẳng định và thực thi bằng

các quy định chặt chẽ trong Điều lệ Đảng, Hiến pháp và các quy định của pháp luật, cũng như các quy chế, quy định của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, các hội quần chúng.

Trở thành Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn không ngừng củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên định cầm quyền bằng các thiết chế, tư tưởng, lý luận khoa học. Thực hiện phương thức cầm quyền bằng các thiết chế, tư tưởng lý luận trong thời gian qua đã được Đảng đặc biệt coi trọng. Đảng luôn xác định quan điểm, đường lối, chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo, xác định nội dung hình thức, biện pháp công tác tư tưởng, lý luận, xây dựng và củng cố kiện toàn bộ máy tiến hành công tác tư tưởng lý luận. Những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã từng bước rơi vào khủng hoảng và sụp đổ. Các thế lực thù địch vẫn luôn ra sức tìm mọi cách lợi dụng xuyên tạc, công kích và phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ cho rằng sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tất yếu lịch sử vì nó bắt nguồn từ “sự lạc hậu, lỗi thời của bản thân chủ nghĩa Mác - Lênin”; và bởi, “chủ nghĩa xã hội mà Mác nêu ra chỉ là một lý tưởng, một chủ nghĩa xã hội “không tưởng”, không bao giờ thực hiện được” [3, tr.48]. Những luận điệu đó được tung ra khắp nơi trên thế giới với các hình thức, diễn đàn khác nhau nhằm phủ nhận bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Xuất phát từ lập luận đó, họ cho rằng hiện nay “Việt Nam đang bế tắc không chỉ về kinh tế, mà còn về tinh thần. Không ai còn tin vào chủ nghĩa Mác nữa” [3, tr.48]. Do đó, theo họ, Việt Nam cần “tránh chỗ tối, tìm chỗ sáng”, “tránh con đường đau khổ” mà một số nước đã đi qua để đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Đây thực sự là một thử thách rất lớn đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI khi đề ra những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, bảo đảm cho đổi mới đúng hướng, đúng mục tiêu và có hiệu quả. Trong Nghị quyết, Đảng ta không chỉ khẳng định tính chất của công cuộc đổi mới ở Việt Nam không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp mà Đảng ta còn nhấn mạnh: “Chủ nghĩa

Mác - Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Nhân dân ta” [16, tr. 591]. Sự khẳng định này đã cho thấy bản lĩnh và quyết tâm rất lớn của Đảng trong việc kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, bất chấp mọi sự chống phá của các thế lực thù địch. Tháng 8/1989, Hội nghị Trung ương 7 khóa VI của Đảng ban hành Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay”.

Một trong những điểm nhấn quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thể hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Đại hội VII năm 1991). Từ sau Cương lĩnh, căn cứ vào tình hình cụ thể ở mỗi giai đoạn, Đảng ta tiếp tục đưa ra những chỉ đạo cụ thể về việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch như Nghị quyết số 01-NQ/TW “Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay” (tháng 3/1992); Nghị quyết số 09-NQ/TW “Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay” (tháng 2/1995); đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (năm 2012) và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (năm 2016) về xây dựng Đảng. Đặc biệt, việc lãnh đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng được thể hiện đậm nét nhất trong Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (ngày 22/10/2018) “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Nghị quyết nêu rõ: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ Nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Đó là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó các cơ quan báo chí tuyên truyền các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

Trong quá trình hoạt động, Đảng thường xuyên tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách cầm quyền của Đảng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác tư tưởng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội, từ việc xác lập, xây dựng đến truyền bá, phổ biến, giáo dục, bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, trong hoạt động Đảng thường xuyên lãnh đạo xây dựng tổ chức, bộ máy, cán bộ và hoạt động của hệ thống thiết chế công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, đó là các hội đồng lý luận ở Trung ương, các cơ quan tuyên giáo, cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản, đội ngũ báo cáo viên, phóng viên, biên tập viên, phát thanh viên và đội ngũ giáo viên, giảng viên lý luận chính trị ở các cơ sở đào tạo, các học viện, nhà trường,... để phục vụ cho sự lãnh đạo của Đảng trong từng giai đoạn, từng thời kỳ, với từng đối tượng. Thường xuyên lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo xây dựng bộ máy tổ chức, đổi mới trang thiết bị, không ngừng hiện đại hóa các phương tiện thông tin đại chúng, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong tiến hành công tác tư tưởng lý luận đặc biệt là trong công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách cầm quyền của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kịp thời giải quyết những bức xúc về tư tưởng, dư luận xã hội, luôn đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, tư tưởng phản động, thù địch, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, luôn tạo ra sự đồng thuận của xã hội đối với đường lối, chính sách trong quá trình cầm quyền của Đảng. Luôn khẳng định lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và toàn xã hội, nhờ đó mọi đường lối, chính sách của Đảng luôn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của Nhân dân, xu thế chung của thời đại, nên luôn định hướng, chỉ đạo đúng đắn cho nhận thức của Nhà nước và toàn xã hội

Trên cơ sở nắm vững lý luận và phương pháp cách mạng của lý luận Mác – Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thực hiện thiết chế, phương thức đấu tranh không khoan nhượng để chống lại những khuynh hướng tả khuynh, hữu khuynh trong xây dựng đường lối, chủ trương

cũng như tổ chức thực hiện, chính vì vậy Đảng đã giữ vững nền tảng tư tưởng địa vị cầm quyền của mình. Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, Đảng càng có điều kiện thực hiện đầy đủ các thiết chế tư tưởng làm cho hệ thống quan điểm, tư tưởng, lý luận khoa học của Đảng tác động và chi phối trực tiếp đến mọi hoạt động trong đời sống xã hội, góp phần củng cố, quan hệ đến vai trò, sinh mệnh chính trị của Đảng, sự ổn định của chế độ,... chính vì thế, mọi sự lệch lạc, sai lầm về lý luận, đường lối đều được Đảng sử dụng các thiết chế tư tưởng lý luận để kịp thời khắc phục. Bên cạnh đó Đảng còn luôn bổ sung phát triển hệ tư tưởng, trên cơ sở đó đề ra cương lĩnh, đường lối, chính sách cầm quyền phù hợp trong mọi điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng giai đoạn phát triển của đất nước, do đó, tạo được sự tin tưởng trong Nhân dân về Đảng cầm quyền. Đó là những điều kiện, tiền đề giúp cho Đảng giữ vững và phát huy vai trò cầm quyền và cầm quyền lâu dài của Đảng.

3.3.1.2. Tổ chức mô hình quyền lực Nhà nước

Thiết kế mô hình tổ chức nhà nước thống nhất quyền lực phù hợp với mô hình cấu trúc “một Đảng duy nhất cầm quyền, người ngoài Đảng tham chính” từ ghi nhận về mặt lập hiến và lập pháp, thực thi về mặt hành pháp và bảo vệ về mặt tư pháp, tối ưu hóa việc chính đáng hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công. Đảng thực hiện phương thức cầm quyền thông qua tổ chức hoạt động của Nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng và phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định phương thức cầm quyền thông qua tổ chức hoạt động của Nhà nước, bằng Hiến pháp và pháp luật là phương thức cầm quyền cơ bản và then chốt. Trong Điều lệ của Đảng đã khẳng định rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền... Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” [18, tr.5-6].

Trách nhiệm chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam để thực hiện mục tiêu, lý tưởng của Đảng: đất nước độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, Nhân dân tự do và hạnh phúc, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Là Đảng cầm quyền, Đảng phải chịu trách nhiệm trước Nhân

dân, trước xã hội nếu để đất nước lạc hậu, chậm thoát khỏi tình trạng kém phát triển, để bộ máy chính quyền không trong sạch, thiếu dân chủ, quan liêu.

Mô hình quyền lực Nhà nước là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực hiện thống nhất quyền lực trên cơ sở phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp... là sự lựa chọn đúng đắn, hợp lý mô hình tổ chức nhà nước ở nước ta.

Đây là câu trả lời lý luận được hình thành từ tổng kết thực tiễn đổi mới chính trị và hệ thống chính trị ở nước ta qua chặng đường hơn 30 năm đổi mới. Có thể xem đó là một thành quả lý luận đánh dấu bước trưởng thành tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng chính thể, về lãnh đạo Nhà nước

Quyền lực Nhà nước được tổ chức và thực thi theo nguyên tắc: “quyền lực nhà nước là thống nhất” và vận hành theo cơ chế “phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” (Điều 2, Hiến pháp 2013). Điều này thể chế hóa tinh thần kiểm soát quyền lực mà Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ở Việt Nam đã “tạo ra cơ chế pháp lý tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn đất nước, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả, an toàn trong tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước, ngăn chặn sự tùy tiện của Nhà nước, đẩy lùi hiện tượng “tha hóa” quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền lực của Nhân dân” [36, tr.114-120]

Trong thời gian qua, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định, đường lối, chính sách, nguyên tắc cầm quyền thông qua tổ chức và hoạt động của Nhà nước và hệ thống chính quyền các cấp, thường xuyên quan tâm, xác định đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn phát triển mang tính định hướng, chỉ đạo cho hoạt động của Nhà nước và hệ thống chính quyền địa phương các cấp, luôn xác định quan điểm, đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát xây dựng, củng cố, kiện toàn Nhà nước

và hệ thống chính quyền, khắc phục tình trạng quan liêu, tham nhũng của một số bộ phận cán bộ, Đảng viên. Đặc điểm nổi bật là nhận thức về dân chủ, pháp quyền, công khai, minh bạch, thượng tôn pháp luật trong phương thức cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước từng bước được nâng cao.

Với vai trò là một đảng cầm quyền không có nghĩa là Đảng làm thay công việc của Nhà nước hoặc đứng trên Nhà nước, mà thực hiện chức năng lãnh đạo, nắm giữ, tác động vào Nhà nước để thể chế hóa quyền lực chính trị của Đảng thành quyền lực nhà nước; sử dụng hiệu quả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng và nội dung cầm quyền lãnh đạo của Đảng. Mặc dù Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng trong hoạt động của mình, Đảng luôn tôn trọng Nhà nước, không bao biện, làm thay công việc của Nhà nước. Chức năng, quyền hạn, nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng ngày càng được phân định rõ hơn với chức năng, quyền hạn, phương thức quản lý của Nhà nước. Đảng luôn tôn trọng, phát huy vai trò quản lý Nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật, xây dựng Nhà nước ngày càng vững mạnh. Bên cạnh đó, Đảng còn định hướng cho Nhà nước trong cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thành Hiến pháp và pháp luật, quản lý đất nước bằng pháp luật.

Nhận thức đúng nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng cương lĩnh, chủ trương, đường lối, nghị quyết; các cơ quan nhà nước xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để thực hiện, đảm bảo chủ trương, đường lối của Đảng nhanh chóng đi vào thực tiễn, trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển đất nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng lãnh đạo định hướng Quốc hội xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ phát triển; quyết định những vấn đề quan trọng về chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; những vấn đề trọng đại của đất nước: đối nội, đối ngoại, chương trình, kế hoạch lớn, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,... Đảng xây dựng thể chế, cơ chế sử dụng các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để hiện thực hóa ý chí, quyền lực của Đảng trong thực tiễn cuộc sống; quy định rõ những việc và mức độ cấp ủy chỉ đạo chính quyền để không bao biện làm thay nhưng cũng không buông lỏng vai trò

lãnh đạo. Đồng thời, quyết định công tác cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước; định vị và lựa chọn các vị trí trong bộ máy quyền lực Nhà nước mà Đảng phải chiếm ưu thế tuyệt đối đảm bảo tình thống nhất và khả năng kiểm soát quyền lực, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, giới thiệu những đảng viên ưu tú ứng cử và nắm giữ các chức danh chủ chốt của bộ máy nhà nước; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, đảm bảo mọi hoạt động của Nhà nước theo đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, hoàn thành trọng trách cao cả đối với Nhân dân. Đảng luôn tôn trọng pháp luật, không đứng trên, đứng ngoài pháp luật mà Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng được khẳng định trong Hiến pháp và được bảo đảm bằng pháp luật. Qua đó, khẳng định cơ sở pháp lý của Đảng, vai trò cầm quyền lãnh đạo của Đảng được khẳng định, được củng cố, hiệu quả, vị thế cầm quyền của Đảng không ngừng nâng lên, đồng thời thể hiện sự tôn trọng Hiến pháp, pháp luật của Đảng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền, Đảng có nhiều chủ trương, chính sách có tính đột phá, như việc nhất thể hóa các chức danh lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước: bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, chủ tịch ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã. Thí điểm mô hình nhất thể hóa một số cơ quan tham mưu, đơn vị sự nghiệp của Đảng với các cơ quan quản lý của Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội có chức năng, nhiệm vụ phù hợp.

Bên cạnh việc xác định phương thức cầm quyền bằng thông qua hoạt động của Nhà nước, Đảng ta luôn phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong đại diện, chăm lo lợi ích và quyền làm chủ, xây dựng, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, tham gia giám sát, phản biện xã hội... và coi đây là một trong những phương thức cầm quyền của Đảng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011) đã khẳng định “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

chính đáng của Nhân dân... thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước... tăng cường mối liên hệ giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước” [19, tr.86]. Trong thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, thực sự là lực lượng nòng cốt trong tập hợp, đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giám sát và phản biện xã hội đối với vai trò cầm quyền của Đảng và hoạt động quản lý của Nhà nước, tích cực góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả cầm quyền của Đảng

3.3.1.3. Công tác cán bộ

Công tác cán bộ được Đảng ta đặc biệt quan tâm, xác định là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; gắn liền với vận mệnh của dân tộc, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Từ khi Đảng ta trở thành một đảng cầm quyền, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng nắm giữ hầu hết các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước, có quyền lực rất lớn và nguy cơ tha hóa quyền lực, quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm” rất cao. Vì vậy, trong hoạt động của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thời kỳ mới. Đảng phải thường xuyên quan tâm chăm lo xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng chỉ rõ “Phải sớm xây dựng Chiến lược cán bộ của thời kỳ mới”. Để cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội, Hội nghị TW 3 khóa VIII (18/6/1997) đã ban hành Nghị quyết về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về *Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*; Quy định số 179-QĐ/TW ngày 25/2/2019 của Bộ Chính trị về *Chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ*; Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc *Kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền*; Quy định số 214-QĐ/TW ngày 2/1/2020 của Bộ Chính trị về *Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu*

chỉ đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;.. Đại hội XII đã chỉ rõ “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ” [21, tr.207]

Thứ nhất: Về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đảng đã quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về bản lĩnh chính trị, trong sáng về đạo đức, lối sống, tinh thông về nghiệp vụ, gắn bó mật thiết với Nhân dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm hoạt động trong hệ thống chính trị, đặc biệt trong bộ máy Nhà nước, thực hiện tốt phương thức cầm quyền bằng hệ thống tổ chức Đảng và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, Đảng viên.

Trước hết, Đảng đã hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng đi đôi với sàng lọc cán bộ, đảm bảo cho đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, không tham vọng quyền lực, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tinh thần đoàn kết, thống nhất cao; “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung”. Công tác cán bộ được đổi mới theo hướng công khai, dân chủ, tuân theo pháp luật, thực hiện liên thông giữa các khâu, có sự chuyển tiếp liên tục, chặt chẽ, vững vàng giữa các thế hệ lãnh đạo. Gắn với đó là công tác bảo vệ chính trị nội bộ được tăng cường, góp phần phòng chống những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu, nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều, thực hiện tốt phương châm “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”; “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; “Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh” như Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dạy. Thường xuyên “đổi mới” công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng “thiết thực” nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực cho đội ngũ cán bộ.

Cùng với đó, Đảng đã quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên ngay từ cơ sở, phát hiện và xử lý kịp thời những hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng nhằm

làm trong sạch nội bộ Đảng, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ, đảng viên rèn luyện, phấn đấu, toàn tâm, toàn ý với công việc; kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” trong công tác cán bộ.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị, các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập. Vai trò lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ của Đảng đã được quy định chặt chẽ trong Điều lệ, nghị quyết, quy chế, quy định của Đảng; quy chế hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp; trong điều lệ, quy chế, quy định về tổ chức, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập. Đây là cơ sở chính trị, pháp lý hết sức quan trọng, giúp Đảng xây dựng và kiểm soát được toàn bộ hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đặc biệt là bộ máy nhà nước cũng như các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội. Tuyệt đại đa số các vị trí quan trọng trong cơ quan, bộ máy nhà nước và các tổ chức khác của hệ thống chính trị, ở các lĩnh vực trọng yếu đều do cán bộ là đảng viên đảm nhiệm. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng trong phạm vi địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực và thẩm quyền, trách nhiệm được Đảng giao phó

Ngoài ra, Đảng còn chú trọng đến việc phát huy tính tiên phong, gương mẫu của các cán bộ, đảng viên trong việc tổ chức, thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Đảng viên của Đảng luôn gương mẫu thực hiện, tuyên truyền và bảo vệ đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nêu cao ý thức trách nhiệm, nắm và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, làm việc có nguyên tắc, kỷ cương, có lý, có tình... không lạm dụng chức vụ, quyền hạn, không đặc quyền, đặc lợi trong giải quyết công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tích cực học tập, nghiên cứu, tiếp thu và vận dụng hiệu quả các tri thức khoa học, công nghệ hiện đại trong lao động, sản xuất, nghiêm túc trong công tác phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí...

Thứ hai: Về công tác lựa chọn nhân sự trong Đảng. Trong quá trình xây dựng, củng cố tổ chức, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định lựa chọn nhân sự giới thiệu bầu cử vào bộ máy Nhà nước gắn với tỷ lệ xác định tỷ lệ, cơ cấu quyền lực nhà nước mà Đảng phải nắm giữ, chi phối, tất cả những nội dung đó được thực hiện thông qua bầu cử: bầu cử là phương thức quan trọng để thành lập các cơ quan lãnh đạo, lựa chọn đội ngũ cán bộ "tiêu biểu về trí tuệ, phẩm chất, uy tín, thật sự trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới" [23]. Sức mạnh, quyền lực chính trị của Đảng là thuộc về toàn thể đảng viên, nhưng tự đảng viên không thể thực hiện tốt nhất quyền lực của mình trong một số công việc nhất định. Thông qua bầu cử, đảng viên chọn người đại diện và ủy quyền cho họ thực hiện những quyền đó. Vậy nên, có thể xác định bản chất của bầu cử trong Đảng là thực hiện quyền làm chủ và phát huy trí tuệ trách nhiệm của tập thể đảng viên trong việc lựa chọn người đại diện để ủy quyền; hay đó là việc "chuyên hóa" ý chí, quyền lực chính trị của đảng viên cho các vị trí chức danh trong Đảng một cách dân chủ. Trong thời gian qua, Đảng đã thực hiện bầu cử cạnh tranh trong nội bộ Đảng để lựa chọn được nhân sự tinh hoa giới thiệu cho nhà nước trên cơ sở những quy trình, thủ tục nhà nước. Đảng cũng đã xác định số lượng, tỷ lệ "người ngoài đảng tham chính" hợp lý ở từng vị trí, từng cơ quan nhà nước, vừa mở rộng dân chủ, vừa không tạo nên thách thức đối với địa vị cầm quyền của Đảng.

Thứ ba: Về công tác quản lý Đảng viên trong bộ máy Nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng kỷ luật có hiệu quả.

Công tác quản lý đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng của công tác tổ chức xây dựng đảng. Bác Hồ nói: "Đảng mạnh là do mỗi một chi bộ mạnh. Chi bộ mạnh là do mỗi một đảng viên ra sức làm trọn 10 nhiệm vụ đã ghi trong Điều lệ Đảng" [83, tr.242]. Do vậy, quản lý đảng viên tốt sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Ngược lại, nếu quản lý đảng viên thiếu chặt chẽ sẽ làm cho các nguyên tắc của Đảng thực hiện không nghiêm, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng bị giảm sút, thậm chí có tổ chức đảng còn mất vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng

Công tác quản lý đảng viên được thực hiện trực tiếp ở các đảng bộ, chi bộ cơ sở với những nội dung cụ thể: Về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức của đảng viên, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, phong cách lối sống, mối quan hệ với Nhân dân, khả năng thu hút, tập hợp quần chúng thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng.

Trong những năm qua, Đảng ta luôn quan tâm chỉ đạo công tác quản lý đảng viên như: Xác định nội dung quản lý đảng viên đặc thù trong từng cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, Xây dựng quy phạm quản lý và chế độ kỷ luật nghiêm minh đảng viên trong bộ máy nhà nước (chế độ kỷ luật ứng cử, đề cử, bỏ phiếu, thảo luận, phát ngôn, biểu quyết, quyết định, từ chức,...), kiện toàn các thiết chế chuyên trách để tăng cường quản lý Đảng trong bộ máy nhà nước phù hợp với tình hình mới. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bổ sung, hoàn thiện quy chế, quy định về tổ chức, sinh hoạt và sự lãnh đạo của Đảng. Kiện toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng như đảng - đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối trong các cơ quan nhà nước, các cơ quan, đơn vị kinh tế, sự nghiệp, các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Tại Đại hội XI, XII, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, quy chế, quy định về đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái trong Đảng, Nhà nước, quy định về chế độ trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước như: Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15-5-1996 nêu rõ: Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và Nhân dân ta hiện nay. Nó góp phần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân... Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền và phục vụ cho đổi mới kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Hội nghị Trung ương 3 khóa X (21/8/2006) ban hành Nghị quyết về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, đã xác định rõ mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí là: ngăn chặn, từng

bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của Nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính. Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (ngày 16/1/2012) đã ban hành Nghị quyết về *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, trong đó chú trọng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Để không ngừng tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng và giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, qua các kỳ đại hội, từ Đại hội IX đến Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định về *Những điều đảng viên không được làm...*

Từ đó tạo môi trường chính trị, xã hội ổn định để phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm vững chắc vai trò cầm quyền của Đảng [86, tr.22]. Ngoài những nội dung Điều lệ Đảng quy định, Đảng đề ra những nguyên tắc, quy định, quy chế về quản lý đảng viên: nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát kỷ luật đảng, quy chế chất vấn trong Đảng, quy định những điều đảng viên không được làm... Vì vậy đã đạt được những kết quả tích cực, kỷ cương, kỷ luật trong Đảng nghiêm minh hơn, phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được đổi mới, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng được nâng cao.

3.3.1.4. Công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Nhà nước và thi hành kỷ luật Đảng, thực hiện kiểm soát quyền lực ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn

Kiểm soát quyền lực chính trị trong quá trình lãnh đạo cách mạng là vô cùng cần thiết. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, Đảng, Nhà nước ta đã xây dựng, hoàn thiện không ngừng những cơ chế, chính sách nhằm kiểm soát quyền lực chính trị dưới các cấp độ, hình thức khác nhau như dùng quyền lực nhà nước để kiểm soát quyền lực nhà nước, dùng quyền lực

chính trị để kiểm soát quyền lực nhà nước, dùng quyền lực xã hội để kiểm soát quyền lực nhà nước, kết hợp với kiểm soát nội bộ, tự kiểm soát.

Trong điều kiện cụ thể của nước ta, Đảng xác định cơ chế tổng thể quản lý đất nước, quản lý xã hội là “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Đây cũng đồng thời là sự xác định vị trí, vai trò các yếu tố trong hệ thống quyền lực chính trị của đất nước, của chế độ. Trong hệ thống đó, Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò là đảng chính trị duy nhất cầm quyền, đồng thời cũng là “lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” (Điều 4, Hiến pháp năm 2013), là yếu tố quyền lực chính trị quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định. Vì thế, việc kiểm soát quyền lực chính trị của Đảng, không chỉ là một nội dung, giải pháp quan trọng, góp phần bảo đảm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo Nhà nước và xã hội, mà còn là điều kiện hàng đầu bảo đảm cho sự kiểm soát một cách hiệu quả quyền lực chính trị đối với Nhà nước và xã hội nói chung, bảo đảm cho sự bền vững của chế độ.

Trên thực tế, cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực của Đảng đã được bao hàm trong các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, được bổ sung, hoàn thiện trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng và từ những bài học rút ra từ thực tế công tác xây dựng Đảng. Do vai trò đặc biệt của Đảng Cộng sản là Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội nên hầu như mọi cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng cũng đồng thời liên quan đến sự kiểm soát quyền lực chính trị trên phạm vi xã hội.

Chấp hành kỷ luật đảng cũng đồng thời đòi hỏi phải chấp hành pháp luật của Nhà nước và ngược lại. Trước yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ: kiểm tra, giám sát là mắt khâu rất quan trọng trong chu trình lãnh đạo của Đảng, bởi vậy, Đảng luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều đổi mới trong công tác kiểm tra giám sát. Với bộ máy kiểm tra, giám sát của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; với hệ thống các quy chế, quy định điều chỉnh, kiểm soát hoạt động của mọi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; cùng với việc phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước, những biểu hiện lệch lạc, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đều

có thể bị phát hiện và xử lý nghiêm minh. Công tác kiểm tra giám sát kỷ luật Đảng được thực hiện theo tinh thần đổi mới, nâng cao hiệu quả, hiệu lực, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đấu tranh phòng chống tham nhũng lãng phí, quan liêu đã đạt được những kết quả quan trọng.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong điều kiện mới, Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương đã ban hành các chỉ thị về tăng cường công tác kiểm tra giám sát của Đảng như Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14-2-1999, Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 30-7-2007 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Nghị quyết TW 4 khóa XII ngày 30-10-2016, Quy định số 205-QĐ/TW của Bộ chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chạy chức chạy quyền, Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm,...qua đó công tác kiểm tra giám sát của Đảng có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều thành tích quan trọng như: Tạo được sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của tổ chức Đảng, cấp ủy; đội ngũ cán bộ được củng cố, kiện toàn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, thực hiện cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của Đảng trong điều kiện mới. Kết quả kiểm tra, giám sát trong Đảng, nhất là nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng vừa qua, là minh chứng nổi bật cho cách thức thực hiện này, theo báo cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương “Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thành lập 6 đoàn, kiểm tra 20 tổ chức đảng trực thuộc Trung ương. Cấp ủy các cấp và chi bộ đã kiểm tra hơn 256 ngàn đảng viên và hơn 49 ngàn tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy kiểm tra gần 6 ngàn đảng viên và hơn 3 ngàn tổ chức đảng; qua kiểm tra kết luận có 360 tổ chức đảng và 1.019 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm trong đó phải thi hành kỷ luật 9 tổ chức đảng và 208 đảng viên. Giám sát chuyên đề gần 105 ngàn đảng viên và gần 32 ngàn tổ chức đảng; các ban tham mưu giúp việc cấp ủy giám sát hơn 400 đảng viên và gần 1.300 tổ chức đảng; qua giám sát phát hiện 219 tổ chức đảng và 501 đảng viên có dấu hiệu vi phạm” [115]. Bằng công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật mà Đảng giữ vững được kỷ luật, kỷ cương, nâng cao năng lực lãnh đạo và

sức chiến đấu, năng lực cầm quyền, thể hiện ý chí và quyết tâm chính trị của Đảng, thực hiện có hiệu quả Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện nội dung, phương thức cầm quyền trong công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, nguy cơ tha hóa quyền lực rất lớn, Đảng ta đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị, đặc biệt là công tác phòng, chống tham nhũng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; tự diễn biến, tự chuyển hóa trong cán bộ, đảng viên đang được thực hiện một cách quyết liệt, nâng cao uy tín của Đảng, Nhà nước.

3.3.1.5. Thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng

Đảng đã thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách, thực hiện cầm quyền bằng pháp luật

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, pháp luật là công cụ để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng. Kịp thời thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chính là một trong những cách thức thể hiện rõ nét nhất sự cầm quyền, lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Tính nhất quán giữa pháp luật, chính sách với Cương lĩnh, đường lối của Đảng trong quá trình thể chế hóa. Điều đó lại càng trở thành yêu cầu tất yếu trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó thượng tôn pháp luật trở thành một trong những yêu cầu hàng đầu đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên, khi chủ trương, đường lối của Đảng chưa được sửa đổi, bổ sung, mọi tổ chức, cá nhân, nhất là các tổ chức đảng và đảng viên vẫn phải triệt để tuân thủ quy định của pháp luật. Luật pháp trở thành công cụ cơ bản của cầm quyền, bao gồm cả đặt mọi hoạt động của tổ chức Đảng và đảng viên trong khuôn khổ pháp luật.

Theo Hiến pháp nước ta, hoạt động thể chế hóa do hai chủ thể thực hiện, đó là Đảng và Nhà nước. Đảng giữ vai trò lãnh đạo đối với các hoạt động của Nhà nước, trong đó có hoạt động thể chế hóa. Với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng nhận thức

được các quy luật vận động và xu hướng phát triển của Nhà nước và xã hội trên cơ sở các điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước và tình hình quốc tế; từ đó, đề ra mục tiêu và con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng như những chủ trương, đường lối, chính sách phát triển của đất nước cho phù hợp. Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh: “Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân” [21, tr.210]

Đối với vấn đề thể chế hóa, Đảng tạo lập các cơ sở chính trị, định hướng nội dung, mục tiêu cho toàn bộ hoạt động thể chế hóa. Điều đó có nghĩa là, những vấn đề về thể chế hóa, trước hết được nhận thức và xác định thành các nguyên tắc chung, qua đó tạo thành cơ sở chính trị cho toàn bộ hoạt động thể chế hóa. Đảng lãnh đạo việc thể chế hóa, trước hết thông qua các quan điểm, đường lối do Đảng vạch ra và được thể hiện tập trung trong các Cương lĩnh chính trị, các văn kiện của Đảng. Đảng xác định đúng đắn, phù hợp, kịp thời toàn bộ con đường và bước đi của cách mạng Việt Nam trong từng thời kỳ lịch sử; hướng tới các mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; trong đó, tập trung hướng đến xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, trên nền tảng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện tại, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng.

Ngoài việc ban hành các Cương lĩnh chính trị để lãnh đạo Nhà nước cụ thể hóa sự lãnh đạo của Đảng trong từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển của cách mạng, của đất nước, như “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” (năm 1991) và “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng còn ban hành nghị quyết chung cho từng khóa (Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc, thường 5 năm một lần) và nhiều nghị quyết chuyên đề của từng khóa. Đảng không chỉ dừng lại ở việc xác định chủ trương, đường lối làm cơ sở chính trị cho toàn bộ quá trình thể chế hóa, mà còn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện quy trình thể chế hóa

của Nhà nước trong việc tạo lập hệ thống các nguyên tắc, cơ chế, chính sách, luật pháp phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Những chủ trương, định hướng lớn của Đảng về vấn đề trên đã và đang được triển khai thực hiện hiệu quả, như Nghị quyết số 48-NQ/TW, ngày 24-5-2005, của Bộ Chính trị, *“Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*; Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2-6-2005, của Bộ Chính trị, *“Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*,... [6]

Nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật trong quản trị xã hội, ngay từ những năm đầu của thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã đề ra chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Một trong những phương hướng cơ bản nhằm tiếp tục đổi mới bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Đại hội VIII (năm 1996) của Đảng đề ra là: *“Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức”* [14, tr.129]. Tiếp đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) của Đảng ghi rõ: *“Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân... Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật”* [15, tr.131].

Có thể nói, chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Hiến pháp, các đạo luật và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với Hiến pháp, các đạo luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng ta về việc sử dụng pháp luật trong cầm quyền hay cầm quyền bằng pháp luật.

Thể chế hóa quan điểm của Đảng, Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành năm 2013 (Hiến pháp năm 2013) quy định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”*. Đồng thời, Điều 8 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định rõ: *“Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật”*. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Việt Nam cũng là một nhà nước thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định trong Hiến pháp, trong thời kỳ đổi mới, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền đã rất quan tâm tới công tác xây dựng pháp luật. Các số liệu thống kê cho thấy, nếu trong 41 năm trước thời kỳ đổi mới, số luật, pháp lệnh được Quốc hội và cơ quan thường trực của Quốc hội ban hành chỉ là 63, thì từ khi tiến hành đổi mới (tháng 12-1986) đến nay (hơn 32 năm), Quốc hội và cơ quan thường trực của Quốc hội (Ủy ban thường vụ Quốc hội) đã ban hành được 589 luật, pháp lệnh (gấp hơn 9,3 lần) [7]. Đó là chưa kể trên 3.000 nghị định cùng hàng chục nghìn thông tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cho tới nay, trong các lĩnh vực cơ bản của đời sống kinh tế - xã hội, như dân sự, hình sự, lao động, kinh doanh, thương mại, đầu tư, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, bảo vệ người tiêu dùng, y tế, khoa học, giáo dục, văn hóa, môi trường,... đều có các luật điều chỉnh bên cạnh các luật về tổ chức bộ máy nhà nước (Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Kiểm toán nhà nước), các luật về tổ tụng và luật về hoạt động của các cơ quan nhà nước (Bộ luật Tổ tụng dân sự, Bộ luật Tổ tụng hình sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Thi hành án dân sự, Luật Thi hành án hình sự...).

3.3.1.6. Chế định hóa ý thức hệ giai cấp thành quy phạm đạo đức cầm quyền, kết hợp đạo đức và pháp luật để cầm quyền

Trong quá trình cầm quyền của Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng hệ giá trị cốt lõi cho từng cơ quan, bộ máy nhà nước làm triết lý để dẫn dắt trong quá trình hoạt động. Đó là phẩm chất cách mạng được rèn luyện, phát huy trong mọi bối cảnh lịch sử, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Đảng đã quán triệt việc học tập, làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên làm cho

các giá trị được lan tỏa, thấm thấu trong cả hệ thống chính trị thông qua những hành động, việc làm cụ thể, thiết thực, đem lại lợi ích cho dân tộc.

Sử dụng sợi dây tinh thần của ý thức hệ kết hợp với kỷ luật Đảng để ràng buộc trách nhiệm, lòng trung thành của đảng viên với Đảng, với Tổ quốc. Mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng luôn tự rèn luyện bản thân, luôn tiên phong, gương mẫu và phải trang bị cho mình hành trang vững chắc là những phẩm chất, giá trị cốt lõi về sự tận tụy, lòng trung thành, sự đổi mới sáng tạo và khát vọng vươn lên, tích cực tự giác nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân theo tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Tiếp tục đổi mới tư duy, thay đổi tác phong, lề lối làm việc, nhất quán quan điểm “xem người dân là đối tượng phải phục vụ, xem doanh nghiệp là động lực, nguồn lực cho quá trình phát triển”. Tăng cường cải cách hành chính, tạo thuận lợi nhất cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp trong khởi nghiệp, đầu tư sản xuất, kinh doanh, trong đó, đề cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phát huy tối đa vai trò lãnh đạo, chỉ huy, điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; thật sự là “công bộc của dân”, luôn gương mẫu, đi đầu trong công tác, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao, xứng đáng với kỳ vọng, niềm tin mà Đảng và Nhân dân giao phó.

Bên cạnh đó, Đảng cũng xây dựng quy phạm đạo đức cầm quyền cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước. “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” là luận điểm vô cùng sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đạo đức được coi là giá trị cốt lõi trong nền văn hóa của mỗi dân tộc. Xây dựng “Đảng là đạo đức” là kết hợp giữa giá trị truyền thống với giá trị đạo đức cách mạng, phù hợp với xu thế và những giá trị nhân văn mà nhân loại tiến bộ hướng tới. Đạo đức của Đảng ta là sự kết tinh truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc, kết hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở quan điểm duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, với mục tiêu cao nhất và xuyên suốt là độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, là tự do, hạnh phúc của Nhân dân. “Đảng ta là đạo đức” trước hết được thể hiện ở những phẩm chất đạo đức cách

mạng của mỗi cán bộ, đảng viên. Đức là “gốc” của người cán bộ cách mạng. “Gốc có vững, cây mới bền”.

Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tạo bước phát triển mới của Đảng về trí tuệ, bản lĩnh chính trị, thực sự là đạo đức, là văn minh;... đủ uy tín và năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là người đứng đầu, người chủ trì luôn gương mẫu, đi đầu tự giác, nghiêm túc tự phê bình, kiểm điểm, tự điều chỉnh, tự sửa mình. Đồng thời, nhận xét, đánh giá về người khác với thái độ chân thành, thiện chí, công tâm, khách quan, tránh chủ quan, chỉ thấy khuyết điểm, mặt yếu của người khác mà không thấy nhược điểm, hạn chế của chính mình. Để thực hiện tốt yêu cầu này, mỗi cán bộ, đảng viên đã nâng cao ý thức tự phê bình và làm tốt trách nhiệm nêu gương. Ngoài ra Đảng thường xuyên xây dựng chế độ đãi ngộ, thỏa mãn lợi ích chính đáng của cán bộ đảng viên.

3.3.2. Nguyên nhân của những thành tựu

Thứ nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định đường lối đổi mới theo mục tiêu định hướng XHCN, khẳng định mục tiêu lý tưởng, con đường độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, kiên định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở nền tảng và kim chỉ nam cho quá trình đổi mới, vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam và tình hình thế giới, xây dựng đường lối đổi mới, xây dựng lý luận, đường lối cầm quyền của Đảng phù hợp với các giai đoạn cách mạng.

Xuất phát từ việc Đảng giữ vững bản chất, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, luôn giữ vững độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trong đổi mới đất nước, đổi mới tổ chức, hoạt động lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Trước những khủng hoảng, đổ vỡ của một loạt nước XHCN, đặc biệt là ở Liên Xô và Đông Âu vào cuối thế kỷ trước, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo Nhân dân Việt Nam giành những thắng lợi vĩ đại trong lịch sử dân tộc và thế giới, đưa dân tộc Việt Nam sánh vai cùng các cường quốc năm châu, nhân loại tiến bộ khâm phục, yêu mến. Trong công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh, mặc dù vấp phải những sai lầm nhất định, nhưng Đảng vẫn giữ vững bản chất của Đảng cách mạng, vẫn thành tâm phấn đấu cho lợi ích giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, Đảng vẫn quy tụ, tập hợp, lôi cuốn được các tầng lớp Nhân dân trên nền tảng liên minh công-nông-trí thức nhiệt tình tham gia xây dựng đất nước, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh theo đường lối đổi mới của Đảng. Nhờ xây dựng nền tảng và điều kiện cầm quyền vững chắc mà xã hội luôn ổn định về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, để Đảng vững tâm, kiên định, sáng tạo trên lộ trình đổi mới đất nước, đổi mới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Với trình độ, điểm xuất phát lịch sử của đất nước trong mối quan hệ với lịch sử nhân loại trong quá khứ, hiện tại và tương lai, Đảng ta xác định đúng đắn con đường cách mạng Việt Nam độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là sự lựa chọn đúng đắn. Từ đó trong công cuộc đổi mới, Đảng kiên định mục tiêu CNXH, kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là kim chỉ nam cho sự lãnh đạo của Đảng và sự phát triển của đất nước. Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước là “đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên” [22, tr.33-34]. Trước xu thế hội nhập, toàn cầu hóa quốc tế diễn ra sâu rộng, mở cửa, tăng

cường hợp tác quốc tế là điều kiện và phương thức để đất nước tồn tại và phát triển. Đồng thời sự phát triển của khoa học-công nghệ, thông tin, truyền thông phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi Đảng phải triển khai những nhiệm vụ, giải pháp mang tính đột phá đổi mới kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trong điều kiện đó Đảng đã phân tích khoa học xu thế thời đại, sự phát triển của các nước, các quan hệ quốc tế; phân tích nguyên nhân thất bại của các Đảng Cộng sản dẫn đến sự sụp đổ của CNXH trước đây, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm, lý luận, khoa học của các đảng chính trị cầm quyền, đặc biệt là Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân cách mạng Lào,... để tiếp tục tăng cường nghiên cứu lý luận, thúc đẩy triển khai toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, đổi mới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và đổi mới hệ thống chính trị.

Thứ hai là do Đảng ta xác định rõ vai trò quan trọng “khâu then chốt” của công tác xây dựng Đảng cầm quyền, thường xuyên chăm lo đến công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; đấu tranh chống suy thoái nội bộ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ trước sự chống phá của các thế lực thù địch; không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền để lãnh đạo Nhà nước và Nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới.

Khi bắt đầu công cuộc đổi mới, Đảng xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là đổi mới kinh tế, đổi, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới công tác cán bộ; đổi mới phong cách công tác. Thực hiện quá trình đổi mới một cách có tính toán, vừa giữ vững ổn định, vừa thực hiện những nhiệm vụ đột phá, với lộ trình và bước đi phù hợp với quy luật khách quan, để xử lý các mối quan hệ kinh tế-xã hội, nhất là mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Trên cơ sở những thành quả bước đầu về phát triển nền kinh tế thị trường XHCN, tiến hành xây dựng và phát huy dân chủ trong Đảng, Nhà nước và xã hội; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Từ những yêu cầu và thành quả công cuộc đổi mới Đảng thường xuyên đổi mới công tác xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, ra sức khắc phục sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, phong cách công tác, đổi mới nhận thức lý luận về sự cầm quyền, về nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng. Do đó, Đảng ta không chỉ giữ vững

vai trò cầm quyền, mà còn tạo được sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế-xã hội với những thành tựu mang ý nghĩa lịch sử.

Sự đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng là kết quả của nhận thức đúng đắn công tác xây dựng Đảng là khâu then chốt; sự lãnh đạo là nhân tố quyết định công cuộc đổi mới thắng lợi, Một mặt, Đảng tập trung vào công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; tiến hành cuộc vận động xây dựng, chính đôn Đảng, đấu tranh chống suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị; đấu tranh có hiệu quả chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Đồng thời Đảng đẩy mạnh xây dựng tổ chức đảng, nhất là các tổ chức cơ sở Đảng, đảm bảo vai trò cầm quyền, lãnh đạo của Đảng đối với các cấp, các ngành, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ sở kinh tế, các đơn vị lực lượng vũ trang... Công tác xây dựng Đảng càng được đẩy mạnh, Đảng càng trong sạch, vững mạnh, càng có điều kiện thuận lợi để đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền, lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, Đảng phải thường xuyên đổi mới sự lãnh đạo, đủ sức, đủ tầm để giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, cơ bản, giải quyết có hiệu quả những vấn đề đặt ra, đặc biệt là khắc phục những quan điểm lạc hậu, phương thức, phương pháp lãnh đạo, cầm quyền không còn phù hợp; giải quyết những mâu thuẫn phát sinh, cùng những mặt trái, tiêu cực của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, xuất phát từ đường lối cầm quyền đúng đắn và sáng tạo, không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả cầm quyền, Đảng tổ chức và lãnh đạo Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các tầng lớp Nhân dân thực hiện, đem lại những thành tựu to lớn về kinh tế-xã hội, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Từ đó Đảng không ngừng nâng cao uy tín và vị thế cầm quyền đối với Nhân dân và các nước trên thế giới.

3.3.3. Hạn chế

Gần 80 năm qua kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn dân giành được chính quyền. Trên chặng đường lịch sử vẻ vang đó, Đảng ta vừa lãnh đạo toàn dân tộc vừa thực hiện chức năng cầm quyền, đưa đất nước ta vượt qua biết bao khó khăn, thách thức, lập nên những kỳ tích mang tầm thời đại. Tuy nhiên cho đến nay, việc thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng vẫn còn một số hạn chế sau:

3.3.3.1. Về công tác tư tưởng lý luận

Nhận thức lý luận về cầm quyền của Đảng còn lạc hậu, có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn công cuộc đổi mới trong xu thế toàn cầu hóa

Trong công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, về lý luận chính trị nói chung và lý luận về Đảng cầm quyền mặc dù đã có những bổ sung, phát triển nhất định, nhưng vẫn chưa mạnh mẽ, đổi mới chưa cơ bản, có những mặt còn lạc hậu, bảo thủ, giáo điều. Tư duy chính trị và mô hình thể chế chính trị nước ta còn mang đậm dấu ấn mô hình chính trị của CNXH cuối thế kỷ trước, mặc dù xét về mặt hệ thống kinh tế đã có sự biến đổi, phát triển. Lý luận chung về Đảng vô sản kiểu mới, về nội dung, phương thức lãnh đạo, đặc biệt lý luận và thực tiễn cầm quyền của Đảng còn nhiều bất cập trước yêu cầu của tình hình mới, do đó, việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn hoạt động của các chính đảng cầm quyền trên thế giới, cũng như hoạt động lãnh đạo, cầm quyền, công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam chưa quan tâm đúng mức, còn nhiều yếu kém. Đến Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh: “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải phòng ngừa đối với đảng cầm quyền” [21, tr.217]. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục chỉ rõ “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới” [22, tr.199]. Trên một số phương diện lý luận, chúng ta chưa tiếp cận tư duy chính trị mới, hiện đại, chưa nghiên cứu đầy đủ, tiếp thu có chọn lọc khoa học, lý luận về chính trị của các thể chế chính trị đương đại, cả CNXH và CNTB. Bài học kinh nghiệm xương máu

về sự lãnh đạo của các Đảng cầm quyền của Liên xô và các nước XHCN ở Đông Âu trước đây đòi hỏi Đảng phải sớm nhận thức và hành động kịp thời vừa tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng, vừa phải đổi mới mạnh mẽ về tổ chức, hoạt động, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và cầm quyền trong giai đoạn mới.

3. 3.3.2. Tổ chức mô hình quyền lực Nhà nước

Mô hình tổ chức quyền lực Nhà nước thiếu những cơ chế kiểm soát quyền lực hữu hiệu, trách nhiệm cá nhân chưa rõ ràng

Nhà nước không phải là chủ thể duy nhất thực hiện quyền lực chính trị, nhưng quyền lực chính trị chủ yếu lại được thực hiện thông qua nhà nước. Trong xã hội dân chủ, việc thực hiện quyền lực chính trị để quản lý xã hội chủ yếu và cơ bản là phải thông qua nhà nước, dưới hình thức nhà nước, tức là bằng pháp luật. Đảng của giai cấp thống trị phải nắm lấy nhà nước và thông qua pháp luật để biểu hiện và thực hiện ý chí chính trị của mình một cách hợp pháp, tức là để thực thi quyền lực chính trị trong toàn xã hội. Theo nghĩa này, nhà nước và pháp luật là công cụ thực hiện quyền lực chính trị của giai cấp thống trị, đó là bản chất giai cấp của nhà nước.

Nhân dân là người quyết định vai trò cầm quyền của một đảng chính trị. Nguồn gốc của vị thế Đảng cầm quyền đó chính là sự tín nhiệm, tin tưởng của dân. Nhân dân tôn vinh Đảng Cộng sản Việt Nam là lãnh tụ của Nhân dân, là người lãnh đạo chính trị của Nhân dân và sự uỷ quyền có tính pháp lý được ghi trong Hiến pháp, đạo luật cơ bản của quốc gia Việt Nam. Đảng cầm quyền có thể mất dần vai trò lãnh đạo của mình đối với xã hội, với chính giai cấp của mình, do mất dần các cơ sở hợp pháp cho sự cầm quyền của mình và trở nên độc đoán, chuyên quyền, thoái hóa biến chất, cố nắm giữ chính quyền. Cuối cùng thì sớm hay muộn sẽ mất chính quyền

Ở nước ta, việc thiết kế mô hình tổ chức quyền lực Nhà nước ưu tiên “Chính phủ mạnh”, mô hình tổ chức Nhà nước tập quyền phù hợp với mô hình cấu trúc chính thể một Đảng duy nhất cầm quyền để tối ưu hóa việc chính danh hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công nhưng cơ chế kiểm soát quyền lực chưa tốt, trách nhiệm cá nhân chưa rõ ràng.

Thứ nhất: “do có hai chủ thể là Đảng và Nhà nước cùng thực hiện vai trò cầm quyền nên trong nhiều năm qua đã diễn ra sự chòng chéo về chức năng giữa Đảng và Nhà nước” [29, tr.5]. Từ đây dẫn tới hệ lụy của việc bao biện, làm thay hay buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Hơn nữa, nó còn dẫn đến tình trạng trách nhiệm trong cầm quyền không rõ ràng là của Đảng hay Nhà nước. Thực tế đã chỉ ra, có không ít các trường hợp đùn đẩy trách nhiệm giữa Đảng và Nhà nước, giữa cấp ủy và chính quyền; khó quy được đâu là trách nhiệm của tổ chức đảng, người đứng đầu của Đảng với trách nhiệm của tổ chức nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức của Nhà nước trong thực thi quyền lực. Ngoài ra, với cách thức cầm quyền này, chúng ta dường như đã phân định ra chức năng của Đảng chỉ là "lãnh đạo", chức năng của Nhà nước chỉ là "quản lý", từ đó đã có sự phân biệt "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý", mà điều này ở các nước trên thế giới không đặt ra. Hiện nay ở hầu hết các nước, họ "không có sự phân biệt giữa sự lãnh đạo của đảng và sự quản lý của nhà nước"; việc "không phân biệt giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước tại các nước tư bản có lý do chính là để tăng cường sự hợp pháp và sự chịu trách nhiệm của đảng cầm quyền" [10, tr. 55-58]

Thứ hai: việc có hai chủ thể cầm quyền còn tạo ra tình trạng là dường như ở Việt Nam đã "có hai nhà nước trong một đất nước" [29, tr.3-8.] do vậy mà làm thiếu tính thống nhất và minh bạch trong quá trình hoạch định và thực thi các chính sách quốc gia. Hậu quả là chất lượng của các quyết định, chính sách khó đạt hiệu quả cao. Bởi thực tế ở nước ta hiện nay là Đảng xây dựng, ban hành các quyết định, chính sách phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội thông qua các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy Đảng các cấp; Nhà nước (bao gồm Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính các cấp) cũng xây dựng, ban hành các quyết định, chính sách giống như của Đảng thông qua các nghị quyết, quyết định của cơ quan quyền lực nhà nước các cấp. Điều này làm cho việc thảo luận, ban hành các chính sách bị phân tán, không có sự gắn kết; vừa lãng phí về thời gian họp bàn, hay chờ đợi xin ý kiến, chỉ đạo, chỉ thị, vừa chậm ra được các quyết sách quốc gia. Thực tế cho thấy, có nhiều đảng viên ưu tú, như uỷ viên cấp ủy các cấp của Đảng

hầu hết đã giữ các vị trí chủ chốt trong bộ máy công quyền, nhưng họ đều phải một lần nữa thảo luận và xây dựng các chính sách quốc gia mà trước đó đã được bàn thảo, ra nghị quyết trong tổ chức của Đảng.

Cơ cấu Ủy viên Bộ Chính trị tham gia vào các thiết chế quyền lực thượng đỉnh để cầm quyền theo triết lý “Chính phủ mạnh”, “Quốc hội mạnh”, “cân bằng quyền lực” hay “Bộ máy thượng đỉnh chuyên trách công tác Đảng mạnh” vẫn chưa có lập luận chắc chắn, nhiều khi trúng cử xong mới lựa tình hình thực tế để phân công.

Lúng túng trong xác định các vị trí cần nhất thể hóa giữa lãnh đạo Đảng và lãnh đạo Nhà nước để tập trung quyền lực đủ mức cần thiết mà không dẫn tới chuyên quyền, chính danh hóa quyền lực chính trị trong quyền lực công mà không Đảng hóa Nhà nước.

3. 3.3.3. Về công tác cán bộ

Thứ nhất: Lựa chọn nhân sự - thực hiện công tác bầu cử còn không ít bất cập. Thể chế bầu cử cạnh tranh trong nội bộ Đảng chưa đủ mức độ, liều lượng để lựa chọn được ứng viên thật xứng đáng tham gia vào bộ máy nhà nước ở tất cả các vị trí lãnh đạo.

Trong xã hội dân chủ, nhà nước được Nhân dân trao quyền và cũng theo đó mà hệ quả logic tất yếu theo tư duy dân chủ là nhà nước thực hiện quyền lực chừng nào Nhân dân còn tín nhiệm. Như vậy bầu cử là phương thức sử dụng quyền lực nhà nước thiết lập ra bởi Nhân dân. Đảng chính trị muốn trở thành Đảng cầm quyền không có cách nào khác là phải nắm được quyền lực nhà nước thông qua các cuộc bầu cử tự do, dân chủ, công bằng. Vì thế việc phản ánh trung thực ý chí của Nhân dân là vấn đề cốt lõi của mọi cuộc bầu cử.

Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam, sự tín nhiệm và ủng hộ của Nhân dân đối với các cuộc bầu cử ra các cơ quan dân cử là rất quan trọng. Cho đến nay, nhìn chung các cuộc bầu cử ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu, Nhân dân qua đó cũng đã chọn được người đủ tài, đức do Đảng giới thiệu để đại diện cho mình đảm nhiệm những trọng trách của công cuộc đổi mới và thông qua đó Nhân

dân được thể hiện quyền làm chủ của mình và thông qua đó, Đảng cũng khẳng định được tính chính đáng của mình trong điều kiện Đảng dần “hóa thân” vào Nhà nước.

Tuy nhiên cũng còn một số tồn tại, bất cập trong công tác bầu cử của nước ta trong thời gian vừa qua, đó là “các biểu hiện của tình trạng dân chủ hình thức trong quá trình bầu cử, từ khâu giới thiệu ứng cử viên, tiếp xúc cử tri đến khâu bỏ phiếu diễn ra hết sức phổ biến. Quá trình hiệp thương bầu cử còn nặng nề, hợp thức hoá sự chỉ đạo, định hướng từ cấp trên, nên chưa thể chọn được những đại biểu xứng đáng nhất, chưa phát huy được tính tích cực của người dân” [45, tr.264]. Như vậy, có thể thấy rằng hiện nay chúng ta đang mắc phải hai cản trở lớn trong bầu cử để thực hiện ý chí của người dân đó là vấn đề tự ứng cử và vấn đề giới thiệu ứng cử viên cho mỗi đơn vị bầu cử. Những quy định về người tự ứng cử chưa bảo đảm công bằng, bình đẳng. Cơ cấu đại biểu tự ứng cử rất thấp (khoảng 10%), chưa tạo điều kiện cho người được đề cử và cả người tự ứng cử có cơ hội bình đẳng như nhau. Việc Đảng quy định đảng viên không được tự ứng cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, mặt trận, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức quần chúng [25] cũng là một hạn chế, làm thu hẹp khả năng lựa chọn của cử tri và giới hạn quyền công dân của đảng viên.

Quá trình hiệp thương vẫn còn nặng nề, chưa mở rộng quyền ứng cử, đặc biệt là quyền tự ứng cử. Do đó, cử tri không giới thiệu được người mình tin nhiệm cũng như không trực tiếp loại bỏ sơ bộ các ứng cử viên (công việc này được thực hiện bởi đại diện Mặt trận và Hội đồng Nhân dân, dưới sự chỉ đạo của Đảng),... Như vậy, trong thể chế bầu cử của Việt Nam, đầu vào do Đảng giới thiệu, cử tri chỉ được thể hiện ý nguyện của mình qua thao tác bỏ phiếu (đầu ra), chỉ được bày tỏ tín nhiệm đối với những người đã có sẵn trong danh sách. Số lượng đại biểu Quốc hội hoặc Hội đồng Nhân dân chủ yếu được bầu theo dự kiến, định hướng. Điều này thể hiện được sự thống nhất, bảo đảm cơ cấu, nhưng ảnh hưởng đến chất lượng đại biểu, không phát huy được tính tích cực của quần chúng Nhân dân. Vì cơ cấu, nên có nhiều đại biểu được bầu có thể vẫn đủ phẩm chất, tư cách nhưng lại không hẳn là đại biểu xứng đáng nhất của Nhân dân; có người được cấp uỷ giới thiệu nhưng cử tri không bầu; đại biểu có thể được cử tri bầu thì không được giới thiệu hoặc công nhận...

Bên cạnh đó tỷ lệ các giai tầng trong đại biểu Nhân dân còn chưa hợp lý, tỷ lệ công nhân và nông dân là đại biểu quá thấp, cán bộ công chức nhà nước quá cao, khó có thể phản ánh đầy đủ yêu cầu lợi ích từ các phương diện; bầu cử thiếu tính cạnh tranh, tổ chức tham chính của một số đại biểu không cao. Đảng viên tham gia từng cơ quan bộ máy nhà nước chiếm tỷ lệ bao nhiêu là đủ, đảm bảo địa vị cầm quyền của Đảng không bị thách thức mà vẫn không bị cho là Đảng hóa nhà nước thì vẫn thiếu lập luận chắc chắn (vì thế gần như đảng viên phải chiếm tuyệt đối), thiếu tỷ lệ cho người ngoài Đảng làm lãnh đạo ở cơ quan hành pháp.

Thứ hai: Quản lý Đảng viên trong bộ máy Nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng kỷ luật Đảng còn nhiều hạn chế

Dựa vào luật đề cầm quyền và lấy đức đề cầm quyền chưa được gắn bó hữu cơ, thiếu hiệu lực trên thực tế, nên nhiều đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật, thậm chí tạo nên mức sống, lối sống, phong cách khác nhau giữa “lãnh đạo chính quyền, và lãnh đạo chuyên trách công tác Đảng” cũng như tâm lý thích làm lãnh đạo chính quyền, ngại làm lãnh đạo chuyên trách công tác Đảng.

Theo nguyên tắc tổ chức của Đảng, trong các cơ quan nhà nước các cấp đều có các tổ chức đảng, tuy nhiên tùy theo đặc điểm tổ chức của từng cơ quan mà vai trò lãnh đạo của Đảng khác nhau, có loại hình tổ chức đảng lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối như trong các đơn vị quân đội, công an; song cũng có cơ quan tổ chức đảng chỉ tham gia lãnh đạo như mô hình tổ chức đảng trong các đơn vị hành chính, kinh tế,... Hầu hết các cơ quan lãnh đạo đều cơ cấu cấp ủy viên, cán bộ đảng không chuyên trách, cán bộ chuyên trách thường là không có hoặc chuyên môn yếu trong lĩnh vực Đảng lãnh đạo. Cán bộ phụ trách chính quyền được cơ cấu thì không chuyên tâm công tác Đảng, tập trung năng lực vào chuyên môn ít dành thời gian, công sức nghiên cứu đề ra các quyết sách lãnh đạo của tổ chức đảng. Nhiều cơ quan đơn vị chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp công tác chưa tốt làm cho tổ chức đảng, sự lãnh đạo của cấp ủy đảng ngày càng gián tiếp, không sát chuyên môn, từ đó trở nên quan liêu, bị lợi dụng hoặc bị các phần tử suy thoái “qua mặt” để trục lợi, thậm chí bị lợi ích nhóm lôi kéo, đồng lõa tham nhũng, che dấu

tham nhũng. Trên thực tế trong các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan có trọng trách quản lý nguồn lực con người, vật chất, đang tồn tại lợi ích “ngầm” của những nhóm người có đặc quyền, đặc lợi, hưởng lợi rất khác nhau, tạo tâm lý ganh tị, đua tranh làm lãnh đạo, quản lý, được làm các vị trí có nhiều bổng lộc, không ai muốn làm công tác đảng, đoàn thể. Thậm chí có phần tử lợi dụng và sử dụng tiền của nhà nước để ban phát, lôi kéo tạo nên bè nhóm, chia rẽ làm rối loạn tổ chức, thao túng chính sách để tham nhũng. Sự khác nhau về lợi ích cùng với hiện tượng tiêu cực nêu trên trong các cơ quan nhà nước đang làm phân hóa, tha hóa đội ngũ cán bộ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cầm quyền ngày càng giảm sút, sự quản lý của Nhà nước ngày càng kém hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa X “về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng”, Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ”, công tác kiểm tra, giám sát có nhiều đổi mới, đạt được nhiều kết quả nổi bật, quan trọng. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như: Chế độ kỷ luật đối với đảng viên tham gia trong từng cơ quan bộ máy nhà nước chưa cụ thể, thiếu nghiêm minh (kỷ luật đề cử, ứng cử, giới thiệu, bổ phiếu, biểu quyết, thảo luận, phát ngôn, quyết định, từ chức,...), nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường dễ bị các lực kéo lực đẩy của “lợi ích nhóm”.

So với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng vẫn còn những hạn chế, yếu kém. “Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức đảng và đảng viên vi phạm chưa cao, chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Nhiều khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện, kiểm tra, xử lý, hoặc xử lý kéo dài, nên kỷ cương, kỷ luật ở một số nơi chưa nghiêm; chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của Nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát” [21, tr.195-196]. Kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy viên cùng cấp, người đứng đầu, người có chức vụ, quyền hạn và một số

lĩnh vực tư tưởng, quản lý báo chí, thanh tra, kiểm toán, phòng, chống tham nhũng, tư pháp, tổ chức cán bộ,... chưa thật mạnh mẽ. Tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý vi phạm trong nội bộ vẫn là khâu yếu; nhiều khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện, xử lý kéo dài. Chế độ kỷ luật đối với đảng viên tham gia trong từng cơ quan, bộ máy Nhà nước chưa cụ thể, thiếu nghiêm minh (kỷ luật đề cử, ứng cử, giới thiệu, bổ phiếu, biểu quyết, thảo luận, phát ngôn, quyết định, từ chức,...) nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường dễ bị các lực kéo, lực đẩy của “lợi ích nhóm”. Việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, vi phạm và thu hồi tài sản thất thoát sau kiểm tra chưa triệt để.

Công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng và chấp hành kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước còn lỏng lẻo, để cán bộ lạm quyền, làm quyền không được xử lý kịp thời. Có nơi, có thời điểm lãnh đạo công tác kiểm tra chưa chủ động, thường xuyên, ráo riết, thiếu quyết liệt; vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh. Kết quả kiểm tra chưa đều, có chuyển biến rõ ở cấp Trung ương, các cấp khác chưa thật rõ nét.

Việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm còn nương nhẹ, nể nang, thiếu cương quyết. Chưa có cơ chế khen thưởng những tập thể, cá nhân tổ chức thực hiện nghị quyết sáng tạo, có hiệu quả và xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc. Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử chưa chặt chẽ, xử lý chưa đủ nghiêm minh. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu; việc kê khai tài sản, thu nhập còn hình thức [4, tr.53-54].

Không ít địa phương kiểm tra, giám sát còn hình thức; chất lượng, hiệu quả còn thấp, chưa tạo được những chuyển biến căn bản, đủ sức để giáo dục, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Do việc quản lý cán bộ còn lỏng lẻo, kỷ luật, kỷ cương của Đảng chưa nghiêm, pháp luật chưa được thực hiện nghiêm minh, tình trạng suy thoái, tham nhũng, tự diễn biến, tự chuyển hóa của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả những cán bộ cấp cao trong các cơ quan nhà nước chưa được ngăn chặn. Những vụ án tham nhũng lớn đã được phát hiện và

xử lý trong thời gian gần đây có thể mới chỉ là phần nổi của tảng băng, nguy cơ và nguy hại thật sự còn rất lớn. Quyền hành, trách nhiệm và lợi ích của cán bộ trong các cơ quan nhà nước rất lớn, nhiều đặc quyền, đặc lợi chưa được kiểm soát, từ đó hình thành lợi ích nhóm thao túng chính sách, thao túng quyền lực nhà nước, khiến cho việc lựa chọn, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ nhà nước bị thương mại hóa, tình trạng chạy chọt các kiểu trở nên phổ biến. Tình hình đó đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến vai trò, vị thế, uy tín của Đảng, làm cho Đảng xa dân, dân không tin Đảng. Đồng thời thực trạng công tác tổ chức và cán bộ đang ảnh hưởng trực tiếp đến sự cầm quyền, đến việc đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng.

3. 3.3.4. Cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”[19, tr.85]. Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo đất nước; Đảng là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị, Đảng lãnh đạo toàn diện, trực tiếp nắm giữ, chi phối quyền lực Nhà nước. Kiểm soát, giám sát thực hiện quyền lực của các cơ quan nhà nước như thế nào để đảm bảo ý chí chính trị của Đảng, lợi ích của Nhân dân và xã hội được thực hiện, bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ cầm quyền không bị suy thoái, biến chất. Bản thân quyền lực nhà nước hiện nay còn nhiều điểm bất cập, chưa có cơ chế kiểm soát rõ ràng. Các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Nhà nước đã được Hiến pháp quy định tổ chức quyền lực nhà nước có sự phân công, phối hợp đồng thời giám sát lẫn nhau, nhưng chưa có cơ quan, tổ chức chung để bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, hoạt động độc lập trong kiểm soát cả hệ thống quyền lực nhà nước. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, thượng tôn pháp luật, Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước, nhưng Đảng không thể trực tiếp can thiệp vào hoạt động của Nhà nước mà phải có cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động nhân danh quyền lực của Nhân dân để kiểm soát, giám sát nhà nước, đồng thời giám sát hoạt động cầm quyền của Đảng.

Thứ nhất, cơ chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước mặc dù đã được thiết lập, nhưng chưa thể hiện được đầy đủ tinh thần được ghi nhận trong “Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng như trong Hiến pháp năm 2013 là có sự “kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” [99, tr.4]. Chúng ta mới chỉ thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực của Quốc hội đối với cơ quan hành pháp và tư pháp, mà chưa có cơ chế kiểm soát quyền lực ngược lại, tức là chưa có cơ chế kiểm soát quyền lực của hai cơ quan này đối với Quốc hội. Điều này xuất phát từ quan điểm cho rằng, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, do Nhân dân bầu ra, vì vậy, tất cả các quyền lực nhà nước khác đều phải đặt dưới quyền lực tối cao của Quốc hội.

Thứ hai, ngay cả các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước đã được xác lập, được ghi nhận trong Hiến pháp, hay được thể chế hóa trong các điều luật, trên thực tế, tính hiệu lực và hiệu quả của chúng vẫn còn khá khiêm tốn. Cho đến nay, trong quá trình thực hiện quyền giám sát tối cao của mình, Quốc hội hiếm khi đưa ra quyết định về việc bãi bỏ một phần hay toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của các đối tượng mà mình giám sát. Bên cạnh đó, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía xã hội mặc dù ngày càng được chú trọng, nhưng nhìn chung, hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân là do những quy định về cách thức tham gia kiểm soát của các đối tượng còn chưa phù hợp; thẩm quyền, năng lực chuyên môn của các đối tượng tham gia kiểm soát còn hạn chế... Những vấn đề này nếu không giải quyết tốt sẽ dẫn đến sự lạm quyền, lạm dụng quyền lực nhà nước của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong quá trình vận hành quyền lực nhà nước chính là biểu hiện mặt trái, mặt tiêu cực của quyền lực nhà nước. Khi xảy ra lạm quyền, lạm dụng quyền lực được giao sẽ ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thực thi đường lối, chính sách, pháp luật, tạo cơ hội, điều kiện vi phạm pháp luật, tham nhũng, “lợi ích nhóm”. Đồng thời, gây mất đoàn kết trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương, bộ, ngành, tổ chức, thậm chí gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, xã hội, an ninh, chính trị của đất nước.

3.3.3.5. Thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng

Thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng còn chậm và thiếu thống nhất. Đảng đề ra Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn và lãnh đạo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể chế hóa thành pháp luật và thực hiện pháp luật. Đây là nội dung lãnh đạo quan trọng nhất, là *lợi thế của Đảng cầm quyền*, bởi: (1) Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn (gọi chung là đường lối, chủ trương) chỉ đề cập những vấn đề chung, có tính quy luật của sự phát triển, rất khó có thể thực hiện trực tiếp. Nhưng một khi được thể chế hóa, những đường lối, chủ trương ấy được chuyển hóa thành các quy phạm pháp luật, trở thành các quy tắc xử sự cụ thể làm chuẩn mực cho mọi hoạt động của Nhà nước, xã hội, cho cách ứng xử của mọi người dân; (2) đường lối, chủ trương của Đảng mang tính khoa học, cách mạng, được thực hiện chỉ bởi tính thuyết phục và công tác tuyên truyền, vận động của các tổ chức đảng và đảng viên, nhưng khi được thể chế hóa những đường lối, chủ trương ấy còn được bảo đảm bởi cơ chế pháp lý, bằng hiệu lực thi hành và trách nhiệm pháp lý, bằng toàn bộ hoạt động thực hiện pháp luật, bảo vệ pháp luật của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; (3) các chuẩn mực pháp luật - kết quả thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, còn là cơ sở khách quan để đánh giá chất lượng hoạt động của các tổ chức của Đảng, phẩm chất của đảng viên, tránh được tình trạng các tổ chức của Đảng can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thực hiện chức năng quản lý của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên hiện nay, công tác thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành chính sách cụ thể thường gặp rào cản, tạo nên các “độ vênh” khi bị “nhóm lợi ích” bẻ lái, uốn cong.

Quá trình thể chế hóa các chủ trương, đường lối và định hướng chính sách của Đảng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, như có tình trạng “sao chép” các nghị quyết của Đảng; việc thể chế hóa có lúc, có lĩnh vực vừa chưa đồng bộ, chưa bao quát, chưa bảo đảm tính hệ thống và toàn diện; chưa cụ thể, sát thực và thiếu tính khả thi,...

Lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, cầm quyền bằng pháp luật, đó là quy luật hoạt động của chính đảng cầm quyền. Thực hiện vai trò cầm quyền, Đảng phải thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách thành Hiến pháp và pháp luật, và phải

dựa theo pháp luật để cầm quyền, nhưng thực tế cầm quyền vẫn mang tính chất tùy tiện, “tư duy nhiệm kỳ”, “tân quan tân chính sách”, chế độ chính sách luôn thay đổi theo sự thay đổi người lãnh đạo. Ngoài những quy định trong Điều 4 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, hiện nay Đảng chưa có thể chế cầm quyền có tính hệ thống, đồng bộ, vững chắc. Quy trình kiến nghị lập pháp, lập quy của các cơ quan nhà nước, quy trình giới thiệu nhân sự để bầu, bổ nhiệm vào các cơ quan nhà nước còn có biểu hiện chưa đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa chưa phát huy dân chủ, tôn trọng ý chí của cơ quan nhà nước và Nhân dân... Hiện nay, Đảng chủ trương nhất thể hóa chức danh người lãnh đạo Đảng và cơ quan nhà nước các cấp, nhưng nhiều nơi quy trình giới thiệu đại biểu, bầu hoặc bổ nhiệm thường gặp những khó khăn do Đảng cử nhưng dân không bầu, hoặc ngược lại, dân tín nhiệm nhưng Đảng không cử.

Về nguyên tắc, Đảng lãnh đạo thông qua Cương lĩnh, đường lối, chính sách chủ trương, bằng công tác chính trị tư tưởng,... Tuy nhiên, trên thực tế, một số nghị quyết, quyết định của cơ quan Đảng đôi khi lại quá sâu, chi tiết, cụ thể vào công việc của cơ quan nhà nước làm cho nhiều khi các hoạt động của cơ quan nhà nước chỉ còn là thực thi, triển khai thực hiện những gì mà cơ quan đảng đã quyết định, xuất hiện tình trạng bao biện, làm thay, chông chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan Đảng với cơ quan Nhà nước diễn ra ở tất cả các cấp từ Trung ương tới cơ sở.

Cơ chế sử dụng các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đủ cho thống nhất quyền lực mà không tạo ra khả năng cho chuyên quyền (thực chất là thoát ly ý chí của Đảng), phân công chuyên môn lao động mà không bị chia cắt quyền lực,... vẫn còn chưa thật sự vững chắc. Trong nhiều trường hợp tùy thuộc vào phẩm chất chính trị của người đứng đầu thiết chế quyền lực hơn là tùy thuộc vào cơ chế ràng buộc, kiểm soát quyền lực.

3.3.3.6. Chế độ hóa ý thức hệ giai cấp thành quy phạm đạo đức còn hạn chế.

Thế chế hóa ý thức hệ giai cấp thành triết lý, chuẩn mực đạo đức của từng cơ quan, bộ máy Nhà nước còn yếu, chưa gắn chặt được trách nhiệm, nghĩa vụ của đảng viên, vị thế, chức vụ mà Đảng đã giao phó. Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối

sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ, chưa nêu cao ý thức và trách nhiệm trước Nhân dân. Thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa trở thành nền nếp, hiệu quả chưa cao. Một số cán bộ vi phạm đến mức phải kỷ luật, xử lý hình sự, trong đó có cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Việc đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc về đạo đức, lối sống chưa mạnh mẽ.

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2020, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 131 nghìn đảng viên. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, đã thi hành kỷ luật hơn 87 nghìn cán bộ, đảng viên, trong đó có trên 3.200 đảng viên bị kỷ luật liên quan đến tham nhũng; đã thi hành kỷ luật hơn 110 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (27 Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 4 Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, hơn 30 sỹ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang) [26]

Tự phê bình và phê bình ở không ít nơi còn hình thức; tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ được giao. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên còn thụ động, hiệu quả thấp.

Dựa vào luật để cầm quyền và lấy đức để cầm quyền chưa được gắn bó hữu cơ, thiếu hiệu lực trên thực tế, nên nhiều Đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật, thậm chí tạo nên mức sống, lối sống, phong cách khác nhau giữa “lãnh đạo chính quyền” và “lãnh đạo chuyên trách công tác Đảng” cũng như tâm lý thích làm lãnh đạo chính quyền, ngại làm lãnh đạo chuyên trách công tác Đảng.

3.3.4. Nguyên nhân của những hạn chế

Mặc dù trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới đã có nhiều thành tựu đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng, nhưng nhìn chung còn không ít những hạn chế bất cập.

Nguyên nhân khách quan

Xuất phát từ công cuộc đổi mới là quá trình đầy khó khăn, phức tạp, chưa hề có tiền lệ lịch sử, trong khi trên thế giới thường xuyên những biến động khó lường, sự phát triển về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ diễn ra vô cùng mau lẹ và phức tạp làm cho những chủ trương, chính sách đúng đắn bị thực tiễn vượt qua.

Các thế lực thù địch điên cuồng chống phá Đảng, Nhà nước, cản trở con đường đi lên CNXH. Hiện nay, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận đang diễn ra hết sức phức tạp và quyết liệt. Các thế lực thù địch đang ra sức phủ nhận lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, phủ nhận vai trò và những thành quả cách mạng do Đảng lãnh đạo, chúng cố tình tạo dựng, xuyên tạc tình hình Việt Nam, chia rẽ Đảng, Nhà nước với Nhân dân, với lực lượng vũ trang, quân đội, công an. Chúng tuyên truyền, cổ xúy đạo đức, văn hóa phương Tây, hà hơi, tiếp sức cho bọn phản động trong và ngoài nước...đòi thực hiện chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ở Việt Nam, phủ nhận mục tiêu CNXH, muốn đưa Việt Nam đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Những âm mưu, thủ đoạn trên đây của các thế lực thù địch đã và đang tác động tiêu cực đến cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân, ảnh hưởng đến lòng tin cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN, vào tương lai, tiền đồ của dân tộc. Những vấn đề mới thường xuyên nảy sinh, những khó khăn, thách thức không ngừng đặt ra, nhưng quan điểm, chủ trương, chính sách, sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, sự quản lý của Nhà nước chưa kịp thời thay đổi cho phù hợp với tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Về nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất: Hệ thống chính trị nước ta sau hàng chục năm tiến hành đổi mới, song còn nhiều mặt lạc hậu xa với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội; bộ máy của hệ

thống chính trị còn công kênh, cơ chế, thể chế tổ chức và hoạt động của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội còn nhiều mặt hạn chế, bất cập, thiếu đồng bộ; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ nhiều hạn chế;

Thứ hai: Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý đã và đang tác động tiêu cực đến xác lập và thực hiện nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng. Hiện nay, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, đặc biệt là tề quan liêu, tham nhũng, tiêu cực vẫn đang diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng. tình trạng suy thoái trong cán bộ, đảng viên chậm ngăn chặn, đẩy lùi... đã làm suy giảm năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức mạnh của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị.

Mặt khác, lý luận về xây dựng Đảng nói chung và Đảng cầm quyền nói riêng còn ảnh hưởng đậm nét của những quan điểm lỗi thời, lại chưa được nghiên cứu đầy đủ tình hình thực tiễn trong nước và hoạt động của các đảng cầm quyền trên thế giới để bổ sung, phát triển kịp thời. Một số hoạt động thực tiễn cầm quyền của Đảng còn mang tính kinh nghiệm, chưa có tính hệ thống. Thói quen lãnh đạo và cầm quyền phù hợp với thời kỳ chuyên chính vô sản và sự lãnh đạo chính trị mang tính tập trung của Đảng chậm thay đổi là những nguyên nhân khách quan và chủ quan làm cho việc đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền chưa đổi mới nhanh nhanh chóng và đồng bộ, hệ thống.

3.4. Những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay

Sự cầm quyền của Đảng chỉ được thực hiện hiệu quả cao nhất khi bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hệ thống pháp luật đồng bộ, đội ngũ cầm quyền có phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, hệ thống thể chế, cơ chế kiểm soát, giám sát chặt chẽ,... Từ những đặc thù trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, những vấn đề mới nảy sinh từ tình hình của thế giới cũng như thực tế việc cầm quyền của Đảng đang nổi lên những vấn đề hệ trọng.

Thứ nhất, việc phân định rõ chức năng lãnh đạo và chức năng cầm quyền, phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền hữu hiệu để cầm quyền là hết sức cần thiết. Làm tốt việc này sẽ là cơ sở để có thể hoàn thiện hệ thống chính trị cũng như các giải pháp thực thi việc cầm quyền của Đảng.

Hiện nay, trong Đảng vẫn có những ý kiến khác nhau về chức năng lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Có ý kiến cho rằng, lãnh đạo là nói đến chức năng, nhiệm vụ xuyên suốt của Đảng. Đảng lãnh đạo cả trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và cả sau khi giành được chính quyền. Theo đó, nội hàm khái niệm “Đảng lãnh đạo” rộng hơn nội hàm khái niệm “Đảng cầm quyền”. Có ý kiến khác lại cho rằng, khái niệm “Đảng lãnh đạo” không gắn với quyền lực chính trị, đó chỉ là sự tác động, định hướng, tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tạo ảnh hưởng của Đảng đối với hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân. Có ý kiến đi sâu hơn về học thuật thì cho rằng, nói “Đảng cầm quyền” là đề cập đến quyền lực chính trị của Đảng sau khi giành được chính quyền, nghĩa là vai trò lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền nhà nước. Vì vậy, sau khi giành được chính quyền, cần nhấn mạnh một cách cụ thể vai trò, trách nhiệm và các cách thức để Đảng kiểm soát, điều hành bộ máy chính quyền nhà nước. Nếu chỉ nhấn mạnh vai trò lãnh đạo chung, thì chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng.

Vậy, vấn đề đặt ra là “Đảng lãnh đạo” và “Đảng cầm quyền” có phải là hai khái niệm đồng nhất? Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, phải chăng phương thức lãnh đạo cũng là phương thức cầm quyền của Đảng? Theo đó, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đồng nghĩa với nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng? Những bất cập trong nhận thức này dẫn đến những hạn chế nhất định về xác định nội dung, phương thức lãnh đạo cũng như nội dung, phương thức cầm quyền; hạn chế trong việc xác định chủ trương, đường lối, giải pháp lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Vì thế, những vấn đề như: Là một đảng lãnh đạo trong điều kiện có chính quyền, Đảng phải làm gì? Đảng phải lãnh đạo như thế nào? Là một đảng duy nhất cầm quyền, Đảng cần phải “cầm”, “nắm” những gì? Đảng cầm quyền bằng những phương pháp,

cách thức nào? Làm thế nào để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả cầm quyền của Đảng?... đều cần có sự phân định và luận giải tường minh.

Thứ hai, như Lênin đã từng cảnh báo, khi một Đảng duy nhất cầm quyền sẽ dễ nảy sinh bệnh “Kiêu ngạo cộng sản”. Bệnh này dẫn tới nhiều điều hệ trọng khác như chủ quan duy ý chí, mất dân chủ,... Điều này ít nhiều đang thể hiện ở nước ta. Ví dụ trong khi tuyên truyền chúng ta thường nói nhờ ơn Đảng, ơn Chính phủ mà ít khi nói tới Nhân dân, nhờ ơn Nhân dân.

Thứ ba, Đảng ta là Đảng duy nhất lãnh đạo và duy nhất cầm quyền nên cán bộ của Đảng rất dễ bị mắc bệnh độc đoán, chuyên quyền, chủ quan, duy ý chí, quan liêu, hách dịch. Đảng ta đã nêu rõ, một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên bị suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII và XIII khẳng định, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hóa giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước. Chính điều này đã và đang làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân với Đảng.

Thứ tư, việc cầm quyền cũng như phương thức cầm quyền của Đảng ta rất đặc thù, ít những điều kiện và hoàn cảnh tương đồng để có thể học tập, đúc rút kinh nghiệm. Trên thế giới hiện nay, chỉ có một vài nước do đảng vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền như Trung Quốc hay Lào và Cu ba. Nhưng ngay những nước này cũng có những điểm không giống chúng ta. Ở cả ba nước đó, lãnh đạo Đảng cũng là người cầm quyền nhà nước và việc thực hiện cơ chế đó chưa có sự tổng kết nên chưa thể biết hiệu quả như thế nào. Ở Việt Nam, có giai đoạn Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là người lãnh đạo Đảng, vừa là Chủ tịch nước. Thực tế đó cần được phân tích và rút ra kết luận cho chúng ta hôm nay.

Thứ năm, Phương thức cầm quyền để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải không ngừng cách mạng, không ngừng sáng tạo, đòi hỏi mỗi cán bộ đảng viên phải thực sự có bản lĩnh, trí tuệ, nhưng tình hình thực tế đã không được như vậy. Không ít trong đội ngũ cán bộ Đảng viên hiện nay còn yếu kém, bất cập so với nhiệm vụ được giao.

Tiểu kết chương 3

Gần 80 năm đã trôi qua kể từ khi Đảng ta lãnh đạo toàn dân giành được chính quyền. Trên chặng đường lịch sử hơn 2/3 thế kỷ đó, Đảng vừa lãnh đạo toàn dân tộc vừa thực hiện chức năng cầm quyền, đưa đất nước vượt qua bao khó khăn, thách thức, lập nên những kỳ tích mang tầm thời đại. Có thể thấy rằng phương thức cầm quyền của Đảng là vấn đề cốt lõi trong công tác xây dựng Đảng. Đứng trước muôn vàn khó khăn thử thách, trước sự bao vây cấm vận của chủ nghĩa đế quốc và sự chống phá của các thế lực thù địch, song Đảng ta đã chèo lái con thuyền cách mạng tiến lên cùng thời đại. Đảng ta đã xây dựng cả hệ thống chính trị, hệ thống chính quyền vững mạnh để thực hiện sự cầm quyền của mình. Đảng đã hiện thân vào hệ thống nhà nước, thực hiện chức năng của mình đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước thực hiện và hoàn thiện cơ chế và các biện pháp để việc cầm quyền ngày càng hiệu quả và được Nhân dân thừa nhận.

Tuy nhiên, bên cạnh đó việc thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng vẫn còn có nhiều khuyết điểm như nhận thức lý luận và thực tiễn cầm quyền của Đảng còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn công cuộc đổi mới, tổ chức bộ máy cầm quyền còn chồng chéo, thiếu hiệu quả và hiệu lực, mô hình tổ chức quyền lực Nhà nước nhưng cơ chế kiểm soát quyền lực chưa tốt, trách nhiệm cá nhân chưa rõ ràng, việc thể chế hóa cương lĩnh, đường lối còn chậm, phẩm chất, năng lực của nhiều cán bộ đảng viên cụ thể của Đảng còn thấp kém, quản lý Đảng viên trong bộ máy nhà nước còn nhiều hạn chế, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước còn nhiều bất cập, chế định hóa ý thức hệ giai cấp còn lúng túng,...

Từ tình hình thế giới và trong nước cũng như thực tế việc cầm quyền của Đảng đã đặt ra những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng đó là: kiên định một Đảng duy nhất cầm quyền đi đôi với mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội; nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng là mục tiêu và động lực của đổi mới phương thức cầm quyền; thay đổi tư duy cầm quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, Đảng viên của Đảng thực thi quyền lực từ trung ương đến cơ sở trong sạch, vững mạnh, liêm chính; nâng cao vai trò, vị thế của Đảng

cầm quyền trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công; lý luận về Đảng cầm quyền, phương thức cầm quyền của Đảng trong công cuộc đổi mới chưa được làm rõ về khái niệm cũng như nội hàm.

Trong thời gian tới, Đảng cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt những vấn đề đặt ra đối với việc đổi mới phương thức cầm quyền nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ lịch sử mà dân tộc giao phó và Nhân dân ủy thác, xứng đáng với sự tin cậy của Nhân dân, tiếp tục gánh vác thành công trọng trách ngang tầm thời cuộc hiện nay.

CHƯƠNG 4

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: BỐI CẢNH, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Tình hình và những yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

4.1.1. Tình hình thế giới và trong nước

4.1.1.1. Tình hình thế giới

Trong những năm tới, hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng tình hình thế giới sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Toàn cầu hóa vẫn là xu thế lớn của thời đại, tạo ra cục diện cho các nước trong tình thế vừa đấu tranh, vừa hợp tác, tranh thủ thời cơ, điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là các nước lớn ngày càng tăng, các quan hệ chính trị thế giới cũng biến đổi, các quan hệ chính trị trở nên phụ thuộc lẫn nhau, thu hẹp khoảng cách giữa các chế độ chính trị theo hướng ưu tiên phát triển kinh tế của các quốc gia, quan hệ giữa các đảng chính trị cần có sự tham khảo kinh nghiệm cầm quyền, hợp tác, phát triển là xu thế chủ đạo.

Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa ổn định, gặp nhiều khó khăn, thách thức và nhiều biến động khó lường, xu hướng suy thoái kinh tế, khủng hoảng kinh tế khu vực và toàn cầu vẫn tiềm ẩn. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi. Hầu hết các nước trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới thể chế kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ để phát triển. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương thế hệ mới.

Khu vực châu Á – Thái bình dương, trong đó có các nước ASEAN vẫn là khu vực phát triển kinh tế năng động, nhưng nguy cơ phân hóa, chia rẽ giữa các nước do tranh chấp biển Đông và sự lôi kéo của các nước lớn gây nên tình trạng mất ổn định

cho sự phát triển của các nước trong khu vực.

Trước tình hình đó, các quốc gia cần bổ xung, củng cố phát triển nền tảng tư tưởng, ý thức hệ, cơ sở chính trị - xã hội, điều chỉnh cơ cấu, thể chế, thay đổi chiến lược, sách lược, phương thức cầm quyền,... cần nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của các đảng chính trị, nhất là đảng cầm quyền ở các quốc gia đẩy mạnh hội nhập và phát triển.

Sự thay đổi trong cục diện thế giới sau khủng hoảng của CNXH thế giới; sự chống phá của các thế lực thù địch chống CNXH, xóa bỏ lực lượng cách mạng. CNXH Liên xô và Đông Âu tan vỡ, các Đảng Cộng sản ở các nước XHCN phải tiến hành đổi mới, cải cách không chỉ về đường lối, chiến lược, sách lược, phương lược cầm quyền, đổi mới mô hình kinh tế, chính trị, văn hóa-xã hội; Sự thành công của công cuộc đổi mới CNXH, sự trưởng thành của các Đảng Cộng sản đã đúc rút kinh nghiệm, bổ sung, phát triển lý luận về đảng cầm quyền, nhận thức và vận dụng quy luật cầm quyền để xây dựng Đảng vững mạnh, để cầm quyền hiệu quả và lâu dài. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường CNXH và CNTB diễn ra ngày càng sâu sắc với nhiều hình thức và diễn biến khác nhau, song các thế lực thù địch CNXH, thù địch với các Đảng Cộng sản ra sức chống phá với những âm mưu thâm độc và tinh vi,...Điều đó cho thấy đổi mới phương thức lãnh đạo và cầm quyền của các Đảng Cộng sản cầm quyền là khách quan và cấp bách, nhưng đảm bảo an ninh cầm quyền, để cầm quyền vững mạnh và lâu dài cũng hết sức quan trọng.

Để nắm bắt thời cơ vận hội trong tình hình mới, Đảng Cộng sản Việt Nam cần phải đổi mới chính mình trên tất cả các phương diện, nắm bắt tình hình và xu hướng thời đại, đủ sức lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước lên CNXH trong tình hình thế giới và trong nước vừa có thuận lợi song đầy khó khăn, thử thách.

4.1.1.2. Tình hình trong nước

Những mặt thuận lợi: Trong thời kỳ đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã thu được những thành tựu to lớn, kinh tế từng bước thoát ra khỏi tình trạng suy giảm, vượt qua nước nghèo và trở thành nước đang phát triển. Với tư cách là một Đảng duy nhất cầm quyền, trong quá trình cầm quyền, Đảng

luôn được Nhân dân tin tưởng, ủng hộ, cùng tham gia góp sức vào công cuộc cách mạng chung của Đảng. Với vai trò đảng duy nhất cầm quyền, với tính chính đáng đầy thuyết phục, vì mục tiêu giá trị cao quý của chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã huy động được tối đa sức mạnh vật chất, tinh thần, trí tuệ, ý chí tốt đẹp của chế độ mới xã hội chủ nghĩa, thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một đất nước nghèo nàn lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá; đồng thời tiếp tục cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Đảng cùng toàn dân xây dựng thành công những cơ sở nền tảng của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hậu thuẫn cho giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, một thành tựu không phải quốc gia hay đảng nào cũng làm được.

Trong thời gian qua, nắm bắt thuận lợi, thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nhất là tác động của dịch bệnh và thiên tai liên tiếp xảy ra, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết tâm, bản lĩnh sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; đất nước phát triển nhanh và bền vững, củng cố nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

“Kinh tế nước ta duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao (khoảng 6%/ năm). Nhiều khó khăn vướng mắc, hạn chế, yếu kém từ các năm trước đã được tập trung giải quyết và đạt được những kết quả bước đầu. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định khá vững chắc, lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm và có bước được cải thiện, kỷ luật, kỉ cương tài chính – ngân sách nhà nước được tăng cường. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh, hiệu quả sử dụng được nâng lên. Cán cân thương mại được cải thiện, xuất khẩu tăng nhanh. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện ba đột phá chiến lược đạt được những kết quả quan trọng. Môi trường đầu tư, kinh doanh, tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế tiếp tục được nâng lên. Chính trị xã hội ổn định, đời sống của Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ,

bảo vệ môi trường, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam,... có nhiều chuyển biến tích cực, có mặt khá nổi bật.” [22, tr.20-21].

Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến nước ta, gây nhiều thiệt hại về kinh tế - xã hội, nhưng với sự cố gắng vượt bậc, đất nước đã đạt được những kết quả, thành tích đặc biệt hơn so với các năm trước. “Trong khi kinh tế thế giới suy thoái tăng trưởng âm gần 4%, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng 2.91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới” [22, tr.23]. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tính ưu việt của chế độ XHCN, sự lãnh đạo nhạy bén, đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt kịp thời của Chính phủ, của toàn bộ hệ thống chính trị và được sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân, nước ta đã kịp thời không chế, cơ bản kiểm soát được những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đảm bảo an sinh xã hội cho Nhân dân, từng bước khôi phục kinh tế, nỗ lực hoàn thành ở mức cao nhất các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2020 và cả giai đoạn 2016 – 2020.

Có thể khẳng định, không có sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta không thể có được thành quả vĩ đại của hai thời kỳ cách mạng – đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vai trò to lớn của Đảng không chỉ ở khoa học và nghệ thuật xác định nội dung, mục tiêu cách mạng, mà quan trọng hơn là đã thống nhất được ý chí và hành động, phát huy cao độ trách nhiệm, lương tâm và trí tuệ của toàn dân, tất cả được quy tụ vào một Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo.

Những mặt khó khăn, thách thức: Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và việc đi sâu chuyển đổi mô hình kinh tế xã hội, một mặt là sự phát triển bền vững, tốc độ cao của nền kinh tế quốc dân, mặt khác lại là sự tồn tại và tích tụ một lượng lớn các vấn đề kinh tế - xã hội, một số mâu thuẫn ở tầng sâu đã bộc lộ. Những vấn đề và mâu thuẫn này đã trở thành trở ngại trong việc nước ta tiếp tục đi sâu trong công cuộc đổi mới, đồng thời cũng gia tăng áp lực to lớn và khó khăn trong việc chuyển đổi phương thức cầm quyền của Đảng. Biểu hiện chủ yếu là: Chênh lệch phân phối thu nhập quá lớn giữa các nhóm lợi ích khác nhau,

giữa các giai tầng xã hội khác nhau, giữa các thành viên xã hội khác nhau, khoảng cách chênh lệch lợi ích và khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn. Vấn đề mâu thuẫn lợi ích trong Nhân dân phức tạp đã làm nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn và vấn đề nổi cộm mà từ trước tới nay Đảng Cộng sản Việt Nam chưa bao giờ gặp, hơn nữa lại không thể không giải quyết đặc biệt là mâu thuẫn và xung đột lợi ích giữa các giai tầng ngày càng nổi cộm và thường xuyên. Điều này khiến Đảng Cộng sản Việt Nam phải đối mặt với những thử thách của xã hội là lợi ích chung của xã hội ngày càng có xu hướng đa nguyên hóa, đối diện với thách thức do những sự kiện đột phát của việc chuyển mô hình xã hội đưa đến.

Đất nước sang trang, cả nước bước sang thời kỳ xây dựng và phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa có nghĩa là đảng lãnh đạo phải bằng tri thức, trí tuệ, bằng tư duy và trình độ khoa học và công nghệ. Khoa học và công nghệ đòi hỏi tri thức và phương pháp tư duy khoa học – công nghệ. Từ nội dung đến cách thức tiến hành quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa cần đến tư duy và trình độ cầm quyền lãnh đạo khoa học – công nghệ.

Do nhiều khó khăn và hạn chế về điều kiện thực tế của Đảng trong cầm quyền lãnh đạo một nước chủ yếu là nông nghiệp, khởi đầu công nghiệp hóa, hiệu quả và kết quả lãnh đạo hạn chế, thậm chí sai lầm, kìm hãm. Đây là khó khăn và thách thức lớn của Đảng cầm quyền trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, do đó, thách thức lớn đối với vị trí và vai trò cầm quyền của Đảng.

Với việc đi sâu thực hiện đổi mới xây dựng nền kinh tế thị trường, kết cấu xã hội ở nước ta đã nảy sinh nhiều thay đổi sâu rộng, toàn bộ xã hội phát triển theo định hướng đa dạng hóa. Một mặt nó biểu hiện ra thành sự đa dạng hóa về thành phần kinh tế xã hội, mặt khác biểu hiện thành sự đa dạng hóa về giai cấp xã hội và các giai tầng xã hội,... Trong quá trình đổi mới và phát triển, không những nhu cầu về lợi ích vật chất của con người không ngừng tăng lên mà đòi hỏi về quyền lợi chính trị và lợi ích tinh thần cũng không ngừng gia tăng. Đặc biệt là sự phát triển của công nghệ thông tin và sự gia tăng vai trò của phương tiện truyền thông trong đời sống chính trị

- xã hội, mọi người càng tiện lợi hơn trong việc tìm hiểu chính trị, bày tỏ nguyện vọng, đề đạt yêu cầu, thực hiện quyền lợi, điều này đã làm gia tăng mạnh mẽ sự độc lập tương đối giữa các thành viên xã hội. Vì thế, làm thế nào để tiếp tục duy trì sức hấp dẫn và sức tập hợp xã hội của Đảng cầm quyền, giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và các thành viên xã hội đã trở thành một vấn đề quan trọng trước nay chưa từng có đang đặt ra trước mắt Đảng Cộng sản Việt Nam. Nó đòi hỏi Đảng cầm quyền phải nỗ lực bảo vệ nền tảng quần chúng cơ bản, vừa phải cố gắng chú ý rộng rãi đến lợi ích nguyện vọng và yêu cầu của các giai tầng xã hội khác, tìm kiếm điểm tương đồng giữa các nhóm lợi ích xã hội khác nhau, trở thành sức mạnh dẫn dắt chủ yếu để thúc đẩy đổi mới và phát triển xã hội theo hướng đa dạng hóa.

Đặc biệt, khi Việt Nam đẩy mạnh và mở rộng hội nhập quốc tế, khó khăn và thách thức đầu tiên đối với Đảng cầm quyền là sự giữ vững lập trường tư tưởng và hệ giá trị xã hội chủ nghĩa trong “sân chơi” mà ở đó đa số người chơi là các quốc gia tư bản chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, khía cạnh hệ giá trị và tính hiệu quả của tính chính đáng cầm quyền của Đảng ta đứng trước nhiều thách thức, khó có được sự ủng hộ thật sự, mặc dù bề ngoài, trên nghị trường quốc tế người ta đều tuyên bố chấp nhận sự khác nhau về chế độ chính trị.

Khó khăn và thách thức lớn hơn nữa trong bối cảnh hội nhập quốc tế là đảng cầm quyền lãnh đạo phát triển đất nước xã hội chủ nghĩa trong tính đa dạng hết sức khác nhau và phức tạp của hệ thống chính trị đa đảng, khác nhau trên toàn cầu. Vấn đề độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, vấn đề độc lập chính trị cần đến một tư duy và năng lực chính trị khoa học tầm thời đại và quốc tế, đặc biệt là vấn đề chấp thuận những quy định không thích hợp với Việt Nam của thông lệ quốc tế, nhằm đi sâu vào các các nước phát triển.

Hội nhập quốc tế đòi hỏi tầm tư duy và năng lực cầm quyền lãnh đạo vừa cao vừa đặc thù, khi các nước phát triển đã là các nước công nghiệp phát triển cao (lần thứ 4), trong khi Việt Nam đang ở trình độ hỗn hợp trình độ khoa học-công nghệ lần thứ 1, thứ 2, thứ 3 và thứ 4. Sự lúng túng trong môi trường và điều kiện đó chắc chắn gây khó khăn đối với phát triển tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta, nhiều

khi là thách thức lớn đối với sự cầm quyền lãnh đạo công cuộc hội nhập quốc tế để phát triển.

Có thể dễ nhận thấy, một mặt Việt Nam có lợi thế của một nước đi sau (sau cả về kinh tế, khoa học và công nghệ), nhưng đây là lợi thế của quá trình phát triển rút ngắn. Nhưng mặt khác là bất lợi khi trình độ, năng lực thực hành phát triển trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, công nghệ còn ở trình độ thấp quá xa so với các nước khu vực và thế giới. Việc tụt hậu nói chung, tụt hậu về kinh tế, khoa học, công nghệ nói riêng đang diễn ra (khoảng cách phát triển trong các lĩnh vực của Việt Nam so với các nước ngày càng lớn. Điều đó không chỉ thách thức sự tiến bộ của đất nước, của chế độ, mà thách thức trực tiếp đến vị trí, vai trò cầm quyền của Đảng ta.

Cùng với sự tụt hậu thực tế trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội thì vấn đề tư tưởng, đạo đức, lối sống và bản lĩnh của một số không nhỏ trong giới cầm quyền của Đảng và Nhà nước cũng là vấn đề hết sức bức xúc. Không ít cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước có sự nghi ngờ, dao động, mất phương hướng, thậm chí thoái hóa, biến chất; tham nhũng, lạm quyền, lợi dụng quyền lực để mưu lợi ích riêng; thái độ hách dịch, xa dân, xem thường dân; coi thường kỷ cương phép nước, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

Điều này góp vào nguy cơ làm giảm niềm tin của Nhân dân đối với tính chính đáng của Đảng, không chỉ đối với yếu tố giá trị xã hội (xã hội chủ nghĩa), mà cả đối với cả mục đích cầm quyền, lợi ích cầm quyền (vì dân) của Đảng. Một bộ phận không nhỏ cán bộ thoái hóa, biến chất, mất niềm tin vào chế độ, vào triển vọng của đất nước, ảnh hưởng đến sức chiến đấu của Đảng, tác động xấu đến ý chí vươn lên. Thực trạng trong Đảng có một số cán bộ, đảng viên mất phương hướng, tự chuyển hóa – một trong những nguy cơ làm mất lòng tin của Nhân dân đối với Đảng. Đó là nguy cơ mất Đảng, mất chế độ, nêu không được Đảng kịp thời chỉnh đốn, củng cố, xây dựng và phát triển Đảng vững mạnh.

Tóm lại có thể thấy rằng, Việt Nam đang trong thời kỳ lịch sử chuyển đổi mô hình kinh tế - xã hội nhanh chóng. Trong giai đoạn này, xuất hiện một loạt nhân tố không ổn định và mâu thuẫn ở tầng sâu, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đối mặt với

những thử thách và thách thức bên trong và bên ngoài Đảng, quá trình hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng đầy gian khó và hiểm nguy, nhưng đồng thời, cũng nhìn nhận được rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam đứng trước thời cơ mang tính lịch sử quan trọng để thực hiện chuyển đổi và hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng.

Xem xét từ bối cảnh quốc tế để thực hiện chuyển đổi và hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng, cho dù chủ nghĩa bá quyền, chính trị cường quyền và chủ nghĩa can thiệp quân sự vẫn còn tồn tại, nhưng hòa bình và phát triển vẫn là chủ đề của thời đại, không thay đổi. Điều này sẽ tạo ra môi trường bên ngoài tương đối ổn định cho nước ta. Về tổng thể, toàn cầu hóa kinh tế trên phạm vi toàn thế giới và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ có vai trò thúc đẩy chính diện rất tốt đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đem lại tính khả thi cho việc thực hiện phát triển lực lượng sản xuất tốc độ cao của Việt Nam

Nhìn nhận từ môi trường chính trị, kinh tế trong nước, Việt Nam đã hội tụ đầy đủ những điều kiện chính trị, xã hội cần thiết như: Trong quá trình cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết kinh nghiệm lịch sử trong và ngoài nước, trải qua quá trình tìm tòi, nghiên cứu đã hình thành được lý luận cơ bản, đường lối của thời kỳ đầu tiến lên xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đảng có đội ngũ cán bộ lãnh đạo đáng tin cậy về chính trị và có năng lực làm việc, Nhân dân các dân tộc chân thành ủng hộ, bảo vệ phương châm, đường lối của Đảng từ khi đổi mới đến nay, điều này là những điều kiện chính trị thuận lợi mà Đảng ta có được để thực hiện chuyển đổi, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng; Sức mạnh tổng hợp của Việt Nam tăng lên rõ rệt, công cuộc đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN từng bước được xây dựng đủ nền tảng để phát triển kinh tế. Vì thế Việt Nam cần phải tiếp nhận thách thức, biết nắm bắt thời cơ, vận dụng đầy đủ các điều kiện có lợi, không ngừng chuyển đổi và hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng, từ đó cung cấp cơ sở vững chắc và sự bảo đảm căn bản cho cầm quyền lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.1.2. Mục tiêu, định hướng và những yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

4.1.2.1. Mục tiêu

Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng là một thử thách quan trọng, to lớn đối với Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc có thể thực hiện được phương thức cầm quyền hiệu quả hay không liên quan đến sự hưng suy, thành bại của sự nghiệp của Đảng. Chính vì thế, đổi mới, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay cần thực hiện theo những mục tiêu cơ bản như sau

Thứ nhất: Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng trước hết là nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới theo mục tiêu XHCN, không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội

Thứ hai: Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng nhằm phát huy vai trò của Nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội trong xây dựng Nhà nước, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nhằm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ ba: nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là thể chế hoá, cụ thể hoá thành luật và các văn bản dưới luật; tạo chuyên biến thực sự, đạt kết quả cao trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng ở các cấp. Đề cao trách nhiệm của tập thể, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với kiểm soát quyền lực chặt chẽ.

Thứ tư: Xây dựng phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp uỷ, tổ chức đảng, thực sự khoa học, dân chủ, sát với thực tiễn; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng thông suốt từ Trung ương đến cơ sở.

4.1.2.2. Định hướng đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng trong giai đoạn hiện nay

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội” [19, tr.88].

Tuy nhiên, tại Đại hội XII, Đảng chỉ rõ: “Chưa xác định rõ nội dung, phương thức cầm quyền. Chưa thật sự phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội” [21, tr.197]. Do vậy, Đại hội yêu cầu phải “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện Đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải đề phòng đối với Đảng cầm quyền” [21, tr.217]. Vì vậy để thực hiện yêu cầu trên, tác giả xin đề xuất một số định hướng tiếp tục đổi mới nội dung phương thức cầm quyền của Đảng như sau:

Thứ nhất: Nhận thức đúng đắn về mối liên hệ và sự khác biệt giữa phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Trong mối quan hệ này trước tiên cần thấy được sự khác biệt giữa chúng. Theo cách nhìn hiện nay, lãnh đạo và cầm quyền là hai phạm trù vừa có sự khác biệt, vừa có sự liên hệ với nhau. Nội hàm của lãnh đạo là dẫn dắt và định hướng, thể hiện ở động viên, tổ chức quần chúng Nhân dân thực hiện nhiệm vụ nào đó và điều phối các mặt của quan hệ đời sống xã hội, hàm nghĩa chủ yếu của nó thuộc về phạm trù chính trị. Còn cầm quyền lại là chính đảng có được địa vị chủ đạo trong chính quyền nhà nước theo pháp luật, đồng thời thông qua chính quyền nhà nước đem chủ trương quản lý đất nước của mình quán triệt vào các hoạt động trong quá trình quản lý công việc nhà nước, hàm nghĩa chủ yếu của nó là một phạm trù pháp luật. Chính đảng và chính quyền quả thực là những chủ thể chính trị khác nhau. Chính đảng là tổ chức chính trị được tập hợp lại nhằm giành chính quyền và củng cố chính quyền, còn chính quyền là hình thức tổ chức nhà nước thực hiện ý chí của giai cấp thống trị. Chính đảng không trực tiếp nắm giữ quyền lực công còn chính quyền thì lại là đại diện tập trung quyền lực công.

Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân lãnh đạo của chính quyền nhà nước, nhưng không phải là cơ quan quyền lực của nhà nước Việt Nam. Hoạt động lãnh đạo của Đảng là thông qua đề ra cương lĩnh chính trị đúng đắn để động viên và tổ chức toàn xã hội thực hiện mục đích và nhiệm vụ nào đó, chủ yếu là hành vi chính trị.

Hoạt động cầm quyền của Đảng lại chủ yếu là hành vi nhà nước, tất cả các hoạt động cần phải được quy định về mặt pháp luật, tiến hành theo pháp luật. Nếu như không phân biệt chúng, đem vận dụng phương thức lãnh đạo vào lĩnh vực cầm quyền sẽ dẫn đến xa rời Hiến pháp và pháp luật khi nắm giữ chính quyền, khiến cho Đảng ô nhiễm hết thảy, gây mất trật tự và rối loạn trong đời sống nhà nước. Tuy nhiên cũng không thể coi nhẹ mối liên hệ giữa chúng. Ở nước XHCN, quyền lãnh đạo đối với nhà nước và xã hội và quyền nắm giữ quyền cầm quyền của chính quyền nhà nước của Đảng Cộng sản có mối liên hệ với nhau. Sự lãnh đạo của Đảng là tiền đề và cơ sở của cầm quyền, không có địa vị lãnh đạo của Đảng thì không có địa vị cầm quyền của đảng. Hoạt động lãnh đạo của Đảng có một phần nội dung tương đối đặc biệt là sự lãnh đạo đối với đời sống chính trị đất nước, đồng thời cũng chính là nội dung cầm quyền. Tất nhiên kiểu lãnh đạo này không phải làm thay hoạt động của cơ quan chính quyền nhà nước mà là tiến hành thông qua lãnh đạo chính trị, lãnh đạo tổ chức và lãnh đạo tư tưởng.

Thứ hai: Đổi mới mạnh mẽ cách ra nghị quyết và thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành các chính sách, chiến lược, dự án, chương trình công tác lớn của Nhà nước. Cần phải coi đây là một trong những thước đo năng lực lãnh đạo của cấp ủy, của người đứng đầu cấp ủy. Giảm thiểu việc ra nghị quyết, cấp ủy dành nhiều thời gian hơn để đánh giá, bàn bạc, chỉ đạo hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Nếu cần ra nghị quyết mới thì phải đảm bảo ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, không dung hòa ý kiến, dễ nhớ, dễ thống nhất. Khắc phục bệnh hình thức, quan liêu trong xây dựng chính sách. Chỉ đạo quyết liệt các cơ quan nhà nước xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Đảng, khắc phục tình trạng chậm triển khai, hoặc triển khai hình thức, vận dụng không đúng quan điểm của Nghị quyết.

Thứ ba: Hoàn thiện, kiện toàn một số khâu trong công tác tổ chức cán bộ. Quán triệt đầy đủ, thực hiện thống nhất và nghiêm túc Đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị. Đảng phải trực tiếp chỉ đạo, bố trí công tác cán bộ chủ chốt của Nhà nước. Đẩy mạnh kiện toàn công tác ban cán sự Đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối theo hướng: Xây dựng quy chế

xử lý mối quan hệ giữa ban cán sự đảng và đảng ủy cơ quan. Khắc phục tình trạng công kênh, chống chéo giữa các tổ chức Đảng cấp trên với các tổ chức Đảng cấp dưới. Tiếp tục đổi mới bộ máy các cơ quan tham mưu cho Đảng có chất lượng cao, có năng lực nghiên cứu, phân tích tổng kết đưa ra những kiến nghị về đường lối, chính sách với những quan điểm chính trị, quan điểm vĩ mô về các lĩnh vực.

Thực hiện đúng đắn nội dung “Đảng cử dân bầu” trong bố trí cán bộ trong các cơ quan bộ máy Nhà nước. Đảng phải có chính sách phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng, lựa chọn đúng người đủ tiêu chuẩn, có năng lực chuyên môn giỏi, phẩm chất chính trị tốt, phải công khai, minh bạch thông tin để dân bầu, nếu dân chưa tin, Đảng phải kịp thời thay thế. Phải có chế độ ưu đãi đặc thù về vật chất và tinh thần để họ yên tâm công hiến và đảm bảo khách quan, công tâm trong tham mưu chính sách.

Thứ tư: Nâng cao uy tín, tính thuyết phục của Đảng trước Nhân dân. Đảng ta là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội chủ yếu bằng sự thuyết phục chứ không phải bằng mệnh lệnh hành chính. Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ rằng: “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo” [76, tr.139]. Như vậy trong khái niệm “Đảng lãnh đạo” chứa đựng nội dung uy tín - tín nhiệm - thừa nhận - ủng hộ - đi theo của quần chúng Nhân dân đối với Đảng, khi Đảng có cương lĩnh, đường lối đúng thể hiện được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đại đa số Nhân dân. Hiện nay trình độ dân trí của Nhân dân cao hơn nhiều so với trước kia, chỉ khi có đội ngũ đảng viên ưu tú, Đảng mới đủ sức lãnh đạo Nhân dân. Đảng phải nâng tầm trí tuệ, không ngừng phát triển tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn. Đó là sự kết hợp giữa năng lực tư duy, trí thức qua học tập, nghiên cứu, kinh nghiệm tổng kết thực tiễn, khả năng phát hiện cái mới

Thứ năm: Đảng phải có tầm nhìn chiến lược, dự báo diễn biến của tình hình thế giới để luôn giữ tính chủ động trong mọi tình huống. Đảng cần được đổi mới để vươn lên ngang tầm của một Đảng cầm quyền trong thời kỳ mới. Trong giai đoạn

trước đây, phương thức cầm quyền của Đảng là cầm quyền theo nguyên tắc trực tiếp, tuyệt đối và toàn diện, lãnh đạo Nhân dân giành độc lập dân tộc. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, mở cửa và hội nhập quốc tế, Đảng phải đổi mới phương thức cầm quyền theo hướng: Lãnh đạo nhà nước và xã hội theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện cầm quyền hiệu quả, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo quy luật khách quan, lấy đức để cầm quyền là những yêu cầu trong phương thức cầm quyền hiện nay cần có của Đảng.

Thứ sáu: Đảng phải nâng cao bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và tiếp thu những giá trị, tri thức của thời đại, tham khảo kinh nghiệm các Đảng Cộng sản trên thế giới để vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, gìn giữ sự thống nhất, đoàn kết trong Đảng. Năng lực cầm quyền của Đảng cần phải dựa trên cơ sở khoa học kinh tế, khoa học chính trị, khoa học tổ chức, khoa học lãnh đạo, khoa học nhân văn..., dựa trên cơ sở thực tiễn đổi mới đất nước và tình hình thế giới. Phương châm cầm quyền của Đảng được thực hiện theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, Nhân dân lao động làm chủ. Không dân chủ thì không nắm vững được tâm tư, nguyện vọng của dân, không thu hút được trí tuệ của Nhân dân và dân không thể tích cực tham gia vào đời sống chính trị xã hội được. Đây có thể coi là vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản trong phương thức cầm quyền của Đảng ta hiện nay.

Thứ bảy: Xây dựng cơ chế vận hành quyền lực có cơ cấu hợp lý, bố trí khoa học, trình tự chặt chẽ, ràng buộc hiệu quả, tăng cường và hoàn thiện cơ chế giám sát quyền lực là tư tưởng quan trọng mà ĐCS Việt Nam luôn nhấn mạnh vì xét về ý nghĩa nào đó, việc có thể giám sát hiệu quả của thực thi quyền lực của Đảng cầm quyền hay không, trong chừng mực rất lớn ảnh hưởng tới xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng. Chế độ một Đảng duy nhất cầm quyền bảo đảm cho Đảng không có sự cạnh tranh quyền lực, nhưng cũng là thách thức đối với Đảng ta do nguy cơ tha

hóa quyền lực, mà biểu hiện cụ thể là sự độc đoán, chuyên quyền, xa rời quần chúng. Chính vì vậy, để củng cố vị trí và nâng cao năng lực cầm quyền, Đảng phải thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực, trước hết là cơ chế tự kiểm soát nội bộ Đảng. Bên cạnh đó cần có cơ chế phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Chính trị - xã hội, của các tầng lớp Nhân dân, thực sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến Nhân dân, tiếp tục hoàn thiện những quy định của pháp lệnh thực hiện dân chủ cơ sở. Mở rộng thực hiện các loại hình dân chủ cơ sở. Nghiên cứu các quy định cụ thể về trưng cầu dân ý...

4.1.2.3. Những yêu cầu đặt ra đối với việc đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam

Về tổng thể, phải xác định rõ cấu trúc mô hình của xã hội Việt Nam để từ đó mới xác định được phương thức cầm quyền của Đảng cho phù hợp

Đảng Cộng sản Việt Nam từ một Đảng lãnh đạo Nhân dân đấu tranh giành chính quyền trong cả nước và cầm quyền lâu dài, từ một Đảng lãnh đạo xây dựng đất nước trong điều kiện bị phong tỏa bên ngoài và thực hiện nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung trở thành một Đảng lãnh đạo đất nước trong điều kiện mở cửa đối ngoại hội nhập quốc tế và xây dựng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vị trí và bối cảnh của Đảng, nhiệm vụ lịch sử mà Đảng phải gánh vác có sự thay đổi lớn lao, đòi hỏi Đảng cầm quyền phải thay đổi về quan niệm và thực tiễn để thích ứng với sự thay đổi này, hoàn thiện một cách thích hợp phương thức cầm quyền của Đảng. Thực hiện sự chuyển đổi, hoàn thiện, đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng cần phải tuân theo những yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất: Phải có lợi cho sự kiên định và củng cố địa vị lãnh đạo, địa vị cầm quyền của Đảng. Đổi mới và hoàn thiện, đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng điều căn bản nhất là không được dao động và từ bỏ địa vị lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, khiến cho Đảng không thể lãnh đạo tốt hơn đời sống xã hội, nắm được chính quyền nhà nước, dẫn dắt Nhân dân Việt Nam thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa tiến về phía trước một cách lành mạnh và thuận lợi, để thực hiện điều đó phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng. Đây là nguyên

tắc và phương châm chỉ đạo căn bản nhất để hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng vì: *Một là*, địa vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự lựa chọn của lịch sử và Nhân dân. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đã làm thay đổi lớn trong sự nghiệp cách mạng của đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trải qua 15 năm đấu tranh gian khổ, lật đổ sự thống trị của thời kỳ phong kiến, chủ nghĩa đế quốc, giải phóng Nhân dân thành lập nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đương nhiên trở thành đảng cầm quyền. Do đó địa vị lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng là do lịch sử hình thành, là sự lựa chọn lịch sử của Nhân dân Việt Nam; *Hai là*, Kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là yêu cầu khách quan trong đời sống chính trị hiện thực của nước ta. Nhìn từ quy luật thông thường của chính trị chính đảng, đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích và ý chí của giai cấp mình chi phối quyền lực công của xã hội, làm cho ý chí của giai cấp mình chuyển hóa thành quyền lực Nhà nước thông qua các trình tự pháp lý đã trở thành quy luật phổ biến. Việt Nam cũng như vậy. Kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và đời sống xã hội trong đời sống chính trị quốc gia, xác lập và vận hành quyền uy nhà nước nơi tập trung biểu hiện ý chí của Nhân dân, nếu không có sự nâng đỡ và đảm bảo của một chính đảng vững mạnh đại diện cho ý chí của Nhân dân thì không thể thực hiện được.

Thứ hai: Kiên định xuất phát từ tình hình thực tế của Việt Nam. Chính đảng của một quốc gia áp dụng phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền nào, chủ yếu chịu sự chi phối của ba nhân tố: nhân tố chế độ chính trị, nhân tố văn hóa chính trị, nhân tố chế độ kinh tế. Tình hình hiện nay đó là Việt Nam ở đâu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bởi xác định nước ta đã bước vào CNXH và đang ở giai đoạn đầu. Điều đó quyết định việc hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng xuất phát từ tình hình đất nước trong giai đoạn đầu. Đó là phải xác định hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng trong điều kiện kiên định CNXH, phải có lợi cho việc củng cố và phát triển CNXH do đó; một là phải làm cho sự cầm quyền của Đảng có lợi cho sự thúc đẩy xây dựng CNXH; hai là làm cho sự cầm quyền của Đảng có lợi cho sự nghiệp thống nhất đất nước, xã hội ổn định, phát

triển; ba là làm cho sự cầm quyền của Đảng có lợi cho đoàn kết, tập hợp người dân trong cả nước cùng xây dựng một tương lai tốt đẹp; bốn là phải có lợi cho việc ủng hộ và bảo đảm Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực đều thuộc về Nhân dân, đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, cũng là yêu cầu bản chất của lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bên cạnh đó, đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng phải trên cơ sở sự vận động của tình hình thế giới và trong nước. Sự thay đổi tình hình thế giới mà Đảng phải đối mặt, ý thức hệ của CNXH và CNTB ngày càng phức tạp, thậm chí gay gắt, trong điều kiện thời đại hòa bình và phát triển, xu thế đa cực hóa và kinh tế toàn cầu hóa phát triển,... điều này vừa mang đến cơ hội, cũng tạo ra thách thức cho việc thúc đẩy phát triển, tiến bộ khoa học trên thế giới ngày một thay đổi, kinh tế tri thức đang trên đà phát triển, đã ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của các nước. Là một nước XHCN, Việt Nam sẽ phải đối mặt lâu dài với âm mưu chính trị tây hóa, phân hóa của các thế lực thù địch phương Tây. Đặc biệt trong thời điểm giao thoa của thế kỷ, cùng với sự thay đổi của cục diện thế giới, một loạt các đảng lớn, đảng lâu năm bị mất đi chính quyền. Sự thay đổi sâu sắc này đặt ra thách thức nghiêm trọng mới đối với địa vị cầm quyền và năng lực cầm quyền của Đảng

Thứ ba: Phải có lợi cho việc củng cố nền tảng cầm quyền và mở rộng nguồn lực cầm quyền của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam” [18, tr.88]. Đảng ngoài đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và đông đảo quần chúng Nhân dân, không có lợi ích đặc biệt của riêng mình. Cầm quyền ở một nước XHCN đang phát triển như Việt Nam, sự thay đổi về tính chất chủ nghĩa Mác – Lênin và đặc điểm cầm quyền lâu dài cũng như sự thay đổi vị trí, nhiệm vụ của Đảng, sự thay đổi lớn về nền tảng giai cấp và nền tảng quần chúng, đòi hỏi Đảng phải không ngừng củng cố nền tảng cầm quyền và nguồn lực cầm quyền. Thực chất của vấn đề này là Đảng phải giành được sự ủng hộ và bảo vệ của đông đảo quần chúng Nhân dân, tức vấn đề mang tính hợp pháp của cầm quyền lâu dài của Đảng. Đây là vấn đề quan trọng nhằm

đảm bảo Đảng luôn trở thành hạt nhân lãnh đạo kiên cường của sự nghiệp XHCN, đổi mới và hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng giúp cho Đảng cầm quyền tốt hơn vì Nhân dân.

4.2. Một số giải pháp đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian tới

4.2.1. Về công tác tư tưởng

Đổi mới nhiệm vụ tư tưởng, vận dụng sáng tạo lý luận nhằm góp phần phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ công tác tư tưởng của Đảng cần phải đổi mới mạnh mẽ cả nội dung, hình thức và phương pháp, làm cho Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu vào cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Nội dung công tác tư tưởng cần đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả. Hình thức, phương pháp công tác tư tưởng cần đổi mới mạnh mẽ theo hướng đa dạng, phong phú, phù hợp với từng chủ thể, thấm sâu vào từng đối tượng. Các cơ quan, cán bộ làm công tác tư tưởng cần được kiện toàn về tổ chức bộ máy, cán bộ, phương tiện hoạt động để nâng cao chất lượng công tác tư tưởng. Thực hiện tốt phương châm nhiệm vụ tư tưởng hướng vào cơ sở hạ tầng, mỗi cán bộ, đảng viên là một chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn nghiên cứu, phát triển lý luận, phát triển Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cầm quyền, xây dựng Đảng trong điều kiện hiện nay, vấn đề xây dựng pháp luật xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.... Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cao cả mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhân dân Việt Nam phấn đấu đạt được. Trong điều kiện Đảng chưa nắm chính quyền, Đảng phải đấu tranh giành chính quyền để sử dụng và phát huy vai trò của chính quyền, từng bước thực hiện mục tiêu trên. Trong điều kiện là Đảng cầm quyền, Đảng phải nâng cao năng lực cầm quyền của mình để đạt được mục tiêu đó. Trong quá trình đổi mới phương thức cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam phải xác định nhất quán mục tiêu của mình. Để kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó đặc biệt coi trọng trung thành với Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tích cực nghiên cứu, vận

dụng và phát triển sáng tạo, nhưng không giáo điều, máy móc phù hợp với điều kiện cụ thể về lịch sử, kinh tế, văn hóa – xã hội, con người và thực tiễn ở Việt Nam.

Nghiên cứu, bổ sung phát triển nhận thức lý luận về quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản; bổ sung, phát triển các phương châm, nguyên tắc chỉ đạo công tác tổ chức, sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, nhất là các nguyên tắc tập trung-dân chủ, Đảng lãnh đạo và cầm quyền theo hiến pháp và pháp luật; bổ sung, phát triển nội dung, nhiệm vụ xây dựng Đảng cầm quyền toàn diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, phong cách lãnh đạo.v.v.

Đẩy mạnh học tập, nghiên cứu, quán triệt lý luận về xây dựng Đảng, gắn với những nội dung lý luận cơ bản về nền tảng tư tưởng, đường lối cách mạng Việt Nam. Quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức về bản chất, vai trò, đặc điểm, nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng thể hiện trong mọi hoạt động của các tổ chức đảng trên các lĩnh vực.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách, xây dựng bản lĩnh chính trị, niềm tin cho đội ngũ cầm quyền của Đảng. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng chống các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ.

4.2.2. Về nhận thức

Thống nhất nhận thức về mô hình cấu trúc “một đảng duy nhất cầm quyền, người ngoài đảng tham chính”

Thống nhất nhận thức về mô hình cấu trúc “một đảng duy nhất cầm quyền, người ngoài đảng tham chính” để làm cơ sở cho các thiết kế chính trị đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng.

Địa vị cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được Hiến pháp năm 2013, điều 4 quy định “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.” qua đó khẳng định nước ta chỉ có một đảng duy nhất

đó là Đảng Cộng sản Việt Nam và mô hình cấu trúc “một đảng duy nhất cầm quyền, người ngoài đảng tham chính”. Mô hình cấu trúc chính thể này có hai thành tố đó là Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất cầm quyền và người ngoài đảng tham chính.

Chế độ một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam hoàn toàn không phải sự áp đặt từ phía Đảng hay một lực lượng chính trị nào khác mà chính là sự lựa chọn của dân tộc, của Nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí độc tôn cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, điều này đã được ghi nhận về mặt lập hiến và trên thực tế đã trở thành tập quán chính trị Việt Nam. Cần thiết phải tiếp tục thể chế hóa trách nhiệm cầm quyền của Đảng trước Nhân dân về các quyết định của mình, cơ chế đảm bảo quyền giám sát của Nhân dân đối với Đảng,... trong các bộ luật của chúng ta như Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức chính phủ, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật cán bộ công chức, Luật phòng chống tham nhũng...

“Người ngoài đảng tham chính” đã được thể hiện trong thực tiễn chính trị nước ta khi các nhiệm kỳ đều cơ cấu một tỷ lệ nhất định người ngoài Đảng vào Quốc hội như Quốc hội khóa XIII là 8.4%, khóa XIV là 4.25% và khóa XV là 2,83%. Vấn đề hiện nay cần nghiên cứu đó là xác định tỷ lệ hợp lý và vị trí cần thiết phải cơ cấu người ngoài Đảng trên cơ sở khoa học và thực tiễn của tỷ lệ và cơ cấu đó. Hiện nay chúng ta thấy đảng viên đều là những người ưu tú, đều phấn đấu vì đất nước, dân tộc nhưng số lượng đảng viên chỉ có trên 5 triệu người, trong khi dân số cả nước gần 100 triệu, thành phần của Mặt trận trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ngoài tổ chức thành viên, còn có những cá nhân tiêu biểu trong nhiều lĩnh vực, vì nhiều lý do họ có thể chưa trở thành đảng viên nhưng họ luôn tán thành với đường lối đổi mới của Đảng, đưa đất nước phát triển giàu đẹp, văn minh. Họ là các nhân sĩ trí thức, công nhân, nông dân, văn nghệ sĩ,... nếu có đủ điều kiện và tiêu chuẩn thì cũng cần phải có chính sách để thu hút họ. Tuy nhiên, tỷ lệ và cơ cấu người ngoài đảng phải đủ để đưa tiếng nói đa dạng của xã hội vào nghị trình chính sách công mà không đe dọa đến tính thống nhất của quyền lực nhà nước, địa vị cầm quyền của Đảng không bị thách thức.

Đây là vấn đề không mới, đã được chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện khi xây

dựng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và trong hoạt động đó, những người không đảng phái luôn trở thành người bạn tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam để tạo thêm thế và áp lực áp chế các đảng phái đối đầu phản động lúc đó như Việt quốc, Việt cách. Bên cạnh đó cần phải lựa chọn những người ngoài Đảng khi cơ cấu cần thật kỹ càng nhằm tránh tạo môi trường cho các phần tử cơ hội chui vào phá hoại bộ máy nhà nước, nhưng cũng cần khắc phục tâm lý “an toàn” quá mức nên chọn những người không đủ uy tín, trình độ để làm cho đủ, loại bỏ những người tài đức dám nghĩ, dám làm, dám đấu tranh,... Tỷ lệ người ngoài Đảng tham gia Quốc hội phù hợp nhưng phải là những người không chỉ mang tính đại diện cho các giới, các thành phần xã hội, dân tộc, tôn giáo mà phải đủ trình độ, kiến thức, đạo đức tham gia các hoạt động lập pháp và giám sát tối cao.

4.2.3. Tổ chức mô hình quyền lực Nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quyền lực Nhà nước, thực hiện cầm quyền thống nhất, tập trung. Cho đến hiện nay với công cuộc đổi mới, mở cửa, và nhất là với công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, những hạt nhân hợp lý trong học thuyết phân quyền đã được chúng ta ghi nhận trong quy định của Hiến pháp năm 2013. Điều 2 của Hiến pháp này quy định:

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp [98]

Thống nhất quyền lực nhưng có sự phân công và phối hợp hợp lý giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là nguyên tắc cơ bản cho tổ chức quyền lực Nhà nước ở nước ta hiện nay. Nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nguồn gốc và bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN là “tất cả quyền lực nhà nước thuộc về

Nhân dân”. Kế thừa những hạt nhân hợp lý của thuyết phân quyền, Đảng ta đã khẳng định nhất quán quan điểm: “Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó” [12]

Thực tế ở nước ta chỉ ra rằng, quyền lực nhà nước đầu là quyền lập pháp, hành pháp hay tư pháp đều có chung một nguồn gốc thống nhất là Nhân dân, đều do Nhân dân ủy quyền, giao quyền, không thể phân chia. Do vậy, nói quyền lực nhà nước là thống nhất trước tiên là sự thống nhất ở mục tiêu chính trị, nội dung chính trị của nhà nước. Cả ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tuy có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau nhưng đều thống nhất với nhau ở mục tiêu chính trị chung là xây dựng một nhà nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” như Đảng ta đã chỉ ra.

Thứ nhất: Thiết kế chính trị trong mô hình tổ chức quyền lực nhà nước Việt Nam luôn nhấn mạnh nguyên tắc thống nhất quyền lực nhưng cũng thừa nhận phân công và phối hợp. Bản chất là phân công và hợp tác giữa các lĩnh vực có tính chất công việc đặc thù nhưng có quan hệ tương hỗ. Vấn đề đặt ra ở đây là xác định mức độ phân công như thế nào đủ để kiểm soát quyền lực mà không dẫn tới đối trọng quyền lực, đủ để từng cơ quan có điều kiện xây dựng theo hướng chuyên nghiệp mà không tách rời vai trò lãnh đạo của Đảng, đủ để từng cơ quan hoạt động tương đối độc lập theo chức năng, quyền hạn được giao mà quyền lực Nhà nước không bị phân chia.

Mô hình tổ chức quyền lực nhà nước Việt Nam hiện nay trao nhiều quyền hành cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nội các, Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội nhưng cơ chế kiểm soát quyền lực chưa thật hiệu quả. Để khắc phục tình trạng này, cần phải tập trung nhiều quyền hơn cho Quốc hội để kiểm soát và giới hạn quyền lực của Chính phủ thông qua một số nội dung như: *Một là:* Giảm đại biểu cơ quan hành pháp và tăng đại biểu chuyên trách trong Quốc hội. Ở đây có những lý do lo ngại rằng, nếu để quá nhiều đại biểu Quốc hội không phải là công chức, viên chức nhà nước sẽ làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đất nước. Tuy nhiên, vấn đề ở đây chính là Đảng sẽ không làm mất vai trò lãnh đạo của mình

nêu giới thiệu ứng cử vào đại biểu Quốc hội với tỷ lệ đảng viên cao nhưng vẫn không phải là công chức, viên chức nhà nước để tham gia ứng cử; *Hai là*: Đổi mới cách thiết kế phiếu và cách lấy phiếu tín nhiệm của Quốc hội đối với Thủ tướng Chính phủ và thành viên của chính phủ để tăng cường và tạo sức ép lớn hơn trong hoạt động của họ; *Ba là*: Chuyển từ cách làm luật “khung”, luật “ống” hiện nay sang làm luật cụ thể để hạn chế tình trạng luật ban hành phải chờ nghị định của Chính phủ, thông tư của bộ/ngành hướng dẫn dẫn bởi đây là quá trình dễ bị các nhóm lợi ích tìm cách làm sai lệch ý chí của Đảng, lệch pha với pháp luật.

Thứ hai: Hợp nhất một số chức danh, một số tổ chức Đảng với Nhà nước. Nắm giữ chính quyền là chức năng quan trọng nhất của Đảng cầm quyền. Có thể thấy, Đảng cầm quyền bằng phương thức thông qua bầu cử để đưa người lãnh đạo của Đảng sang nắm các chức vụ trong bộ máy Nhà nước, trong Chính phủ. Như vậy sẽ tránh được xuất hiện hai hệ thống quyền lực của Đảng đối đầu và triệt tiêu nhau và đảm bảo tính thống nhất. Đối với nước ta, nhất thể hóa cũng là chủ trương đã được Đảng ta đưa ra tại Hội nghị Trung ương 6 khóa X (2008) “Thực hiện tiêu chuẩn hóa, thể chế hóa và từng bước nhất thể hóa chức danh cán bộ; tạo bước chuyển có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở...” [17] Cần nhận thức rõ rằng, việc nhất thể hóa này không đơn thuần chỉ như là sự "nhập lại" làm một các chức danh, các tổ chức đó. Đây thực sự là một quy trình không ít những khó khăn, phải được thực hiện một cách khoa học, đồng bộ, gắn với việc hoàn thiện mô hình tổ chức nhà nước, với việc đảm bảo dân chủ trong bầu cử, bố trí điều động cán bộ, đồng thời làm tinh gọn bộ máy cầm quyền trong hệ thống chính trị. Chúng ta có thể nghiên cứu nhất thể hóa sâu rộng hơn, tương tự như Singapore chẳng hạn để Đảng lãnh đạo thật sự “hóa thân” vào Nhà nước. Trước mắt, nhất thể hóa chức danh lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, đầu tiên là thực thi người đứng đầu các cấp, tức là Đảng “hóa thân” sự lãnh đạo của mình trong sự quản lý của Nhà nước, trên từng phương diện của đời sống kinh tế xã hội một cách phù hợp và thận trọng. Cần xúc tiến nghiên cứu, tiến tới nhất thể hóa thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định và thực thi các chính sách về các lĩnh vực phát triển kinh

tế - xã hội của đất nước. Đây có thể được coi là một nội dung quan trọng trong đổi mới cách thức cầm quyền của Đảng hiện nay. Làm được điều này sẽ không chỉ tránh được rủi ro của những xung đột không đáng có giữa Đảng và Nhà nước mà còn xác lập được chế độ trách nhiệm giải trình hữu hiệu, đảm bảo được quy trình ban hành quyết định minh bạch rõ ràng và đỡ tốn kém thời gian, công sức hơn. Theo đó, Nhà nước đổi mới chức năng, nhiệm vụ của mình theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với tinh thần thượng tôn pháp luật, làm tốt công việc kiến tạo và quản trị quốc gia, do Đảng lãnh đạo, trên nền tảng xây dựng một xã hội thật sự gắn dân chủ với pháp quyền; từng bước nhất nguyên chế về bộ máy, khi đủ điều kiện, bảo đảm công việc cầm quyền tập trung thống nhất và dân chủ.

Trong ngắn hạn, nhất thể hóa Tổng bí thư và Chủ tịch nước sẽ bảo đảm cầm quyền tập trung thống nhất, tăng cường tính chính danh cầm quyền. Việc này đã được nhiều nước trong đó có Trung Quốc, Lào là hai nước XHCN thực hiện một cách có hiệu quả. Cơ sở của nhất thể hóa là do tính khách quan khi Tổng bí thư là người đứng đầu hệ thống chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, còn Chủ tịch nước là nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, thống lĩnh lực lượng vũ trang Nhân dân. Không e ngại nhất thể hóa sẽ dẫn tới độc đoán, chuyên quyền bởi khi đó, ngoài việc phải hoạt động theo khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật, người đứng đầu Đảng sẽ bị kiểm soát chặt chẽ từ cơ chế kiểm soát quyền lực của Nhà nước, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, Chủ tịch nước không phải là người nắm quyền hành pháp, mà chỉ thực hiện chức năng điều phối, bảo đảm cho các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp phối hợp hoạt động hợp lý. Đồng thời ở địa phương, tiếp tục thí điểm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban Nhân dân cấp xã, huyện, quận và nghiên cứu thí điểm hợp nhất hai chức danh này ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để có những đánh giá, rút kinh nghiệm. Cùng với đó phải xây dựng được quy chế kiểm tra, giám sát bảo đảm thực sự có hiệu quả, ngăn chặn sự lạm quyền độc đoán.

Bên cạnh đó, cần nhất thể hóa một số tổ chức của Đảng với cơ quan nhà nước, như: “Cùng với việc lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng

thành pháp luật cần tăng cường nhất thể hóa một số chức danh lãnh đạo Đảng - Nhà nước ở cấp cao nhất đến các cấp bộ, ngành, chính quyền địa phương cũng như nhất thể hóa một số tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, mà trước hết là nhất thể hóa Ủy ban Kiểm tra Đảng với Thanh tra nhà nước, giữa các cơ quan, tổ chức phòng, chống tham nhũng của Đảng và của Nhà nước” [41, tr.5]. Đây là phương thức bảo đảm được đồng thời hiệu quả lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng tính pháp lý trong lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền, và là phương pháp hữu hiệu nhất để Đảng thể hiện được bản lĩnh cầm quyền, cụ thể hóa trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước và tinh giản bộ máy đảng, bộ máy của cả hệ thống chính trị. Cần khẳng định: Thể chế hóa và nhất thể hóa theo những nội dung trên phải trở thành phương thức hàng đầu, chủ yếu trong sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Thứ ba: Cơ cấu Ủy viên Bộ Chính trị cho các cấu trúc thượng đỉnh quyền lực trong hệ thống chính trị phải theo nguyên tắc chính trị thống soái. Bản thân khái niệm “Bộ Chính trị” tự nó đã nói lên cơ cấu này thực hiện chức năng lãnh đạo chính trị chứ không phải điều hành. Vì vậy, phải xuất phát từ đặc tính này để xác định số lượng, cơ cấu ủy viên Bộ Chính trị vào các vị trí phù hợp nhằm tăng cường năng lực cầm quyền và lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện chính thể Việt Nam hiện nay cần xác định số lượng Ủy viên Bộ Chính trị gọn hơn. Ngoài cơ cấu cho các vị trí lãnh đạo thượng đỉnh của bộ máy Đảng (Tổng Bí thư, Thường trực Ban Bí thư), Chủ tịch nước, người đứng đầu Chính phủ, Quốc hội thì cần phải ưu tiên cho các ban Đảng Trung ương. Bởi đây là những cơ cấu trực tiếp thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị hoặc tham mưu cho lãnh đạo chính trị, bảo đảm năng lực cầm quyền của Đảng, kiểm soát quyền lực.

4.2.4. Đổi mới công tác cán bộ

Thứ nhất: Về công tác lựa chọn nhân sự: cần thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, cải tiến quy trình, thể thức lựa chọn nhân sự để bổ nhiệm cán bộ tham gia bộ máy nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng tranh cử.

Trong chính thể đa đảng hoặc lưỡng đảng nổi trội, do sức ép cạnh tranh giữa

các đảng, muốn thắng cử thì từng đảng tất yếu phải lựa chọn được ứng viên thật sự vượt trội. Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, Đảng Cộng sản không có sức ép từ các đảng khác thì phải khơi dậy các năng lực nội tại của chính mình bằng cơ chế phù hợp. Xây dựng chế độ cạnh tranh trong nội bộ Đảng để phát hiện được những người tài giỏi giới thiệu tham gia bầu vào bộ máy Nhà nước trở thành vấn đề then chốt của lựa chọn nhân sự. Cạnh tranh nội bộ đủ liều lượng để nhân tài bộc lộ, phát hiện, trọng dụng mà không gây nên bệnh bè phái trong Đảng là vấn đề thuộc nghệ thuật cầm quyền cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng.

Có thể thấy rằng, khi đã có đường lối chính trị đúng, việc cơ bản tiếp theo là, chọn đúng người “có gan phụ trách”, vì “chọn người và thay người cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo”, những người cộng sự và bộ máy chuyên môn, chức năng của họ, nếu không nói là quyết định thành công của công việc cầm quyền.

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề cập tại Nghị quyết số 18, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII ngày 25 tháng 10 năm 2017 về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vừa qua là xây dựng, hoàn thiện và thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người có đức, có tài. Xây dựng và đổi mới đội ngũ cốt cán, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, đơn vị, cơ quan, tổ chức ngang tầm nhiệm vụ. Đột phá xây dựng cho kỳ được đội ngũ người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, đồng thời là đội ngũ thủ lĩnh ở các nơi này gánh vác trách nhiệm cầm quyền của Đảng là khâu đột phá then chốt. Cán bộ là gốc của công việc. Vì, đường lối chính trị phải được thực hiện trực tiếp và trước hết bởi đội ngũ người đứng đầu đồng thời là thủ lĩnh một cách xứng đáng và ngang tầm, với tư duy mới về đảng cầm quyền. Đến lượt khâu đột phá xây dựng đội ngũ người đứng đầu, phải nhằm tạo dựng kỳ được đội ngũ cốt cán chung quanh người đứng đầu - thủ lĩnh, và tổ chức bộ máy chuyên môn, chức năng... nhằm tạo nên sức mạnh tổng thể của đội ngũ lãnh đạo, quản lý nói riêng và đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị nói chung tương dung, ngang tầm với đường lối chính trị, thực tế đất nước và thời đại. Có cơ chế tranh cử

đối với các chức danh bầu cử bằng cương lĩnh, chương trình hành động thuyết phục

Quy trình, kỹ thuật bầu cử trong Đảng đóng vai trò quyết định bảo đảm thành công cho bầu cử cạnh tranh, bầu cử có dư. Khi lựa chọn nhân sự cấp cao cho bộ máy Nhà nước. Cải tiến bầu cử sẽ đem lại sinh khí dân chủ trong lựa chọn tinh hoa tham gia bộ máy nhà nước để thực hiện trách nhiệm cầm quyền của Đảng.

Cần thừa nhận và khuyến khích tranh cử, cho phép ứng viên xây dựng chương trình tranh cử và vận động tranh cử trên cơ sở trung thành với Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng. Tranh cử thực chất chứ không phải là một nghệ thuật sắp đặt theo kiểu khác. Tranh cử thực chất sẽ đi đôi với ứng cử tự do. Ứng cử tự do không có nghĩa là mọi người ai ứng cử cũng được, hàng vạn người cũng được, không cần có quy định về tiêu chuẩn và điều kiện. Cần khuyến khích ứng cử và tổ chức tốt việc tranh cử, thật sự chứ không phải hình thức hay lời nói, nhất là khi ở nước ta chưa quen việc này. Cũng như thế, đối với các chức danh chuyên môn thì có thể tổ chức thi tuyển, giới thiệu, tiến cử... trên cơ sở công khai, minh bạch để chọn cho đúng những người giỏi, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tranh cử mới giúp ứng viên bộc lộ đầy đủ năng lực của mình trước công chúng, đồng thời cũng là hình thức rèn luyện bản lĩnh của một nhà chính trị chuyên nghiệp. Thắng cử thông qua tranh cử không chỉ giúp người thắng cử tự tin, khẳng định tính chính đáng cầm quyền mà kể cả những người không thắng cử cũng sẽ nguyện ý chấp nhận bởi công bằng được thực thi thông qua cơ chế sát hạch công khai, minh bạch, nhờ đó mà văn hóa tranh cử dần định hình. Cầm quyền tranh cử cũng là cách thức giảm thiểu tình trạng chạy chức, chạy quyền, tham nhũng trong công tác cán bộ.

Thứ hai: Kiểm tra, giám sát đảng viên làm việc trong bộ máy nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng chế độ kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Công tác kiểm tra cần gắn với kỷ luật đảng vì kỷ luật và thi hành kỷ luật trong Đảng có tầm quan trọng đặc biệt, bảo đảm cho sự hoạt động bình thường và phát triển của Đảng. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng” [78, tr.17]

Khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, đội ngũ đảng viên nắm giữ hầu hết các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước, có quyền lực rất lớn và nguy cơ tha hóa quyền lực, quan liêu, tham nhũng, “lợi ích nhóm” rất cao. Vì vậy, Đảng phải thường xuyên xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, quản lý chặt chẽ đảng viên ngay từ chi bộ, phát hiện và xử lý kịp thời những hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng; từ đó xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, có đủ trí tuệ, năng lực cầm quyền đối với Nhà nước và xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Cán bộ, đảng viên phải nêu gương, đi đầu về rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong.

Quản lý nghiêm minh đảng viên khi tham gia bộ máy nhà nước là một phương thức cầm quyền, là bộ phận chủ yếu nhất của công tác quản lý đảng viên, nhờ đó đảm bảo năng lực cầm quyền và năng lực lãnh đạo của Đảng được nâng cao. Đảng cử Đảng viên của đảng tham gia vào hoạt động của Nhà nước để sử dụng quyền lực Nhà nước phục vụ cho mục đích, lý tưởng của Đảng nhưng không ít đảng viên sau khi chấp chính đã biến quyền lực nhà nước thành quyền lực cá nhân mưu lợi cho mình, dòng họ, phe nhóm làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, đánh mất lòng tin của Nhân dân. Vì thế, không chỉ riêng Đảng ta, bất cứ Đảng cầm quyền nào trên thế giới, năng lực cầm quyền chỉ được đảm bảo bằng thiết lập kỷ luật đảng viên chặt chẽ nghiêm minh.

Quản lý đảng viên trong bộ máy nhà nước khác với quản lý đảng viên khác bởi đây là những người nắm quyền hoạch định chính sách, luật pháp, phân bổ nguồn lực công, xét xử, bổ nhiệm và đề bạt công chức...chế độ quản lý, kỷ luật đảng viên tham gia trong bộ máy nhà nước vì thế phải rất chặt chẽ, cụ thể, phù hợp với tính chất công việc của từng cơ quan nhà nước. Đó là thực hiện nghiêm chế độ kỷ luật đề cử, ứng cử, bỏ phiếu, chế độ kỷ luật thảo luận, biểu quyết các dự án luật hoặc những vấn đề quan trọng của đất nước...

Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên về việc xác định rõ xây dựng văn hóa lãnh đạo của Đảng cầm quyền là vấn đề cốt lõi của văn hóa chính trị ở nước ta hiện nay. Khi nói tới văn hóa cầm quyền của Đảng tức là nói đến sự thấm thấu của văn hóa vào trong hoạt động cầm quyền của Đảng; nói cách khác là văn hóa lãnh

đạo, quản lý của đội ngũ đảng viên trong bộ máy nhà nước. Văn hóa chính trị mà cụ thể là văn hóa cầm quyền định hình là do kỷ luật đảng nghiêm minh và tinh thần thượng tôn pháp luật. Để hình thành văn hóa trong chính trị như văn hóa từ chức, văn hóa tranh cử, văn hóa đạo đức,... thì phải bắt đầu từ chế độ kỷ luật, quản lý nghiêm minh và cầm quyền theo pháp luật

4.2.5. Công tác kiểm tra giám sát

Đổi mới cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, thực hiện cầm quyền bằng kiểm soát quyền lực

Một là: *Kiểm soát quyền lực trong Đảng*

Tình trạng suy thoái về đạo đức, chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống hiện nay của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên đó là do quyền lực của Đảng chưa được kiểm soát một cách khoa học và có hiệu quả. Vẫn biết rằng, quyền lực của Đảng là do Nhân dân giao phó, nên mục đích của Đảng là phục vụ Nhân dân, luôn vì lợi ích chung của toàn thể Nhân dân nhưng do ảnh hưởng bởi một số yếu tố bên ngoài nên có thể không làm đúng, làm đủ những gì mà Nhân dân đã ủy quyền. Cho nên quyền lực của Đảng phải được kiểm soát một cách chặt chẽ và khoa học là một tất yếu khách quan

Thứ nhất: Thành lập cơ quan giám sát quyền lực của Đảng ở Trung ương hoạt động một cách độc lập ở đây là Ủy ban kiểm tra trung ương. Ủy ban Kiểm tra chỉ có thể hoạt động khả thi khi do Đại hội Đảng bầu ra có quyền lực độc lập, không chịu sự kiểm soát của Bộ chính trị hay Ban Bí thư mà chỉ chịu trách nhiệm trước Đại hội. Cùng với đó, theo tinh thần của Hội nghị Trung ương 9 khóa X của Đảng cần đổi mới mô hình Ủy ban kiểm tra của Đảng thành Ủy ban kiểm tra giám sát và kỷ luật Đảng do Đại hội bầu. Ủy ban này có vị trí độc lập nhất định, có vai trò trong việc kiểm soát quyền lực của chủ thể cầm quyền nói chung, người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng. Các tổ chức đảng phải phối hợp kiểm tra, giám sát với các cơ quan thanh tra nhà nước theo hình thức thường xuyên và đột xuất, không phải đợi khi có khuyết điểm, có tố cáo mới kiểm tra. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình và cơ chế vận hành để tăng cường vai trò, trách nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp. Cần nâng

cao chất lượng cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp để xứng đáng là đội ngũ tiên phong xây dựng, chinh đốn Đảng. Quy định chặt chẽ chế độ chịu trách nhiệm của những người nắm giữ quyền lực.

Thứ hai: Nâng cao công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng. Công tác này được Đảng ta thực hiện từ rất sớm và được coi là phương thức làm cho mỗi cán bộ, đảng viên tự kiểm soát chính mình và giám sát lẫn nhau thông qua tự phê bình và phê bình. Phương thức này có thể đạt được hiệu quả phụ thuộc lớn vào sự tự giác chính trị của người lãnh đạo trong các tổ chức Đảng, Nhà nước, trình độ văn hóa chính trị của mỗi đảng viên cấp dưới cao hay thấp. Cho nên bên cạnh kêu gọi sự tự ý thức, cần phải có những chế tài đủ mạnh mang tính bắt buộc từ các quy định hay luật lệ được thực thi bởi các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thứ ba: Đảm bảo tính độc lập của cơ quan tư pháp và thống nhất phân công. Quan hệ giữa Đảng với cơ quan tư pháp là Đảng lãnh đạo. Tuy nhiên, để cho Tòa án và viện kiểm sát thực hiện đúng chức trách và quyền hạn của mình, Đảng không được “nhúng tay” vào chức năng điều tra, xét xử của cơ quan tư pháp. Có như vậy, mọi công dân, không trừ Đảng viên đều được bình đẳng trước pháp luật, không được đứng trên pháp luật vì “nếu Đảng không tôn trọng, giữ vững nguyên tắc này trên thực tế sẽ khó tránh khỏi việc các cá nhân cũng như các cơ quan có quyền lực khác chi phối, can thiệp vào hoạt động này. Khi đó, Đảng tự làm vô hiệu hóa công cụ quan trọng giúp Đảng kiểm soát các đảng viên đang nắm giữ và thực thi quyền lực nhà nước” [127, tr.68]

Thứ tư: tăng cường sự giám sát, kiểm soát từ Nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền giám sát hoạt động của Đảng theo các tiêu chí cụ thể được ghi trong Cương lĩnh và trong Điều 4, Hiến pháp 2013. Nhân dân giám sát Đảng, từ sự gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình, cho đến các hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, việc kiểm soát quyền lực lãnh đạo của Đảng còn được thực hiện với các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội... Các hình thức kiểm soát này đều được chế định trong Hiến pháp, các văn bản luật và

Điều lệ Đảng.

Hai là: *Kiểm soát quyền lực Nhà nước*

Phải có cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực, như lời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần khẳng định. Kiểm soát quyền lực Nhà nước là nhu cầu tự thân của quá trình cầm quyền, nếu không thì quyền lực sẽ bị tha hóa, chệch khỏi quỹ đạo của Đảng cầm quyền. Trước tiên là phải kiểm soát quyền lực bằng chính quyền lực nhà nước. Việc kiểm soát quyền lực còn được thực hiện thông qua quyền lực chính trị, quyền lực xã hội, sự tham chính của Nhân dân, của công luận và vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội, của các tổ chức dân sự và Nhân dân.

Thứ nhất: Sử dụng quyền lực nhà nước để kiểm soát quyền lực nhà nước vẫn là hình thức phổ biến, trọng tâm là giới hạn và kiểm soát quyền lập quy của Chính phủ và các cơ quan thuộc chính phủ bởi mô hình tổ chức Nhà nước Việt Nam hiện nay như đã phân tích trao nhiều cho cơ quan hành pháp nhiều quyền lực nhưng lại chưa có cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả. Do vậy cần đổi mới cách xây dựng luật cụ thể của Quốc hội, hạn chế việc ủy quyền cho cơ quan hành pháp ban hành văn bản dưới luật để hướng dẫn luật. Hoàn thiện cơ chế giám sát của Quốc hội theo hướng bổ sung, quy định rõ và tổ chức tốt việc thực hiện các hình thức giám sát của Quốc hội: Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; giám sát tối cao hoạt động của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, thành viên khác của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao...chất vấn; giám sát văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; giám sát thông qua việc thành lập các đoàn giám sát tại địa phương; giám sát giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Nhân dân; xem xét báo cáo; thành lập Ủy ban lâm thời; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm các chức danh do Quốc hội bầu.

Thứ hai: Sử dụng quyền lực chính trị kiểm soát quyền lực nhà nước là đặc trưng vốn có của các đảng cầm quyền. Đó chính là sự kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng bên ngoài nhà nước đối với tổ chức Đảng và đảng viên được thành lập và hoạt

động trong bộ máy nhà nước. Trong điều kiện hiện nay, có thể thành lập một cơ cấu hỗn hợp của các ban Đảng Trung ương hoạt động độc lập để thực hiện quyền giám sát Đảng đối với hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành, cơ quan tư pháp, chính quyền địa phương và hoạt động của tổ chức đảng viên trong bộ máy nhà nước thực hiện cương lĩnh, đường lối, điều lệ của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ ba: Sử dụng quyền lực xã hội để kiểm soát quyền lực Nhà nước thông qua hoàn thiện chức năng giám sát xã hội và phản biện xã hội của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, báo chí, dư luận. Một bộ phận quyền lực xã hội tham chính thông qua người ngoài đảng phải được phát huy đầy đủ trong sinh hoạt dân chủ của cơ quan dân cử, nhưng bộ phận lớn vẫn nằm ngoài nhà nước hợp thành các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tập hợp trong Mặt trận tổ quốc để thực hiện quyền giám sát và phản biện xã hội.

Do đó để quyền lực xã hội được thực hiện tốt hơn trong việc giám sát quyền lực nhà nước cần: *Một là,* Cần thống nhất về nhận thức, loại bỏ những trở ngại cản trở việc đưa vào thực hiện. trước hết là nhận thức đúng đắn và sự thông suốt về tư tưởng của những cơ quan và cán bộ trong bộ máy lãnh đạo và quản lý đối với mục đích, nội dung, phạm vi và phương thức thực hiện phản biện xã hội. Cùng với điều đó là nhận thức, ý thức trách nhiệm và trình độ, năng lực của các cá nhân, các tổ chức, đoàn thể Nhân dân là chủ thể phản biện xã hội. Đây là nội dung công tác tư tưởng và sự chỉ đạo cụ thể của Trung ương Đảng và các cấp ủy đảng; *Hai là,* Bảo đảm công khai và minh bạch hoá trong tổ chức và hoạt động của các thiết chế chính trị, trước hết là hoạt động của Nhà nước; *Ba là,* sớm ban hành luật giám sát và phản biện xã hội, nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sự hợp tác của đối tượng được giám sát về việc cung cấp thông tin, tổ chức tiếp đoàn giám sát, việc báo cáo nội dung theo yêu cầu của chủ thể giám sát, việc tiếp thu ý kiến sau giám sát; *Bốn là,* ứng dụng khoa học - công nghệ, các tiện ích mạng xã hội trong công tác giám sát, phản biện xã hội; đồng thời, phối hợp với các cơ quan báo, đài xây dựng chương trình phát sóng, đưa tin nhằm tạo kênh thông tin và tương tác nhiều chiều để các tầng lớp Nhân dân thành phố có thêm thông tin, phản ánh, đặc biệt là tiếp nhận các góp

ý, đề xuất, hiến kế,... từ các chuyên gia, nhà nghiên cứu; *Năm là*, mở rộng hình thức giám sát thường xuyên và giám sát đột xuất, phản biện chủ động và phản biện theo đặt hàng của các cơ quan Nhà nước. Muốn vậy phải không ngừng nâng cao tính chuyên nghiệp của cơ quan giám sát, phản biện xã hội; *Sáu là*, trong khi coi trọng kiểm soát chéo và kiểm soát từ bên ngoài, cần phải tiếp tục đổi mới các hình thức kiểm soát nội bộ từng cơ quan nhà nước bằng đổi mới nâng cao chất lượng của thanh tra chính phủ, thanh tra chuyên ngành, thanh tra Nhân dân.

4.2.6. Thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp

Thể chế hóa toàn diện, đầy đủ, nhất quán Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách, thực hiện cầm quyền bằng pháp luật

Khi đã trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo thông qua Nhà nước là phương thức cơ bản nhất, sử dụng pháp luật là công cụ hữu dụng nhất để Đảng đưa Cương lĩnh, đường lối của mình vào đời sống. Cương lĩnh, đường lối, điều lệ Đảng chỉ giới hạn bắt buộc phục tùng trong đội ngũ Đảng viên của Đảng, vì thế, chỉ bao giờ thể chế hóa thành luật pháp thì mới có giá trị bắt buộc phục tùng trên toàn xã hội. Theo đó thể chế hóa đầy đủ Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành pháp luật, chính sách để cầm quyền bằng pháp luật là một trong những nhiệm vụ rất cơ bản. Nếu như lãnh đạo chính trị bằng cương lĩnh, đường lối thì cầm quyền phải bằng pháp luật, chính sách, kể cả Đảng viên cũng phải tuân thủ theo. Cương lĩnh, đường lối của Đảng chỉ bao hàm những định hướng chung nhất, là pháp luật, chính sách của Nhà nước đi vào những vấn đề cụ thể, gắn với thực tiễn cuộc sống hàng ngày, gắn với lợi ích của cả đảng viên và Nhân dân. Trở thành Đảng cầm quyền đòi hỏi phải thực thi quyền lực bằng pháp luật và gương mẫu chấp hành pháp luật trước mọi đảng viên. Để pháp luật, chính sách phù hợp với Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng không chỉ dựa vào ý thức tự giác, tự chịu trách nhiệm của các đảng viên trong bộ máy Nhà nước mà còn có sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, chế độ kỷ luật của Đảng. Nâng cao kỷ luật Đảng đối với đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là cần thiết.

Thứ nhất: Nâng cao tính dân chủ và khoa học trong quy trình hình thành các quyết sách chính trị của Đảng. Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền ở

nước ta, việc xây dựng Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng đúng đắn cực kỳ quan trọng, vì tất cả các Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng sẽ được Nhà nước thể chế hóa toàn bộ vào trong hệ thống hiến pháp và pháp luật để thực thi trong xã hội. Vì vậy, Cương lĩnh, đường lối chính sách của Đảng đúng đắn khoa học sẽ là tiền đề để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc này, Người luôn nhắc nhở Đảng trước hết, phải khéo đề ra đường lối, chính sách. Có khéo xây dựng thì đường lối, chính sách đó mới đúng đắn. Đường lối, chính sách đó phải được xây dựng dựa trên các căn cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn cuộc sống mà điều quan trọng là những người lãnh đạo phải biết cách, khéo lấy ý kiến đóng góp của quần chúng Nhân dân để đường lối, chính sách đó sát thực tiễn, hợp với lòng dân, thực sự phục vụ Nhân dân. Người viết: “Phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng” [77, tr.298]. Do vậy, cần xây dựng và đảm bảo cho Đảng viên có và thực hiện quyền được biết tình hình, quyền tham dự, lựa chọn và quyền giám sát trở thành bốn quyền cơ bản, trọng điểm của Đảng viên. Những quyết sách quan trọng cần được soạn thảo bởi các cơ quan tham mưu tập hợp đội ngũ trí tuệ cao của Đảng và cần phải được thảo luận một cách kỹ càng từ đông đảo Đảng viên và các nhà khoa học trong toàn xã hội. Các quyết sách của Đảng phải tuyệt đối tránh sự thao túng, tác động quá lớn từ “lợi ích nhóm” mà phải thỏa mãn lợi ích của tuyệt đại đa số người, xử lý thỏa đáng quan hệ giữa các loại lợi ích của đa số. Có như vậy, Đảng mới có thể giành được sự ủng hộ của tuyệt đại đa số Nhân dân, từ đó củng cố cơ sở quần chúng và cơ sở xã hội cho sự cầm quyền của Đảng.

Thứ hai: Thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối quyết sách của Đảng, tránh chủ quan duy ý chí. Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh: “Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân” [21, tr.210]

Đối với vấn đề thể chế hóa, Đảng tạo lập các cơ sở chính trị, định hướng nội dung, mục tiêu cho toàn bộ hoạt động thể chế hóa. Điều đó có nghĩa là, những vấn đề về thể chế hóa, trước hết được nhận thức và xác định thành các nguyên tắc chung,

qua đó tạo thành cơ sở chính trị cho toàn bộ hoạt động thể chế hóa. Đảng lãnh đạo việc thể chế hóa, trước hết thông qua các quan điểm, đường lối do Đảng vạch ra và được thể hiện tập trung trong các Cương lĩnh chính trị, các văn kiện của Đảng. Cương lĩnh, đường lối của Đảng chỉ bao quát những đường hướng chung nhất, nhưng pháp luật, chính sách của Nhà nước mới đi vào những vấn đề cụ thể gắn với đời sống thực tiễn hàng ngày, gắn với lợi ích của cả đảng viên và quần chúng, nếu sai lầm sẽ dẫn đến phản ứng tức thì từ phía quần chúng, các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá Đảng và Nhà nước.

Phát huy tính độc lập, sáng tạo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thể chế hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng, nhằm khắc phục triệt để tình trạng “sao chép” nghị quyết của Đảng trong văn bản thể chế hóa, cũng như tình trạng áp đặt của cấp ủy trong công việc này, nhất là đối với những vấn đề có nội dung pháp lý chuyên sâu và có tính kỹ thuật văn bản cao

Hoạch định chính sách pháp luật luôn gắn với phân bổ các nguồn lực công để bị lợi ích nhóm chi phối để trục lợi, nếu xa rời cương lĩnh, đường lối của Đảng sẽ không đạt được mục tiêu cầm quyền vì dân. Hoạch định chính sách công vì thế đòi hỏi phải nắm bắt được nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân với những mức sống, lối sống, tâm lý, thành phần dân tộc, tôn giáo đa dạng để cân bằng và hài hòa lợi ích. Điều này đòi hỏi việc hoạch định chính sách công phải luôn có sự thống nhất giữa lợi ích của Đảng với lợi ích của các nhóm cư dân trong xã hội. Đó cũng chính là sự thống nhất giữa chức năng thống trị về chính trị với chức năng xã hội của Nhà nước. Ở đây, việc tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân tạo “đầu vào” của chính sách có ý nghĩa rất quan trọng để “đầu ra” của chính sách đáp ứng đúng nhu cầu của Nhân dân.

Đảng xác định đúng đắn, phù hợp, kịp thời toàn bộ con đường và bước đi của cách mạng Việt Nam trong từng thời kỳ lịch sử; hướng tới các mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; trong đó, tập trung hướng đến xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân

dân, trên nền tảng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện tại, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng.

Thứ ba: Thực hiện cầm quyền bằng pháp luật. Khi đã trở thành Đảng cầm quyền, thực hiện cầm quyền bằng pháp luật đòi hỏi Đảng viên phải gương mẫu tuân theo pháp luật. Quy phạm pháp luật chính là những chuẩn mực đạo đức tối thiểu bắt buộc mọi đảng viên phải gương mẫu thực hiện trước khi nói đến đạo đức cầm quyền – những chuẩn mực đạo đức tối đa. Đó còn là những hình thức thể chế đặt Đảng chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình và chịu sự giám sát của Nhân dân. Khi đã có chính quyền, dân vận của chính quyền cũng trở thành hình thức chủ yếu nhất trong công tác dân vận của Đảng, được bảo đảm từ hoạch định chính sách đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân đến các hành vi công vụ làm hài lòng người dân.

Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ đảng viên, nhất là đối với những đảng viên trong các cơ quan đảng, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể chế hóa, tham gia thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng. Trong điều kiện một đảng cầm quyền và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, với đặc thù của đối tượng phổ biến, giáo dục pháp luật là đảng viên, thì đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng cần tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu, như gắn chặt chẽ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với đấu tranh khắc phục triệt để căn bệnh “đảng quyền”, cậy thế đảng cầm quyền, mà coi thường chính quyền, đoàn thể, bất chấp pháp luật. Vì vậy, việc phổ biến, giáo dục pháp luật trong đội ngũ đảng viên phải hướng trọng tâm vào xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật; đảng viên và nhất là người đứng đầu cấp ủy phải có trình độ nhận thức, thái độ, kỹ năng thực thi pháp luật. Cần có sự đánh giá khách quan, toàn diện, chính xác thực trạng ý thức, trình độ hiểu biết pháp luật của đội ngũ đảng viên trong các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, trách nhiệm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng; từ đó, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp, thiết thực. Thực tiễn cho thấy, nâng cao năng lực tuân thủ, chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thể chế hóa, tham gia thể chế hóa là vô cùng quan trọng,

nhất là trong bối cảnh Đảng, Nhà nước cùng Nhân dân đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Để luật pháp, chính sách nhất quán với Cương lĩnh, đường lối của Đảng không chỉ dựa vào ý thức tự giác, tự chịu trách nhiệm của đảng viên trong bộ máy nhà nước mà phải có sự tham gia tích cực của chế độ kỷ luật đảng. Phải hoàn thiện chế độ kỷ luật Đảng của đảng viên khi tham gia xây dựng pháp luật, chính sách, đặc biệt là những chính sách cụ thể dễ bị “lợi ích nhóm” thao túng để trục lợi, những chính sách liên quan đến quốc phòng – an ninh – đối ngoại, những chính sách đụng chạm đến cuộc sống hàng ngày của Nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh của chế độ. Phải tăng cường giám sát đối với quá trình hoạch định chính sách và phân bổ nguồn lực gắn với hoàn thiện chế độ công khai, minh bạch và giải trình “Phải tiến hành truy cứu, trừng phạt nhằm tăng cường nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức mạo hiểm, quyết sách khoa học. Tập thể quyết sách có sai lầm nghiêm trọng thì vừa phải truy cứu trách nhiệm của người có trách nhiệm trực tiếp, cũng phải truy cứu trách nhiệm của người lãnh đạo” [69, tr.16].

4.2.7. Dựa vào đức để cầm quyền

“Dựa vào đức để cầm quyền” tức là lấy “đức” để góp phần củng cố sức mạnh “mềm” và nâng cao tính thuyết phục trong vai trò cầm quyền của Đảng. Trước hết, chữ “đức” nói ở đây chính là các chuẩn mực đạo đức tốt đẹp của dân tộc được hình thành trong tiến trình lịch sử. Đảng dựa vào đức để cầm quyền chính là việc Đảng, các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên đều dựa vào các chuẩn mực đạo đức tốt đẹp của dân tộc để soi chiếu, đánh giá ý nghĩa các công việc lãnh đạo, cầm quyền của mình, bảo đảm việc lãnh đạo, cầm quyền của mình phù hợp với các chuẩn mực đạo đức chung, phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của người dân đối với Đảng. Kết hợp đúng đắn “cầm quyền bằng pháp luật” theo các tiêu chuẩn pháp quyền hiện đại và “dựa vào đức để cầm quyền” là phương thức cầm quyền có hiệu lực cao và cần tiếp tục được sử dụng hợp lý.

Chế định hóa ý thức hệ giai cấp thành các quy phạm đạo đức cầm quyền làm

cơ sở ràng buộc lòng trung thành của Đảng viên với Đảng, với tổ quốc. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của Nhân dân” [81, tr.510]. Khác với các đảng cầm quyền trong chế độ tư bản chủ nghĩa ràng buộc đảng viên bằng lợi ích của tập đoàn tài phiệt mà họ đại diện thì đảng viên cộng sản trước hết ràng buộc bằng sợi dây tinh thần của ý thức hệ đã tuyên thệ trung thành, tự giác đi theo bằng niềm tin khoa học. Ý thức hệ cầm quyền khi chuyển hóa vào luật pháp nhà nước, chế độ công vụ có ý nghĩa thôi thúc người cán bộ dấn thân, hy sinh, làm việc bằng khát vọng cống hiến, nhờ đó mà trở thành động lực tinh thần để vượt qua mọi thách thức và cám dỗ. Vì vậy, ý thức hệ giai cấp phải được cụ thể hóa thành triết lý tổ chức và đạo đức công vụ của từng cơ quan nhà nước để dẫn dắt, thôi thúc hành động của con người, đặc biệt là danh dự, lương tâm, trách nhiệm trước Đảng, trước dân

Lấy đức để cầm quyền không chỉ là tập quán chính trị tốt đẹp của dân tộc, mang bản sắc Á đông, mà còn xuất phát từ điều kiện một đảng cầm quyền, không có đảng đối lập tạo sức ép phải liên tục đổi mới, do vậy Đảng phải tự mình tìm động lực tự thân để vượt qua các thách thức, khó khăn. Cốt lõi là Đảng phải vươn lên thật sự trở thành bộ phận tiên phong về trí tuệ, cách mạng về tư tưởng, gương mẫu về đạo đức, thông qua thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới ... chỉ khi đó Đảng mới đủ uy tín và năng lực để dẫn dắt xã hội, làm gương cho người dân. Đạo đức không chỉ thông qua lời nói mà phải thông qua hành động, thể hiện qua hành động. Làm gương phải từ trên xuống, từ người đứng đầu Đảng, đứng đầu các cơ quan nhà nước đến cấp dưới, nhờ đó mà tạo nên được một xã hội trật tự và kỷ cương.

Trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp, Nhà nước cần tuân thủ các chuẩn mực đạo đức tương ứng, thể hiện rõ bản chất thực sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Pháp luật phải lấy các giá trị đạo đức tốt đẹp, lấy công bằng, nhân bản và hiệu quả làm cơ sở, tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tạo cơ hội như nhau cho mọi tài

năng đều có thể được phát triển. Pháp luật phải tạo lập một tinh thần bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa con người với con người về nguồn gốc xuất thân, tình trạng tài sản, giới tính, tạo ra những cơ hội bình đẳng thực sự cho mọi người dân theo đúng quy định của Hiến pháp. “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” [99, tr.7]

Trong điều kiện kinh tế thị trường cũng không được xem nhẹ lợi ích mà phải lấy lợi ích chính đáng của đảng viên để gắn với trách nhiệm được Đảng giao phó. Đặc biệt là đổi mới chế độ tiền lương đảm bảo cán bộ công chức đủ nuôi sống gia đình, có chế độ đãi ngộ đặc biệt và kỷ luật cao đối với các đảng viên làm việc trong các cơ quan Nhà nước để làm cho họ không muỗn và không dám tham nhũng. Tiền lương thấp cộng với kỷ luật lỏng lẻo là một lý do dẫn tới tình trạng lợi dụng kẽ hở luật pháp để tham nhũng, trục lợi cá nhân, lợi ích nhóm. Lợi ích chính đáng được nêu trên được thực hiện công bằng, dân chủ, minh bạch trái ngược hoàn toàn với đặc quyền đặc lợi dành cho một thiểu số gây bất công ngay trong đội ngũ Đảng viên của Đảng.

4.2.8. Mở rộng dân chủ trong Đảng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

Là Đảng cầm quyền duy nhất tại Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam có vị trí và vai trò quan trọng trong đời sống chính trị của nước ta. Quán triệt nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin xem cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử; kế thừa và phát triển triết lý “thân dân”, “lấy dân làm gốc” trong văn hóa phương Đông và truyền thống dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của quần chúng Nhân dân - dân là gốc của nước. Triết lý dân là gốc trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nguyên tắc chính trị trong việc khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân - trong nhà nước dân chủ thì dân là chủ và dân làm chủ.

Dân là chủ - tức là Nhân dân là chủ nhân thực sự của đất nước, chủ thể của xã hội “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Quan niệm này,

về thực chất, nói lên địa vị và vai trò của Nhân dân trong xã hội “Ở nước ta chính quyền là của Nhân dân, do Nhân dân làm chủ... Nhân dân là ông chủ nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là dân chủ” [79, tr.263]

Để phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, trước hết, Đảng cần đề cao quan điểm: “dân chủ không chỉ là sinh mệnh của Đảng mà là sinh mệnh của xã hội; không có dân chủ thì không có CNXH, không có phát triển và hoàn thiện con người. Dân chủ trong Đảng chưa phải là mục đích cuối cùng của chính trị. Dân chủ trong Đảng là sức mạnh và điều kiện cho việc xây dựng thành công một xã hội dân chủ, văn minh” [47, tr.835]. Trên quan điểm nền tảng đó, cần phải: Xử lý tốt mối quan hệ đảng viên với tổ chức đảng, nâng cao trình độ khoa học hóa, dân chủ hóa trong các quyết sách của Đảng; xây dựng và kiện toàn cơ chế để quần chúng tham gia đời sống chính trị đất nước. Quy định rõ những việc và mức độ cấp ủy chỉ đạo chính quyền để không bao biện làm thay nhưng cũng không buông lỏng vai trò lãnh đạo. Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân là cơ sở xã hội vững chắc cho sự cầm quyền của Đảng, quyết định sự hưng vong của Đảng. Vì vậy, muốn cầm quyền bền vững, Đảng phải dựa vào Nhân dân để nắm bắt vấn đề xây dựng đường lối, chính sách, phục vụ nhu cầu và lợi ích thiết thực của Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước.

Tiểu kết chương 4

Như vậy, trong chương này, tác giả đã chỉ ra những yêu cầu mới đối với việc hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, những khó khăn và thách thức của tình hình trong nước và quốc tế, những mục tiêu và định hướng cùng những yêu cầu đặt ra trong đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng.

Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng để phương thức cầm quyền được thực hiện tốt hơn là một bộ phận cấu thành của toàn bộ công tác xây dựng, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Các giải pháp đưa ra như: Thống nhất nhận thức về mô hình cấu trúc “một đảng duy nhất cầm quyền, người ngoài đảng tham chính, Hoàn thiện mô hình tổ chức quyền lực Nhà nước. Thể chế hóa toàn diện, đầy đủ, nhất quán cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách, thực hiện cầm quyền bằng pháp luật. Hoàn thiện công tác cán bộ Kiểm tra, giám sát đảng viên làm việc trong bộ máy nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng chế độ kỷ luật. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả. Dựa vào đức để cầm quyền. Mở rộng dân chủ trong Đảng,... không dễ để có hiệu quả nhanh, tức thì mà cần phải có được sự thay đổi trong tư duy, đầu tư nghiên cứu của các cấp lãnh đạo, cần tập trung trí tuệ cao, môi trường làm việc tự do, dân chủ trong các trung tâm nghiên cứu lý luận với chức năng tham mưu cho Đảng trong phát triển hệ tư tưởng, xây dựng đường lối, chính sách. Các giải pháp trên có mối quan hệ tương hỗ biện chứng với nhau, như mắt xích quan trọng để đảm bảo thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng hiệu quả. Vì vậy Đảng phải luôn coi trọng thực thi các giải pháp để khắc phục hạn chế làm giảm uy tín của Đảng, duy trì vai trò cầm quyền duy nhất của Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước, nhằm đạt được mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

KẾT LUẬN

Vấn đề cầm quyền và nội dung, phương thức cầm quyền đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh, các đảng cầm quyền, các học giả, các nhà hoạt động chính trị-thực tiễn trên thế giới và trong nước quan tâm, nghiên cứu. Đối với Đảng ta, vấn đề cầm quyền đặt ra không mới, nhưng lại có tính cấp thiết chính trong tình hình mới, Vấn đề Đảng cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng còn nhiều nội dung chưa được làm sáng tỏ, về mặt lý luận chúng ta vẫn còn lúng túng và nhất là về phương thức cầm quyền của Đảng. Đảng cầm quyền và hiện nay phương thức cầm quyền của Đảng được thực hiện như thế nào, có những phương thức cầm quyền như thế nào hiện nay, ... vẫn là một bài toán cần phải giải quyết.

Trước yêu cầu của công cuộc đổi mới xây dựng nền kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ XHCN và hội nhập quốc tế. Công cuộc đổi mới của Đảng tuy đạt những thành tựu to lớn, nhưng cũng đang đứng trước những nguy cơ, thách thức, liên quan đến việc xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, quản lý hiệu quả kinh tế-xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu, đường lối đổi mới của Đảng. Vấn đề đặt ra đối với Đảng phải tránh nguy cơ, vượt qua thách thức, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện công cuộc đổi mới thắng lợi, đòi hỏi Đảng phải nâng cao nhận thức lý luận về vai trò, nội dung, phương thức, thực hiện cầm quyền, năng lực và những điều kiện cầm quyền, để xây dựng đường lối cầm quyền, đội ngũ cầm quyền, thể chế cầm quyền, kiểm soát quyền lực,... đảm bảo quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Trong quá trình cầm quyền, việc Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn phương thức cầm quyền là rất quan trọng đối với tiến trình và kết quả thực hiện các nội dung, mục tiêu cầm quyền của Đảng. Do đó, Đảng Cộng sản Việt Nam rất quan tâm đến phương pháp, cách thức cầm quyền của Đảng, ngày càng nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của phương thức cầm quyền đối với các vấn đề của đất nước. Tiêu chí đánh giá phương thức cầm quyền được xác định như: Xem xét phương thức cầm quyền có hợp lý hay không, tức là có phù hợp với điều kiện lịch sử hay không; Phương thức cầm quyền có hiệu quả không. Điều này chủ yếu xem phương thức cầm quyền của Đảng có

thể thúc đẩy sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội hay không, có làm cho quyền lực nhà nước phát triển theo hướng thống nhất hay không; Xem xét nó có khiến cho quần chúng Nhân dân thỏa mãn hay không,... Có thể khẳng định rằng: Phương thức cầm quyền tốt hay không tốt cuối cùng được quyết định bởi Nhân dân có hài lòng hay không. Bởi vậy, bất kỳ sự đổi mới phương thức cầm quyền nào cũng phải lấy lợi ích và ý chí của Nhân dân làm cơ sở.

Nghiên cứu đề tài Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986 – 2020), tác giả xin rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, đi từ luận giải khái niệm Đảng cầm quyền, phương thức cầm quyền của Đảng, luận án đã phân tích và khái quát, làm rõ khái niệm phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam: Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống các hình thức, cách thức, phương pháp tiến hành xây dựng, sử dụng, kiểm soát hoạt động của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội, cụ thể hóa, thể chế hóa và thực hiện thắng lợi mục tiêu, nội dung cầm quyền của Đảng. Luận án cũng đã phân tích tìm hiểu các phương thức cầm quyền của các đảng chính trị trên thế giới như phương thức cầm quyền của các Đảng chính trị ở các nước đa đảng; hay một Đảng nổi trội, tam quyền phân lập không triệt để; các nước duy nhất một Đảng cầm quyền, thống nhất quyền lực nhà nước,... từ đó rút ra những giá trị để tham chiếu đối với Việt Nam trong việc thực hiện phương thức cầm quyền của Đảng.

Thứ hai, trên cơ sở Cương lĩnh, điều lệ, nghị quyết và thực tiễn hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, Luận án bước đầu đã phân tích những nội dung cơ bản trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng cầm quyền bằng công tác tư tưởng để xác định đúng đắn đường lối, chủ trương chiến lược, sách lược cầm quyền, là cơ sở để Nhà nước cụ thể hóa, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách cầm quyền của Đảng trong thực tiễn và được coi như kim chỉ nam cho hành động của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đảng cầm quyền thông qua hiến pháp và pháp luật, thông qua các thể chế nhà nước và kỷ luật của Đảng để đảm bảo hoạt động của Nhà nước theo định hướng chính trị, hiệu lực và hiệu quả. Bên cạnh đó, việc xây dựng đội ngũ cán bộ là điều kiện quyết định đảm bảo vững chắc cho sự cầm quyền

của Đảng và hoạt động của hệ thống chính trị. Đảng cầm quyền thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

Thứ ba, luận án đã tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, khái quát tiến trình cầm quyền của Đảng từ năm 1945 đến năm 2020, đồng thời chỉ ra những ưu điểm cũng như hạn chế trong phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam; phân tích những nguyên nhân dẫn tới những thành tựu và hạn chế đó. Từ đó, luận án đã làm rõ những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện phương thức cầm quyền hiện nay của Đảng CSVN là: Kiên định một Đảng duy nhất cầm quyền đi đôi với mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội; nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng; thay đổi tư duy cầm quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng; nâng cao vị thế vai trò của Đảng cầm quyền trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế và đơn vị sự nghiệp công và từ đòi hỏi của thực tiễn trong công cuộc đổi mới đất nước và xu hướng toàn cầu hóa.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích, dự báo những đòi hỏi của tình hình trong nước cũng như thế giới đối với đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng, những mục tiêu, định hướng và yêu cầu đặt ra. Từ đó luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như: Về công tác tư tưởng; Thống nhất nhận thức về mô hình cấu trúc “một Đảng duy nhất cầm quyền, người ngoài Đảng tham chính”; tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quyền lực Nhà nước; đổi mới công tác cán bộ; đổi mới, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, thực hiện cầm quyền bằng kiểm soát quyền lực, thể chế hóa toàn diện, đầy đủ nhất quán Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách, thực hiện cầm quyền bằng pháp luật; kiểm tra, giám sát đảng viên làm việc trong các bộ máy nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng chế độ kỉ luật; dựa vào đức để cầm quyền; mở rộng dân chủ trong cầm quyền,... Các giải pháp nêu trên, theo tác giả phải được thực hiện đầy đủ và đồng thời.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phí Thị Lan Phương (2019), “Một số vấn đề về Đảng Cộng sản cầm quyền và vận dụng vào thực tiễn nước ta trong giai đoạn hiện nay”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia *Giảng dạy lý luận chính trị trong điều kiện hiện nay*”, Đại học Kinh tế quốc dân, 11/2019, ISBN 978-604-65-4450-0, Nxb Lao động xã hội, tr.799-806.
2. Phạm Quốc Thành, Bùi Thành Nam, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Quỳnh Nga, Phí Thị Lan Phương (2020), “Ruling Mode of Communist Party of Vietnam in Theory and Practice”, *Chinese Political Science Review* (9) <https://doi.org/10.1007/s41111-020-00162-1>. ISSN 2365-4244, pp 488-512.
3. Phí Thị Lan Phương (2021), “Thành tựu của Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền sau 35 năm đổi mới”, Hội thảo quốc tế *Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng đất nước và những kết quả đạt được của Đại hội lần thứ 13 Đảng Cộng sản Việt Nam*, Maxcowva 5/2021.
4. Phí Thị Lan Phương (2021), “Nâng cao uy tín chính trị nhằm đảm bảo vị thế, vai trò cầm quyền của Đảng trong tình hình hiện nay”, Hội thảo quốc gia: *Quán triệt văn kiện Đại hội XIII Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy các môn lý luận chính trị tại các cơ sở giáo dục đại học*, Hội Đồng Lý luận Trung ương và Đại học Kinh tế Quốc dân, 11/2021, ISBN: 978-604-344-272-4, Nxb Dân trí, tr.871-879.
5. Phí Thị Lan Phương (2021), Ràng buộc và giám sát quyền lực của Đảng cầm quyền, *Hội thảo khoa học Cán bộ trẻ và Nghiên cứu sinh năm 2021* tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, 12/2021. ISBN 978-604-352-660-8. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.109-121.
6. Phí Thị Lan Phương (2022), “Nội dung phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế - Những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (339), ISBN 0868-3492, tr. 27-33.

7. Phí Thị Lan Phương (2022), “Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”, Hội thảo quốc gia: *Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam: Bài học kinh nghiệm và một số kiến nghị chính sách*. Viện triết học (thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam) phối hợp với Viện triết học và Học viện Chính trị khu vực IV (Học viện CTQG HCM) tổ chức, tháng 7/2022, tr.203-214.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Mai Hoài Anh, Nguyễn Thị Ngọc Loan (2020), *Nội dung, phương thức lãnh đạo của các đảng cầm quyền ở Vương quốc Anh và một số kinh nghiệm có ý nghĩa tham khảo với Việt Nam*, <http://hdll.vn/vi/thong-tin-ly-luan---thuc-tien/noi-dung-phuong-thuc-lanh-dao-cua-cac-dang-cam-quyen-o-vuong-quoc-anh-va-mot-so-kinh-nghiem-co-y-nghia-tham-khao-voi-viet-nam.html>, 2/1/2021.
2. Hoàng Chí Bảo (2006) “Đảng Cộng sản cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội trong sự nghiệp đổi mới – Một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Cộng sản* (17), tr. 33-37.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2007), *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2020), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Mai Việt Bách (2020), “Thế chế hóa đường lối, chủ trương và định hướng chính sách của Đảng trong nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 25/12/2020
7. Nguyễn Văn Cương (2020), *Cầm quyền bằng pháp luật và dựa vào đức để cầm quyền - Hai vấn đề của quá trình đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/815992/cam-quyen-bang-phap-luat-va-dua-va-duc-de-cam-quyen---hai-van-de-cua-qua-trinh-doi-moi-phuong-thuc-cam-quyen-cua-dang.aspx#>, 22/1/2021.

8. Hạ Quốc Cường (2004), “Không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và trình độ cầm quyền, tăng cường năng lực chống tha hoá, phòng biến chất và chống rui ro”, *Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc về xây dựng Đảng cầm quyền*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.236-248.
9. Nguyễn Xuân Cường (2010), “Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (8(108)), tr. 12-24.
10. Nguyễn Đăng Dung (2009), “Vấn đề đảng cầm quyền và thẩm quyền quản lý nhà nước ở các nước tư bản”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (19 (150)), tr. 55-58.
11. Nguyễn Bá Dương (chủ biên) (2017), *Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, lý luận và thực tiễn*, NXB Quân đội Nhân dân.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 – Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, T.49, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị Quyết số 22/NQ-TW ngày 2/2/2008, Hội nghị TW 6 khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*, Ban chấp hành Trung ương Đảng.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Đảng cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
22. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, T.1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm*, Ban chấp hành Trung ương Đảng.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2013 – 2020*, Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng.
27. Đặng Thuần Đông (Chủ biên) (2017), *Nâng cao năng lực và trình độ lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình và cục diện phức tạp*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
28. Lý Lương Đống (chủ biên) (2019), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Nguyễn Hữu Đồng, Ngô Huy Đức (2011), “Nhận thức các khái niệm Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nước ta”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (6), tr.35-39.

30. Nguyễn Hữu Đông (2013), “Đảng hóa thân vào Nhà nước trong đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng ta”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (17 (249)), tr.3-8.
31. Ngô Huy Đức (2009), Phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền tại một số nước, <https://fr.scribd.com/doc/17025406/Ph%C6%B0%C6%A1ng-th%E1%BB%A9c-lanh-%C4%91%E1%BA%A1o-c%E1%BB%A7a-%C4%91%E1%BA%A3ng-c%E1%BA%A7m-quy%E1%BB%81n-t%E1%BA%A1i-m%E1%BB%99t-s%E1%BB%91-n%C6%B0%E1%BB%9Bc>, 2/7/2021.
32. Đinh Ngọc Giang (2015), “Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*. Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.103-112.
33. Đinh Ngọc Giang, Lê Thị Minh Hà (2017), *Quan hệ đảng cầm quyền - nhà nước ở một số nước và những giá trị tham chiếu đối với Việt Nam*, https://tcnn.vn/news/detail/36923/Quan_he_dang_cam_quyen_nha_nuoc_o_mot_so_nuoc_va_nhung_gia_tri_tham_chieu_doi_voi_Viet_Namall.html, 22/9/2021.
34. Nguyễn Văn Giang (2017), “Sự giống và khác nhau giữa nội dung, phương thức lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (9), tr.8-11.
35. Vũ Văn Hà, Đoàn Minh Huân (2020) (đồng chủ biên), *Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Trương Hồ Hải, Đặng Viết Đạt (2021), “Hoàn thiện cơ chế pháp lý phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (2), tr.114-120.
37. Nguyễn Thị Hạnh (2012), *"Một số vấn đề về Đảng cầm quyền và Đảng đối lập trong đời sống chính trị Hoa Kỳ"*, Nxb, khoa học xã hội, Hà Nội.

38. Vũ Văn Hiền (2014), “Về phương thức cầm quyền của Đảng”, *Tạp chí Lý luận và thực tiễn* (12(146)), tr.22-26.
39. Lưu Chấn Hoa (chủ biên) (2010), *Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
40. Châu Vị Hoa (Chủ biên) (2011), *Nghiên cứu vấn đề dân chủ hóa của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội
41. Lê Văn Hòe (2013), “Thể chế hóa vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* (10(242)), tr.3-7.
42. Hoàng Văn Hồ (Chủ biên) (2014) (Hải Anh, Như Châu, Thúy Hằng, Thanh Hương dịch), *Cầm quyền khoa học*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
43. Lưu Tôn Hồng (Chủ biên) (2005), *Nghiên cứu quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Hội đồng Lý luận Trung Ương (2020), *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên) (2011), *Đảng Cộng sản cầm quyền – nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. Nguyễn Văn Huyền (2014), “Thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (6), tr.22.
47. Nguyễn Văn Huyền (2015), “Phát huy dân chủ trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*. Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.833.
48. Nguyễn Văn Huyền (2020), *Đảng cầm quyền và đảng lãnh đạo; quan hệ giữa phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/dang-cam-quyen-va-dang-lanh-dao;-quan-he-giua-phuong-thuc-lanh-dao-va-phuong-thuc-cam-quyen-cua-dang-cong-san-viet-nam.html>, 1/2021.

49. Jay M. Shafrits (2002), *Từ điển về chính quyền và chính trị Hoa kỳ*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Vũ Như Khôi (Chủ biên)(2020), *90 năm Đảng Cộng sản Việt Nam – Những chặng đường lịch sử vẻ vang*, Nxb Công an Nhân dân.
51. Nhị Lê (2006), “Về sự cầm quyền của Đảng”, *Tạp chí Cộng Sản* (16), tr. 44-52.
52. Nhị Lê (2011), “Nâng cao vị thế và năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, (282), tr.11-19.
53. Nhị Lê (2015), “Ba kế sách tiếp tục đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng hiện nay”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*. Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.657.
54. Nhị Lê (2022), “Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong tổng thể công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị”, *Tạp chí Cộng sản* (5), tr.22-31.
55. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, T.1, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va.
56. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, T.4, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va
57. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, T.6, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va.
58. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, T.36, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va
59. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, T.40, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va.
60. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, T.41, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va.
61. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, T.43, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va.
62. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, T. 42, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va.
63. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, T. 43, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va.
64. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, T.4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
65. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, T6, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, T.36, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
67. Lê Văn Lý (Chủ biên) (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

68. C.Mác và Ph.Anghen (1981), *Tuyển tập*, T4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
69. C.Mác và Ph. Anghen (1995), *Toàn tập*, T.3, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. C.Mác và Ph. Anghen (1995), *Toàn tập*, T.4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
71. C.Mác và Ph. Anghen (1995), *Toàn tập*, T.5, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
72. C.Mác và Ph. Anghen (1995), *Toàn tập*, T.7, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. C.Mác và Ph. Anghen (1995), *Toàn tập*, T.18, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. C.Mác và Ph. Anghen (2002), *Toàn tập*, T.20, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
75. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.3, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội .
77. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.5, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.6, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.8, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.10, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.12, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.13, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.14, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.15, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
85. Đỗ Hoài Nam (Chủ biên) (2008), *Vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

86. Trương Ngọc Nam (2019), “Nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 6-2019, tr.22.
87. Đặng Thu Nga (1997), “Singapore – đất nước một Đảng lãnh đạo”, *Tạp chí Xây dựng Đảng* (7), tr 37-38.
88. Lê Hữu Nghĩa và các cộng sự (2013), *Xây dựng Đảng cầm quyền trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
89. Lê Hữu Nghĩa, Bùi Đình Bôn (Đồng chủ biên) (2013), *Thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng cầm quyền và Nhà nước trong việc thực thi quyền lực nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
90. Lê Hữu Nghĩa (2014), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện một Đảng cầm quyền”, *Tạp chí Lý luận và thực tiễn* (9(143)), tr.6-21.
91. Dương Xuân Ngọc (2020), *Đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền: quan niệm và quan hệ*, <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/dang-lanh-dao-dang-cam-quyen-quan-niem-va-quan-he.html>, 20/5/2021.
92. Nguyễn Trọng Phúc (Chủ biên) (2007), *Đổi mới ở Việt Nam thực tiễn và lý luận*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
93. Vũ Văn Phúc (2015), “Sự phát triển lý luận của Đảng ta về Đảng cầm quyền qua gần 30 năm đổi mới”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.407.
94. Phạm Ngọc Quang (2010), “Một Đảng duy nhất cầm quyền – sản phẩm tất yếu của thực tiễn chính trị - xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản* (813), tr. 45-49.
95. Phạm Ngọc Quang (2013), “Cơ sở đánh giá năng lực của Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền”, *Tạp chí Cộng sản* (854), tr.35-38.
96. Phạm Ngọc Quang (Chủ biên) (2008), *Đổi mới hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

97. Nguyễn Thị Quế, Mai Hoài Anh, Nguyễn Thị Minh Thảo (Đồng chủ biên) (2018), *Mô thức quan hệ giữa đảng cầm quyền và Nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới*, Nxb Lý luận chính trị.
98. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 2013*, điều 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 2013*, điều 16, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
100. Vũ Ngọc Quyên (2017), “Duy trì vị trí độc tôn của Đảng cầm quyền: Kinh nghiệm của Singapore và khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế* (10(473)), tr.14-21.
101. Nguyễn Huy Quý (2011), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, gợi mở đối với Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc* (8), tr.11-20.
102. Tô Huy Rứa (chủ biên) (2008), *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
103. Đỗ Tiến Sâm (2008), *Trung Quốc với việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN*, Nxb Khoa học xã hội.
104. Đặng Đình Tân, Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2012), *Thể chế Đảng cầm quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
105. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2017), *Xây dựng Đảng trong điều kiện hội nhập quốc tế: Thách thức, kinh nghiệm của ĐCS Việt Nam và ĐCS Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
106. Nguyễn Xuân Tế, Đặng Đình Thành (2003), “Vai trò các Đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với Nhà nước trong chủ nghĩa tư bản hiện đại (Qua khảo sát một số mô hình tiêu biểu)”, *Tạp chí Khoa học pháp lý* (1), tr.24-28
107. Nguyễn Văn Thạo, Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2018), *Một số vấn đề lý luận – thực tiễn cấp thiết liên quan trực tiếp đến đổi mới nội dung, phương*

thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

108. Mạch Quang Thắng (2011), “Một số vấn đề về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong điều kiện mới”, *Tạp chí Triết học* (10), tr.3-8.
109. Mạch Quang Thắng (2011), “Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (7), tr.4-10.
110. Nguyễn Xuân Thắng (2022), “Năm vững nguyên tắc, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới”, *Tạp chí Cộng sản* (5), tr.3-8.
111. Phạm Quốc Thành, Bùi Thành Nam, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Quỳnh Nga, Phí Thị Lan Phương (2020), “Ruling Mode of Communist Party of Vietnam in Theory and Practice”, *Chinese Political Science Review* (9) <https://doi.org/10.1007/s41111-020-00162-1>. ISSN 2365-4244, pp 488-512
112. Hồ Bá Thâm (2012), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền hiện nay – vấn đề đang đặt ra”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận* (3 (112)), tr. 7-12.
113. Nguyễn Việt Thông (2014), “Một số vấn đề về Đảng cầm quyền”, *Tạp chí Lý luận và thực tiễn* (12(146)), tr.27.
114. Cao Văn Thống (2015), “Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, góp phần nâng cao vị thế và vai trò cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.707.
115. Tô Quang Thu (2016), *Công tác kiểm tra, giám sát góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết trung ương 4 Khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng*, https://ubkttw.vn/nguyen-cuu-trao-doi-/asset_publisher/bHGXXiPdpXRC/content/cong-tac-kiem-tra-giam-sat-gop-phan-thuc-hien-thang-loi-nghi-quiet-trung-uong-4-khoa-xii-ve-tang-cuong-xay-dung-chinh-ong-ang, 22/5/2020.

116. Vũ Minh Thực (2015), “Chủ thuyết về Đảng cầm quyền”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.129.
117. Thoong-Xạ-Lít Măng-No-Mặc, *Xây dựng Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong sạch vững mạnh*, <http://tapchimattran.vn/thuc-tien/xay-dung-dang-nhan-dan-cach-mang-lao-trong-sach-vung-manh-35109.html>, 21/3/2020
118. Ngô Huy Tiếp (2015), “Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền hay lãnh đạo chính quyền”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.239.
119. Ngô Huy Tiếp (2017), “Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền và phương thức cầm quyền của Đảng hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (3), tr.9-14.
120. Lê Văn Toan (2013), “Sự đổi mới, hoàn thiện phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (12), tr 11-19.
121. Nguyễn Phú Trọng (2004), “Xây dựng Đảng cầm quyền, một số kinh nghiệm thực tiễn đổi mới ở Việt Nam”, *Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc về xây dựng Đảng cầm quyền*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.20-32.
122. Nguyễn Phú Trọng, Tô Huy Rứa, Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên) (2004), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
123. Cao Trung (2021) (Theo Reuters, Guardian), *Trung Quốc kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản*, <https://cand.com.vn/The-gioi-24h/Trung-Quoc-ky-niem-100-nam-thanh-lap-Dang-Cong-san-i618611>, 22/11/2021.
124. Trần Khắc Việt (2018), “Bàn về nội dung lãnh đạo và cầm quyền của ĐCSVN”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (9), tr.9-14.
125. Trần Khắc Việt, Bùi Văn Hải (2019), “ Tư tưởng của V.I.Lênin về nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (11), tr.14-21.

126. Trần Khắc Việt (2022), “Những vấn đề cơ bản về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (5), tr.8-21.
127. Trịnh Thị Xuyên (2008), *Kiểm soát quyền lực nhà nước, một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
128. Trịnh Thị Xuyên (2022), “Phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền trong chính thể một Đảng nổi trội – trường hợp Singapore và Nhật Bản”, *Tạp chí Cộng sản* (5), tr. 211-220.
129. Nguyễn Như Ý(1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nhà Xuất bản văn hóa – Thông tin, Hà Nội, tr.1352.
130. Dương Trung Ý (2015), “Một số nhận thức về Đảng Cộng sản cầm quyền”, *Nâng cao vị thế, vai trò, trách nhiệm cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay*, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Quảng Ninh, Hạ long, tr.199.

Tiếng Anh

131. Buchanan, Allen (2002), “Political Legitimacy and Democracy”, *Ethics* 112(4), pp. 689-719.
132. Dennis Kavanagh (2000), *British Politics – Continuities and Change*, Oxford University Press.
133. Jean-Marc Coicaud (2002), *Legitimacy and Politics - A Contribution to the Study of Political Right and Responsibility*, Cambridge University Press.
134. Seymour Martin Lipset (1983), *Political Man: The Social Bases of Politics*, (2nd ed), London Heinemann.
135. Peter, Fabienne (2008), *Democratic Legitimacy*, New York: Routledge.
136. Thayer, Carlyle A (2009), “Political Legitimacy of Vietnam’s One Party-State: Challenges and Responses”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, ((28) 4), pp 47-70.

Tiếng Trung Quốc

137. 郭道维 (1997), 论党在法治中的地位和作用》·《法治时代精神》·湖南出版社·317-334页. (Quách Đạo Duy (1997), *Về vị trí và chức năng của Đảng trong Nhà nước pháp quyền, Tinh thần pháp quyền*, NXB Hồ Nam, tr. 317-334).
138. 中国共产党 (2002), 《科学执政、民主执政、法治》, 中共十六大文件集, 出版社, 人民版, 北京, 第11页). (Đảng Cộng sản Trung Quốc (2002), "*Quản trị khoa học, quản trị dân chủ và pháp quyền*", Tuyển tập Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nxb Nhân dân ấn bản, Bắc Kinh, tr.11).
139. 王长江 (2002), 现代政党治理模式比较研究, 上海人民出版社, 207页. (Vương Trường Giang (2002), *Nghiên cứu so sánh các mô hình quản trị của Đảng chính trị hiện đại*, Nhà xuất bản Nhân dân Thượng Hải, tr 207).
140. 曲青山 (2020), 共产党执政规律研究, 人民出版社, 中国. (Qu Qingshan (2020), *Nghiên cứu các quy luật về sự quản trị của Đảng Cộng sản*, Nxb Nhân dân, Trung Quốc).
141. 程友忠 (2000), 苏联模式的兴衰, 湖北人民出版社, 213-214页. (Trình Hữu Trung (2000), *Sự thăng trầm của mô hình Xô Viết*, Nhà xuất bản Nhân dân Hồ Bắc, trang 213-214).

Tiếng Lào

142. ພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດລາວ(2016), ບົດລາຍງານການເມືອງຂອງກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຄັ້ງທີ X (ເດືອນມັງກອນ 2016), ສຳນັກພິມ ແລະ ພິມປື້ມແຫ່ງຊາດລາວ, ຫນ້າ. (Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2016), Báo cáo chính trị Đại hội X (01/2016), Nxb Phát hành sách Quốc gia Lào).
143. ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ (2015), ລັດຖະທຳມະນູນລາວ ມາດຕາ 3, ການຈັດພິມ ແລະ ພິມຈຳໜ່າຍປື້ມແຫ່ງຊາດລາວ. (Cộng hòa DCND Lào (2015), Hiến pháp, Điều 3, Nxb Phát hành sách Quốc gia Lào)